

QUYỂN 4

(Quyển Sáu Cơ-Sở Cảm-Nhận)

(SAḶĀYATANA-VAGGA)

VỀ BẢN DỊCH SN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ-Đề (*Bhikkhu Bodhi*, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên thâm, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh SN này có 05 *QUYÊN* lớn (Vagga); mỗi *QUYÊN* lớn được đặt tên theo tên của *CHƯƠNG đầu tiên* của nó (cũng là chương lớn nhất). Toàn bộ kinh có 56 *CHƯƠNG*. Mỗi chương là đồng nghĩa với một *LIÊN-KẾT* (tương ứng) theo một chủ-đề chính nào đó (ví dụ: liên-kết Nhân Duyên, liên-kết Ca-Diếp, liên-kết Gia Chủ Citta...). Trong nhiều chương lại có các *NHÓM kinh* (vagga, phẩm). Bản dịch Việt này đánh số *CHƯƠNG* trùng với số *LIÊN-KẾT* luôn.

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch, và cả những phần chú thích cuối sách, trong ngoặc vuông [...] là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú giải thuộc các giảng luận (như **Spk**, **Spk-Pt**...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu.

- Có những số hiệu và thông tin của các kinh được TKBĐ dẫn ra trong các chú thích để chỉ ra sự trùng lặp, so sánh, đối chiếu... là theo các số hiệu của PTS (như đã giải thích trong “*BẢNG VIẾT TẮT*” ở cuối sách). Người dịch Việt cũng cố gắng đưa ra những số hiệu kinh tương ứng trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ (như các bản dịch Việt) khi có thể.

- Cuối mỗi chú thích của bản dịch Việt có ghi một số trong ngoặc tròn, ví dụ: (8), (241) ... , đó là số của các chú thích trong phiên bản Pāli-Anh của TKBĐ. Mục đích để cho những người đọc muốn đối chiếu chúng với những chú thích tiếng Việt.

- Một số chữ Hán-Việt đã rất quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố-ý (hành), những hiện-

tượng (các pháp), nhận-thức (tướng), điều-kiện (duyên) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: *người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật*, một cách không mấy khó khăn. Mỗi ngày dành ít thời gian đọc một *liên-kết* (chương) dài hay vài *liên-kết* ngắn, thì trong số ít ngày quý vị sẽ đọc hết bộ kinh. Số kinh tóm-lược là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần nhìn lướt qua. Bản dịch Việt này ai cũng có thể đọc hiểu được. Đọc qua các kinh sẽ có một cách-nhìn bao quát hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, nhìn thấy những giáo lý đích thực của Phật để tu hành.

Do bộ kinh có nhiều liên-kết các chủ-đề khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ quyển nào hoặc trong một quyển đó có thể chọn những chủ-đề nào mình quan tâm để đọc trước. Ví dụ, nếu quý vị muốn đọc về các phẩm-chất để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu thì có thể đọc liên-kết ‘Nhập-lưu’, về Mục-kiền-liên thì đọc liên-kết ‘Mục-kiền-liên’ ...

+ Nên *đọc một bài kinh từ đầu đến cuối* để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú thích những chữ đó thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ đề của kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyển nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú thích này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào không hiểu thì nên đọc chú thích để hiểu. Nếu đã đọc và hiểu nghĩa các câu chữ thì không cần phải tra cứu chú thích, vì đa phần những chú thích chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

+ Là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm và kỹ càng nhất của Ngài Tỳ Kheo Bò-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn và cảm niệm công đức như thái dương của thầy.

Nhà Bè, Mùa mưa 2018 (PL 2562)

(hiệu đính và in 2020)

MỤC LỤC

Về Bản Dịch SN.....	v
Chương 35. Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN.....	1
PHẦN I. ‘NĂM MƯƠI KINH GỐC’	3
NHÓM 1. NHÓM ‘VÔ THƯỜNG’ (Anicca-vagga).....	3
1 (1) Bên-Trong là Vô Thường	3
2 (2) Bên-Trong là Khổ	4
3 (3) Bên-Trong là Vô Ngã.....	4
4 (1) Bên-Ngoài là Vô Thường	5
5 (2) Bên-Ngoài là Khổ.....	6
6 (3) Bên-Ngoài là Vô Ngã	6
7 (7) Bên-Trong là Vô Thường trong Ba Thời	7
8 (8) Bên-Trong là Khổ trong Ba Thời.....	7
9 (9) Bên-Trong là Vô Ngã trong Ba Thời	8
10 (10) — 12 (12) Bên-Ngoài là Vô Thường trong Ba Thời... 8	
NHÓM 2. NHÓM ‘CÁC CẶP’ (Yamaka-vagga).....	9
13 (1) Trước Khi Ta Giác Ngộ (1) (bên trong)	9
14 (2) Trước Khi Ta Giác Ngộ (2) (bên ngoài).....	10
15 (3) Đi Tìm Sự Thỏa-Thích... (1) (bên trong)	10
16 (4) Đi Tìm Sự Thỏa-Thích... (2) (bên ngoài)	11
17 (5) Nếu Không Có Sự Thỏa-Thích... (1) (bên trong)	11
18 (6) Nếu Không Có Sự Thỏa-Thích... (2) (bên ngoài).....	12
19 (7) Khoái Lạc (1) (bên trong).....	12

20	(8) <i>Khoái Lạc</i> (2) (bên ngoài)	13
21	(9) <i>Sự Khởi Sinh của Khổ...</i> (1) (bên trong)	13
22	(10) <i>Sự Khởi Sinh của Khổ...</i> (2) (bên ngoài).....	14
NHÓM 3. NHÓM ‘TẤT CẢ’ (<i>Sabba-vagga</i>)		15
23	(1) <i>Tất Cả</i>	15
24	(2) <i>Sự Dẹp Bỏ</i> (1)	15
25	(3) <i>Sự Dẹp Bỏ</i> (2)	16
26	(4) <i>Hoàn-Toàn Hiểu</i> (1)	17
27	(5) <i>Hoàn-Toàn Hiểu</i> (2)	18
28	(6) <i>Bốc Cháy</i> (Kinh Lửa)	19
29	(7) <i>Bị Đè Nặng</i>	20
30	(8) <i>Sự Tu Tập Phù Hợp Để Búng Bỏ</i>	21
31	(9) <i>Thích Hợp để Búng-Bỏ</i> (1).....	22
32	(10) <i>Thích Hợp để Búng-Bỏ</i> (2).....	23
NHÓM 4. NHÓM ‘PHẢI BỊ SINH’ (<i>Jātidhamma-vagga</i>)		25
33	(1) <i>Phải Bị Sinh</i>	25
34	(2) — 42 (10) <i>Phải Bị Già...</i>	25
NHÓM 5. NHÓM ‘TẤT CẢ VÔ THƯỜNG.’ (<i>Sabbaanicca-</i>		
<i>vagga</i>)		27
43	(1) — 52 (10) <i>Vô Thường</i>	27
PHẦN II. ‘NĂM MƯƠI KINH THỨ HAI’		29
NHÓM 1. NHÓM ‘VÔ-MINH’ (<i>Avijjā-vagga</i>)		29
53	(1) <i>Dẹp Bỏ Vô-Minh</i>	29
54	(2) <i>Dẹp Bỏ Những Gông-Cùm</i>	29
55	(3) <i>Búng Bỏ Những Gông-Cùm</i>	30

56	(4) — 59 (7) <i>Đẹp Bỏ Những Ô-Nhiễm...</i>	30
60	(8) <i>Hoàn-Toàn Hiểu Tất Cả Sự Dính-Chấp</i>	31
61	(9) <i>Sự Tiêu Sạch Tất Cả Sự Dính-Chấp (1)</i>	31
62	(10) <i>Sự Tiêu Sạch Tất Cả Sự Dính-Chấp (2)</i>	32
NHÓM 2. NHÓM 'MIGAJĀLA' (<i>Migajāla-vagga</i>)		33
63	(1) <i>Migajāla (1)</i>	33
64	(2) <i>Migajāla (2)</i>	34
65	(3) <i>Samiddhi (1)</i>	36
66	(4) <i>Samiddhi (2)</i>	37
67	(5) <i>Samiddhi (3)</i>	37
68	(6) <i>Samiddhi (4)</i>	37
69	(7) <i>Upasena</i>	38
70	(8) <i>Upavāṇa</i>	39
71	(9) <i>Sáu Cơ Sở Tiếp Xúc (1)</i>	41
72	(10) <i>Sáu Cơ Sở Tiếp Xúc (2)</i>	42
73	(11) <i>Sáu Cơ Sở Tiếp Xúc (3)</i>	43
NHÓM 3. NHÓM 'BỆNH' (<i>Gilāna-vagga</i>)		44
74	(1) <i>Bệnh (1)</i>	44
75	(2) <i>Bệnh (2)</i>	46
76	(3) <i>Rādha (1)</i>	47
77	(4) <i>Rādha (2)</i>	48
78	(5) <i>Rādha (2)</i>	48
79	(6) <i>Đẹp Bỏ Vô-Minh (1)</i>	48
80	(7) <i>Đẹp Bỏ Vô-Minh (2)</i>	49
81	(8) <i>Một Số Tỳ Kheo</i>	50

82	(9) <i>Thế Giới</i>	51
83	(10) <i>Phagguna</i>	51
NHÓM 4. NHÓM ‘CHANNA’ (<i>Channa-vagga</i>)		53
84	(1) <i>Phải Bị Tan Rã</i>	53
85	(2) <i>Thế Giới Là Trống Không</i>	53
86	(3) <i>Giáo Pháp Một Cách Ngắn Gọn</i>	54
87	(4) <i>Ngài Channa</i>	55
88	(5) <i>Ngài Punṇa</i>	59
89	(6) <i>Ngài Bāhiya</i>	62
90	(7) <i>Bị Quấy Động (1)</i>	63
91	(8) <i>Bị Quấy Động (2)</i>	64
92	(9) <i>Cặp Đôi (1)</i>	65
93	(10) <i>Cặp Đôi (2)</i>	66
NHÓM 5. NHÓM ‘SÁU THỨ’ (<i>Saḷa-vagga</i>)		68
94	(1) <i>Không Thuần Phục, Không Phòng Hộ</i>	68
95	(2) <i>Ngài Mālunḅyaputta</i>	70
96	(3) <i>Sự Sa Sút</i>	75
97	(4) <i>Sống Lơ Tâm</i>	77
98	(5) <i>Sự Kiểm Chế</i>	78
99	(6) <i>Sự Định-Tâm</i>	79
100	(7) <i>Sự Ẩn Dật</i>	80
101	(8) <i>Không Phải Của-Ta (1)</i>	80
102	(9) <i>Không Phải Của-Ta (2)</i>	81
103	(10) <i>Uddaka</i>	81
PHẦN III ‘NĂM MƯƠI KINH THỨ BA’		85

NHÓM 1. NHÓM ‘AN TOÀN KHỎI SỰ TRÓI BUỘC’**(Yogakkhemi-vagga) 85**

104	(1) <i>An Toàn Khỏi Sự Trói-Buộc</i>	85
105	(2) <i>Do Dính Chấp</i>	86
106	(3) <i>Nguồn Gốc Khổ</i>	87
107	(4) <i>Nguồn Gốc Thế Giới</i>	87
108	(5) <i>Ta Tốt Hơn, Ta Kém Hơn</i>	87
109	(6) <i>Những Thứ Gông Cùm</i>	88
110	(7) <i>Những Thứ Có Thể Bị Dính Chấp</i>	89
111	(8) <i>Hoàn-Toàn Hiểu (1)</i>	89
112	(9) <i>Hoàn-Toàn Hiểu (2)</i>	89
113	(10) <i>Lén Lắng Nghe</i>	90

NHÓM 2. NHÓM ‘THẾ GIỚI & NĂM DÂY DỤC-LẠC’**(Lokakāmaguṇa-vagga) 91**

114	(1) <i>Cạm Bẫy của Ma Vương (1)</i>	91
115	(2) <i>Cạm Bẫy của Ma Vương (2)</i>	92
116	(3) <i>Đi Tới Chỗ Chấm-Dứt Thế Giới</i>	93
117	(4) <i>Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan</i>	96
118	(5) <i>Câu Hỏi Của Vua Trời Đế-Thích</i>	98
119	(6) <i>Câu Hỏi của Pañcasikha</i>	99
120	(7) <i>Xá-Lợi-Phất</i>	100
121	(8) <i>Sự Khởi Xướng Cho Rāhula</i>	102
122	(9) <i>Những Thứ Gông Cùm</i>	104
123	(10) <i>Những Thứ Có Thể Bị Dính Chấp</i>	104

NHÓM 3. NHÓM ‘GIA CHỦ’ (Gahapati-vagga) 106

124	(1) Ở <i>Vesālī</i>	106
125	(2) Giữa Những Người <i>Vajjī</i>	106
126	(3) Ở <i>Nālandā</i>	106
127	(4) Ngài <i>Bhāradvāja</i>	107
128	(5) <i>Soṇa</i>	110
129	(6) Gia Chủ <i>Ghosita</i>	110
130	(7) Gia Chủ <i>Hāliddakāni</i>	111
131	(8) Gia Chủ <i>Nakulapitā</i>	112
132	(9) Gia Chủ <i>Lohicca</i>	113
133	(10) Gia Chủ <i>Verahaccāni</i>	117
NHÓM 4. NHÓM ‘DEVADAHA’ (<i>Devadaha-vagga</i>).....		120
134	(1) Ở <i>Devadaha</i>	120
135	(2) <i>Cơ Hội</i>	121
136	(3) Thích Thú Những Hình-Sắc ... (1)	122
137	(4) Thích Thú Những Hình-Sắc (2)	125
138	(5) Không Phải Cửa-Ta (1) (cò, cây, cành, lá).....	125
139	(6) Không Phải Cửa-Ta (2) (cò, cây, cành, lá).....	126
140	(7) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân (bên trong).....	126
141	(8) Khổ Là Có Nguyên Nhân (bên trong)	126
142	(9) Vô-Ngã Là Có Nguyên Nhân (bên trong)	127
143	(10) — 145 (12) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân... (bên trong) 127	
NHÓM 5. NHÓM ‘MỚI & CŨ’ (<i>Navapurāṇa-vagga</i>).....		129
146	(1) <i>Nghiệp</i>	129
147	(2) Thích Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn (1)	130

148	(3) — 149 (4) <i>Thích Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn... (2)-</i>	
	(3)	130
150	(5) <i>Thích Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn (4)</i>	131
151	(6) <i>Một Học Trò</i>	131
152	(7) <i>Mục Đích Của Đời Sống Thánh Thiện?</i>	132
153	(8) <i>Có Phương Pháp Nào?</i>	133
154	(9) <i>Được Trang Bị Các Căn</i>	135
155	(10) <i>Người Thuyết Pháp</i>	136
PHẦN IV. ‘NĂM MƯƠI KINH THỨ TƯ’		139
NHÓM 1. NHÓM ‘TIÊU DIỆT SỰ THÍCH-THÚ’		
(<i>Nadikkhaya-vagga</i>)		139
156	(1) <i>Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (1) (bên trong)</i>	139
157	(2) <i>Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (2) (bên ngoài)</i>	139
158	(3) <i>Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (3) (bên trong)</i>	140
159	(4) <i>Tiêu Diệt Sự thích-thú (4) (bên ngoài)</i>	140
160	(5) <i>Vườn Xoài của Jīvaka (1)</i>	140
161	(6) <i>Vườn Xoài của Jīvaka (2)</i>	141
162	(7) <i>Ngài Câu-hy-la (1)</i>	142
163	(8) <i>Ngài Câu-hy-la (2)</i>	142
164	(9) <i>Ngài Câu-hy-la (Koffhita) (3)</i>	143
165	(10) <i>Đẹp Bỏ Cách Nhìn Sai-Lạc (tà kiến)</i>	143
166	(11) <i>Đẹp Bỏ Cách Nhìn Danh-Tính (thân kiến)</i>	143
167	(12) <i>Đẹp Bỏ Cách Nhìn Cái-Ta (ngã kiến)</i>	144
NHÓM 2. NHÓM ‘SÁU MƯƠI KINH LẶP LẠI & TÓM		
LƯỢC’ (<i>Satthi-Peyyāla-vagga</i>)		145
168	(1) <i>Tham Muốn đối với thứ Vô-Thường (bên trong)</i>	145

169	(2) <i>Nhục Dục đối với thứ Vô-Thường</i> (bên trong)	145
170	(3) <i>Tham Muốn & Nhục Dục đối với thứ Vô-Thường</i> (bên trong) 145	
171	(4) — 173 (6) <i>Tham Muốn... đối với thứ Khổ ...</i> (bên trong) 146	
174	(7) — 176 (9) <i>Tham Muốn... đối với thứ Vô-Ngã</i> (bên trong) 146	
177	(10) — 179 (12) <i>Tham Muốn... đối với thứ Vô-Thường...</i> (bên ngoài).....	146
180	(13) — 182 (15) <i>Tham Muốn... đối với thứ Khổ...</i> (bên ngoài) 147	
183	(16) — 185 (18) <i>Tham Muốn đối với thứ Vô-Ngã...</i> (bên ngoài) 147	
186	(19) <i>Quá Khứ là Vô-Thường</i> (bên trong)	147
187	(20) <i>Tương Lai là Vô-Thường</i> (bên trong)	148
188	(21) <i>Hiện Tại là Vô-Thường</i> (bên trong)	148
189	(22) — 191 (24) <i>Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là Khổ</i> (bên trong)	148
192	(25) — 194 (27) <i>Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là Vô-Ngã</i> (bên trong)	149
195	(28) — 197 (30) <i>Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là Vô-Thường</i> (bên ngoài)	149
198	(31) — 200 (33) <i>Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là Khổ</i> (bên ngoài).....	149
199	(34) — 203 (38) <i>Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là Vô-Ngã</i> (bên ngoài).....	150
204	(39) <i>Thứ Vô-Thường thuộc Quá Khứ</i> (bên trong)	150
205	(40) <i>Thứ Vô-Thường thuộc Tương Lai</i> (bên trong).....	151

206	(41) <i>Thứ Vô-Thường thuộc Hiện Tại</i> (bên trong).....	151
207	(42) — 209 (44) <i>Thứ Khổ thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại</i> (bên trong)	151
210	(45) — 212 (47) <i>Thứ Vô-Ngã thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại</i> (bên trong)	152
213	(48) — 215 (50) <i>Thứ Vô-Thường thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại</i> (bên ngoài).....	152
216	(51) — 218 (53) <i>Thứ Khổ thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại</i> (bên ngoài).....	153
219	(54) — 221 (56) <i>Thứ Vô-Ngã thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại</i> (bên ngoài).....	153
222	(57) <i>Các Cơ-Sở [Giác-Quan] là Vô-Thường</i> (bên trong)	153
223	(58) <i>Các Cơ-Sở là Khổ</i> (bên trong).....	154
224	(59) <i>Các Cơ-Sở là Vô-Ngã</i> (bên trong).....	154
225	(60) <i>Các Cơ-Sở [Đối-Tượng Giác Quan] là Vô-Thường</i> (bên ngoài).....	154
226	(61) <i>Các Cơ-Sở là Khổ</i> (bên ngoài)	155
227	(62) <i>Các Cơ-Sở là Vô Ngã</i> (bên ngoài)	155
NHÓM 3. NHÓM ‘ĐẠI DƯƠNG’ (<i>Samudda-vagga</i>)		156
228	(1) <i>Đại Dương (1)</i>	156
229	(2) <i>Đại Dương (2)</i>	157
230	(3) <i>Ví Dụ Ngư Dân</i>	158
231	(4) <i>Cây Có Mủ</i>	159
232	(5) <i>Ngài Câu-hy-la</i>	161
233	(6) <i>Ngài Kāmabhū</i>	164
234	(7) <i>Ngài Udāyī</i>	165
235	(8) <i>Bài Giảng về sự Bốc Cháy</i>	166

236	(9) Ví Dụ Bàn Tay và Bàn Chân... (1).....	169
237	(10) Ví Dụ Bàn Tay và Bàn Chân... (2).....	170
NHÓM 4. NHÓM ‘RẮN ĐỘC’ (<i>Āsīvisa-vagga</i>)		172
238	(1) Ví Dụ Rắn Độc	172
239	(2) Ví Dụ Người Lái Xe Ngựa.....	175
240	(3) Ví Dụ Con Rùa	177
241	(4) Ví Dụ Thân Cây Lớn (1).....	179
242	(5) Ví Dụ Thân Cây Lớn (2).....	181
243	(6) Bài Giảng Về Sự Suy Đồi	182
244	(7) Những Trạng Thái Kéo Theo Khổ Đau.....	188
245	(8) Cây Kimsuka.....	192
246	(9) Ví Dụ Đền Tỳ Bà.....	195
247	(10) Ví Dụ Sáu Con Vật.....	198
248	(11) Bó Lúa	201
Chương 36. Liên Kết CẢM-GIÁC		207
NHÓM 1. NHÓM ‘CÓ THI KỆ’ (<i>Sagāthā-vagga</i>).....		209
1	(1) Định Tâm.....	209
2	(2) Sướng.....	209
3	(3) Đẹp Bỏ	210
4	(4) Vực Sâu Không Đáy.....	211
5	(5) Nên Được Nhìn Thấy.....	212
6	(6) Mũi Tên	213
7	(7) Khu Người Bệnh (1)	217
8	(8) Khu Người Bệnh (2)	220
9	(9) Vô Thường.....	222

10	(10) <i>Từ Sự Tiếp-Xúc</i>	222
NHÓM 2. NHÓM ‘MỘT MÌNH’ (<i>Rahogata-vagga</i>).....		224
11	(1) <i>Một Mình</i>	224
12	(2) <i>Trong Bầu Trời (1)</i>	226
13	(3) <i>Trong Bầu Trời (2)</i>	227
14	(4) <i>Nhà Khách</i>	227
15	(5) <i>Với Ānanda (1)</i>	227
16	(6) <i>Với Ānanda (2)</i>	228
17	(7) — 18 (8) <i>Một Số Tỳ kheo</i>	229
19	(9) <i>Pañcakaṅga</i>	229
20	(10) <i>Các Tỳ kheo</i>	234
NHÓM 3. NHÓM ‘CHỦ ĐỀ MỘT TRĂM LẺ TÁM’		
(<i>Atthasatapariyāya-vagga</i>)		236
21	(1) <i>Sīvaka</i>	236
22	(2) <i>Chủ Đề ‘Một Trăm Lẻ Tám’</i>	237
23	(3) <i>Một Tỳ kheo</i>	239
24	(4) <i>Trước Khi...</i>	239
25	(5) <i>Sự Hiểu Biết</i>	240
26	(6) <i>Một Số Tỳ Kheo</i>	240
27	(7) <i>Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (1)</i>	241
28	(8) <i>Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (2)</i>	241
29	(9) <i>Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (3)</i>	242
30	(10) <i>Bản Kinh Ngăn Gọn</i> (đơn giản)	242
31	(11) <i>Thuộc Tâm Linh</i>	242
Chương 37. Liên Kết PHỤ NỮ		247

NHÓM 1. NHÓM ‘KINH TÓM LƯỢC THỨ NHẤT’**(Paṭhama-Peyyāla-vagga)..... 249**

1	(1) <i>Dễ Ua và Khó Ua (1)</i>	249
2	(2) <i>Dễ Ua và Khó Ua (2)</i>	249
3	(3) <i>Riêng Biệt</i>	249
4	(4) <i>Ba Phẩm Chất</i>	250
5	(5) <i>Tức Giận</i>	251
6	(6) — 13 (13) <i>Hiểm Độc</i>	251
14	(14) <i>Năm Mối Họa</i>	252

NHÓM 2. NHÓM ‘KINH TÓM LƯỢC THỨ HAI’ (Dutiya**Peyyāla-vagga) 253**

15	(1) <i>Không Tức Giận</i>	253
16	(2) — 23 (9) <i>Không Hiểm Độc</i>	253
24	(10) <i>Năm Giới Hạnh</i>	254

NHÓM 3. NHÓM ‘NHỮNG SỨC MẠNH’ (Bala-vagga).. 255

25	(1) <i>Tự Tin</i>	255
26	(2) <i>Thắng Thế Hơn</i>	255
27	(3) <i>Dưới Sự Kiểm Soát</i>	255
28	(4) <i>Một</i>	255
29	(5) <i>Về Mặt Đó</i>	256
30	(6) <i>Họ Đuổi Đi</i>	257
31	(7) <i>Nguyên Nhân</i>	258
32	(8) <i>Những Hoàn Cảnh</i>	259
33	(9) <i>Tự Tin</i>	260
34	(10) <i>Tăng Trưởng</i>	260

Chương 38. Liên Kết JAMBUKHĀDAKASA 263

1	<i>Câu Hỏi về Niết-Bàn.....</i>	265
2	<i>Thánh Quả A-la-hán</i>	266
3	<i>Những Người Theo Giáo Pháp.....</i>	266
4	<i>Vì Mục Đích Gì?</i>	267
5	<i>Sự Yên Ủi</i>	268
6	<i>Sự Yên Ủi Tối Thượng</i>	268
7	<i>Cảm Giác</i>	269
8	<i>Những Ô-Nhiễm</i>	269
9	<i>Vô Minh.....</i>	270
10	<i>Dục Vọng.....</i>	270
11	<i>Dòng Lũ.....</i>	271
12	<i>Sự Dính Chấp</i>	271
13	<i>Sự Hiện Hữu</i>	272
14	<i>Khổ.....</i>	272
15	<i>Danh Tính</i>	273
16	<i>Khó Làm</i>	274

Chương 39. Liên Kết SĀMAṆḌAKA 275

1	<i>— 16 Câu Hỏi về Niết-Bàn... ..</i>	277
---	---------------------------------------	-----

Chương 40. Liên Kết MỤC-KIÊN-LIÊN 279

1	<i>Tầng Thiên Định Thứ Nhất</i>	281
2	<i>Tầng Thiên Định Thứ Hai</i>	282
3	<i>Tầng Thiên Định Thứ Ba.....</i>	283
4	<i>Tầng Thiên Định Thứ Tư</i>	284
5	<i>Cảnh Xứ Vô Biên của Không Gian</i>	285

6	<i>Cảnh Xứ Vô Biên của Thức</i>	286
7	<i>Cảnh Xứ Không Có Gì</i>	287
8	<i>Cảnh Xứ Không Nhận Thức Cũng Không Phải Không Còn Nhận Thức</i>	289
9	<i>Vô Dấu Hiệu</i>	290
10	<i>Vua Trời Đế-Thích [Sakka]</i>	291
11	<i>Candana...</i>	296
Chương 41. Liên Kết CITTA		299
1	<i>Gông Cùm</i>	301
2	<i>Ngài Isidatta (1)</i>	302
3	<i>Ngài Isidatta (2)</i>	304
4	<i>Thần Thông của Ngài Mahaka</i>	307
5	<i>Ngài Kāmabhū (1)</i>	309
6	<i>Ngài Kāmabhū (2)</i>	311
7	<i>Ngài Godatta</i>	315
8	<i>Nigaṇṭha Nātaputta (Ni-kiền-tử)</i>	318
9	<i>Tu Sĩ Lỏa Thể Tên Ca-Diếp</i>	320
10	<i>Thăm Người Bệnh</i>	322
Chương 42. Liên Kết TRƯỜNG THÔN		325
1	<i>Trường Thôn Caṇḍa</i>	327
2	<i>Trường Đoàn Talaputa</i>	328
3	<i>Trường Đoàn Yodhājīva</i>	330
4	<i>Trường Đoàn Hatthāroha</i>	331
5	<i>Trường Đoàn Assāroha</i>	332
6	<i>Trường Thôn Asibandhakaputta</i>	332

7	<i>Ví Dụ Miếng Ruộng</i>	335
8	<i>Người Thối Kèn Võ Ốc</i>	338
9	<i>Những Gia Đình</i>	342
10	<i>Trưởng Đoàn Mañicūḷaka</i>	345
11	<i>Trưởng Thôn Bhadraka</i>	346
12	<i>Trưởng Thôn Rāsiya</i>	349
13	<i>Trưởng Thôn Pāṭaliya</i>	358
Chương 43. Liên Kết VÔ VI		371
NHÓM 1. NHÓM ‘THỨ NHẤT’ (Paṭhama-vagga)		373
1	<i>(1) Sự Chánh-Niệm hướng vào Thân</i>	373
2	<i>(2) Thiền Định và Thiền Quán</i>	373
3	<i>(3) Ý Nghĩ và Sự Soi Xét</i>	374
4	<i>(4) Sự Định-Tâm Trống Không</i>	374
5	<i>(5) Những Nền Tảng Chánh Niệm</i>	374
6	<i>(6) Những Sự Phấn Đấu Đúng Đắn</i>	375
7	<i>(7) Những Cơ Sở Năng Lực Tâm Linh</i>	375
8	<i>(8) Những Căn Tâm Linh</i>	375
9	<i>(9) Những Năng Lực</i>	375
10	<i>(10) Những Yếu Tố Giác Ngộ</i>	376
11	<i>(11) Con Đường Tám Phần</i>	376
NHÓM 2. NHÓM ‘THỨ HAI’ (Paṭhama-vagga)		378
12	<i>(1) Sự Vô-Vi</i>	378
13	<i>(2) Sự Không Còn Ngã-Hướng</i>	384
14	<i>(3) — 43 (32) Sự Không Còn Ô-Nhiễm</i>	384
44	<i>(33) Đích Đến</i>	385

Chương 44. Liên Kết KHÔNG ĐƯỢC TUYÊN BỐ..... 387

1	<i>Khemā</i>	389
2	<i>A-nậu-lâu-đà</i>	393
3	<i>Xá-lợi-phất và Câu-hy-la (1)</i>	393
4	<i>Xá-lợi-phất và Câu-hy-la (2)</i>	395
5	<i>Xá-lợi-phất và Câu-hy-la (3)</i>	396
6	<i>Xá-Lợi-Phất và Câu-hy-la (4)</i>	397
7	<i>Mục-kiền-liên</i>	400
8	<i>Vacchagotta</i>	404
9	<i>Hội Trường Tranh Luận</i>	406
10	<i>Ānanda [Có cái ‘Ta’ hay không?]</i>	408
11	<i>Sabhiya Kaccāna</i>	409
	BẢNG VIẾT TẮT	413
	CHÚ THÍCH	419

*Kính lễ Đức Thế Tôn,
A-la-hán, bậc Toàn Giác!*

Chương 35

Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN

(35 Saḷāyatana-saṃyutta)

(35 Tương ưng Sáu Xứ)

PHẦN I

‘NĂM MƯỜI KINH GỐC’

NHÓM 1

NHÓM ‘VÔ THƯỜNG’

(*Anicca-vagga*)

1 (1) Bên-Trong là Vô Thường¹

Tôi nghe như vậy.² Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô thường.³ Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’”.

“Tai là vô thường ... Mũi là vô thường ... Lưỡi là vô thường ... Thân là vô thường ... Tâm là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’”.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, sự ghê-sợ đối với tai, sự ghê-sợ đối với lưỡi, sự ghê-sợ đối với thân, sự ghê-sợ đối với

tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 35:01)

2 (2) *Bên-Trong là Khô*

“Này các Tỳ kheo, mắt là khô. Thứ gì khô là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’”.

“Tai là khô ... Mũi là khô ... Lưỡi là khô ... Thân là khô ... Tâm là khô. Thứ gì khô là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’”.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 35:02)

3 (3) *Bên-Trong là Vô Ngã*

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’”.

“Tai là vô ngã ... Mũi là vô ngã ... Lưỡi là vô ngã ... Thân là vô ngã ... Tâm là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó

thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:03)

4(I) Bên-Ngoài là Vô Thường

“Này các Tỳ kheo, những hình-sắc (vật, cảnh, đối tượng...) là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Những âm-thanh ... Những mùi-vị ... Những đối-tượng chạm xúc ... Những hiện-tượng thuộc/của tâm là vô thường.⁴ Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với những hình-sắc, sự ghê-sợ đối với những âm-thanh, sự ghê-sợ đối với những mùi-hương, sự ghê-sợ đối với những mùi-vị, sự ghê-sợ đối với những đối-tượng chạm xúc, sự ghê-sợ đối với những hiện-tượng thuộc tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:04)

5 (2) Bên-Ngoài là Khô

“Này các Tỳ kheo, những hình-sắc là khô. Thứ gì khô là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’”.

“Những âm-thanh là khô ... Những mùi-hương là khô ... Những mùi-vị là khô ... Những những đối-tượng chạm xúc là khô ... Những hiện-tượng thuộc tâm là khô. Thứ gì khô là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’”.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:05)

6 (3) Bên-Ngoài là Vô Ngã

“Này các Tỳ kheo, những hình-sắc là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’”.

“Những âm-thanh là vô ngã ... Những mùi-vị là vô ngã ... Những đối-tượng chạm-xúc là vô ngã ... Những hiện-tượng thuộc tâm là vô ngã ... Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’”.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:06)

7 (7) Bên-Trong là Vô Thường trong Ba Thời

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô thường, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan (vô tư, không tác ý) đối với mắt của quá khứ; người đó không tìm kiếm khoái-lạc trong mắt của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với mắt của hiện tại, dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

“Mũi là vô thường ... Lưỡi là vô thường ... Thân là vô thường ... Tâm là vô thường, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan đối với tâm của quá khứ; người đó không tìm kiếm khoái-lạc trong tâm của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với tâm của hiện tại, dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 35:07)

8 (8) Bên-Trong là Khổ trong Ba Thời

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, mắt là khổ, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại....

“Mũi là khổ ... Tâm là khổ, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 35:08)

9 (9) Bên-Trong là Vô Ngã trong Ba Thời

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô ngã, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại....

“Mũi là vô ngã ... Tâm là vô ngã, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 35:09)

10 (10) – 12 (12) Bên-Ngoài là Vô Thường trong Ba Thời...

[03 bài kinh này giống hết kinh 7–9 ở trên, chỉ thay bằng các “cơ-sở cảm-nhận bên ngoài”, tức các đối-tượng giác quan.]

(SN 35:10–12)

NHÓM 2

NHÓM ‘CÁC CẶP’

(*Yamaka-vagga*)

13 (1) Trước Khi Ta Giác Ngộ (1) (*bên trong*)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác ngộ [trước khi sự giác ngộ của ta], khi ta còn là một bò-tát, chưa giác ngộ hoàn toàn, điều này (ý nghĩ) đã xảy đến với ta: ‘Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] mắt? Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi đối với tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm?’

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Sự khoái-lạc và vui-thích khởi sinh tùy thuộc vào (theo) mắt: đây chính là sự thỏa-thích trong mắt. Mà mắt là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong mắt. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với mắt: đây chính là sự thoát-khỏi mắt.

“‘Sự khoái-lạc và vui-thích khởi sinh tùy thuộc vào tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm: đây chính là sự thỏa-thích trong tai... tâm. Mà tai ... tâm là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong tai ... tâm. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với tai ... tâm: đây chính là sự thoát-khỏi tai ... tâm.’

“Chùng nào, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] *sáu giác-quan* này, đúng như chứng thực là, thì ta vẫn chưa tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã

trực-tiếp biết tất cả những điều đó, đúng như chúng thực là, thì ta tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần ... các thiên thần và loài người.⁵

“Trí-biết và tầm-nhìn đã khởi sinh trong ta như vậy: “Sự giải thoát của tâm’ của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn tái hiện-hữu nữa.”

(SN 35:13)

14 (2) Trước Khi Ta Giác Ngộ (2) (bên ngoài)

[*Kinh kể trên nói về “06 giác-quan” (mắt, tai...). Kinh này giống hệt, chỉ thay bằng “06 đối-tượng giác quan” (những hình-sắc, những âm-thanh...).*]

(SN 35:14)

15 (3) Đi Tìm Sự Thỏa-Thích... (1) (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong mắt. Mọi sự thỏa-thích trong mắt— ta đã tìm ra. Bằng trí tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thỏa-thích trong mắt với xa tới mức nào.

“Ta đã quyết tâm đi tìm sự nguy-hại trong mắt. Mọi sự nguy-hại trong mắt— ta đã tìm ra. Bằng trí tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự nguy-hại trong mắt với xa tới mức nào.

“Ta đã quyết tâm đi tìm sự thoát-khỏi mắt. Mọi sự giải thoát khỏi mắt— ta đã tìm ra. Bằng trí tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thoát-khỏi mắt với xa tới mức nào.”

“Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong ... sự nguy-hại trong ... sự thoát-khỏi tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm. Mọi sự giải thoát khỏi tâm— ta đã tìm ra. Bằng trí tuệ, ta đã rõ ràng

nhìn thấy sự thoát-khỏi tai ... tâm với xa tới mức nào.

“Chùng nào, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] *sáu giác-quan* này, thì ta vẫn chưa tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả những điều này, đúng như chúng thực là, ta tuyên bố mình đã thức tỉnh tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần ... các thiên thần và loài người.

“Trí-biết và tâm-nhìn đã khởi sinh trong ta như vậy: “Sự giải thoát của-tâm’ của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn tái hiện-hữu nữa.”

(SN 35:15)

16 (4) Đi Tìm Sự Thỏa-Thích... (2) (bên ngoài)

[Giống hệt kinh kể trên, chỉ lần lượt thay bằng “sáu đối-tượng giác quan”.]

(SN 35:16)

17 (5) Nếu Không Có Sự Thỏa-Thích... (1) (bên trong)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong mắt, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong mắt, nên chúng sinh bị say-mê với nó. Nếu mà không có sự nguy-hại trong mắt, thì chúng sinh sẽ không ghê-sợ với nó; nhưng vì có sự nguy-hại trong mắt, nên chúng sinh ghê-sợ với nó. Nếu không có sự thoát-

khỏi mắt, thì chúng sinh sẽ không thoát-khỏi nó; nhưng vì có sự thoát-khỏi nó, nên chúng sinh (có thể) thoát-khỏi nó.

“Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong tai ... tâm, nên chúng sinh bị say-mê với nó ... nhưng vì có sự thoát-khỏi tai ... tâm, nên chúng sinh (có thể) thoát-khỏi nó.

“Chùng nào, này các Tỳ kheo, chúng sinh chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] *sáu giác-quan*, đúng như chúng thực là, thì họ chưa được giải-thoát khỏi thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, khỏi thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và loài người; họ chưa thoát-ly được khỏi nó, chưa giải-thoát khỏi nó, và họ cũng chưa được sống với một cái tâm không còn những rào-cản. Nhưng khi họ đã trực-tiếp biết tất cả những điều này, đúng như nó thực là, thì họ được giải-thoát khỏi thế giới này ... có các thiên thần và loài người; họ được thoát-ly khỏi nó, giải-thoát khỏi nó, và họ cũng được sống với một cái tâm không còn những rào-cản.” (những rào-cản là những ô-nhiễm và vòng luân-hồi)⁶

(SN 35:17)

18 (6) Nếu Không Có Sự Thỏa-Thích... (2) (bên ngoài)

[Giống hệ kinh kể trên, chỉ lần lượt thay bằng “sáu đối-tượng giác quan”.]

(SN 35:18)

19 (7) Khoái Lạc (1) (bên trong)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ai tìm kiếm khoái-lạc trong mắt là tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau thì (người đó) không thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm là tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau thì không thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy.

“Ai không tìm kiếm khoái-lạc trong mắt trong tâm là không tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai không tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau thì thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy.”

(SN 35:19)

20 (8) Khoái Lạc (2) (bên ngoài)

[Giống hết kinh kể trên, chỉ lần lượt thay bằng “sáu đối-tượng giác quan”.]

(SN 35:20)

21 (9) Sự Khởi Sinh của Khổ... (1) (bên trong)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của mắt là sự khởi sinh của sự khổ, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. Sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm là sự khởi sinh của sự khổ, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chám dứt, sự lắng lặn, và sự phai biến của mắt ... của tâm là sự chám dứt của khổ, sự lắng lặn của căn bệnh, sự phai biến của sự già-chết.”

(SN 35:21)

22 (10) Sự Khởi Sinh của Khổ... (2) (bên ngoài)

[Giống hệt kinh kể trên, chỉ lần lượt thay bằng “sáu đối-tượng giác quan”.]

(SN 35:22)

NHÓM 3

NHÓM ‘TẤT CẢ’

(*Sabba-vagga*)

23 (1) Tất Cả

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về tất-cả. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả? Mắt và những hình-sắc, tai và những âm-thanh, mũi và những mùi-hương, lưỡi và những mùi-vị, thân và những đối-tượng chạm xúc, tâm và những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là tất-cả.⁷

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói rằng: ‘Sau khi dẹp bỏ tất-cả này, tôi sẽ (có thể) chỉ ra (cho thấy, cho biết, mô tả) một tất-cả khác’— thì điều đó chỉ là lời sáo rỗng của người đó mà thôi.⁸ Nếu người đó được hỏi thì người đó không thể trả lời, và thêm nữa, người đó sẽ gặp phải sự phiền bức. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, điều đó không nằm trong trú-xứ (lãnh vực, lãnh địa, phạm vi) của người đó.” (tức: nếu ra ngoài lãnh vực của mình thì sẽ bị phiền bức, khổ não)⁹

(SN 35:23)

24 (2) Sự Dẹp Bỏ (1)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp để (dẫn tới sự) dẹp bỏ tất-cả. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để dẹp bỏ tất-cả? Mắt sẽ được dẹp bỏ, những hình-sắc sẽ được dẹp bỏ, thức-mắt sẽ được dẹp bỏ, sự tiếp-xúc mắt sẽ được dẹp bỏ, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do

có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù là sừng, hay khô, hay trung tính [không dễ chịu không khổ đau]—cũng đều được dẹp bỏ.

“Tai sẽ được dẹp bỏ ... Tâm sẽ được dẹp bỏ, những hiện-tượng thuộc tâm, thức-tâm sẽ được dẹp bỏ, sự tiếp-xúc tâm sẽ được dẹp bỏ, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều kiện—dù là sừng, hay khô, hay trung tính—cũng đều được dẹp bỏ.

“Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp để dẹp bỏ tất-cả.”

(SN 35:24)

25 (3) Sự Dẹp Bỏ (2)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp để (dẫn tới sự) dẹp bỏ tất-cả thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu.¹⁰ Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để dẹp bỏ tất-cả thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu? Mắt sẽ được dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu, những hình-sắc sẽ được dẹp bỏ như vậy, thức-mắt sẽ được dẹp bỏ như vậy, sự tiếp-xúc mắt sẽ được dẹp bỏ như vậy, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù là sừng hay khô hay trung tính—cũng được dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu.

“Tai sẽ được dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu ... Tâm sẽ được dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu, những hiện-tượng thuộc tâm sẽ được dẹp bỏ như vậy, thức-tâm sẽ được dẹp bỏ như vậy, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều kiện—dù là sừng hay khô hay trung tính—cũng được dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu.

“Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp để dẹp bỏ tất-cả thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu.”

(SN 35:25)

26 (4) Hoàn-Toàn Hiểu (1)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết (liễu tri) và hoàn-toàn hiểu (thắng tri) tất-cả (12 cơ-sở cảm-nhận bên trong và bên ngoài, tức: sáu giác-quan và sáu đối-tượng giác quan), không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt khổ đau.¹¹

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cái tất-cả mà nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt khổ đau?

“(đó là) Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu mắt, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt khổ đau. Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu những hình-sắc ... sự tiếp-xúc mắt ... thức-mắt ... và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên) ... nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt khổ đau.

“Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tai ... tâm và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều kiện ... nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt khổ đau.

“Này các Tỳ kheo, đây chính là cái tất-cả mà nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó ... thì người ta không thể nào tiêu diệt khổ đau.

(2) “Này các Tỳ kheo, bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tất-cả, bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, người tu mới có thể tiêu diệt khổ đau.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cái tất-cả mà bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó, bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu có thể tiêu diệt khổ đau?”

“(đó là) Bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu mắt ... tâm mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt ... tâm là điều kiện ... bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu có thể tiêu diệt khổ đau.

“Này các Tỳ kheo, đây chính là tất-cả mà bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó ... thì người tu có thể tiêu diệt khổ đau.”

(SN 35:26)

27 (5) Hoàn-Toàn Hiểu (2)

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tất-cả, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt khổ đau.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả...?”

“Mắt và những hình-sắc và thức-mắt và những thứ được nhận biết bởi thức-mắt.¹² Tai và những âm-thanh và những thứ được nhận biết bởi thức-tai ... Tâm và những hiện-tượng thuộc tâm và những thứ được nhận biết bởi thức-tâm.

“Này các Tỳ kheo, đây chính là tất-cả mà nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt khổ đau.

(2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tất-cả, bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu có thể tiêu diệt khổ đau.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả ...?”

“ [Liệt kê như đoạn 1- kể trên]

“Này các Tỳ kheo, đây chính là tất-cả mà bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó ... thì người tu có thể tiêu diệt khổ đau.”

(SN 35:27)

28 (6) *Bốc Cháy* (Kinh Lửa)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Gayā, tại chỗ Đâu của Gayā [Gayāsiisa], cùng với một ngàn Tỳ kheo. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:¹³

“Này các Tỳ kheo, tất cả đều đang bốc cháy. Và, này các Tỳ kheo tất cả những thứ đang bốc cháy là gì? Mắt đang bốc cháy, những hình-sắc đang bốc cháy, sự tiếp-xúc mắt đang bốc cháy, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù là cảm-giác sướng hay khổ hay trung tính [không dễ chịu không khổ đau]—cũng đang bốc cháy. Đang bốc cháy bằng cái gì? Đang bốc cháy bằng lửa tham, bằng lửa sân, bằng lửa si; đang bốc cháy bằng sự sinh, già, và chết; bằng sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói như vậy.

“Tai đang bốc cháy ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm đang bốc cháy ... và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều kiện (duyên)—dù là cảm-giác sướng hay khổ hoặc trung tính—cũng đang bốc cháy. Đang bốc cháy bằng cái gì? Đang bốc cháy bằng lửa tham, bằng lửa sân, bằng lửa si; đang bốc cháy bằng sự sinh, già, và chết; bằng sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói như vậy.

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trở nên ghê-sợ đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với sự tiếp-xúc mắt, đối với mọi thứ cảm-giác

khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện—dù là cảm-giác sừng hay khỏ hay trung tính; trở nên ghê-sợ đối với tai ... đối với mũi ... đối với lưỡi ... đối với thân ... đối với tâm ... đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều kiện.... Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ nên [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hân hoan và vui mừng với những lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Và trong khi bài kinh này đang được nói ra, tâm của một ngàn Tỳ kheo đó đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp.

(SN 35:28)

29 (7) Bị Đè Nặng

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, tất-cả bị đè nặng. Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả đó bị đè nặng? (đó là) Mắt bị đè nặng, những hình-sắc bị đè nặng, thức-mắt bị đè nặng, sự tiếp-xúc mắt bị đè nặng, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù là sừng hay khỏ hay trung tính—cũng bị đè nặng. Bị đè nặng bởi cái gì? Bị đè nặng bởi sự sinh, già, và chết; bởi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói vậy.

“Tai bị đè nặng ... Tâm bị đè nặng ... Bị đè nặng bởi cái gì? Bị

đề nặng bởi sự sinh, già, và chết ... và tuyệt vọng, ta nói vậy.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:29)

30 (8) Sự Tu Tập Phù Hợp Để Búng Bỏ

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường lối (cách thức, phương pháp) phù hợp (đúng đắn, thích đáng) để búng bỏ tất cả mọi sự nhìn-nhận (sự nhận lầm, vọng tưởng, quan niệm này nọ). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường lối phù hợp để búng bỏ tất cả sự nhìn-nhận?¹⁴ Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo không nhìn nhận mắt, không nhìn nhận trong mắt, không nhìn nhận từ mắt, không nhìn nhận ‘Mắt là của-ta’.¹⁵ Người đó không nhìn nhận những hình-sắc ... thức-mắt ... sự tiếp-xúc mắt ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên) dù là sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’

“Người đó không nhìn nhận tai ... Người đó không nhìn nhận tâm ... những hiện-tượng thuộc tâm ... thức-tâm ... sự tiếp-xúc tâm ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều kiện (duyên) dù là sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’

“Người đó không nhìn nhận tất-cả, không nhìn nhận trong tất-cả, không nhìn nhận từ tất-cả, không nhìn nhận ‘Tất-cả là của-ta.’

“Do người đó không nhìn nhận bất cứ thứ gì như vậy, nên người đó không dính chấp thứ gì trong thế giới. Do không dính chấp, nên người đó không bị kích động (âu lo, bận tâm). Do không bị kích động, người đó tự thân chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) trạng thái hiện-hữu này nữa.’¹⁶

“Này các Tỳ kheo, đây là đường lối phù hợp để búng bỏ tất cả sự nhìn-nhận.”

(SN 35:30)

31 (9) Thích Hợp để Búng-Bỏ (1)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường lối thích-hợp để búng bỏ tất cả sự nhìn-nhận.¹⁷ Hãy lắng nghe điều đó....

“Và này các Tỳ kheo, cái gì là đường lối mà thích hợp để (dẫn tới sự) búng bỏ tất cả sự nhìn-nhận? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo không nhìn nhận mắt, không nhìn nhận trong mắt, không nhìn nhận từ mắt, không nhìn nhận ‘Mắt là của-ta.’ Người đó không nhìn nhận hình-sắc ... thức-mắt sự tiếp-xúc mắt ... và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’ Bởi vì, này các Tỳ kheo, thứ gì người ta nhìn nhận, thứ gì người ta nhìn nhận trong đó, thứ gì người ta nhìn nhận từ đó, thứ gì người ta nhìn nhận là ‘của-ta’—thì nó không phải vậy (là khác, đang khác đi, đang biến đổi). Thế giới (thế giới chúng sinh), đang trở thành khác đi (đang luôn biến đổi), là đang bị dính mắc theo sự trở thành (này nọ) như vậy, là đang tìm kiếm khoái-lạc chỉ trong sự trở thành (này nọ) mà thôi. (chứ không thoát khỏi sự trở thành hay tái hữu).¹⁸ “Người đó không nhìn nhận tai ... Người đó không nhìn nhận tâm... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều kiện ... người đó cũng không nhìn nhận

chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’ Bởi vì, này các Tỳ kheo, thứ gì người ta nhìn nhận, thứ gì người ta nhìn nhận trong đó, thứ gì người ta nhìn nhận từ đó, thứ gì người ta nhìn nhận là ‘của-ta’— thì thứ đó là khác (tức: không phải vậy; là nhận lầm). Thế giới (thế giới chúng sinh), đang trở thành khác đi (đang luôn biến đổi), là đang bị dính mắc theo sự trở thành (này nọ) như vậy, là đang tìm kiếm khoái-lạc chỉ trong sự trở thành (này nọ) mà thôi.

“Bất luận các uẩn, các yếu-tố (giới), và các cơ-sở cảm-nhận (xứ) có [vươn, với] tới đâu, người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’

“Do người đó không nhìn nhận bất cứ thứ gì như vậy, nên người đó không dính chấp thứ gì trong thế giới. Do không còn dính chấp, nên người đó không bị kích động (âu lo, bận tâm). Do không còn bị kích động, người đó tự thân chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) trạng thái hiện-hữu này nữa.’

“Này các Tỳ kheo, đây là đường lối thích-hợp để (dẫn tới sự) bừng bỏ tất cả sự nhìn-nhận.”¹⁹

(SN 35:31)

32 (10) Thích Hợp để Búng-Bỏ (2)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường lối thích-hợp để bừng bỏ tất cả sự nhìn-nhận. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và này các Tỳ kheo, cái gì là đường lối mà thích hợp để (dẫn tới sự) bừng bỏ tất cả sự nhìn-nhận? Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, mắt là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” –

“Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là của-ta, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’ hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Những hình-sắc ... Thức-mắt ... Sự tiếp-xúc mắt ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— là vô thường hay thường hằng? ...

“Tai là vô thường hay thường hằng? ... Tâm ... mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tai ... tâm là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính— là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là của-ta, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’ hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với sự tiếp-xúc mắt, đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính. Người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với tai ... đối với tâm ... đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

“Này các Tỳ kheo, đây là đường lối mà thích hợp để bứng bỏ tất cả sự nhìn-nhận.”

(SN 35:32)

NHÓM 4

NHÓM ‘PHẢI BỊ SINH’

(*Jātidhamma-vagga*)

33 (1) Phải Bị Sinh

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, tất-cả đều phải bị sinh (có tính chất khởi sinh, sẽ bị tái sinh). Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả phải bị sinh? Mắt phải bị sinh. Những hình-sắc phải bị sinh ... Thức-mắt ... Sự tiếp-xúc mắt ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên) ... cũng phải bị tái sinh.

“Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ... Tâm ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện ... cũng phải bị tái sinh.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với sự tiếp-xúc mắt ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:33)

34 (2) — 42 (10) Phải Bị Già...

“Này các Tỳ kheo, tất-cả đều phải bị già.... Tất-cả phải bị bệnh.... Tất-cả phải bị chết.... Tất-cả phải bị buồn sầu.... Tất-cả phải bị ô-nhiễm.... Tất cả đều phải bị tàn hoại.... Tất-cả đều phải bị biến mất.... Tất-cả phải bị khởi sinh (hữu sinh).... Tất-cả phải bị chấm dứt (hữu diệt)....”

[Mỗi “tất-cả” tiếp tục như kinh 33 kể trên từ chỗ: “Và, này các Tỳ

kheo, cái gì là tất-cả phải bị ... hiện-hữu này nữa?.”]

(SN 35:34—42)

NHÓM 5

NHÓM ‘TẤT CẢ VÔ THƯỜNG.’

(*Sabbaanicca-vagga*)

43 (1) — 52 (10) Vô Thường...

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, Tất-cả đều là vô thường.... Tất-cả đều là khổ.... Tất-cả đều là vô ngã.... Tất-cả đều được biết trực-tiếp.... Tất-cả đều được hoàn-toàn hiểu.... Tất-cả đều được dẹp-bỏ.... Tất-cả đều được chứng-ngộ.... Tất-cả đều được hoàn-toàn hiểu thông qua sự (trí) biết trực-tiếp.... Tất-cả đều bị đè nặng.... Tất-cả đều bị khổ nạn....”

[*Mỗi “tất-cả” tiếp tục như kinh 33 kể trên từ chỗ: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả phải bị ... hiện-hữu này nữa’.*”]

(SN 35:43—52)

PHẦN II

‘NĂM MƯƠI KINH THỨ HAI’

NHÓM 1

NHÓM ‘VÔ-MINH’

(*Avijjā-vagga*)

53 (1) *Đẹp Bỏ Vô-Minh*

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào²⁰ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để sự vô-minh được đẹp bỏ và sự hiểu-biết đích thực (minh, chân trí) khởi sinh?

“Này các Tỳ kheo, khi một người biết và thấy mắt là vô thường, thì sự vô-minh được đẹp bỏ và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh.²¹ Khi một người biết và thấy những hình-sắc là vô thường ... Khi một người biết và thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù srong hay khỏ hay trung tính— là vô thường, thì sự vô-minh được đẹp bỏ và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh. Này các Tỳ kheo, khi một người biết và thấy như vậy, thì sự vô-minh được đẹp bỏ và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh.”

(SN 35:53)

54 (2) *Đẹp Bỏ Những Gông-Cùm*

... “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để những gông-cùm được dẹp bỏ?”²²

[*Tiếp tục, Đức Phật trả lời tương tự đoạn cuối kinh kể trên.*]

(SN 35:54)

55 (3) *Búng Bỏ Những Gông-Cùm*

... “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để những gông-cùm được búng bỏ?”

“Này Tỳ kheo, khi một người biết và thấy mắt là vô ngã, thì các gông-cùm được búng bỏ. Khi một người biết và thấy những hình-sắc là vô ngã ... [*tiếp tục như kinh 53 kể trên, chỉ thay chữ “vô thường” bằng chữ “vô ngã”*] ... Này các Tỳ kheo, khi một người biết và thấy như vậy, thì các gông-cùm được búng bỏ.”

(SN 35:55)

56 (4) — 59 (7) *Dẹp Bỏ Những Ô-Nhiễm...*

... “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để những ô-nhiễm được dẹp bỏ?... để những gông-cùm được búng bỏ?... để những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) được dẹp bỏ?... để có những khuynh-hướng tiềm-ẩn được búng bỏ?”²³

“Này Tỳ kheo, khi một người biết và thấy mắt là vô ngã, thì những khuynh-hướng tiềm-ẩn được búng bỏ. Khi một người biết và thấy những hình-sắc là vô ngã ... [*tiếp tục lời như kinh 53 ở trên, chỉ thay chữ “vô thường” bằng chữ “vô ngã”*] ... Này Tỳ kheo, khi một người biết và thấy như vậy, thì những khuynh-hướng tiềm-ẩn được búng bỏ.”

(SN 35:56—59)

60 (8) Hoàn-Toàn Hiểu Tất Cả Sự Dính-Chấp

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp để (dẫn tới sự) hoàn-toàn hiểu tất cả sự dính-chấp.²⁴ Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để hoàn-toàn hiểu tất cả sự dính-chấp? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên thức-mắt khởi sinh. Sự gặp gỡ của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] cảm-giác. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với sự tiếp-xúc mắt, đối với cảm-giác. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Với sự giải-thoát của nó, người đó hiểu rằng: ‘Sự dính-chấp đã được hoàn-toàn hiểu bởi ta.’²⁵

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh ... Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên thức-tai ... thức-tâm khởi sinh. Sự gặp gỡ của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có [sinh ra] cảm-giác. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với tai ... tâm, đối với những âm-thanh ... những hiện-tượng thuộc tâm, đối với thức-tai ... thức-tâm, đối với sự tiếp-xúc tai ... sự tiếp-xúc tâm, đối với cảm-giác. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Với sự giải-thoát của nó, người đó hiểu rằng: ‘Sự dính-chấp đã được hoàn-toàn hiểu bởi ta.’

“Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp để (dẫn tới sự) hoàn-toàn hiểu tất cả sự dính-chấp.”

(SN 35:60)

61 (9) Sự Tiêu Sạch Tất Cả Sự Dính-Chấp (1)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp để (dẫn tới sự) làm tiêu sạch (tiêu hết, cạn hết) tất cả sự dính-chấp. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để làm tiêu sạch tất cả sự dính-chấp? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên thức-mắt khởi sinh [*tiếp tục như đoạn đầu kinh 60 kể trên, cho tới...*] ... Với sự giải-thoát của nó, người đó hiểu rằng: ‘Sự dính-chấp đã được làm tiêu sạch bởi ta.’

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh ... Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên thức-tâm khởi sinh [*tiếp tục như đoạn sau kinh 60 kể trên, cho tới...*] ... Với sự giải-thoát của nó, người đó hiểu rằng: ‘Sự dính-chấp đã được làm tiêu sạch bởi ta.’

“Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp để (dẫn tới sự) làm tiêu sạch tất cả sự dính-chấp.”

(SN 35:61)

62 (10) Sự Tiêu Sạch Tất Cả Sự Dính-Chấp (2)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp để (dẫn tới sự) làm tiêu sạch tất cả sự dính-chấp. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để làm tiêu sạch tất cả sự dính-chấp? Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, mắt là vô thường hay thường hằng?” ... [*Tiếp tục như kinh SN 35:32*] ...

“Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp để (dẫn tới sự) làm tiêu sạch tất cả sự dính-chấp.”

(SN 35:61)

NHÓM 2

NHÓM ‘MIGAJĀLA’

(*Migajāla-vagga*)

63 (1) *Migajāla (1)*

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Migajāla đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:²⁶

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người sống một-mình, người ở một-mình’.²⁷ Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người là người ở một-mình, và theo cách nào một người là người ở với người-khác?”²⁸

(1) “Này Migajāla, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ kheo tìm kiếm khoái-lạc (vui thích) trong chúng, chào đón chúng, ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc khởi sinh. Khi có khoái-lạc, thì có sự say-mê. Khi có sự say-mê, thì có sự trói-buộc. Do bị trói buộc bởi gông-cùm (là) khoái-lạc, này Migajāla, nên một Tỷ kheo được gọi là một người đang ở với người-khác.

“Này Migajāla, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng ... nên một Tỷ kheo được gọi là một người đang ở với người-khác.

“Này Migajāla, một Tỷ kheo ở như vậy thì cho dù người đó có sống tận trong rừng trong núi hay vườn rẫy, tận những chỗ ở xa xôi có ít âm thanh và tiếng ồn, hoang vu, xa lánh con người, thích hợp cho sự

sống độc cư, thì người đó vẫn được gọi là người sống với người thứ hai. Vì lý do gì? Vì có dục-vọng là bạn cặp-kê của người đó, và người đó chưa dẹp bỏ được nó; do vậy người đó vẫn được gọi là người ở với người-khác.

(2) “Này Migajāla, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, không ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc chấm dứt. Khi không có khoái-lạc, thì không có sự say-mê. Khi có sự say-mê, thì đâu có sự trói-buộc. Do được thoát khỏi gông-cùm (là) khoái-lạc, này Migajāla, nên một Tỳ kheo được gọi là một người ở một-mình.

“Này Migajāla, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng ... nên một Tỳ kheo được gọi là một người ở một-mình.

“Này Migajāla, một Tỳ kheo ở như vậy thì cho dù người đó có sống gần làng xóm, có giao lưu với các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni khác, với những đệ tử tại gia nam và nữ, với vua chúa và các quan thần, với những sư thầy các giáo phái và các đệ tử của họ, thì người đó vẫn được gọi là một người ở một-mình. Vì lý do gì? Vì dục-vọng là bạn cặp-kê của người đó, nhưng người đó đã dẹp bỏ nó; do vậy người đó mới được gọi là một người ở một-mình.”

(SN 35:63)

Lúc đó có Ngài Migajāla đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

(1) “Này Migajāla, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc khởi sinh. Này Migajāla, khi có sự khởi sinh khoái-lạc, thì có sự khởi sinh khổ đau, ta nói vậy.

“Này Migajāla, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng ... thì khoái-lạc khởi sinh. Này Migajāla, khi có sự khởi sinh khoái-lạc, thì có sự khởi sinh khổ đau, ta nói vậy.

(2) “Này Migajāla, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, không ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc chấm dứt. Này Migajāla, khi có sự chấm dứt khoái-lạc, thì có sự chấm dứt khổ đau, ta nói vậy.

“Này Migajāla, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu

một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng ... thì khoái-lạc chấm dứt. Nay Migajāla, khi có sự chấm dứt khoái-lạc, thì có sự chấm dứt khổ đau, ta nói vậy.

Rồi thầy Migajāla, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và, sau khi cúi chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi ra. Rồi, sau khi sống (tu) một mình, thu mình, chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, thầy Migajāla, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống thánh thiện, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn rời bỏ gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực-tiếp biết: “Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

Và thầy Migajāla đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 35:64)

65 (3) *Samiddhi* (1)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có Ngài Samiddhi đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:²⁹

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘Ma Vương, Ma Vương’, thưa Thế Tôn, theo cách nào là có Ma Vương hay sự mô tả là Ma Vương?”³⁰

(1) “Này Samiddhi, ở đâu có mắt, ở đâu có những hình-sắc, thức-mắt, những thứ được nhận biết bởi thức-mắt, thì ở đó có Ma Vương hay sự mô tả là Ma Vương.

“Ở đâu có tai ... có tâm, ở đâu có những hiện-tượng thuộc tâm,

thức-tâm, những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, thì ở đó có Ma Vương hay sự mô tả là Ma Vương.

(2) “Này Samiddhi, ở đâu không có mắt, ở đâu không có những hình-sắc, không có thức-mắt, không có những thứ được nhận biết bởi thức-mắt, thì ở đó không có Ma Vương hay sự mô tả nào là Ma Vương.

“Ở đâu không có tai ... có tâm, ở đâu không có những hiện-tượng thuộc tâm, không có thức-tâm, không có những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, thì ở đó không có Ma Vương hay sự mô tả nào là Ma Vương.”

(SN 35:65)

66 (4) Samiddhi (2)

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘một chúng sinh, một chúng sinh’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có một chúng sinh hay sự mô tả là chúng sinh?”

[Phật trả lời như kinh kể trên, chỉ thay chữ những ‘Ma Vương’ thành chữ ‘chúng sinh’.]

(SN 35:66)

67 (5) Samiddhi (3)

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘khô, khô’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có khô hay sự mô tả là khô?”

[Phật trả lời như kinh kể trên, chỉ thay chữ những ‘chúng sinh’ thành chữ ‘khô’.]

(SN 35:67)

68 (6) Samiddhi (4)

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thế giới, thế giới’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có thế giới hay sự mô tả là thế giới?”

(1) “Này Samiddhi, ở đâu có mắt, ở đâu có những hình-sắc, thức-mắt, những thứ được nhận biết bởi thức-mắt, thì ở đó có thế giới hay sự mô tả là thế giới.

“Ở đâu có tai ... có tâm, ở đâu có những hiện-tượng thuộc tâm, thức-tâm, những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, thì ở đó có thế giới hay sự mô tả là thế giới.

(2) “Này Samiddhi, ở đâu *không* có mắt, ở đâu không có những hình-sắc, không có thức-mắt, không có những thứ được nhận biết bởi thức-mắt, thì ở đó không có thế giới hay sự mô tả nào là thế giới.

“Ở đâu *không* có tai ... có tâm, ở đâu không có những hiện-tượng thuộc tâm, không có thức-tâm, không có những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, thì ở đó không có thế giới hay sự mô tả nào là thế giới.”

(SN 35:68)

69 (7) *Upasena*

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Upasena đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Mát, trong Hang Động Đầu Rắn.³¹ Bấy giờ, vào lúc đó có một con rắn độc rơi xuống trên người của thầy Upasena. Rồi thầy Upasena đã nói với các Tỷ kheo như vậy:

“Này các đạo hữu, hãy đến khiêng cái thân này của tôi lên giường và khiêng nó ra ngoài trước khi nó bị phân rã ngay tại đây như một nắm rạ.”³²

Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy Upasena:

“Chúng tôi đâu thấy sự biến đổi nào trong thân thể của Ngài

Upasena hay sự thay đổi nào trong các căn (giác quan) của Ngài ấy; nhưng Ngài Upasena vẫn nói: ‘Này các đạo hữu, hãy đến khiêng cái thân này của tôi lên giường và khiêng nó ra ngoài trước khi nó bị phân rã ngay tại đây như một nắm rạ.’”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, đối với ai còn nghĩ như vậy: ‘Ta là mắt’ hay ‘Mắt là của-ta’; ‘Ta là tai’ hay ‘Tai là của-ta’ ... ‘Ta là tâm’ hay ‘Tâm là của-ta’, thì mới có sự biến đổi của thân hay sự thay đổi của các căn. Nhưng, này đạo hữu Xá-lợi-phất, đối với tôi không xảy ra điều này: ‘Ta là mắt’ hay ‘Mắt là của-ta’; ‘Ta là tai’ hay ‘Tai là của-ta’ ... ‘Ta là tâm’ hay ‘Tâm là của-ta’, như vậy tại sao phải có sự biến đổi gì trong thân hay sự thay đổi nào trong các căn của tôi?”³³

“Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (ngã chấp), và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự tự-ta (tùy-miên ngã mạn) đã bị bứng sạch bên trong Ngài Upasena đã từ lâu cho nên đối với thầy ấy còn xảy ra điều này: ‘Ta là mắt’ hay ‘Mắt là của-ta’; ‘Ta là tai’ hay ‘Tai là của-ta’ ... ‘Ta là tâm’ hay ‘Tâm là của-ta’.”

Rồi các Tỳ kheo đã khiêng thân người của thầy Upasena lên giường và khiêng ra ngoài. Rồi thân của thầy Upasena đã phân rã ở đó như một nắm rạ.

(SN 35:69)

70 (8) *Upavāṇa*

Lúc đó có Ngài Upavāṇa đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘Giáo Pháp có thể nhìn thấy được một cách trực tiếp, Giáo Pháp có thể nhìn thấy được một cách trực tiếp’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là Giáo Pháp có thể nhìn thấy được một cách trực tiếp, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể

áp dụng được, được chứng nghiệm bởi người hiền trí?”³⁴

(1) “Ở đây, này Upavāṇa, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỷ kheo trải nghiệm cả hình-sắc đó và tham-dục đối với hình-sắc đó. Người đó hiểu tham-dục đối với những hình-sắc có (có mặt, tồn tại) ở bên trong (tâm) như vậy: ‘Trong ta có tham-dục đối với những hình-sắc ở bên-trong’. Vì có điều đó như vậy, này Upavāṇa, nên (mới nói) Giáo Pháp là có thể nhìn thấy được một cách trực tiếp, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được chứng nghiệm bởi người hiền trí.

“Thêm nữa, này Upavāṇa, khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, một Tỷ kheo trải nghiệm cả hiện-tượng thuộc tâm đó và tham-dục đối với hiện-tượng thuộc tâm đó. Người đó hiểu tham-dục đối với những hiện-tượng thuộc tâm có ở bên-trong như vậy: ‘Trong ta có tham-dục đối với những hiện-tượng thuộc tâm ở bên-trong’. Vì có điều đó như vậy, này Upavāṇa, nên (mới nói) Giáo Pháp là có thể nhìn thấy được một cách trực tiếp, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được trải nghiệm bởi người hiền trí. (phần (1) này nói về những học-nhân)

(2) “Nhưng ở đây, này Upavāṇa, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỷ kheo trải nghiệm hình-sắc đó nhưng *không* trải nghiệm tham-dục đối với hình-sắc đó. Người đó hiểu tham-dục đối với những hình-sắc *không có* (không có mặt, không tồn tại) ở bên trong (tâm) như vậy: ‘Trong ta không có tham-dục đối với những hình-sắc ở bên-trong’. Vì có điều đó như vậy, này Upavāṇa, nên (mới nói) Giáo Pháp là có thể nhìn thấy được một cách trực tiếp, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được trải nghiệm bởi người hiền trí.

“Thêm nữa, này Upavāṇa, khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, một Tỷ kheo trải nghiệm hiện-tượng thuộc tâm đó nhưng *không* trải nghiệm tham-dục đối với

hiện-tượng thuộc tâm đó. Người đó hiểu tham-dục đối với những hiện-tượng thuộc tâm *không có ở bên trong* như vậy: ‘Trong ta không có tham-dục đối với những hiện-tượng thuộc tâm ở bên-trong’. Vì có điều đó như vậy, này Upavāṇa, nên (mới nói) Giáo Pháp là có thể nhìn thấy được một cách trực tiếp, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được trải nghiệm bởi người hiền trí.”³⁵ (phần (2) này nói về những A-la-hán)

(SN 35:70)

71 (9) Sáu Cơ Sở Tiếp Xúc (1)

“Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở (để) tiếp-xúc (cũng tức là *sáu giác-quan*), đúng như chúng thực là, thì người đó chưa sống đời sống thánh thiện; người đó còn ở xa đối với Giáo Pháp và Giới Luật này.”

Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở đây con bị lạc lối,³⁶ vì con không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở tiếp-xúc, đúng như chúng thực là.”

- “Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, thầy có coi mắt như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’, hay không? –

“Không, thưa Thế Tôn.”

- “Tốt, này Tỳ kheo! Và ở đây, này Tỳ kheo, thầy nên rõ ràng nhìn thấy mắt đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’’. Bản thân điều này (đã) là sự chấm-dứt khổ.

- “Thầy có coi tai là như vậy...? Thầy có coi tâm là như vậy: ‘Đây

là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

- “Tốt, này Tỳ kheo! Và ở đây, này Tỳ kheo, thầy nên rõ ràng nhìn thấy tai ... tâm đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’’. Bản thân điều này (đã) là sự chấm-dứt khổ.”

(SN 35:71)

72 (10) Sáu Cơ Sở Tiếp Xúc (2)

[Hai đoạn đầu giống như kinh kể trên:]

- “Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, thầy có coi mắt như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’, hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn”

- “Tốt, này Tỳ kheo! Và ở đây, này Tỳ kheo, thầy nên rõ ràng nhìn thấy mắt đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’’. Như vậy cơ-sở (giác quan) *thứ nhất* sẽ được dẹp-bỏ bởi thầy để không còn tái hiện-hữu trong tương lai.³⁷ (tức niết-bàn, không còn tái hữu tái sinh)

- “Thầy có coi tai ... coi tâm là như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’, hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn”

- “Tốt, này Tỳ kheo! Và ở đây, này Tỳ kheo, thầy nên nhìn thấy rõ ràng tâm đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản

ngã của ta’’. Như vậy cơ-sở (giác quan) *thứ hai ... thứ sáu* sẽ được dẹp bỏ bởi thầy để không còn tái hiện-hữu trong tương lai.”

(SN 35:72)

73 (11) Sáu Cơ Sở Tiếp Xúc (3)

[Hai đoạn đầu cũng giống như kinh 71 ở trên:]

“Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, mắt là vô thường hay thường hằng?”
– “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”
– “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’, hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Tai ... Tâm là vô thường hay thường hằng? “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’, hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt ... sự ghê-sợ đối với tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:73)

NHÓM 3

NHÓM ‘BỆNH’

(*Gilāna-vagga*)

74 (1) Bệnh (1)

Ở Sāvathī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở một chỗ này và này có một Tỳ kheo mới được thụ giới, ít được biết đến, người đó bị bệnh, đau đớn, bệnh như gần chết. Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn đến gặp Tỳ kheo đó vì lòng bi-mẫn.”

Rồi, sau khi đức Thế Tôn nghe được mấy chữ “mới được thụ giới” và “bệnh”, và biết được đó là một Tỳ kheo ít ai biết đến, đức Thế Tôn đã đến gặp thầy ấy. Vị Tỳ kheo nhìn thấy đức Thế Tôn đi tới từ xa và cử động thân mình trên giường bệnh.³⁸ Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Đủ rồi, này Tỳ kheo, thầy đừng cử động trên giường nữa. Có sẵn mấy chỗ ngồi. Ta sẽ ngồi xuống đây.”

Rồi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị, và nói với thầy Vakkali:

“Này Vakkali, ta hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, ta hy vọng thầy đang đỡ hơn (tốt hơn, khỏe lại). Ta hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, được mau thấy.”

“Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng nổi, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong con, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng

lặn, càng lúc càng thấy rõ.”

“Này Vakkali, ta hy vọng thầy không bị bận tâm bởi sự ân hận và hối tiếc nào.”

“Thưa Thế Tôn, thực đúng là, con có khá nhiều sự ân hận và hối tiếc.”

“Này Vakkali, ta hy vọng thầy không có gì để tự trách bản thân mình về mặt giới-hạnh (đức-hạnh).”

“Thưa Thế Tôn, con không có gì để tự trách bản thân về mặt giới-hạnh.”

“Này Vakkali, nếu thầy không có gì để tự trách bản thân về mặt giới-hạnh, vậy tại sao thầy bị bận tâm với sự ân hận và hối tiếc?”

“Thưa Thế Tôn, con hiểu được rằng, không phải (chỉ) vì (mục đích là) sự thanh-lọc giới-hạnh (phần tu giới-hạnh) mà Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn chỉ dạy.”

- “Này Tỳ kheo, nếu thầy hiểu được Giáo Pháp đã không được chỉ dạy bởi ta (chỉ) vì sự thanh-lọc giới-hạnh (là mục tiêu rốt ráo), vậy thầy hiểu được vì mục đích gì mà Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta?”

“Thưa Thế Tôn, con hiểu được Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn là vì sự phai biến của tham-dục.”³⁹

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Lành thay, thầy hiểu được Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta là vì (để đạt tới) sự phai biến của tham-dục.

“Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, mắt là vô thường hay thường hằng?”

– “Vô thường, thưa Thế Tôn” ... “Tai ... Tâm là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

“Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Vị Tỳ kheo đó hài lòng và vui mừng với lời tuyên tuyền của đức Thế Tôn. Và trong khi lời thuyết giảng đang được nói ra, trong vị Tỳ kheo đó đã khởi sinh một tâm-nhìn ‘không còn dính-bụi và vô-nhiễm’ của Giáo Pháp như vậy: “Thứ gì có khởi sinh đều phải bị chấm dứt.” (có sinh là có diệt)⁴⁰

(SN 35:74)

75 (2) Bệnh (2)

[Giống hết lời kinh 74 kể trên, cho đến:]

- “Này Tỳ kheo, nếu thầy hiểu được Giáo Pháp đã không được chỉ dạy bởi ta (chỉ) vì sự thanh-lọc giới-hạnh (là mục tiêu rất ráo), vậy thầy hiểu được vì mục đích gì mà Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta?”

“Thưa Thế Tôn, con hiểu được Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn là vì (để đạt tới) Niết-bàn cuối cùng không còn sự dính-chấp.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Lành thay, thầy hiểu được Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta là vì Niết-bàn cuối cùng không còn dính-chấp.”⁴¹

“Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, mắt là vô thường hay thường hằng?”
- “Vô thường, thưa Thế Tôn” ... “Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ... Tâm Thức-tâm Sự tiếp-xúc tâm Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt ... tâm là điều kiện (duyên)—dù sừng hay khỏ hay trung tính—là vô thường hay thường hằng?” - “Vô thường, thưa Thế Tôn” - “Thứ gì vô thường là khỏ hay sừng?” - “Khỏ, thưa Thế Tôn” - “Thứ gì là vô thường, khỏ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’,

hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

“Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Vị Tỳ kheo đó hài lòng và vui mừng với lời tuyên tuyền của đức Thế Tôn. Và trong khi lời thuyết giảng đang được nói ra, tâm của vị Tỳ kheo đó đã được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp.

(SN 35:75)

76 (3) Rādha (1)

Lúc đó có Ngài Rādha đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với mọi thứ là vô thường. Và thứ gì là vô thường? Mắt là vô thường; thầy nên dẹp bỏ nó. Những hình-sắc là vô thường ... Thức-mắt là vô thường ... Sự tiếp-xúc mắt là vô thường ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường; thầy nên dẹp bỏ nó.

“Tai ... Tâm là vô thường ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tai ... tiếp-xúc tâm là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính— cũng đều là vô thường; thầy nên dẹp bỏ nó. Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với mọi thứ là vô thường.”

(SN 35:76)

77 (4) *Rādha* (2)

... “Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với mọi thứ là khổ. ... [*Tiếp tục như kinh kể trên, chỉ thay ‘vô thường’ thành ‘khổ’.*]

(SN 35:77)

78 (5) *Rādha* (2)

... “Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với mọi thứ là vô ngã. ... [*Tiếp tục như kinh kể trên, chỉ thay ‘khổ’ thành ‘vô ngã’.*]

(SN 35:78)

79 (6) *Đẹp Bỏ Vô-Minh* (1)

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có một thứ gì mà thông qua sự dẹp bỏ nó thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi một Tỳ kheo và sự hiểu-biết đích thực (minh, chân trí) khởi sinh?”

“Này Tỳ kheo, có một thứ mà thông qua sự dẹp bỏ nó thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi một Tỳ kheo và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh.”

“Và thưa Thế Tôn, cái gì là một thứ đó?”

“Này Tỳ kheo, vô-minh chính là một thứ đó mà thông qua sự dẹp bỏ nó thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi một Tỳ kheo và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh.”⁴²

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo biết, theo cách

nào người đó thấy, để sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh?”

“Này Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo biết và thấy mắt là vô thường, thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh. Khi người đó biết và thấy những hình-sắc là vô thường ... Khi người đó biết và thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sừng hay khỏ hay trung tính—là vô thường, thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và sự hiểu-biết đích thực khởi.

“Này Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo biết và thấy như vậy, thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh.”

(SN 35:79)

80 (7) Dẹp Bỏ Vô-Minh (2)

[Giống hết lời kinh 79 kể trên, cho đến:]

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo biết, theo cách nào người đó thấy, để sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo đã nghe được điều: ‘Không có thứ gì đáng để cố chấp vào nó’. Sau khi một Tỳ kheo đã nghe được ‘Không có thứ gì đáng để cố chấp vào nó’, thì người đó trực-tiếp biết mọi thứ. Sau khi đã trực-tiếp biết mọi thứ, người đó hoàn-toàn hiểu mọi thứ. Sau khi đã hoàn-toàn hiểu mọi thứ, người đó nhìn thấy tất cả mọi dấu-hiệu (hình tướng) một cách khác đi.⁴³ Người đó nhìn thấy mắt một cách khác đi ... nhìn thấy những hình-sắc một cách khác đi ... mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sừng hay khỏ hay trung tính— người đó cũng nhìn thấy một cách khác đi.

“Này Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo biết và thấy như vậy, thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh.”

81 (8) Một Số Tỳ Kheo

Lúc đó có một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Ồ đây, thưa Thế Tôn, có những du sĩ giáo phái khác hỏi chúng con: ‘Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống thánh thiện (đi tu) dưới (theo) sa-môn Cồ-đàm?’ Thưa Thế Tôn, khi được hỏi như vậy chúng con trả lời các du sĩ đó như vậy: ‘Này các bạn, mục đích sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.’ (*) Thưa Thế Tôn, chúng con hy vọng rằng, khi trả lời như vậy là chúng con nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn, và không diễn dịch sai lời đức Thế Tôn bằng điều gì trái với điều (mà đức Thế Tôn đã nói) đó; là chúng con giải thích đúng theo Giáo Pháp, để cho lời nói của chúng con không tạo cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình.’”⁴⁴

“Chắc chắn là vậy, này các Tỳ kheo, các thầy đã nói điều đã được nói bởi ta và không diễn dịch sai lời ta bằng điều gì trái với điều (đã được ta nói ra) đó; rằng các thầy giải thích đúng theo Giáo Pháp, và lời nói của các thầy không tạo cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình. Bởi vì, này các Tỳ kheo, mục đích của sự sống đời sống thánh thiện dưới ta là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.

“Nhưng này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo đó hỏi các thầy: ‘Này các bạn, cái gì là sự khổ đó mà để hoàn-toàn hiểu nó phải đi sống đời sống thánh thiện dưới sa-môn Cồ-đàm?’— khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, mắt là khổ: mục đích của sự sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này. Những hình-sắc là khổ ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là khổ.

“Tai là khổ ... Tâm là khổ ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tai ... tâm là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là khổ: mục đích của sự sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này. Nay các bạn, mục đích của việc sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.”

“Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời theo cách như vậy.”

(SN 35:81)

82 (9) Thế Giới

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thế giới, thế giới’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào nó được nói là ‘thế giới’?”

“Này Tỳ kheo, nó đang tan rã (phân rã, tan hoại), do vậy nó được gọi là thế giới.⁴⁵ Và cái gì đang tan rã? Này Tỳ kheo, mắt đang tan rã, những hình-sắc đang tan rã, thức-mắt đang tan rã, sự tiếp-xúc mắt đang tan rã, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đang tan rã.

“Tai đang tan rã ... Tâm đang tan rã ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tai ... tâm là điều kiện—cũng đang tan rã. Này Tỳ kheo, nó đang tan rã, do vậy nó được gọi là thế giới.”

(SN 35:82)

83 (10) Phagguna

Lúc đó có Ngài Phagguna đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với

đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, giả sử có ai mô tả những vị Phật trong *quá khứ*— những người đã chứng ngộ Niết-bàn, đã cắt đứt sự bội-tăng (chỉ sự tăng mạnh của dục-vọng), đã cắt đứt đường-lún (đường mòn, vết xe đổ của dục-vọng), đã tiết đứt vòng luân-hồi, và đã vượt qua tất cả sự khổ⁴⁶— thì có *mắt* nào tồn tại để dựa vào đó mô tả về họ hay không? ... Giả sử có ai mô tả những vị Phật trong *quá khứ*— những người đã chứng ngộ Niết-bàn, đã cắt đứt sự bội-tăng, đã cắt đứt đường-lún, đã tiết đứt vòng luân-hồi, và đã vượt qua tất cả sự kh— thì có *tai* nào tồn tại ... có *tâm* nào tồn tại để dựa vào đó mô tả về họ hay không?”

“Này Phagguna, không có mắt nào tồn tại để dựa vào đó một người mô tả về những vị Phật trong *quá khứ*— những người đã chứng ngộ Niết-bàn, đã cắt đứt sự bội-tăng, đã cắt đứt đường-lún, đã tiết đứt vòng luân-hồi, và đã vượt qua tất cả sự khổ. Không có tai nào tồn tại ... Không có tâm nào tồn tại để dựa vào đó người đó mô tả về những vị Phật trong *quá khứ*— những người đã chứng ngộ Niết-bàn, đã cắt đứt sự bội-tăng, đã cắt đứt đường-lún, đã tiết đứt vòng luân hồi, và đã vượt qua tất cả sự khổ.”

(SN 35:83)

NHÓM 4

NHÓM ‘CHANNA’

(*Channa-vagga*)

84 (1) Phải Bị Tan Rã

Ở Sāvathī.

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thế giới, thế giới’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào nó được nói là ‘thế giới’?”

“Này Ānanda, thứ gì (có bản chất) bị tan rã thì được gọi là thế giới theo Giới Luật của Thánh Nhân.⁴⁷ Và thứ gì là phải bị tan rã? Này Ānanda, mắt là phải bị tan rã, những hình-sắc ... thức-mắt ... sự tiếp-xúc mắt ... mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng phải bị tan rã.

“Tai là phải bị tan rã ... Tâm là phải bị tan rã ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tai ... tâm là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng phải bị tan rã. Này Ānanda, thứ gì phải bị tan rã thì được gọi là thế giới theo Giới Luật của Thánh Nhân.”

(SN 35:84)

85 (2) Thế Giới Là Trống Không

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thế giới là trống không, thế giới là trống không’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào mà nói ‘thế giới là trống

không’?”

“Này Ānanda, đó là bởi vì nó không có ngã (tự tính, bản ngã, tự ngã, ‘chủ thể’, cái ‘ta’) và không có thứ gì thuộc về ngã, cho nên mới nói ‘Thế giới là trống không’. Và cái gì không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã? Này Ānanda, mắt là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã. Những hình-sắc là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã. Thức-mắt là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã. Sự tiếp-xúc mắt là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã.... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã.

“Này Ānanda, đó là bởi vì nó không có tự ngã và không có thứ gì thuộc về ngã, cho nên mới nói ‘Thế giới là trống không.’”

(SN 35:85)

86 (3) *Giáo Pháp Một Cách Ngắn Gọn*

Ngồi xuống một bên, Ngài Ānanda thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn, chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, dễ mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Ānanda, thầy nghĩ sao, mắt là vô thường hay thường hằng?”
– “Vô thường thưa Thế Tôn.”

[*Tiếp tục như kinh SN 35:32 ở trên, cho đến “... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”*]

(SN 35:86)

87 (4) Ngài Channa

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiểm Ăn của Bầy Sóc.⁴⁸ Bây giờ, lúc đó có Ngài Xá-lợi-phát, Ngài Đại Cunda, và Ngài Channa đang ở trên Đỉnh Núi Kền Kền, và thầy Channa đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi, vào buổi chiều, thầy Xá-lợi-phát ra khỏi nơi ẩn tu, đến gặp thầy Đại Cunda, và nói với thầy ấy:

“Này, đạo hữu Cunda, chúng ta hãy đến gặp thầy Channa và hỏi thăm thầy ấy về bệnh tình.”

“Được, đạo hữu”, thầy Đại Cunda đáp lại.

Rồi thầy Xá-lợi-phát và thầy Đại Cunda đã đến gặp thầy Channa và chào hỏi qua lại với thầy ấy, sau đó họ ngồi xuống mấy chỗ ngồi đã dọn sẵn. Thầy Xá-lợi-phát mới nói với thầy Channa:

“Tôi hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, đạo hữu Channa, tôi hy vọng thầy đang đỡ (tốt hơn, khỏe lại). Tôi hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, sẽ được mau thấy.”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phát, tôi đang⁴⁹ không chịu đựng tốt, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong tôi, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, càng lúc càng thấy rõ.

“Giống như có một lực sĩ dùng kiếm bén chẻ cái đầu tôi ra vậy, như có những luồng gió bạo cắt xuyên qua đầu tôi vậy. Tôi đang không chịu đựng nổi.... Giống như có một lực sĩ siết chặt đầu tôi bằng một đai da cứng, như có những con dao dữ dội trong đầu tôi. Tôi đang không chịu đựng nổi.... Giống như có người bán thịt rành nghề hay người phụ việc của ông ta dùng dao bén mổ thịt đang rọc đứt bụng con bò, như có những luồng gió bạo rọc đứt bụng tôi vậy. Tôi đang không chịu đựng

nổi.... Giống như có hai lực sĩ dùng cả hai tay nắm chặt một người yếu ớt và nướng người đó trên hồ than đang cháy, như có sự thiêu cháy trong bụng tôi vậy. Tôi đang không chịu đựng nổi, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng nề đang gia tăng trong tôi, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, càng lúc càng thấy rõ. Tôi sẽ dùng dao⁵⁰ (để kết liễu thân bệnh đau đớn), này đạo hữu Xá-lợi-phất, tôi không muốn sống nữa.”

“Mong thầy Channa đừng dùng dao. Thầy Channa hãy sống. Chúng tôi muốn thầy Channa sống. Nếu thầy Channa thiếu thức ăn phù hợp, chúng tôi sẽ đi tìm thức ăn phù hợp cho thầy; nếu thầy thiếu thuốc thang phù hợp, chúng tôi sẽ đi tìm thuốc thang phù hợp cho thầy; nếu thầy thiếu người phụ cận (chăm sóc) phù hợp, chúng tôi sẽ phụ cận cho thầy. Mong thầy Channa đừng dùng dao. Thầy Channa hãy sống. Chúng tôi muốn thầy Channa sống.”

“Đạo hữu Xá-lợi-phất, không phải là tôi thiếu thức ăn phù hợp; tôi có thức ăn phù hợp. Không phải tôi thiếu thuốc thang phù hợp; tôi có thuốc thang phù hợp. Không phải tôi thiếu những người phụ cận phù hợp; tôi có những người phụ cận phù hợp. Hơn nữa, này đạo hữu, từ lâu giờ tôi đã hầu cận Sư Thầy (tức Phật?) một cách vui thích, không phải một cách không vui thích; vì điều đó là đúng đắn khi một đệ tử phục vụ vị Sư Thầy một cách vui thích, không phải một cách không vui thích. Hãy nhớ điều này, này đạo hữu Xá-lợi-phất: Tỳ kheo Channa này sẽ dùng dao mà không bị tội lỗi.”⁵¹

“Chúng tôi muốn hỏi thầy Channa về một điều, mong thầy cho chúng tôi đặc ơn bằng cách trả lời câu hỏi của chúng tôi.”

“Cứ hỏi đi, này đạo hữu Xá-lợi-phất. Sau khi tôi nghe (câu hỏi) tôi sẽ biết.”

“Này đạo hữu Channa, thầy có coi mắt, thức-mắt, và những thứ được nhận biết bởi thức-mắt là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’,

đây là ‘bản ngã của ta’, hay không? Thầy có coi tai, thức-tai, và những thứ được nhận biết bởi thức-tai Thầy có coi tâm, thức-tâm, và những thứ được nhận biết bởi thức-tâm là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không?

- “Đạo hữu Xá-lợi-phất, tôi coi mắt, thức-mắt, và những thứ được nhận biết bởi thức mắt như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’’. Tôi coi tai, thức-tai, và những thứ được nhận biết bằng thức-tai Tôi coi tâm, thức-tâm, và những thứ được nhận biết bởi thức tâm như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. ”

“Này đạo hữu Channa, thầy đã nhìn thấy gì và trực-tiếp biết gì trong mắt, thức-mắt, và những thứ được nhận biết bởi thức mắt, để thầy coi chúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’”? Thầy đã nhìn thấy gì và trực-tiếp biết gì trong tai, thức-tai, và những thứ được nhận biết bởi thức tai Thầy đã nhìn thấy gì và trực-tiếp biết gì trong tâm, thức-tâm, và những thứ được nhận biết bởi thức tâm, để thầy coi chúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’?”

- “Đạo đạo hữu Xá-lợi-phất, đó là vì tôi đã nhìn thấy và trực-tiếp biết sự chấm-dứt trong mắt, trong thức-mắt, và trong những thứ được nhận biết bởi thức mắt, nên tôi mới coi chúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. Đó là vì tôi đã nhìn thấy và trực-tiếp biết sự chấm-dứt trong tai trong tâm, trong thức-tâm, và trong những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, nên tôi mới coi chúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. ”⁵² (a)

Khi điều này được nói ra, thầy Đại Cunda đã nói với thầy Channa:

“Vì vậy, này đạo hữu Channa, giáo lý này của đức Thế Tôn nên được thường xuyên chú tâm kỹ như vậy: ‘Đối với ai còn phụ-thuộc thì còn dao-động (chao đảo); đối với ai không còn phụ-thuộc thì không còn dao-động. Khi không còn dao-động thì có sự tĩnh-lặng; khi có sự tĩnh-lặng thì không còn thiên-hướng này nọ; khi không còn thiên-hướng thì không còn sự-đến và sự-đi; khi không còn sự đến sự đi thì không còn sự chết-đi và tái-sinh; khi không còn sự chết-đi và tái-sinh thì không còn sự ở bên-này hay bên-kia hay ở-giữa hai bên. Điều này chính là sự chấm-dứt khổ.’”⁵³

Rồi, sau khi thầy Xá-lợi-phất và thầy Đại Cunda đã nói lời khởi xướng này cho thầy Channa, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về. Rồi, không lâu sau khi họ đã đi, thầy Channa đã dùng con dao.⁵⁴ (b)

Sau đó thầy Xá-lợi-phất đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thầy Channa đã dùng dao. Vậy nơi-đến của thầy ấy là gì, chỗ-đến sau đó của thầy ấy là gì?”

“Này Xá-lợi-phất, bộ Tỳ kheo Channa không tuyên bố về sự không bị tội-lỗi của thầy ấy ngay trước mặt các thầy hay sao?”⁵⁵ (c)

“Thưa Thế Tôn, có một ngôi làng của người Vajji (Bạt-kỳ) tên là làng Pubbavijjhana. Ở đó thầy Channa có những gia quyến thân hữu, những gia quyến thân thích, những gia quyến luôn đón đãi.”⁵⁶

“Này Xá-lợi-phất, thầy Channa đã thực sự có những gia quyến thân hữu, những gia quyến thân thích, những gia quyến luôn đón đãi; nhưng ta không nói ở/tới mức độ đó thì một người tu có tội lỗi (đáng bị chê trách). Này Xá-lợi-phất, khi một người đặt xuống thân này và nhận lãnh thân khác, thì ta nói người đó là còn tội lỗi (đáng bị chê trách). (Nhưng) điều này không xảy ra trong trường hợp Tỳ kheo Channa. Tỳ kheo Channa đã dùng dao một cách không bị tội lỗi. Như vậy đó, này Xá-lợi-phất, thầy nên nhớ điều đó.”⁵⁷

(SN 35:87)

88 (5) Ngài Puṇṇa

Lúc đó có Ngài Puṇṇa đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:⁵⁸

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

(1) “Này Puṇṇa, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc (sự vui thú) trong chúng, chào đón chúng, ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc khởi sinh bên trong người đó. Này Puṇṇa, khi có sự khởi sinh khoái-lạc, thì có sự khởi sinh khổ đau, ta nói vậy. Này Puṇṇa có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc khởi sinh. Này Puṇṇa, khi có sự khởi sinh khoái-lạc, thì có sự khởi sinh khổ đau, ta nói vậy.

(2) “Này Puṇṇa, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, không ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc chấm dứt bên trong người đó. Này Puṇṇa, khi có sự chấm dứt khoái-lạc, thì có sự chấm dứt khổ đau, ta nói vậy.

(3) “Giờ thầy đã nhận được sự khởi xướng (giáo giới) từ ta, này

Puṇṇa, thầy định đi sống ở xứ nào?”

“Thưa Thế Tôn, có một xứ tên là Sunāparanta. Con sẽ đến sống ở đó.”

a- “Này Puṇṇa, người dân ở xứ Sunāparanta là thô lỗ và hung bạo. Nếu họ chửi bới và sỉ nhục thầy, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có chửi bới và sỉ nhục con, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không đánh con bằng nắm đấm’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”

b- “Nhưng, này Puṇṇa, nếu người xứ Sunāparanta đánh thầy bằng nắm đấm, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có đánh con bằng nắm đấm, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không đánh con bằng đá cục’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”

c- “Nhưng, này Puṇṇa, nếu người xứ Sunāparanta đánh thầy bằng đá cục, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có đánh con bằng đá cục, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không đánh con bằng gậy gộc’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”

d- “Nhưng, này Puṇṇa, nếu người xứ Sunāparanta đánh thầy bằng gậy gộc, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có đánh con bằng gậy gộc, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không đâm con bằng dao’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”

e- “Nhưng, này Puṇṇa, nếu người xứ Sunāparanta đâm thầy bằng

dao, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có đâm con bằng dao, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không lấy mạng con bằng dao bén’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”

f- “Nhưng, này Punṇa, nếu người xứ Sunāparanta lấy mạng thầy bằng dao bén, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có lấy mạng con bằng dao bén, thì con sẽ nghĩ: ‘Đã từng có những đệ tử của đức Thế Tôn, họ thấy khiếp sợ, thấy nhục nhã, thấy ghê tởm bởi thân và bởi kiếp sống, họ đã đi tìm (nhờ) người giết mình.⁵⁹ Nhưng con thì gặp ngay người giết mình chứ không cần đi tìm kiếm’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”

“Tốt, tốt, này Punṇa! Nếu đã có đủ [được phú cho] sự tự-chủ và sự bình-an như vậy, thầy sẽ sống được ở xứ Sunāparanta. Này Punṇa, giờ thì khi nào thầy tiện thầy cứ đi.”⁶⁰

Rồi, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, thầy Punṇa đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cúi chào đức Thế Tôn, và đi ra, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình. Sau đó thầy ấy thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, chuẩn bị lên đường đi du hành theo hướng tới xứ Sunāparanta. Sau khi đã đi qua nhiều chặng đường, cuối cùng thầy ấy tới xứ Sunāparanta, và lưu trú ở đó. Sau đó, trong kỳ an cư mùa mưa (kiết hạ) năm đó, thầy Punṇa đã thiết lập được năm trăm đệ tử tại gia nam và năm trăm đệ tử tại gia nữ theo tu tập, và bản thân thầy ấy, cũng trong mùa mưa đó, đã chứng ngộ ba loại trí-biết đích thực (chân trí, minh). Và cũng trong mùa mưa đó, thầy ấy chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn, tức qua đời luôn).⁶¹

Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, người họ tộc tên Punṇa, người đã được ban cho bài khởi xướng (giáo giới) ngắn gọn bởi đức Thế Tôn, đã chết rồi. Nơi-đến của thầy ấy là gì? Chỗ-đến sau đó của thầy ấy là gì?”

“Này các Tỳ kheo, người họ tộc Punṇa là hiền trí. Thầy ấy đã tu tập đúng theo Giáo Pháp và đã không làm phiền lòng ta về vấn đề Giáo Pháp. Người họ tộc Punṇa đã chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng.”

(SN 35:88)

89 (6) Ngài Bāhiya

Lúc đó có Ngài Bāhiya đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Bāhiya, mắt là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” ... [*Tiếp tục như kinh 32 ở trên cho tới:*] ... “Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

Rồi thầy Bāhiya, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi cúi chào đức Thế Tôn, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình, thầy ấy đi ra. Sau đó, sau khi sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, thầy Bāhiya, bằng cách tự mình chứng ngộ (giáo pháp) đó bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống thánh thiện, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực tiếp biết: “Sinh đã tận, đời sống

thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

Và thầy Bāhiya đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 35:89)

90 (7) Bị Quấy Động (1)

“Này các Tỳ kheo, sự bị quấy động là một căn bệnh, sự bị quấy động là một ung nhọt, sự bị quấy động là một mũi tên.⁶² Do vậy, này các Tỳ kheo, Như Lai sống không bị quấy động, với mũi tên đã được nhỏ bỏ. Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo cầu mong: ‘Cầu cho tôi sống không còn bị quấy động, với mũi tên đã được nhỏ bỏ!’, thì người đó không nên nhìn nhận mắt, không nên nhìn nhận trong mắt, không nên nhìn nhận từ mắt, không nên nhìn nhận ‘Mắt là của-ta’.⁶³

“Người đó không nên nhìn nhận những hình-sắc ... thức-mắt ... sự tiếp-xúc mắt ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nên nhìn nhận chúng, không nên nhìn nhận từ chúng, không nên nhìn nhận trong chúng, không nên nhìn nhận ‘Đó là của-ta’.

“Người đó không nên nhìn nhận tai ... Người đó không nên nhìn nhận tâm ... thức-tâm ... sự tiếp-xúc tâm ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nên nhìn nhận chúng, không nên nhìn nhận từ chúng, không nên nhìn nhận trong chúng, không nên nhìn nhận chúng ‘Đó là của-ta’.

“Người đó không nên nhìn nhận tất-cả, không nên nhìn nhận từ tất-cả, không nên nhìn nhận ‘Tất-cả là của-ta’.

“Do người đó không nhìn nhận thứ gì như vậy, nên người đó không dính chấp vào thứ gì trong thế giới. Do không còn dính chấp, nên

người đó không bị kích động (sợ hãi, bận tâm). Do không còn bị kích động, người đó tự thân chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:90)

91 (8) Bị Quấy Động (2)

“Này các Tỳ kheo, sự bị quấy động là một căn bệnh, bị quấy động là một ung nhọt, sự bị quấy động là một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo, Như Lai sống không bị quấy động, với mũi tên đã được nhổ bỏ. Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo cầu mong: ‘Cầu cho tôi sống không còn bị quấy động, với mũi tên đã được nhổ bỏ!’, thì người đó không nên nhìn nhận mắt ... những hình-sắc ... thức-mắt ... sự tiếp-xúc mắt ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— người đó cũng không nên nhìn nhận chúng, không nên nhìn nhận trong chúng, không nên nhìn nhận từ chúng, không nên nhìn nhận ‘Đó là của-ta’. Bởi vì, này các Tỳ kheo, thứ gì người đó nhìn nhận, thứ gì người đó nhìn nhận trong nó, thứ gì người đó nhìn nhận từ nó, thứ gì người đó nhìn nhận là ‘của-ta’— thì thứ đó là khác (tức: không phải vậy; là nhận lầm). Thế giới, đang trở thành khác (luôn đang khác đi, luôn đang biến đổi), bị trói buộc vào sự hiện-hữu, tìm kiếm khoái-lạc (vui thích) chỉ trong sự hiện-hữu mà thôi.⁶⁴

“Người đó không nên nhìn nhận tai Người đó không nên nhìn nhận tâm ... những hiện-tượng thuộc tâm ... không nên nhìn nhận thức-tâm ... không nên nhìn nhận sự tiếp-xúc tâm ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính— người đó cũng không nên nhìn nhận chúng, không nên nhìn nhận trong chúng, không nên nhìn nhận từ chúng, không nên nhìn

nhận ‘Đó là của-ta’. Bởi vì, này các Tỳ kheo, thứ gì người đó nhìn nhận, thứ gì người đó nhìn nhận trong nó, thứ gì người đó nhìn nhận từ nó, thứ gì người đó nhìn nhận là ‘của-ta’—thì thứ đó là khác. Thế giới, đang trở thành khác, bị trói buộc vào sự hiện-hữu, tìm kiếm khoái-lạc chỉ trong sự hiện-hữu mà thôi.

“Bất luận các uẩn, các yếu-tố (giới), và các cơ-sở giác-quan (xứ) có là [vươn, với] tới đâu, người đó không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’

“Do người đó không nhìn nhận thứ gì như vậy, nên người đó không dính chấp vào thứ gì trong thế giới. Do không còn dính chấp, nên người đó không bị kích động (sợ hãi, bận tâm). Do không còn bị kích động, người đó tự thân chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:91)

92 (9) *Cặp Đôi (1)*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về cặp đôi. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cặp đôi? Mắt và những hình-sắc, tai và những âm-thanh, mũi và những mùi-hương, lưỡi và những mùi-vị, thân và những đối-tượng chạm xúc, tâm và những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là cặp đôi.

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vậy: ‘Sau khi dẹp bỏ cặp đôi này, tôi sẽ mô tả (cho thấy) cặp đôi khác’— thì điều đó chỉ là lời sáo rỗng của người đó mà thôi.(*). Nếu người đó được hỏi thì người đó không thể trả lời, và thêm nữa, người đó sẽ gặp phải sự ưu phiền. Vì lý

do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, điều đó không nằm trong trú xứ (lãnh vực, lãnh địa, chuyên môn) của người đó.”(**)⁶⁵

(SN 35:92)

93 (10) Cặp Đôi (2)

“Này các Tỳ kheo, thức sinh ra là tùy thuộc vào một cặp đôi. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là thức sinh ra tùy thuộc vào một cặp đôi?

- “Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc nên khởi sinh thức-mắt. Mắt là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác (đang khác đi, đang luôn biến đổi); những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Như vậy cặp đôi này là đang chuyển động và đang lung lay,⁶⁶ là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác.

“Thức-mắt là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Cái nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh thức-mắt cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Này các Tỳ kheo, khi thức-mắt đã khởi sinh tùy thuộc vào một điều-kiện (duyên) là vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?

“Sự gặp-gỡ, sự gặp-nhau, sự cùng-gặp của ba thứ này (mắt+những hình-sắc+thức mắt) được gọi là sự tiếp-xúc mắt. Sự tiếp-xúc mắt cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Cái nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh thức-mắt cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Này các Tỳ kheo, khi thức-mắt khởi sinh tùy thuộc vào một điều-kiện (duyên) là vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?

“Này các Tỳ kheo, khi (đã) có tiếp-xúc, người ta cảm-nhận, có tiếp-xúc người ta ý-định, có tiếp-xúc người ta nhận-thức.⁶⁷ Như vậy những thứ này cũng là đang chuyển động và lung lay, là vô thường,

đang thay đổi, đang trở thành khác.

- “Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh nên khởi sinh thức-tai ... Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi thức-tâm. Tâm là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác; những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Như vậy cặp đôi này là đang chuyển động và đang lung lay, là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác.

“Thức-tâm là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Cái nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh thức-tâm cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Nay các Tỳ kheo, khi thức-tâm đã khởi sinh tùy thuộc vào một điều-kiện là vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?

“Sự gặp-gỡ, sự gặp-nhau, sự cùng-gặp của ba thứ này (*tâm+những hiện-tượng thuộc tâm+thức tâm*) được gọi là sự tiếp-xúc tâm. Sự tiếp-xúc tâm cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Cái nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh thức-tâm cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Nay các Tỳ kheo, khi thức-tâm khởi sinh tùy thuộc vào một điều-kiện là vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?

“Nay các Tỳ kheo, khi có tiếp-xúc, người ta cảm-nhận, có tiếp-xúc người ta ý-định, có tiếp-xúc người ta nhận-thức. Như vậy những thứ này cũng là đang chuyển động và lung lay, là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác.

“Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy là thức sinh ra tùy thuộc vào một cặp đôi.”

(SN 35:93)

NHÓM 5

NHÓM ‘SÁU THỨ’

(*Saḷa-vagga*)

94 (1) *Không Thuần Phục, Không Phòng Hộ* ⁶⁸

Ở Sāvathī.

(1) “Này các Tỳ kheo, sáu cơ-sở để tiếp-xúc (sáu giác-quan) này—nếu không được thuần phục, không được phòng hộ, không được bảo vệ, không được kiểm chế— là những thứ mang đến sự thống khổ.⁶⁹ Sáu đó là gì?”

“Này các Tỳ kheo, mắt là một cơ-sở tiếp xúc—nếu không được thuần phục, không được phòng hộ, không được bảo vệ, không được kiểm chế— là những thứ mang đến sự thống khổ. Tai là một cơ-sở tiếp xúc ... Tâm là một cơ-sở tiếp xúc—nếu không được thuần phục, không được phòng hộ, không được bảo vệ, không được kiểm chế— là những thứ mang đến sự thống khổ.

(2) “Này các Tỳ kheo, sáu cơ-sở để tiếp xúc này—nếu được thuần phục, được phòng hộ, được bảo vệ, được kiểm chế— là những thứ mang đến sự hạnh phúc cực kỳ.⁷⁰ Sáu đó là gì?”

“Này các Tỳ kheo, mắt là một cơ-sở tiếp xúc—nếu được thuần phục, được phòng hộ, được bảo vệ, được kiểm chế— là những thứ mang đến sự hạnh phúc cực kỳ. Tai là một cơ-sở tiếp xúc ... Tâm là một cơ-sở tiếp xúc—nếu được thuần phục, được phòng hộ, được bảo vệ, được kiểm chế— là những thứ mang đến sự hạnh phúc cực kỳ.

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, đức Thế Tôn bậc Phút lành đã nói thêm như vậy:

“Này các Tỳ kheo, chỉ có sáu giác-quan,

Ngay đó kẻ không kiềm chế gặp phải khổ đau.
Người biết cách kiềm chế chúng
Thì sống không suy đồi, với niềm-tin là bạn đường.

“Những hình-sắc làm tâm khoái-thích,
Và khi nhìn thấy chúng (người tu) không khoái thích,
Đẹp bỏ đường tham-dục đối với thứ khoái thích,
Và không ‘vun bón’ cái tâm bằng suy nghĩ sân bực:
‘[Thứ này, thứ kia] nó làm ta khó chịu.’

“Nghe thấy những âm-thanh,
Dễ chịu và gắt gỏng,
Không mê thích với tiếng dễ thương,
Đẹp bỏ đường sân bực đối với tiếng gắt gỏng.
Và không ‘vun bón’ cái tâm bằng nghĩ suy sân bực:
‘[Tiếng này, tiếng kia] nó làm ta khó chịu.’

“Người mùi hương thơm thích,
Và người mùi tanh hôi,
Đẹp bỏ sân bực đối với mùi tanh hôi
Cũng không tham mê đối với mùi thơm tho.

“Thưởng thức vị ngon ngọt,
Và có lúc nếm đắng cay,
Không tham thích vị ngon ngọt,
Không sân bực vị đắng cay.

“Với chạm xúc khoái sướng,
Không để bị say mê.
Không giựt mình giãy nảy,
Với chạm xúc đón đau.
Nhìn một cách bình-tâm,
Đối với mọi thứ sướng và khổ,

Không trốn tránh, cũng không chống cự.

“Khi người phạm tăng phóng nhận-thức,
Nhận-thức và sự phóng-tâm làm họ bị dính líu.
Sau khi đã xua tan mọi ‘tâm-trạng’ hướng phạm
Của đời sống tại gia phạm tục:
Là người tu đang trên đường từ-bỏ.⁷¹

“Khi tâm đã được tu tập thiện khéo như vậy
Trong sáu thứ (sáu cơ-sở tiếp xúc) như vậy,
Thì khi có tiếp-xúc, tâm người tu không bao giờ
Bị phát phơ, động chuyển này nọ.
Sau khi đã chinh phục tham và sân,
Này các Tỳ kheo,
Hãy vượt qua bờ bên kia, thoát khỏi sinh và tử!”

(SN 35:94)

95 (2) Ngài Mālunḅyaputta

Lúc đó có Ngài Mālunḅyaputta đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:⁷²

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Ồ đây, này Mālunḅyaputta, ta nên nói gì với các Tỳ kheo trẻ khi một Tỳ kheo như thầy—đã già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã trong tuổi xế chiều của cuộc đời, đã tới giai đoạn cuối—đi thỉnh cầu ta một sự khởi xướng (giáo giới) ngắn gọn, như vậy?”⁷³

“Thưa Thế Tôn, mặc dù con đã già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm

tháng, đã trong tuổi xế chiều của cuộc đời, đã tới giai đoạn cuối, mong Thế Tôn, chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, mong bậc Phúc Lành chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn. Có lẽ con hiểu được ý nghĩa lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, có lẽ con trở thành một người thừa hưởng lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn.”

“Thầy nghĩ sao, này Mālunkyaputta, đối với *những hình-sắc* mà thầy chưa nhìn thấy và chưa bao giờ nhìn thấy trước giờ, không nhìn thấy và không nghĩ nó đã được nhìn thấy, thì thầy có tham muốn, nhục dục, hay luyến ái gì với chúng hay không?”⁷⁴

“Không, thưa Thế Tôn”

“Đối với *những âm-thanh* được nhận biết bởi tai ... đối với *những mùi-hương* được nhận biết bởi mũi ... *những mùi-vị* được nhận biết bởi lưỡi ... *những đối-tượng chạm xúc* được nhận biết bởi thân ... *những hiện-tượng thuộc tâm* được nhận biết bởi tâm mà thầy chưa nhìn thấy và chưa bao giờ nhìn thấy trước giờ, không nhìn thấy và không nghĩ nó đã được nhìn thấy, thì thầy có tham muốn, nhục dục, hay luyến ái nào với chúng hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

“Ồ đây, này Mālunkyaputta, đối với những thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận, và được nhận biết bởi thầy: ‘trong cái được nhìn thấy sẽ chỉ có cái được nhìn thấy; trong cái được nghe thấy chỉ có cái được nghe thấy, trong cái được cảm nhận chỉ có cái được cảm nhận, trong cái được nhận biết, chỉ có cái được nhận biết’.

“Này Mālunkyaputta, đối với những thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận, và được nhận biết bởi thầy: ‘trong cái được nhìn thấy chỉ có cái được nhìn thấy; trong cái được nghe thấy chỉ có cái được nghe thấy, trong cái được cảm nhận chỉ có cái được cảm nhận, trong cái được nhận biết, chỉ có cái được nhận biết’, vậy thì, này Mālunkyaputta, thầy sẽ không là (được tạo tác) ‘bởi-đó’. Này

Mālunkyaputta, khi thầy không là ‘bởi-đó’ thì thầy sẽ không ở ‘trong-chúng’. Nay Mālunkyaputta, khi thầy không ở ‘trong-đó’ thì thầy sẽ không ở bên-này hay bên-kia hay ở-giữa hai bên. Chính điều này là sự chấm-dứt khổ.”⁷⁵

“Thưa Thế Tôn, con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều mới được Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn, như vậy:

“Khi nhìn thấy một hình-sắc
với sự chánh-niệm bị lãng xãng,
Chú tâm (tác ý) tới dấu-hiệu (tướng) sừng (dễ chịu),
Thì người đó trải nghiệm nó
Với một cái tâm bị mê đắm,
Và bám chặt theo nó.

“Nhiều cảm-giác phát sinh bên trong,
Bắt nguồn từ những hình-sắc nhìn thấy được,
Có (cảm-giác) thêm muốn (tham),
Có (cảm-giác) phiền bực (sân).
Vì đó mà tâm người bị quấy nhiễu.⁷⁶
Đối với ai tích tạo khổ như vậy,
Thì Niết-bàn còn ở xa lắm.

“Khi nghe thấy một âm-thanh
với sự chánh-niệm bị lãng xãng ...

“Khi ngửi thấy một mùi-hương,
với sự chánh niệm bị lãng xãng ...

“Khi nếm thấy một mùi-vị
với sự chánh niệm bị lãng xãng ...

“Khi cảm nhận một chạm-xúc
với sự chánh niệm bị lãng xãng ...

“Khi nhận biết một đối-tượng
với sự chánh niệm bị lãng xãng ...
Đối với ai tích tạo khổ như vậy,
Thì Niết-bàn còn ở xa lắm.

“Khi nhìn thấy một hình-sắc
một cách có chánh-niệm vững vàng
Không bị đốt bởi tham-dục đối với những hình-sắc;
Người trải nghiệm nó với cái tâm chán-bỏ
Và không còn bám dính theo nó.

“Người sống một cách chánh-niệm như vậy,
Thì ngay cả nhìn thấy những hình-sắc,
Và khi đang cảm thụ một cảm-giác,
Thì [sự khổ] được tiêu tán, thay vì được tích tạo.⁷⁷
Đối với ai phá giải sự khổ như vậy,
Thì Niết-bàn đang ở gần kề.

“Khi nghe thấy một âm-thanh
một cách có chánh-niệm vững vàng,
Không bị đốt bởi tham-dục đối với những âm-thanh...

“Khi ngửi thấy một mùi-hương
một cách có chánh-niệm vững vàng,
Không bị đốt bởi tham-dục đối với những mùi-hương...

“Khi nếm thấy một mùi-vị
một cách có chánh-niệm vững vàng,
Không bị đốt bởi tham-dục đối với những mùi-vị...

“Khi cảm nhận một sự chạm-xúc
một cách có chánh-niệm vững vàng,
Không bị đốt bởi tham-dục đối với những xúc-chạm...

“Khi nhận biết một đối-tượng
một cách có chánh-niệm vững vàng,
Không bị đốt bởi tham-dục đối với những đối-tượng ...
Đối với ai giảm thiểu sự khổ như vậy,
Thì Niết-bàn đang ở gần kề.

- “Thưa Thế Tôn, theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Mālunkyaputta! Tốt thay thầy hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được ta nói ra một cách ngắn gọn.

[Và Đức Phật lặp lại toàn bộ phần thi kệ trên, và nói tiếp:]

“Này Mālunkyaputta, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết theo cách như vậy.”

Rồi thầy Mālunkyaputta, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi cúi chào đức Thế Tôn, giữ hương đức Thế Tôn ở bên phải mình, thầy ấy đi ra.

Rồi sau đó, sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, thầy Mālunkyaputta, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống thánh thiện (tâm linh; phạm hạnh), mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực tiếp hiểu: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

Và thầy Mālunkyaputta đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 35:95)

96 (3) Sự Sa Sút

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về người phải bị sa sút, về người không bị sa sút, và về sáu cơ-sở (sáu xứ, sáu giác-quan) được chế ngự (kiểm soát, làm chủ, quản trị, phòng hộ). Hãy lắng nghe điều đó....

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người ‘sẽ bị sa sút’?⁷⁸ Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, ngay đó khởi sinh trong người đó ‘những trạng-thái, những sự-nhớ và những ý-định’ bất thiện xấu ác có kết nối với những gông-cùm.⁷⁹ Nếu một Tỳ kheo dung dưỡng chúng, và không dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, chấm dứt chúng và xóa sổ chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Ta đang sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự như vậy đã được đức Thế Tôn gọi là sự sa sút’.

“Thêm nữa, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nghe thấy một *âm-thanh* bằng *tai* ... nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng *tâm*, ngay đó khởi sinh trong người đó ‘những trạng-thái, những sự-nhớ và những ý-định’ bất thiện xấu ác có nối kết với những gông-cùm. Nếu một Tỳ kheo dung dưỡng chúng, và không dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, chấm dứt chúng và xóa sổ chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Ta đang sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự như vậy đã được đức Thế Tôn gọi là sự sa sút’.

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một người sẽ bị sa sút.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người ‘không bị sa sút’? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một người nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, ngay đó khởi sinh trong người đó ‘những trạng-thái, những sự-nhớ và những ý-định’ bất thiện xấu ác có nối kết với những gông-

cùm. Nếu một Tỳ kheo *không* dung dưỡng chúng mà dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, chấm dứt chúng và xóa sổ chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Ta đang *không* sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự như vậy đã được đức Thế Tôn gọi là sự không sa sút.’

“Thêm nữa, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nghe thấy một *âm-thanh* bằng tai ... nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng tâm, ngay đó khởi sinh trong người đó ‘những trạng-thái, những sự-nhớ và những ý-định’ bất thiện xấu ác có nối kết với những gông-cùm. Nếu một Tỳ kheo *không* dung dưỡng chúng nhưng dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, chấm dứt chúng và xóa bỏ chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Ta đang *không* sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự như vậy đã được đức Thế Tôn gọi là sự không sa sút.’

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một người ‘không bị sa sút’.”

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sáu cơ-sở (sáu xứ, sáu giác-quan) đã được chế ngự?⁸⁰ Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một *hình-sắc* bằng mắt, ngay đó *không* khởi sinh trong tâm người đó những trạng-thái, hay những sự-nhớ, hay những ý-định bất thiện xấu ác nào có nối kết với những gông-cùm. Tỳ kheo đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Cơ-sở (xứ, giác-quan) này đã được chế ngự. Vì sự này đã được đức Thế Tôn gọi là ‘một cơ-sở được chế ngự’.’

“Thêm nữa, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nghe thấy một *âm-thanh* bằng tai ... nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng tâm, ngay đó *không* khởi sinh trong tâm người đó những trạng-thái, hay những sự-nhớ, hay những ý-định bất thiện xấu ác nào có nối kết với những gông-cùm. Tỳ kheo đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Cơ-sở này đã được chế ngự. Vì sự này đã được đức Thế Tôn gọi là ‘một cơ-sở được chế ngự’.’

“Này các Tỳ kheo, đó được gọi là sáu cơ-sở đã được chế ngự.”

(SN 35:96)

97 (4) Sống Lơ Tâm

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về người sống một cách lơ-tâm (phóng dật), và về người sống một cách chuyên-chú (chuyên cần). Hãy lắng nghe điều đó....

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người sống một cách lơ-tâm? Nếu người sống *không có sự kiểm chế căn-mắt* (nhãn căn), thì cái tâm bị chôn lấp [lấp đất]⁸¹ trong những hình-sắc được nhận biết bởi mắt. Nếu tâm bị chôn lấp như vậy, thì không có sự niềm-vui. Không có niềm-vui, thì không có sự hoan-hỷ (hỷ). Không có sự hoan-hỷ, thì không có sự tĩnh-lặng (khinh an). Không có sự tĩnh-lặng, thì người đó sống trong khổ đau.⁸² Tâm của người sống trong sự khổ đau thì không đạt-định được. Khi tâm không đạt-định, thì các hiện-tượng không thể-hiện (hiển lộ, hiện thị... đúng như chúng thực là). Bởi do những hiện-tượng (các pháp) không thể-hiện, nên người đó được quy là ‘người sống một cách lơ-tâm phóng dật’.⁸³

“Nếu một người sống *không có sự kiểm chế căn tai* (nhĩ căn), thì cái tâm bị chôn lấp trong những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... Nếu một người sống *không có sự kiểm chế căn tâm* (tâm căn), thì cái tâm bị chôn lấp trong những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm.... Bởi do những hiện-tượng (các pháp) không thể-hiện, nên người đó được quy là ‘người sống một cách lơ-tâm phóng dật’.

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là ‘một người sống một cách lơ tâm phóng dật’.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một *người sống một cách chuyên-chú*? Nếu một người sống *với sự kiểm chế căn-mắt* (nhãn căn), thì cái tâm *không* bị chôn lấp trong những hình-sắc được nhận biết bởi mắt. Nếu tâm *không* bị chôn lấp như vậy, thì có niềm-vui. Khi có niềm-vui, thì có sự hoan-hỷ (hỷ). Khi có sự hoan-hỷ, thì có sự tĩnh-lặng

(khinh an). Khi có sự tĩnh-lặng, thì người đó trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc). Tâm của người sống trong sự hạnh phúc thì đạt-định được. Khi tâm đạt-định, thì các hiện-tượng sẽ thể-hiện (hiển lộ, hiện thị... đúng như chúng thực là). Do những hiện-tượng (các pháp) thể-hiện ra, nên người đó được quy là ‘người sống một cách chuyên-chú’.

“Nếu một người sống với sự *kiềm chế căn-tai* (nhĩ căn), thì cái tâm *không* bị chôn lấp trong những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... Nếu một người sống với sự *kiềm chế căn-tâm* (tâm căn), thì cái tâm *không* bị chôn lấp trong những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm.... Do những hiện-tượng (các pháp) thể-hiện ra, nên người đó được quy là ‘người sống một cách chuyên-chú’.

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là ‘một người sống một cách chuyên chú’.”

(SN 35:97)

98 (5) Sự Kiềm Chế

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự *kiềm-chế* và sự không *kiềm-chế*. Hãy lắng nghe điều đó....

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào có sự không *kiềm-chế*? Này các Tỳ kheo, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi *mắt* như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Tôi đang sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự này đã được đức Thế Tôn gọi là ‘sự sa sút’.’

“Này các Tỳ kheo, có *những âm-thanh* được nhận biết bởi *tai* ... *những hiện-tượng thuộc tâm* được nhận biết bởi *tâm* như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một

Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Tôi đang sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự này đã được đức Thế Tôn gọi là ‘sự sa sút’.’

“Này các Tỳ kheo, như vậy là sự không kiểm-chế.

(2) “Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, *không* chào đón chúng, và *không* ôm dính theo chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Tôi đang không sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự này đã được đức Thế Tôn gọi là ‘sự không sa sút’.’

“Này các Tỳ kheo, có *những âm-thanh* được nhận biết bởi *tai* ... *những hiện-tượng thuộc tâm* được nhận biết bởi *tâm* như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, *không* chào đón chúng, và *không* ôm dính theo chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Tôi đang không sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự này đã được đức Thế Tôn gọi là ‘sự không sa sút’.’

“Này các Tỳ kheo, như vậy là sự kiểm-chế.”

(SN 35:98)

99 (6) Sự Định-Tâm

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Một Tỳ kheo đạt-định thì hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.⁸⁴

“Và cái gì mà người đó hiểu được đúng như chúng thực là? Người đó hiểu đúng như nó thực là như vậy: ‘Mắt là vô thường’. Người đó hiểu đúng như nó thực là như vậy: ‘Những hình-sắc là vô thường’. Người đó hiểu đúng như nó thực là như vậy: ‘Thức-mắt là vô thường’.

Người đó hiểu đúng như nó thực là như vậy: ‘Sự tiếp-xúc mắt là vô thường’. Người đó hiểu đúng như nó thực là như vậy: ‘Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường’.

“Người đó hiểu đúng như nó thực là như vậy: ‘Tâm là vô thường’ ... Người đó hiểu đúng như nó thực là như vậy: ‘Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường’.

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Một Tỳ kheo đạt-định thì hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.”

(SN 35:99)

100 (7) Sự Ẩn Dật

“Này các Tỳ kheo, hãy nỗ lực (tu tập) trong sự ẩn dật (sự tách-ly về thân, ẩn cư, ẩn tu). Một Tỳ kheo sống tu ẩn dật thì hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.”

[Phần còn lại giống hết bài kinh kể trên.]

(SN 35:100)

101 (8) Không Phải Của-Ta (1)

“Này các Tỳ kheo, thứ gì không phải của-ta [không phải của các thầy’], hãy dẹp bỏ nó.⁸⁵ Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho các thầy. Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thứ không phải của-ta? Mắt không phải là của-ta: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho các thầy. Những hình-sắc không phải là của-ta ... Thức-mắt không phải là của-ta ... Sự tiếp-xúc mắt không phải là của-ta ... Mọi thứ cảm-giác

khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sừng hay khô hay trung tính— cũng không phải là của-ta: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho các thầy.

“Tai không phải là của-ta ... Tâm không phải là của-ta ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều kiện (duyên)—dù sừng hay khô hay trung tính— cũng không phải là của-ta. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho các thầy.

- “Này các Tỳ kheo, giả sử người ta dọn hết cỏ, cây, cành, lá trong cả Khu Vườn này của Thái tử Jeta, hoặc đốt chúng đi, hoặc xử lý chúng theo ý họ. Vậy các thầy có nghĩ (điều đó đồng nghĩa rằng): ‘Người ta đang dọn ‘chúng ta’ đi, hoặc đang đốt hết ‘chúng ta’, hay đang xử lý ‘chúng ta’ theo ý họ, hay không?’”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý gì? Bởi vì, thưa Thế Tôn, (cỏ, cây, cành, lá) đó đâu phải là ‘chúng ta’ hay ‘thuộc về chúng ta’.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mắt không phải là của-ta ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều kiện (duyên)— cũng không phải là của-ta: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho các thầy.”

(SN 35:101)

102 (9) Không Phải Của-Ta (2)

[Giống hết kinh kể trên, ngoại trừ không có phần ví dụ.]

(SN 35:102)

103 (10) Uddaka

“Này các Tỳ kheo, Uddaka Rāmaputta đã từng tuyên bố như vậy:

“‘Đây, chắc chắn là một bậc thầy hiểu-biết—
Đây, chắc chắn là một bậc chinh phục vũ trụ—
Đây, chắc chắn là người đã cắt bỏ
Gốc ung nhọt chưa được cắt bỏ trước đây!’⁸⁶

“Này các Tỳ kheo, mặc dù bản thân Uddaka Rāmaputta không phải là một bậc thầy về hiểu-biết (bậc trí sư), nhưng ông đã tuyên bố: ‘Ta là một bậc thầy hiểu-biết’. Mặc dù bản thân ông không phải là một bậc chinh phục vũ trụ (bậc chinh phục tất cả), nhưng ông đã tuyên bố: ‘Ta là một bậc chinh phục vũ trụ’. Mặc dù bản thân ông chưa cắt bỏ gốc ung nhọt, nhưng ông đã tuyên bố: ‘Ta đã cắt bỏ gốc ung nhọt’. Nhưng ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nói một cách đúng đắn có thể nói như vậy:

“‘Đây, chắc chắn là một bậc thầy hiểu-biết—
Đây, chắc chắn là một bậc chinh phục vũ trụ—
Đây, chắc chắn là người đã cắt bỏ
Gốc ung nhọt chưa được cắt bỏ trước đây!’

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là một bậc thầy về hiểu-biết? Khi một Tỳ kheo hiểu được nguồn-gốc, sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với *sáu cơ-sở tiếp xúc* (bên trong và bên ngoài) đúng như chúng thực là; một Tỳ kheo như vậy một bậc-thầy về hiểu-biết.

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là một bậc chinh phục vũ trụ? Khi, sau khi hiểu được nguồn-gốc, sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với *sáu cơ-sở tiếp xúc* đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp; một Tỳ kheo như vậy đó là một bậc chinh phục vũ trụ.

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo đã cắt bỏ hết

gốc ung nhọt chưa được cắt bỏ trước đó? Này các Tỳ kheo, ‘ung nhọt’: đây là một cách để chỉ thân này gồm bốn yếu tố lớn (tứ đại), bắt nguồn từ mẹ và cha, được nuôi lớn từ cơm và cháo, (mang bản chất) vô thường, phải bị chà xát và đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã.⁸⁷ Và ‘gốc ung nhọt’ là một cách để chỉ dục-vọng. Khi dục-vọng đã được dẹp bỏ bởi một Tỳ kheo, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai, thì trong trường hợp như vậy là một Tỳ kheo đã cắt bỏ gốc ung nhọt chưa bị cắt bỏ trước đó.

“Này các Tỳ kheo, mặc dù bản thân Uddaka Rāmaputta không phải là một bậc-thầy về hiểu-biết, nhưng ông đã tuyên bố: ‘Ta là một bậc-thầy hiểu-biết’.... Nhưng ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nói một cách đúng đắn có thể nói như vậy:

“‘Đây, chắc chắn là một bậc thầy hiểu-biết—
Đây, chắc chắn là một bậc chinh phục vũ trụ—
Đây, chắc chắn là người đã cắt bỏ,
Gốc ung nhọt chưa được cắt bỏ trước đây!’

(SN 35:103)

PHẦN III

‘NĂM MƯỜI KINH THỨ BA’

NHÓM 1

NHÓM ‘AN TOÀN KHỎI SỰ TRÓI BUỘC’

(*Yogakkhemi-vagga*)

104 (I) *An Toàn Khỏi Sự Trói-Buộc*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài thuyết giảng Giáo Pháp về chủ đề ‘người tuyên bố sự phân-đầu (tinh cần) để đạt tới sự an-toàn khỏi sự trói-buộc’.⁸⁸ Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bài thuyết giảng Giáo Pháp về chủ đề ‘người tuyên bố sự phân-đầu để đạt tới sự an-toàn khỏi sự trói buộc’? Này các Tỳ kheo, có những *hình-sắc* được nhận biết bởi *mắt* như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Những thứ đó đã bị dẹp bỏ bởi Như Lai, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Bậc ấy tuyên bố một sự phân-đầu [nên được làm] để dẹp bỏ được chúng. Do vậy, Như Lai được gọi là ‘người tuyên bố sự phân-đầu để trở nên an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc’.⁸⁹

“Này các Tỳ kheo, có những *âm-thanh* được nhận biết bởi *tai* ... những *hiện-tượng thuộc tâm* được nhận biết bởi *tâm* như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Những thứ đó đã bị dẹp bỏ bởi Như Lai, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Bậc

ấy tuyên bố một sự phân-đầu [nên được làm] để dẹp bỏ được chúng. Do vậy, Như Lai được gọi là ‘người tuyên bố sự nỗ-lực để trở thành an-toàn thoát khỏi mọi sự trói buộc’.

“Này các Tỳ kheo, đây là bài thuyết giảng Giáo Pháp về chủ đề ‘người tuyên bố sự phân-đầu để đạt tới sự an-toàn khỏi sự trói buộc.’”

(SN 35:104)

105 (2) Do Dính Chấp

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt), do dính chấp (chấp thủ) vào cái gì, nên có sự sừng và khổ khởi sinh ở bên-trong?”⁹⁰

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

(1) “Này các Tỳ kheo, khi có *mắt*, do dính chấp vào *mắt*, nên có sừng và khổ sinh ở bên-trong. Khi có *tai ... tâm*, do dính chấp vào *tai ... tâm*, nên có sừng và khổ khởi sinh ở bên-trong.

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn.”

“Thứ gì vô thường là khổ hay sừng?”

“Khổ, thưa Thế Tôn”

“Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì ‘vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi’ thì liệu sừng và khổ có khởi sinh ở bên-trong, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ... Tâm là thường hằng hay vô thường?

Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì ‘vô thường, khổ, và luôn

bị thay đổi’ thì liệu sướng và khổ có khởi sinh ở bên trong, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt ... tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:105)

106 (3) Nguồn Gốc Khổ

[Giống hết kinh SN 12:43 (Quyển 2)]

(SN 35:106)

107 (4) Nguồn Gốc Thế Giới

[Giống hết kinh SN 12:44 (Quyển 2)]

(SN 35:107)

108 (5) Ta Tốt Hơn, Ta Kém Hơn...

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt), do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh ý nghĩ: ‘Ta tốt hơn’, hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’?”⁹¹

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

(1) “Này các Tỳ kheo, khi có *mắt*, do dính chấp vào mắt, do cố chấp vào mắt, nên khởi sinh ý nghĩ: ‘Ta tốt hơn’, hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’. Khi có *tai ... tâm*, do dính chấp vào tai ... tâm, do cố chấp vào tai ... tâm, nên khởi sinh ý nghĩ: ‘Ta tốt hơn’, hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’.

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, *mắt ... tâm* là vô thường hay thường hằng?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”...

“Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì ‘vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi’ thì liệu có khởi sinh ý nghĩ: ‘Ta tốt hơn’, hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với *mắt ... tâm ...* Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

(SN 35:108)

109 (6) *Những Thứ Gong Cùm*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ gông cùm (trói buộc mình) và gông-cùm. Hãy lắng nghe điều đó....⁹²

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ gông cùm, và cái gì là gông-cùm? Này các Tỳ kheo, *mắt* là một thứ gông cùm (mình); sự tham-muốn và nhục-dục đối với *mắt* chính là gông-cùm ở đó. *Tai* là một thứ gông cùm (mình) ... *Tâm* là một thứ gông cùm (mình); sự tham-muốn và nhục-dục đối với *tâm* chính là gông-cùm ở đó. Những thứ này được gọi là những thứ gông cùm (mình), và đây là gông-cùm.”

(SN 35:109)

110 (7) Những Thứ Có Thể Bị Dính Chấp

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ (mình) có thể bị dính chấp, và sự dính-chấp. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ (mình) có thể bị dính-chấp, và cái gì là sự dính-chấp. Này các Tỳ kheo, *mắt* là một thứ (mình) có thể bị dính chấp (vào nó); sự tham-muốn và nhục-dục đối với nó chính là sự dính-chấp ở đó. *Tai* là một thứ (mình) có thể bị dính chấp ... *Tâm* là một thứ (mình) có thể bị dính chấp, sự tham-muốn và nhục-dục đối với nó chính là sự dính-chấp ở đó. Những thứ này được gọi là những thứ (mình) có thể bị dính chấp, và đây là sự dính-chấp.”

(SN 35:110)

111 (8) Hoàn-Toàn Hiểu (1)

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu *mắt*,⁹³ nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt khổ đau. Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu *tai* ... *tâm*, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt khổ. Nhưng, bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu *mắt* ... *tâm*, bằng cách tu tập sự chán-bỏ và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu có thể tiêu diệt khổ.”

(SN 35:111)

112 (9) Hoàn-Toàn Hiểu (2)

[Giống hết kinh **111** kể trên, nhưng nói theo cách sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài (sáu đối-tượng giác quan).]

(SN 35:112)

113 (10) Lén Lắng Nghe

[Giống hết kinh **SN 12:45 (Quyển 2)**]

(SN 35:113)

NHÓM 2

NHÓM ‘THẾ GIỚI & NĂM DÂY DỤC-LẠC’

(*Lokakāmaguṇa-vagga*)

114 (1) *Cạm Bẫy của Ma Vương (1)*

(1) “Này các Tỳ kheo, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi *mắt* như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã bước vào hang ổ của Ma Vương, là người đã ở dưới sự kiểm soát của Ma Vương; cạm bẫy của Ma Vương đã được siết chặt đối với người đó cho nên người đó bị dính buộc trong sự trói-buộc của Ma Vương, và Ác Ma đó có thể làm gì người đó cũng được.⁹⁴

“Này các Tỳ kheo, có *những âm-thanh* được nhận biết bởi *tai* ... có *những hiện-tượng thuộc tâm* được nhận biết bởi *tâm* như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng ... Ác Ma đó có thể làm gì người đó cũng được.

(2) “Này các Tỳ kheo, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi *mắt* như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã không bước vào hang ổ của Ma Vương, là người đã không ở dưới sự kiểm soát của Ma Vương; cạm bẫy của Ma Vương đã được tháo gỡ đối với người đó cho nên người đó không bị dính buộc trong sự trói-buộc của Ma Vương, và Ác Ma đó không thể làm gì được người đó.

“Này các Tỳ kheo, có *những âm-thanh* được nhận biết bởi *tai* ...

có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng ... Ác Ma đó không thể làm gì được người đó.

(SN 35:114)

115 (2) *Cạm Bẫy của Ma Vương (2)*

(1) “Này các Tỳ kheo, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi *mắt* như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo *bị dính buộc* trong những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, là người đã bước vào hang ổ của Ma Vương, người đã ở dưới sự kiểm soát của Ma Vương; [cạm bẫy của Ma Vương đã được siết chặt đối với người đó cho nên người đó bị dính buộc trong sự trói-buộc của Ma Vương]⁹⁵ và Ác Ma đó có thể làm gì người đó cũng được.

“Này các Tỳ kheo, có *những âm-thanh* được nhận biết bởi *tai* ... có *những hiện-tượng thuộc tâm* được nhận biết bởi *tâm* như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng ... Ác Ma đó có thể làm gì người đó cũng được.

(2) “Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo *được tự do* khỏi những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, đã *không* bước vào hang ổ của Ma Vương, là người đã không ở dưới sự kiểm soát của Ma Vương; [cạm bẫy của Ma Vương đã được tháo gỡ đối với người đó cho nên người đó không bị dính buộc

trong sự trói-buộc của Ma Vương] và Ác Ma đó không thể làm gì được người đó.

“Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng ... Ác Ma đó không thể làm gì được người đó.

(SN 35:115)

116 (3) Đi Tới Chỗ Châm-Dứt Thế Giới

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng chỗ kết-thúc [chỗ chấm-dứt] của thế giới không thể nào được biết, được thấy, hay đạt tới được bằng cách bước đi (du hành tới đó). Nhưng, này các Tỳ kheo, ta cũng nói rằng nếu không đạt tới chỗ kết-thúc thế giới thì cũng không tới (làm) được sự chấm-dứt đối với khổ đau.”⁹⁶

Sau khi nói như vậy, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vào chỗ-ở của mình.⁹⁷

Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo đã suy xét: “Này các đạo hữu, giờ đức Thế Tôn đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ-ở của mình, sau khi đã đọc một câu văn tắt mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết. Giờ ai sẽ giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của điều mới được đức Thế Tôn mới đọc một cách văn tắt?”

Rồi họ suy xét: “Ngài Ānanda được khen ngợi bởi vị Sư Thầy và được tôn trọng bởi những huynh đệ hiện trí của thầy ấy trong đời sống thánh thiện; thầy Ānanda có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của điều mới được đức Thế Tôn mới đọc một cách văn tắt mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết. Chúng ta hãy đến gặp thầy ấy và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này.”

Rồi các Tỳ kheo đó đã đến gặp thầy Ānanda, và sau khi xong phần chào hỏi qua lại, họ ngồi xuống một bên, và kể lại cho thầy ấy điều mới xảy ra, và nói thêm: “Mong thầy Ānanda giảng giải điều đó cho chúng tôi.”

[Thầy Ānanda trả lời:] “Này các đạo hữu, điều này giống như một người đang cần gỗ lõi, đang kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, nhưng lại bỏ đi phần thân và gốc của một cây lớn đang đứng có chứa gỗ lõi, bỏ người đó nghĩ nên tìm kiếm gỗ lõi trong nhánh và lá cây hay sao! Và điều này cũng giống như quý vị ở đây: khi quý vị đã được trực diện gặp vị Sư Thầy nhưng quý vị lại bỏ qua đức Thế Tôn, bỏ quý vị nghĩ nên đi hỏi tôi về ý nghĩa của điều đó hay sao! Bởi vì, này các đạo hữu, về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự-thấy, đức Thế Tôn thấy; đức Thế Tôn đã trở thành tâm-nhìn, bậc ấy đã trở thành trí-biết, bậc ấy đã trở thành Giáo Pháp, bậc ấy đã trở thành bậc thánh-thiên; là người thuyết giảng, người tuyên bố, người làm sáng tỏ ý nghĩa, là người ban tặng [của] sự Bất-tử, bậc chúa tể [của] Giáo Pháp, bậc Như Lai. Lúc đó là lúc quý vị nên hỏi đức Thế Tôn ý nghĩa của điều đó. Khi có đức Thế Tôn giảng giải điều đó cho quý vị, quý vị sẽ ghi nhớ nó.”

“Chắc chắn là vậy, này đạo hữu Ānanda, về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự-thấy, đức Thế Tôn thấy; đức Thế Tôn đã trở thành tâm-nhìn ... Như Lai. Lúc đó là lúc chúng tôi nên hỏi đức Thế Tôn ý nghĩa của điều đó. Khi có đức Thế Tôn giảng giải điều đó cho chúng tôi, chúng tôi sẽ ghi nhớ điều đó. Nhưng thầy Ānanda được khen ngợi bởi đức Thế Tôn và được tôn trọng bởi những huynh đệ hiền trí của thầy trong đời sống thánh thiện; thầy Ānanda có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được đức Thế Tôn nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải một cách chi tiết. Mong thầy Ānanda giảng giải điều đó mà không thấy bị phiền phức.”

“Vậy thì, này các đạo hữu, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói.”

“Được, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Ānanda đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ ở của mình sau khi đã đọc một câu vấn tắt mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết, rằng: ‘Này các Tỳ kheo, ta nói rằng chỗ kết-thức của thế giới không thể nào được biết, được thấy, hay đạt tới được bằng cách bước đi (du hành tới đó). Nhưng, này các Tỳ kheo, ta cũng nói rằng nếu không đạt tới chỗ kết-thức thế giới thì cũng không tới (làm) được sự chấm-dứt khổ đau.’ Tôi hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của câu vấn tắt đó như sau: rằng trong thế giới qua đó con người là một người nhận-thức thế giới, một người nhìn-nhận (tưởng ra, hình dung, nghĩ ra) thế giới— đây được gọi là thế giới theo Giới Luật của Thánh Nhân.⁹⁸

“Và, này các đạo hữu, cái gì trong thế giới mà qua đó con người là một người nhận-thức thế giới, một người nhìn-nhận thế giới? *Mắt* là thứ trong thế giới qua đó con người là một người nhận-thức thế giới, một người nhìn-nhận thế giới.⁹⁹ *Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ... Tâm* là thứ trong thế giới thông qua đó con người là một người nhận-thức thế giới, một người nhìn-nhận thế giới. Thứ trong thế giới thông qua đó con người là một người nhận-thức thế giới, một người nhìn-nhận thế giới— thứ này được gọi là thế giới theo Giới Luật của Thánh Nhân.

“Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ ở của mình sau khi đã đọc một câu vấn tắt mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết, rằng: ‘Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự chấm-dứt của thế giới không thể nào được biết, được thấy, hay đạt tới được bằng cách bước đi. Nhưng, này các Tỳ kheo, ta cũng nói rằng nếu không đạt tới sự chấm-dứt của thế giới thì cũng không làm được sự chấm-dứt đối với khổ đau.’ Tôi hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của câu vấn tắt đó là như vậy. Giờ, này các đạo hữu, nếu các thầy muốn, đến gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của điều này. Khi có đức Thế Tôn giảng giải điều đó cho các thầy, các thầy nên ghi nhớ nó.”

“Được, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, họ đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn tất cả điều đã xảy ra từ sau lúc đức Thế Tôn đã đi trước đó, và nói thêm:

“Sau đó, thưa đức Thế Tôn, chúng con đã đến gặp thầy Ānanda và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều đó. Thầy Ānanda đã giảng giải ý nghĩa cho chúng con theo cách như vậy, với những từ ngữ như vậy, với những câu chữ như vậy.”

“Này các Tỳ kheo, Ānanda là người hiền trí, Ānanda là người đại trí. Nếu các thầy đã hỏi ta về ý nghĩa của điều đó, thì ta cũng giải thích nó cho các thầy giống như cách thầy Ānanda đã giải thích. Ý nghĩa của điều đó là như vậy, và vì vậy các thầy nên ghi nhớ nó.”

(SN 35:116)

117 (4) Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác ngộ, khi ta còn là một bò-tát, chưa giác ngộ hoàn toàn, ý này đã xảy đến với ta: ‘Tâm của ta đã thường đi lạc tới (theo) năm dây khoái-lạc giác-quan (dục lạc; ngũ dục) vốn đã từng để lại ấn tượng trong tâm (tức: chúng đã từng được trải nghiệm bởi tâm trước đó)¹⁰⁰ nhưng đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi; hoặc thường đi lạc tới năm dây khoái-lạc giác-quan hiện tại; hoặc hơi chạy tới năm dây khoái-lạc giác-quan trong tương lai.’ Rồi điều này đã xảy đến với ta: ‘Sau khi đã quyết tâm vì phúc lợi của chính mình,¹⁰¹ ta nên thực hành sự chuyên-chú, sự chánh-niệm, và sự phòng-hộ cái tâm đối với năm dây khoái-lạc giác-quan vốn đã từng để lại ấn tượng trong tâm nhưng đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi.’”

“Vì vậy, này các Tỳ kheo, trong trường hợp tâm của các thầy cũng thường đi lạc theo năm dây khoái-lạc giác-quan vốn đã từng để lại ấn

tượng trong tâm nhưng đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi; hoặc thường đi lạc theo năm dây khoái-lạc giác-quan hiện tại; hoặc hơi chạy theo năm dây khoái-lạc giác-quan trong tương lai. Do vậy, này các Tỳ kheo, sau khi đã quyết tâm vì phúc lợi của chính mình, các thầy nên tu tập sự chuyên-chú, sự chánh-niệm, và sự phòng-hộ cái tâm đối với năm dây khoái-lạc giác-quan vốn đã từng để lại ấn tượng trong tâm nhưng đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi.

“Nhu vậy, này các Tỳ kheo, cái cơ-sở (cảm-nhận) đó nên được hiểu,¹⁰² thì ngay đó *mất* chấm dứt và nhận-thức về *những hình-sắc* phai biến.¹⁰³ Cái cơ-sở đó nên được hiểu, thì ngay đó *tai* chấm dứt và nhận-thức về *những âm-thanh* phai biến ... Cái cơ-sở đó nên được hiểu, thì ngay đó *tâm* chấm dứt và nhận-thức về *những hiện-tượng thuộc tâm* phai biến. Cơ-sở đó nên được hiểu.”

Sau khi nói điều này, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở của mình. Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo đã suy xét ... [*Tiếp tục đoạn kinh về các Tỳ kheo đến nhờ thầy Ānanda giảng giải chi tiết như kinh kể trên, cho tới chỗ:*] ... Thầy Ānanda đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở của mình sau khi đọc một câu vấn tắt mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết, rằng: ‘Nhu vậy, này các Tỳ kheo, cái cơ-sở (cảm nhận) đó nên được hiểu, thì ngay đó *mất* chấm dứt và nhận-thức về *những hình-sắc* phai biến ... Cơ-sở đó nên được hiểu.’— thì tôi hiểu một cách chi tiết ý nghĩa câu vấn tắt này là như sau: Này các đạo hữu, câu này được đức Thế Tôn nói ra liên quan tới sự chấm-dứt của *sáu cơ-sở cảm-nhận*.”¹⁰⁴

“Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở của mình sau khi đọc một câu vấn tắt mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết, rằng ... — thì tôi hiểu ý nghĩa một cách chi tiết

ý nghĩa câu vấn tắt này là như vậy. Giờ, này các đạo hữu, nếu các thầy muốn, hãy đến gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của điều này. Khi có đức Thế Tôn giảng giải điều đó cho các thầy, các thầy nên ghi nhớ nó.”

“Được, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, họ đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn tất cả điều đã xảy ra từ sau lúc đức Thế Tôn đã đi trước đó, và nói thêm:

“Sau đó, thưa đức Thế Tôn, chúng con đã đến gặp thầy Ānanda và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều đó. Thầy Ānanda đã giảng giải ý nghĩa cho chúng con theo cách như vậy, với những từ ngữ như vậy, với những câu chữ như vậy.”

“Này các Tỳ kheo, Ānanda là người hiền trí, Ānanda là người đại trí. Nếu các thầy đã hỏi ta về ý nghĩa của điều đó, thì ta cũng giải thích nó cho các thầy giống như cách thầy Ānanda đã giải thích. Ý nghĩa của điều đó là như vậy, và vì vậy các thầy nên ghi nhớ nó.”

(SN 35:117)

118 (5) Câu Hỏi Của Vua Trời Đế-Thích

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó có vua trời Đế-thích [Sakka], vua của các thiên thần, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và đứng qua một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh ở đây không đạt tới (chứng ngộ) Niết-bàn trong kiếp này? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh (khác) ở đây đạt tới Niết-bàn ngay trong kiếp này?”

(1) “Này vua của các thiên thần, có *những hình-sắc* được nhận

biết bởi *mắt* như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì thức của người đó trở thành (bị) phụ thuộc theo chúng và dính chấp vào chúng. Một Tỳ kheo còn dính chấp thì không đạt tới Niết-bàn.¹⁰⁵

“Này vua của các thiên thần, có *những âm-thanh* được nhận biết bởi *tai* ... *những hiện-tượng thuộc tâm* được nhận biết bởi *tâm* như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì thức của người đó trở thành (bị) phụ thuộc theo chúng và dính chấp vào chúng. Một Tỳ kheo còn dính chấp thì không đạt tới Niết-bàn.

“Đây là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh ở đây không đạt tới Niết-bàn trong kiếp này.

(2) “Này vua của các thiên thần, có những hình-sắc được nhận biết bởi *mắt* ... *những hiện-tượng thuộc tâm* được nhận biết bởi *tâm* như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì thức của người đó *không* trở thành (bị) phụ thuộc theo chúng hay dính chấp vào chúng. Một Tỳ kheo không còn dính chấp thì đạt tới Niết-bàn.

“Đây là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh (khác) ở đây đạt tới Niết-bàn ngay trong kiếp này.”

(SN 35:118)

119 (6) Câu Hỏi của Pañcasikha

[Giống *hệt kinh kể trên*, ngoại trừ người hỏi đổi thành Pañcasikha, con của một thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà

(*gandhabba*)]¹⁰⁶

(SN 35:119)

120 (7) Xá-Lợi-Phất

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy đó ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Đạo hữu Xá-lợi-phất, có một Tỳ kheo là người ở chung chỗ với tôi vừa mới bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.”

“Quả đúng là vậy, này đạo hữu, khi một người *không phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận* (các giác quan), *ăn uống quá độ*, và *không hết mình vì sự tỉnh-thức* (giác ngộ). Hông lẽ một người không phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, ăn uống quá độ, và không hết mình vì sự tỉnh-thức mà sẽ duy trì được toàn bộ đời sống thánh thiện trong sạch suốt đời được hay sao— điều đó là không thể được! Nhưng, này đạo hữu, nếu một người *biết phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận*, là người *tiết độ trong ăn uống* (chùng mực, đủ cho mực đích chân chính là nuôi thân để tu), và là người *sống hết mình vì sự tỉnh-thức* thì sẽ duy trì được toàn bộ đời sống thánh thiện trong sạch suốt đời— điều này là có thể được!

(1) “Và, này đạo hữu, theo cách nào một người *phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận*? Ở đây, khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, một Tỳ kheo *không* nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét (hình tướng và đặc tính) của nó.¹⁰⁷ Bởi vì, nếu người đó để lơ *căn-mắt* (nhãn căn) không được kiểm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm người đó; người đó tu tập phương pháp kiểm chế nó,

người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách việc kiểm chế căn-mắt.

“Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... Khi ném thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... Khi chạm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-tai (nhĩ căn) ... căn-tâm (tâm căn) không được kiểm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm người đó; người đó tu tập phương pháp kiểm chế nó, người đó phòng hộ căn-tai ... căn-tâm, người đó đảm trách việc kiểm chế căn-tai ... căn-tâm. Nay đạo hữu, chính theo cách như vậy là người đó phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận.

(2) “Và, này đạo hữu, theo cách nào một người là tiết độ trong ăn uống? Ở đây, sau khi suy xét một cách khôn khéo, một Tỳ kheo ăn uống không phải để giải trí (thích thú), không phải để chuốc độc, không phải để cho thân thể đẹp đẽ và hấp dẫn, mà chỉ để nuôi sống và duy trì thân này, để khỏi bị khó-ở (vì yếu, đau, bệnh tật), và để hỗ trợ đời sống thánh thiện (nuôi thân để tu), nghĩ rằng: ‘Làm vậy ta trừ diệt cảm-giác cũ (như đói, khát, thèm) và không phát khởi một cảm-giác mới (thấy thích, thấy khoái, thấy mê thèm thức ăn ngon...), và ta được khỏe mạnh, và không bị tội lỗi (bị chê trách), và sống được thoải-mái.’¹⁰⁸ Nay đạo hữu, chính theo cách như vậy là người đó tiết độ trong ăn uống.

(3) “Và, này đạo hữu, theo cách nào là một người sống hết mình vì sự tỉnh-thức? Ở đây, suốt ngày, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại (năm chướng-ngại). Trong canh một ban đêm, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh giữa, người đó nằm nghiêng bên phải như tư thế sư tử nằm, với chân trái nằm trên chân phải, có chánh-niệm và có sự rõ-biết, lưu ý trong tâm về lúc (thời điểm) mình sẽ dậy. Rồi đến canh ba, sau khi đã dậy, trong khi đang đi

tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Nay đạo hữu, chính theo cách như vậy là một người sống hết mình (*dành hầu hết thời gian*) cho sự tỉnh-thức.

“Vì vậy, nay đạo hữu, thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận; chúng ta sẽ tiết độ trong ăn uống; chúng ta sẽ sống hết mình vì sự tỉnh-thức.’ Nay đạo hữu, thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 35:120)

121 (8) Sự Khởi Xướng Cho Rāhula

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika).¹⁰⁹ Lúc đó, trong khi đức Thế Tôn đang ở một mình trong nơi ẩn cư, một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm đức Thế Tôn như vậy: “Những trạng thái (dần) chín muồi tới sự giải-thoát đã dẫn tới sự chín-muồi trong Rāhula (sự chín muồi là đã chín chắn trong sự nghiệp tu hành, đã sắp tu thành). Vậy ta hãy dẫn dắt thầy ấy thêm bước nữa để đi tới sự tiêu diệt ô-nhiễm.”¹¹⁰

Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, và mang theo bình bát và cà sa, đi khát thực trong thành Sāvathī. Sau khi đức Thế Tôn trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đã nói với thầy Rāhula như vậy: “Này Rāhula, hãy lấy theo tấm lót ngồi. Chúng ta hãy đến (chỗ được gọi là) Khu Vườn Người Mù để an trú ban ngày.”

“Dạ, thưa đức Thế Tôn”, thầy Rāhula đáp lại, và sau khi lấy theo tấm lót chỗ ngồi, thầy ấy đi theo sát đức Thế Tôn.

Bấy giờ, vào lúc đó có nhiều ngàn thiên thần cũng đang theo đức Thế Tôn, họ nghĩ rằng: “Hôm nay đức Thế Tôn sẽ dẫn dắt Ngài Rāhula

thêm bước nữa để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm.”¹¹¹

Rồi đức Thế Tôn đi sâu vô Khu Vườn Người Mù và ngồi xuống chỗ một gốc cây đã được dọn sẵn cho đức Thế Tôn. Thầy Rāhula cúi chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn nói với thầy ấy:

“Này Rāhula, thầy nghĩ sao, mắt là vô thường hay thường hằng? – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’ hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Những hình-sắc là vô thường hay thường hằng? ... Thức-mắt ... Sự tiếp-xúc mắt ... Mọi thứ có trong cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức đã khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên): là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’ hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Tai ... Tâm là vô thường hay thường hằng? ... Những hiện-tượng thuộc tâm ... Thức-tâm ... Sự tiếp-xúc tâm ... Mọi thứ có trong cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức đã khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên): là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’ hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, sự ghê-sợ đối với những hình-sắc, sự ghê-sợ đối với thức-mắt, sự ghê-sợ đối với sự

tiếp-xúc mắt; sự ghê-sợ đối với mọi thứ có trong cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức đã khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên). Người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với tai ... tâm đối với mọi thứ có trong cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức đã khởi sinh do có tiếp-xúc tai ... tiếp-xúc tâm là điều-kiện.

“Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Rāhula phấn khởi và vui lòng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Và trong khi bài thuyết giảng này đang được nói ra, tâm của thầy Rāhula đã được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp, và trong nhiều ngàn thiên thần đó cũng khởi sinh một tầm-nhìn của Giáo Pháp không còn dính bụi, không còn dính nhiễm, như vậy: “Mọi thứ có khởi sinh đều phải bị chấm dứt.” (có sinh là có diệt)¹¹²

(SN 35:121)

122 (9) Những Thứ Gông Cùm

[Giống hết kinh 109 ở trên, nhưng nói về sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài (sáu đối-tượng giác quan).]

(SN 35:122)

123 (10) Những Thứ Có Thể Bị Dính Chấp

[Giống hết kinh 110 ở trên, nhưng nói về sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài (sáu đối-tượng giác quan).]

(SN 35:123)

NHÓM 3

NHÓM ‘GIA CHỦ’

(*Gahapati-vagga*)

124 (1) Ở Vesālī

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm), trong Sảnh Đường Mái Nhọn. Lúc đó có gia chủ Ugga của thành Vesālī đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn....¹¹³

[Phần còn lại là hỏi và trả lời giống hệt như kinh 118 ở trên.]

(SN 35:124)

125 (2) Giữa Những Người Vajji

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Vajji (Bạt-kỳ) ở vùng Hatthigāma. Lúc đó có gia chủ Ugga của vùng Hatthigāma đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn....¹¹⁴

[Phần còn lại là hỏi và trả lời giống hệt như kinh 118 ở trên.]

(SN 35:125)

126 (3) Ở Nālandā

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Nālandā, trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika. Lúc đó có gia chủ tên Upālī đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn....¹¹⁵

[Phần còn lại là hỏi và trả lời giống hệt như kinh 118 ở trên.]

(SN 35:126)

127 (4) Ngài Bhāradvāja

Trong một lần có Ngài Piṇḍola Bhāradvāja đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita.¹¹⁶ Lúc đó có Vua Udena đến gặp thầy Piṇḍola Bhāradvāja và chào hỏi với thầy ấy.¹¹⁷ Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy:

“Thầy Bhāradvāja, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao những Tỳ kheo trẻ, là những người trẻ với tóc đen, được phú cho phúc phần tuổi trẻ, đang trong tuổi thanh xuân của cuộc đời, chưa chơi bời với các khoái-lạc giác-quan, lại đi sống toàn bộ đời sống thánh thiện trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy?”¹¹⁸

(1) “Này đại vương, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘Này các Tỳ kheo, đối với những phụ nữ đủ già để làm mẹ của mình, hãy thiết lập ý tưởng (tâm lý) họ là mẹ của mình; đối với những người đáng tuổi là chị mình, hãy thiết lập ý tưởng họ là chị mình; đối với người trẻ đáng tuổi là em gái mình, hãy thiết lập ý tưởng họ là em gái của mình.’ Này đại vương, đây là một nguyên nhân và lý do tại sao các Tỳ kheo trẻ ... đi sống toàn bộ đời sống thánh thiện trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy.”

“Thầy Bhāradvāja, cái tâm là đầy ham muốn (hám dục). Có khi những trạng thái nhục-dục cũng khởi sinh đối với cả những người đủ già là mẹ mình; có khi những trạng thái nhục dục cũng khởi sinh đối với người đáng tuổi là chị mình; có khi những trạng thái nhục dục cũng khởi sinh đối với người trẻ đáng tuổi là em gái mình. Vậy còn nguyên nhân và lý do nào khác tại sao những Tỳ kheo trẻ ... lại đi sống toàn bộ đời sống thánh thiện trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy?”

(2) “Này đại vương, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘Này các Tỳ kheo, hãy coi lại chính thân này từ gót chân trở lên, từ đỉnh đầu trở xuống, được bọc trong da, chứa đầy những thứ ô-úe.’¹¹⁹ ‘Trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng, lá lách, phổi, màng treo ruột, bao tử, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước mũi, nước bọt, nhớt các khớp xương, và nước tiểu.’ Này đại vương, đây là một nguyên nhân và lý do tại sao các Tỳ kheo trẻ ... đi sống toàn bộ đời sống thánh thiện trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy.”

“Thầy Bhāradvāja, điều đó là dễ làm đối với những Tỳ kheo đã tu thân (kiềm chế các cửa giác-quan), đã tu giới-hạnh, đã tu tâm, đã tu trí-tuệ. Nhưng điều đó là khó làm đối với những Tỳ kheo không tu thân (không kiềm chế các cửa giác-quan), không tu giới-hạnh, không tu tâm, không tu trí-tuệ.¹²⁰ Có khi, mặc dù người đó nghĩ ‘Ta sẽ chú tâm (tác ý) tới thân là hôi-thối’, nhưng người đó cứ chấp nó là đẹp-đẽ... Vậy có nguyên nhân và lý do nào khác tại sao những Tỳ kheo trẻ ... lại đi sống toàn bộ đời sống thánh thiện trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy?”

(3) “Này đại vương, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘Này các Tỳ kheo, hãy sống phòng-hộ các cửa của *các căn cảm-nhận* (các giác-quan). Khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, đừng nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét (hình tướng và đặc tính) của nó. Bởi vì, nếu các thầy để lơ *căn-mắt* (nhãn căn) không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm các thầy; các thầy hãy tu tập phương pháp kiềm chế nó, phòng hộ căn-mắt, đảm trách việc kiềm chế căn-mắt.

“Khi nghe thấy một *âm-thanh* bằng *tai* ... Khi ngửi thấy một *mùi-hương* bằng *mũi* ... Khi nếm thấy một *mùi-vị* bằng *lưỡi* ... Khi chạm thấy một *đối-tượng chạm xúc* bằng *thân* ... Khi nhận biết một *hiện-*

tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-
hiệu và đường-nét của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ *căn-tai* (nhĩ căn)
... *căn-tâm* (tâm căn) không được kiểm chế, thì những trạng thái xấu ác
bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm các thầy; các thầy hãy tu tập
phương pháp kiểm chế nó, phòng hộ *căn-tai* ... *căn-tâm*, đảm trách việc
kiểm chế *căn-tai* ... *căn-tâm*. Nay đại vương, đây là một nguyên nhân
và lý do tại sao các Tỳ kheo trẻ ... đi sống toàn bộ đời sống thánh thiện
trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy.”

“Thật kỳ diệu, Thầy Bhāradvāja! Thật tuyệt vời, Thầy
Bhāradvāja! Thật khéo hay điều này đã được tuyên thuyết bởi đức Thế
Tôn là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Vậy đây là
nguyên nhân và lý do tại sao những Tỳ kheo trẻ, là những người trẻ với
tóc đen, được phú cho phúc phần tuổi trẻ, đang trong tuổi thanh xuân
của cuộc đời, chưa chơi bời với các khoái-lạc giác-quan, lại đi sống toàn
bộ đời sống thánh thiện trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách
liên tục như vậy. Cũng như trường hợp của tôi, mỗi khi tôi bước vào
khu cung nữ mà không phòng hộ về thân, lời-nói, và tâm, không thiết
lập sự chánh-niệm, không kiểm chế các căn cảm-nhận, thì lúc đó những
trạng thái nhục-dục tấn công tôi một cách dữ dội. Nhưng khi nào tôi
bước vào khu cung nữ mà có phòng hộ về thân, lời-nói, và tâm, có thiết
lập sự chánh-niệm, kiểm chế các căn cảm-nhận, thì lúc đó những trạng
thái nhục-dục không tấn công tôi một cách như vậy.

“Thật kỳ diệu, Thầy Bhāradvāja! Thật tuyệt vời, Thầy
Bhāradvāja! Thầy Bhāradvāja đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách,
giống như thầy đang dựng đứng lại những thứ đã bị lộn đầu, khai mở
điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm
tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được các thứ. Thầy
Bhāradvāja, nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo
Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Kể từ hôm nay mong Thầy
Bhāradvāja ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt

đòi.”

(SN 35:127)

128 (5) *Soṇa*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có anh Soṇa, con trai của một gia chủ, đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn.....

[Phần còn lại giống hết như kinh 118 ở trên.]

(SN 35:128)

129 (6) *Gia Chủ Ghosita*

Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita (Tịnh Xá Ghosita). Lúc đó gia chủ Ghosita¹²¹ đã đến gặp thầy Ānanda ... và thưa với thầy ấy:

“Thưa thầy Ānanda, thường nghe nói ‘nhiều loại yếu-tố, nhiều loại yếu-tố’.¹²² Thưa thầy, theo cách nào mà có nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn?”

- “Này gia chủ, (i) hiện có yếu-tố mắt, và có những hình-sắc là sướng (dễ chịu, đáng thích), và có thức-mắt: tùy thuộc vào một sự tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng, nên khởi sinh một cảm-giác sướng.¹²³ (ii) Hiện có yếu-tố mắt, và có những hình-sắc là khổ (khó chịu, đáng ghét), và có thức-mắt: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ, nên khởi sinh một cảm-giác khổ. (iii) Hiện có yếu-tố mắt, và có những hình-sắc là cơ-sở sự buông-xả, và có thức-mắt: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính [không dễ chịu không khổ đau], nên khởi sinh một cảm-giác trung tính.

- “Này gia chủ, (i) hiện có yếu-tố tai ... yếu-tố mũi ... yếu-tố lưỡi ... yếu-tố thân ... yếu-tố tâm, và có những âm-thanh ... những hiện-tượng thuộc tâm là sướng (dễ chịu, đáng thích), và có thức-tai ... thức-tâm: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng, nên khởi sinh một cảm-giác sướng. (ii) Hiện có yếu-tố tai ... yếu-tố tâm, và có những âm-thanh ... những hiện-tượng thuộc tâm là khổ (khó chịu, đáng ghét), và có thức-tai ... thức-tâm: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ, nên khởi sinh một cảm-giác khổ. (iii) Hiện có yếu-tố tai ... yếu-tố tâm, và có những âm-thanh ... những hiện-tượng thuộc tâm là một căn bản cho sự buông-xả, và có thức-tai ... thức-tâm: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính, nên khởi sinh một cảm-giác trung tính.

“Này gia chủ, chính theo cách như vậy nên có nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn.”

(SN 35:129)

130 (7) *Gia Chủ Hāliddakāni*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần có Ngài Đại Ca-chiên-diên [Mahākaccāna] đang sống giữa xứ dân Avantī, trên Đỉnh Núi Papāta ở Kuraraghara. Lúc đó có gia chủ tên là Hāliddakāni đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên ... và thưa với thầy ấy:¹²⁴

“Thưa thầy, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn: ‘Chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác.’¹²⁵ Thưa thầy, theo cách nào có điều này?”

- “Ồ đây, này gia chủ, (i) khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo hiểu một hình-sắc là sướng (dễ chịu, đáng thích) như vậy: ‘Nó chỉ là vậy!’¹²⁶ Có thức-mắt, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải

nghiệm là sướng, nên khởi sinh một cảm-giác sướng.¹²⁷ Rồi, (ii) khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo hiểu một hình-sắc là khổ (khó chịu, đáng ghét) như vậy: ‘Nó chỉ là vậy!’ Có thức-mắt, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ, nên khởi sinh một cảm-giác khổ. Rồi, (iii) khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo hiểu một hình-sắc là một căn bản cho sự buông-xả như vậy: ‘Nó chỉ là vậy!’ Có thức-mắt, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính [không dễ chịu không khổ đau], nên khởi sinh một cảm-giác trung tính.

- “Thêm nữa, này gia chủ, (i) khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... Khi chạm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo hiểu một âm-thanh ... một hiện-tượng thuộc tâm là sướng ... là khổ ... là một căn bản cho sự buông-xả như vậy: ‘Nó chỉ là vậy!’ Có thức-tâm, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính, nên khởi sinh một cảm-giác trung tính.

“Này gia chủ, chính theo cách như vậy nên tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác.”

(SN 35:130)

131 (8) Gia Chủ Nakulapitā

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Bhagga ở Sumsumāragira, trong khu rừng Bhesakalā, trong khu Vườn Nai. Lúc đó có gia chủ tên Nakulapitā đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn....¹²⁸

[Phần còn lại giống như kinh 118 ở trên.]

(SN 35:131)

132 (9) Gia Chủ Lohicca

Trong một lần có Ngài Đại Ca-chiên-diên [Mahākaccāna] đang sống giữa xứ dân Avantī ở vùng Makkarakata, trong một căn chòi trong rừng. Lúc đó có một số thiếu niên bà-la-môn, là môn sinh của bà-la-môn Lohicca, chúng đang đi lượm củi, chúng đến ngang căn chòi của thầy Đại Ca-chiên-diên. Sau khi đến gần, chúng quậy phá xung quanh chòi, và chơi mấy trò nghịch ngợm và ồn ào,¹²⁹ và nói lời trêu chọc: “Mấy ông đầu trọc, tu sĩ giả hiệu, những kẻ đê hèn, giống nòi đen đui được sinh ra từ bàn chân của Thượng Đế, chỉ được tôn vinh, được tôn trọng, được kính trọng, được cung kính, và được tôn kính bởi những tín đồ hèn mọn của họ.”¹³⁰

Rồi thầy Đại Ca-chiên-diên bước ra và nói với những thiếu niên bà-la-môn đó: “Đừng làm ồn ào nữa, các cậu. Ta sẽ nói về Giáo Pháp cho các cậu nghe.” Khi câu này được nói ra, những thiếu niên bà-la-môn đó im lặng. Rồi thầy Đại Ca-chiên-diên đã nói với họ bằng những lời thi kệ như vậy:

“Những bà-la-môn thời xưa xuất sắc về đức-hạnh,
Những bà-la-môn đó ghi nhớ giới-luật cổ xưa,
Các cửa giác-quan được phòng hộ, được khéo bảo vệ,
Và họ sống quản chế được sân-giận bên trong.
Họ vui thích trong Giáo Pháp và thiên định,¹³¹
Những bà-la-môn đó ghi nhớ giới-luật cổ xưa.

“Còn những bà-la-môn thời này thì đã sa sút,
Chỉ nói lời ‘tụng lại’
Chỉ hô hào về họ tộc, hành xử không đúng đắn,
Bị sân-giận quản chế, dùng gậy gộc vũ khí,

Tấn công kẻ mạnh lẫn kẻ yếu.

“Đối với ai có ‘các cửa giác-quan không được phòng hộ’,
[Mọi điều thệ nguyện, tụng, cúng] thì đều là vô ích.
Chỉ giống như tài sản có trong giấc mơ:
Nào là cách: nhịn đói nằm ngủ trên nền đất,
Tắm khi mặt trời mọc, [học thuộc] ba kinh Vệ-đà,
Mặc da thú thô cứng, tóc bện, và bụi đất;
Thần chú, tục lệ và thệ nguyện (giới cấm thủ, mê tín),
và khổ hạnh hành xác;
Nhân nghĩa bề ngoài, nhân sự suy đồi,
và cả nghi thức tắm gội:
Đây chỉ là những biểu-ngữ của các bà-la-môn,
Được dùng để gia tăng của cải vật chất.¹³²

“Một cái tâm khéo đạt định,
Minh-mẫn và không còn dính-nhiễm,
Hiện-từ với mọi chúng sinh hữu tình—
Đó mới thực là con đường đạt tới cõi trời Brahmā.”

Rồi các thiếu niên bà-la-môn, tức giận và bất đồng, đã về gặp bà-la-môn tên Lohicca và thưa lại với ông: “Thưa đức ngài, ngài nên biết có sa-môn Đại Ca-chiên-diên đã thắng thừng chề bai và chỉ trích những thần chú của các bà-la-môn.”

Khi câu này được nói ra, bà-la-môn Lohicca tức giận và bất đồng. Nhưng ý nghĩ này đã xảy đến với ông: “Sẽ không hay đối với ta nếu ta quay lại trấn áp và chửi bới sa-môn Đại Ca-chiên-diên chỉ dựa theo điều ta mới nghe từ mấy thiếu niên. Để ta đến gặp ông ấy và tra hỏi.”

Rồi bà-la-môn Lohicca, cùng với mấy thiếu niên bà-la-môn đó, đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên. Ông ta chào hỏi với thầy Đại Ca-chiên-diên, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên

và nói với thầy ấy:

“Này Thầy Ca-chiên-diên, có phải mấy thiếu niên bà-la-môn, là các môn sinh của tôi, đã đi qua đây khi chúng đi lượm củi?”

“Đúng vậy, bà-la-môn”

“Có phải Thầy Ca-chiên-diên có cuộc nói chuyện với chúng không?”

“Tôi có cuộc nói chuyện với chúng, này bà-la-môn”

“Cuộc nói chuyện gì thầy đã nói với chúng, Thầy Ca-chiên-diên?”

“Cuộc nói chuyện tôi nói cho các thiếu niên đó là như vậy:

‘Những bà-la-môn thời xưa xuất sắc về đức-hạnh,

Những bà-la-môn đó ghi nhớ giới luật cổ xưa

Hiền từ với mọi chúng sinh hữu tình—

Đó mới thực là con đường đạt tới cõi trời Brahmā.’

Đó là cuộc nói chuyện tôi đã nói cho các thiếu niên đó.”

“Thầy Ca-chiên-diên đã nói ‘các cửa giác-quan không được phòng hộ’. Này Thầy Ca-chiên-diên, theo cách nào là một người có ‘các cửa giác-quan không được phòng hộ’?”

(1) “Ở đây, này bà-la-môn, khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, người ta thường ý thích (tham) một hình-sắc là dễ chịu (sướng) và từ chối (sân) một hình-sắc là khó chịu (khổ).¹³³ Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu được, đúng như nó thực là, về sự giải-thoát của tâm, về sự giải-thoát nhờ trí-tuệ trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm-dứt sạch sẽ (không còn tàn dư).

“Khi nghe thấy một *âm-thanh* bằng *tai* ... Khi nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng *tâm*, người ta thường ý thích (tham) một hiện-tượng thuộc tâm là dễ chịu và từ chối (sân) một hiện-tượng thuộc tâm

là khó chịu. Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’ ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm-dứt sạch sẽ. Đây bà-la-môn, chính theo cách như vậy là một người có ‘các cửa giác-quan không được phòng hộ.’”

“Thật kỳ diệu, Thầy Ca-chiên-diên! Thật tuyệt vời, Thầy Ca-chiên-diên! Nhưng Thầy Ca-chiên-diên cũng nói ‘các cửa giác-quan được phòng hộ’. Thầy Ca-chiên-diên, theo cách nào là một người có ‘các cửa giác-quan được phòng hộ’?”

(2) “Ở đây, này bà-la-môn, khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, người tu *không* có ý thích (không tham) một hình-sắc là dễ chịu, cũng *không* từ chối (không sân) một hình-sắc là khó chịu. Người đó sống thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm vô lượng, và người đó hiểu được, đúng như nó thực là, về sự giải-thoát của tâm, về sự giải-thoát nhờ trí-tuệ trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm-dứt sạch sẽ.

“Khi nghe thấy một *âm-thanh* bằng *tai* ... Khi nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng *tâm*, người tu *không* ý thích (không tham) một hiện-tượng thuộc tâm là dễ chịu, cũng *không* từ chối (không sân) một hiện-tượng thuộc tâm là khó chịu. Người đó sống thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’ ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm-dứt sạch sẽ. Đây bà-la-môn, chính theo cách như vậy là một người có ‘các cửa giác-quan được phòng hộ.’”

“Thật kỳ diệu,! Thật tuyệt vời,! Giáo Pháp đã được làm rõ theo nhiều cách bởi Thầy Ca-chiên-diên ... [*tiếp tục giống đoạn này trong kinh 127 ở trên*] ... Kể từ hôm nay mong Thầy Ca-chiên-diên ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.

“Mong Thầy Ca-chiên-diên ghé tới gia đình Lohicca cũng giống như thầy đã ghé tới các gia đình của các đệ tử tại gia khác ở vùng Makkarakata này. Những thiếu niên và thiếu nữ bà-la-môn ở đó sẽ kính lễ

Thầy Ca-chiên-diên, họ sẽ đứng dậy vì sự kính trọng đối với thầy, họ sẽ mời thầy chỗ ngồi và nước uống, và điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.”

(SN 35:132)

133 (10) *Gia Chủ Verahaccāni*

Trong một lần có Ngài Udāyī đang sống ở Kāmaṇḍā trong khu Vườn Xoài của bà-la-môn tên Todeyya. Lúc đó có một thiếu niên bà-la-môn, là một môn sinh của nữ bà-la-môn thuộc họ tộc Verahaccāni, đã đến gặp thầy Udāyī và chào hỏi với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên, và thầy Udāyī đã chỉ dạy, đã khởi xướng, đã truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ anh ta bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp. Sau khi đã được chỉ dạy, được khởi xướng, được truyền cảm hứng, và được làm hoan hỷ, anh ta đã đến gặp nữ bà-la-môn họ Verahaccāni, và nói với bà ta rằng:

“Thưa phu nhân, phu nhân nên biết rằng sa-môn Udāyī chỉ dạy một Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, bằng ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; và ngài ấy cho thấy một đời sống tâm linh toàn thiện và thanh khiết.”

“Trong trường hợp đó, này cậu trẻ, hãy nhân danh ta mời sa-môn Udāyī dùng cơm trưa ngày mai.”

“Dạ, thưa phu nhân”, thiếu niên đó đáp lại. Rồi anh ta đến chỗ thầy Udāyī và nói lại với thầy ấy: “Mong Thầy Udāyī đồng ý lời mời tới dùng cơm trưa từ vị thầy đáng kính của tôi,¹³⁴ nữ bà-la-môn của họ tộc Verahaccāni.”

Thầy Udāyī đồng ý trong im lặng. Rồi khi đêm đã qua, vào buổi sáng, thầy Udāyī mặc y phục, và mang theo bình bát và cà sa đi tới cư gia của nữ bà-la-môn họ tộc Verahaccāni. Tới đó thầy ngồi xuống chỗ

ngồi đã được dọn sẵn. Rồi, bằng chính tay mình, nữ bà-la-môn đã chiêu đãi và làm vui lòng thầy Udāyī bằng nhiều món ăn ngon lành. Sau khi thầy Udāyī đã ăn xong, và dẹp bình bát đi¹³⁵, lúc đó nữ bà-la-môn mang dép vào, ngồi xuống chỗ ngồi cao hơn, khấn trùm đầu, và nói với thầy ấy: “Này vị sa-môn, hãy chỉ dạy Giáo Pháp.” Thầy ấy nói: “Thưa chị, xin hãy để dịp sau”, sau đó thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về.¹³⁶

Lần thứ hai thiếu niên bà-la-môn đó đến gặp thầy Udāyī ... [*mọi sự diễn ra như đoạn kinh trên, và anh ta cũng về thưa lại với nữ bà-la-môn, và bà đã nói:*]

“Theo cách như vậy, này cậu trẻ, cậu cứ tiếp tục ca ngợi sa-môn Udāyī đó đi, chứ khi ta nói với ông ta: ‘Thưa sa-môn, hãy chỉ dạy Giáo Pháp’, thì ông nói: ‘Thưa chị, xin hãy để dịp khác’, rồi ông ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về.”

“Thưa phu nhân, đó là bởi vì phu nhân đã mang dép, ngồi ở chỗ ngồi cao hơn, trùm che đầu tóc, và yêu cầu sa-môn chỉ dạy Giáo Pháp. Bởi những sự thầy đó rất tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp.”

“Trong trường hợp đó, này cậu trẻ, hãy nhân danh ta mời sa-môn Udāyī đến dùng cơm trưa ngày mai.”

“Dạ, thưa phu nhân”, thiếu niên đó đáp lại. Rồi anh ta đi đến chỗ thầy Udāyī ... [*và mọi sự tiếp tục như lần đầu, cho đến lúc:*] ... Sau khi thầy Udāyī đã ăn xong và dẹp bình bát đi, nữ bà-la-môn đã cởi dép ra, ngồi xuống chỗ ngồi thấp hơn, cởi bỏ khăn trùm đầu, và nói với thầy ấy:

“Thưa Ngài, khi cái gì có mặt (hiện hữu, tồn tại) thì bậc A-la-hán tuyên bố có sừng và khô? Và khi cái gì không có mặt thì bậc A-la-hán không tuyên bố có sừng và khô?”

“Này chị, những A-la-hán tuyên bố khi có *mắt* là có sừng và khô, và khi không có mắt thì không có sừng và khô. Những A-la-hán tuyên

bổ rằng khi có *tai* ... có *tâm* là có sừng và khỏ, và khi không có *tai* ... không có *tâm* thì không có sừng và khỏ.”

Khi điều này được nói ra, nữ bà-la-môn của họ tộc Verahaccāni đã nói với thầy Udāyī: “Thật kỳ diệu, Thầy Udāyī! Thật tuyệt vời, Thầy Udāyī! Giáo Pháp đã được làm rõ theo nhiều cách bởi Thầy Udāyī ... [tiếp tục giống đoạn này trong kinh 127 ở trên] ... Kể từ hôm nay mong Thầy Udāyī ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 35:133)

NHÓM 4

NHÓM ‘DEVADAHA’

(*Devadaha-vagga*)

134 (1) Ở *Devadaha*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người họ tộc Thích-Ca [Sakya]¹³⁷ ở đó có một thị trấn tên là Devadaha. (Devadaha là quê mẹ của Đức Phật). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

- “Này các Tỳ kheo, ta không nói về tất cả các Tỳ kheo rằng họ còn việc phải làm (tu) với sự chuyên-chú đối với sáu giác-quan [sáu cơ sở tiếp xúc], ta cũng không nói về tất cả các Tỳ kheo rằng họ không còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu giác-quan.

- “Ta không nói về những Tỳ kheo là A-la-hán—là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đã sống đời sống thánh thiện, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu của họ, đã hoàn toàn tiêu diệt các gông-cùm (trói buộc) hiện-hữu, và đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng—rằng họ vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu giác-quan. Vì sao vậy? Vì họ đã làm xong công việc của họ với sự chuyên-chú; vì họ không còn khả năng lo-tâm phóng dật nữa.

- “Nhưng ta nói về những Tỳ kheo còn là học-nhân (còn đang tu tập)—là những người chưa đạt tới lý tưởng của tâm mình, những người đang sống (với) tâm nguyện đạt tới sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc—rằng họ vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu giác-quan. Vì sao vậy? (bởi vì) Này các Tỳ kheo, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi *mắt* là dễ chịu và ... là khó chịu. [Người tu nên tu tập để cho:] những thứ này không còn tồn-tại và ám-muội trong tâm người đó ngay

cả khi người đó có nếm trải [trải nghiệm] chúng hoài hoài. Khi tâm không bị ám muội, sự nỗ-lực (tinh tấn) không mệt mỏi sẽ được phát khởi, sự chánh-niệm không mù rối (không tạp, sáng rõ) được thiết lập, thân trở nên tĩnh-lặng và không bị quấy-động, tâm trở nên đạt-định và đạt tới nhất-điểm (hợp nhất). Nay các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy đạo quả của sự chuyên-chú, ta nói rằng những Tỳ kheo đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu giác-quan.

“Này các Tỳ kheo, có *những âm-thanh* được nhận biết bởi *tai* ... *những hiện-tượng thuộc tâm* được nhận biết bởi *tâm* là dễ chịu và ... là khó chịu. [Người tu nên tu tập để cho:] những thứ này không còn tồn-tại và ám-muội trong tâm người đó ngay cả khi người đó có nếm trải chúng hoài hoài. Khi tâm không bị ám muội, nguồn năng lượng mạnh mẽ sẽ được phát khởi, sự chánh-niệm không lảng xãng được thiết lập, thân trở nên tĩnh lặng và không bị quấy động, tâm trở nên đạt-định và đạt tới nhất-điểm. Nay các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy đạo quả của sự chuyên-chú, ta nói rằng những Tỳ kheo đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu giác-quan.

(SN 35:134)

135 (2) *Cơ Hội*

“Này các Tỳ kheo, điều đó là lợi ích cho các thầy, điều đó là các thầy khéo được nhiều lợi ích, rằng các thầy đã có-được cơ-hội để sống đời sống (tu hành) thánh thiện.

(1) “Này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy cái địa-ngục tên là ‘Sáu Cơ-sở Tiếp-xúc’ (tức: sáu giác-quan)¹³⁸ Ở đó, *mọi hình-sắc* người ta nhìn thấy bằng mắt đều là: không đáng ước, không bao giờ đáng ước, không đáng yêu, không bao giờ đáng yêu, không dễ chịu, không bao giờ dễ chịu; (tức: đau khổ khủng khiếp). Mọi âm-thanh người ta nghe ... *Mọi mùi-hương* người ta ngửi... *Mọi mùi-vị* người ta nếm ... *Mọi đối-tượng*

chạm xúc người ta cảm nhận ... *Mọi hiện-tượng thuộc tâm* người ta nhận biết bằng tâm đều là: không đáng ước, không bao giờ đáng ước, không đáng yêu, không bao giờ đáng yêu, không dễ chịu, không bao giờ dễ chịu.

“Này các Tỳ kheo, điều đó là lợi ích cho các thầy, điều đó là các thầy khéo được nhiều lợi ích, rằng các thầy đã có-được cơ-hội để sống đời sống thánh thiện.

(2) “Này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy cái thiên-đường tên là ‘Sáu Cơ-sở Tiếp-xúc’¹³⁹ Ở đó, *mọi hình-sắc* người ta nhìn thấy bằng mắt là: đáng ước, không bao giờ không đáng ước, đáng yêu, không bao giờ không đáng yêu, dễ chịu, không bao giờ không dễ chịu; (tức: sung sướng tuyệt vời). *Mọi âm-thanh* người ta nghe ... *Mọi mùi-hương* người ta ngửi... *Mọi mùi-vị* người ta nếm ... *Mọi đối-tượng chạm xúc* người ta cảm nhận ... *Mọi hiện-tượng thuộc tâm* người ta nhận biết bằng tâm đều là: đáng ước, không bao giờ không đáng ước, đáng yêu, không bao giờ không đáng yêu, dễ chịu, không bao giờ không dễ chịu.

“Này các Tỳ kheo, điều đó là lợi ích cho các thầy, điều đó là các thầy khéo được nhiều lợi ích, rằng các thầy đã có-được cơ-hội để sống đời sống (tu hành) thánh thiện.”

(SN 35:135)

136 (3) Thích Thú Những Hình-Sắc ... (I)¹⁴⁰

(1) “Này các Tỳ kheo, những thiên thần và loài người *thích thú* những hình-sắc (cảnh, vật, kể cả thân sắc...), khoái thích những hình-sắc, vui thích những hình-sắc. Khi có sự thay đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hình-sắc, thì những thiên thần và người sống trong khổ đau.

“Những thiên thần và loài người thích thú những âm-thanh ...

thích thú những mùi-hương ... thích thú những mùi-vị ... thích thú những đối-tượng chạm xúc ... thích thú những hiện-tượng thuộc tâm, khoái thích những hiện-tượng thuộc tâm, vui thích những hiện-tượng thuộc tâm. Khi có sự thay đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hiện-tượng thuộc tâm, thì những thiên thần và người sống trong khổ đau.

(2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp của] những hình-sắc. Bậc ấy *không thích thú* những hình-sắc, không khoái thích những hình-sắc, không vui thích những hình-sắc. Nên khi có sự thay đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hình-sắc, Như Lai vẫn sống an lạc.

“Bậc ấy đã hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp của] những âm-thanh ... những mùi-hương ... những mùi-vị ... những đối-tượng chạm xúc ... những hiện-tượng thuộc tâm. Bậc ấy không thích thú những hiện-tượng thuộc tâm, không khoái thích những hiện-tượng thuộc tâm, không vui thích những hiện-tượng thuộc tâm. Nên khi có sự thay đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hiện-tượng thuộc tâm, Như Lai vẫn sống an lạc.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:¹⁴¹

“Những hình sắc, mùi hương, mùi vị,
Những chạm-xúc và những đối tượng của tâm—
Là đáng ước, đáng yêu, dễ chịu,
Đã từ lâu họ vẫn nói: ‘Chúng là như vậy’

“Thì chúng được coi là hạnh phúc,

Bởi thế gian có những thiên thần;
Nhưng tới khi: ‘chúng chắm dứt’,
Thì họ coi là khổ đau.

“Bậc thánh nhân đã nhìn thấy:
Sự chắm dứt ‘danh-tính’ mới là hạnh phúc đích thực.
Cách-nhìn này của những bậc rõ-thấy,
Thì ngược dòng với toàn bộ thế gian.”¹⁴²

“Những gì người ta gọi là hạnh phúc,
Thánh nhân nói là khổ;
Những gì người ta gọi là khổ,
Thánh nhân biết đó là hạnh phúc.

“Đó, giáo lý này thật khó hiểu:
Nó làm những kẻ ngu hoang mang,
Những người có tâm bị đóng chặt thì đúng thực là chướng ngại,
Những người không nhìn thấy thì tất cả chỉ là bầu tối đen.

“Với người thiện có tâm khai mở,
Thì giáo lý đó là ánh sáng cho người nhìn thấy.
Người ngu si không thiện khéo trong Giáo Pháp
Thì không hiểu được nó cho dù nó hiện ra trước mặt.

“Giáo Pháp này là không dễ hiểu được,
Bởi những người bị dính tham-dục được hiện-hữu,
Những người đang trôi theo dòng chảy hiện-hữu,
Đã lún sâu vào cỏi của Ma Vương.

“Còn ai ngoài những bậc thánh nhân,
Có thể hiểu được trạng thái này?
Khi họ đã đúng đắn biết trạng thái đó (Niết-bàn),
Những bậc vô-nhiễm đã hoàn toàn tắt ngấm.”¹⁴³

(SN 35:136)

137 (4) Thích Thú Những Hình-Sắc (2)

[Giống hết kinh kể trên, nhưng không có phần thi kệ.]

(SN 35:137)

138 (5) Không Phải Cửa-Ta (1) (cỏ, cây, cành, lá) ¹⁴⁴

“Này các Tỳ kheo, thứ gì không phải là cửa-ta [của các thầy], hãy dẹp bỏ nó. Khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc dài lâu cho các thầy. Và, này các Tỳ kheo, cái gì không phải là cửa-ta? *Mắt* không phải là cửa-ta: hãy dẹp bỏ nó. Khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho các thầy. *Tai* không phải là cửa-ta ... *Tâm* không phải là cửa-ta. Khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn đến phúc lợi và hạnh phúc cho các thầy.

“Này các Tỳ kheo, giả sử người ta dọn hết cỏ, cây, cành, lá trong cả Khu Vườn này của thái tử Jeta, hoặc đốt chúng đi, hoặc xử lý chúng theo ý họ. Vậy các thầy có nghĩ (điều đó đồng nghĩa rằng): ‘Người ta đang dọn ‘chúng ta’ đi, hoặc đang đốt hết ‘chúng ta’, hoặc đang xử lý ‘chúng ta’ theo ý họ’ hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý gì? Bởi vì, thưa Thế Tôn, (cỏ, cây, cành, lá) đó đâu phải là ‘chúng ta’ hay ‘thuộc về chúng ta’.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mắt không phải là cửa-ta ... Tai ... Mũi ... Lưỡi không phải là cửa-ta ... Khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho các thầy.”

(SN 35:138)

139 (6) Không Phải Cửa-Ta (2) (cỏ, cây, cành, lá)

[Giống hết kinh kể trên, nhưng được ghi theo sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài (sáu đối-tượng giác quan).]

(SN 35:139)

140 (7) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô thường.¹⁴⁵ nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh mắt cũng là vô thường. Khi mắt bắt nguồn từ thứ vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?

“Tai là vô thường ... Tâm là vô thường. nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh tai ... tâm cũng là vô thường. Khi tai ... tâm bắt nguồn từ thứ vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt ... đối với tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:140)

141 (8) Khổ Là Có Nguyên Nhân (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, mắt là khổ. nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh mắt cũng là khổ. Khi mắt bắt nguồn từ thứ khổ, thì làm sao nó không là khổ?

“Tai là khổ ... Tâm là khổ. nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh tai ... tâm cũng là khổ. Khi tai ... tâm bắt nguồn từ thứ khổ, thì làm sao nó không là khổ?”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:141)

142 (9) Vô-Ngã Là Có Nguyên Nhân (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô ngã. nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh mắt cũng là vô ngã. Khi mắt bắt nguồn từ thứ vô ngã, thì làm sao nó không là vô ngã?”

“Tai là vô ngã ... Tâm là vô ngã. nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh tai ... tâm cũng là vô ngã. Khi tai ... tâm bắt nguồn từ thứ vô ngã, thì làm sao nó không là vô ngã?”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:142)

143 (10) — 145 (12) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân... (bên trong)

[Giống hệt kinh **140—142** kể trên, chỉ khác là ghi thay bằng sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài (đối-tượng giác quan).]

(SN 35:143—45)

NHÓM 5

NHÓM ‘MỚI & CŨ’

(*Navapurāṇa-vagga*)

146 (1) *Nghiệp*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về nghiệp [kamma] mới và nghiệp cũ, sự chám-dứt nghiệp, và con-đường dẫn tới sự chám dứt nghiệp. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói....

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp cũ? *Mất* là nghiệp cũ, (nó) nên được nhìn thấy là đã được tạo ra và được chế tác bởi sự cố-ý (tư), là thứ để được cảm nhận.¹⁴⁶ *Tai* là nghiệp cũ ... *Tâm* là nghiệp cũ, (nó) nên được nhìn thấy là đã được tạo ra và chế tác bởi sự cố-ý, là thứ để cảm nhận. Đây được gọi là nghiệp cũ.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp mới? Đó là *mọi hành-động* người ta làm trong hiện tại bằng thân, lời-nói, tâm. Đây được gọi là nghiệp mới.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chám-dứt nghiệp? Khi người tu đạt tới sự giải-thoát thông qua sự chám-dứt những hành-động của (ba nghiệp) thân, lời-nói, tâm, thì đây được gọi là sự chám-dứt nghiệp.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới sự chám dứt nghiệp? Là con đường Bát Thánh Đạo; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn, ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, nghề nghiệp mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, định tâm đúng đắn. (chánh-kiến ... chánh-định)

“Nhu vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy về nghiệp cũ, ta đã dạy về nghiệp mới, ta đã dạy về sự chám-dứt nghiệp, ta đã dạy về con-đường dẫn tới sự chám dứt nghiệp. Này các Tỳ kheo, những gì cần phải làm bởi một người thầy bi mẫn vì lòng bi mẫn dành cho những học trò của

mình, vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Nay các Tỳ kheo, đây có những gốc cây, kia có những chòi trồng. Hãy thiền tập, này các Tỳ kheo, đừng lơ tâm xao lãng, chớ để sau này hối tiếc! Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

(SN 35:146)

147 (2) Thích Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn (1)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường lối (cách tu) thích hợp để chứng ngộ Niết-bàn.¹⁴⁷ Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường lối thích hợp để chứng ngộ Niết-bàn? Ở đây, một Tỳ kheo nhìn thấy mắt là vô thường, người đó nhìn thấy những hình-sắc là vô thường, người đó nhìn thấy thức-mắt là vô thường, người đó nhìn thấy sự tiếp-xúc mắt là vô thường, người đó nhìn thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường.

“Người đó nhìn thấy tai là vô thường ... Người đó nhìn thấy tâm là vô thường, người đó nhìn thấy những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, người đó nhìn thấy thức-tâm là vô thường, người đó nhìn thấy sự tiếp-xúc tâm là vô thường, người đó nhìn thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường.

“Này các Tỳ kheo, đây chính là đường lối thích hợp để chứng ngộ Niết-bàn.”

(SN 35:147)

148 (3) — 149 (4) Thích Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn... (2)-(3)

[Giống hệt kinh kể trên, chỉ thay chữ ‘vô thường’ lần lượt bằng

‘khô’ và ‘vô ngã’.]

(SN 35:48—149)

150 (5) Thích Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn (4)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy cách thích hợp để chứng ngộ Niết-bàn. Hãy lắng nghe điều đó....

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, mắt là vô thường hay thường hằng?”... [*Tiếp tục như toàn bộ nội dung kinh 35:32 ở trên ...*]

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:150)

151 (6) Một Học Trò

“Này các Tỳ kheo, đời sống thánh thiện này được sống mà không-có các học trò và không-có thầy.¹⁴⁸ Một Tỳ kheo có các học trò và có sư thầy là sống trong khổ đau, không được thư thả. Một Tỳ kheo không-có các học trò và không-có sư thầy thì sống hạnh phúc, được thư thả.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo có các học trò và có thầy là sống trong khổ đau, không được thư thả? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, ở đó khởi sinh trong người đó ‘những trạng thái, những sự-nhớ (cả ký ức, và niệm) và những ý-định’ xấu ác bất thiện có nối kết với những gông-cùm.¹⁴⁹ Chúng trú ở bên trong người đó. Vì do những trạng thái xấu ác bất thiện trú ở bên trong người đó, nên người đó được gọi là ‘người có các học trò’. Chúng tấn công người đó. Vì do những trạng thái xấu ác bất thiện tấn công người đó, nên người đó được gọi là ‘người có thầy’.

“Thêm nữa, khi một Tỳ kheo nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm ... nên người đó được gọi là ‘*người có thầy*.’

“Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có các học trò và có thầy là sống trong khổ đau, không được thư thả.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo không có các học trò và không có thầy thì sống hạnh phúc, được thư thả? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, ở đó *không* khởi sinh trong người đó ‘những trạng thái, những sự-nhớ và những ý-định’ xấu ác bất thiện có nối kết với những gông-cùm. *Chúng không trú ở bên trong người đó*. Vì do những trạng thái xấu ác bất thiện không trú ở bên trong người đó, nên người đó được gọi là ‘*người không có các học trò*’. *Chúng không tấn công người đó*. Vì do những trạng thái xấu ác bất thiện không tấn công người đó, nên người đó được gọi là ‘*người không có thầy*’.

“Thêm nữa, khi một Tỳ kheo nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm ... nên người đó được gọi là ‘*người không có thầy*’.

“Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo không có các học trò và không có thầy thì sống hạnh phúc, được thư thả.

“Này các Tỳ kheo, đời sống thánh thiện này được sống mà không có các học trò và không-có sư thầy. Một Tỳ kheo có các học trò và có thầy là sống trong khổ đau, không được thư thả. Một Tỳ kheo không-có các học trò và không-có thầy thì sống hạnh phúc, được thư thả.”

(SN 35:151)

152 (7) Mục Đích Của Đời Sống Thánh Thiện?

“Này các Tỳ kheo, nếu các du sĩ giáo phái khác có hỏi các thầy:

‘Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống thánh thiện (đi tu) dưới (theo) sa-môn Cồ-đàm?’— khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời các du sĩ đó như vậy: ‘Này các bạn, mục đích đi sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.’

“Rồi, này các Tỳ kheo, nếu các du sĩ đó hỏi các thầy: ‘Này các bạn, cái gì là sự khổ đó mà để hoàn-toàn hiểu nó phải đi sống đời sống thánh thiện dưới sa-môn Cồ-đàm?’— khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, *mắt* là khổ: mục đích của sự sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này. *Những hình-sắc* là khổ ... *Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc* *mắt là điều kiện* (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là khổ: mục đích của sự sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này.

“*Tai* là khổ ... *Tâm* là khổ *Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều kiện*—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là khổ: mục đích của sự sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này. Này các bạn, mục đích của việc sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.’

“Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời các du sĩ đó theo cách như vậy.”

(SN 35:152)

153 (8) Có Phương Pháp Nào?

“Này các Tỳ kheo, có phương pháp (cách tu, pháp môn) nào mà nhờ đó một Tỳ kheo— không phải do (dựa vào) lòng tin, không phải do thiên kiến cá nhân, không phải do lời truyền thừa bằng miệng, không phải do sự suy xét lý giải, không phải do chấp nhận một quan điểm sau khi cân nhắc suy xét nó¹⁵⁰— có thể tuyên bố về trí-biết cuối cùng như

vậy: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa?’ (tức Tỳ kheo đó niết-bàn)

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được dẫn dắt bởi đức Thế Tôn, được nhờ dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, này các Tỳ kheo, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Đây là một phương pháp nhờ đó một Tỳ kheo— không phải do lòng tin ... không phải do chấp nhận một quan điểm sau khi cân nhắc suy xét nó— có thể tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’ Và cái gì là phương pháp đó? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, nếu có tham, sân, hay si ở bên-trong, người đó hiểu: ‘Có tham, sân, hoặc si ở bên trong’; hoặc, nếu không có tham, sân, hay si ở bên trong, người đó hiểu: ‘Không có tham, sân, hay si ở bên trong’.¹⁵¹ Từ sự việc (nhìn thấy) như vậy, thì có phải những điều trên được hiểu là do [dựa vào] lòng tin, do thiên kiến cá nhân, do lời truyền thừa bằng miệng, do sự suy xét lý giải, do chấp nhận một quan điểm sau khi cân nhắc suy xét nó, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Có phải những điều này được hiểu là do nhìn thấy chúng bằng trí-tuệ?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, đây là phương pháp nhờ đó một Tỳ kheo có

thể tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

“Thêm nữa, này các Tỳ kheo, khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, nếu có tham, sân, hay si ở bên-trong, người đó hiểu: ‘Có tham, sân, hoặc si ở bên trong’; hoặc, nếu không có tham, sân, hay si ở bên trong, người đó hiểu: ‘Không có tham, sân, hay si ở bên trong’. Từ sự việc (nhìn thấy) như vậy, thì có phải những điều trên được hiểu là do [dựa vào] lòng tin ... do chấp nhận một quan điểm sau khi cân nhắc suy xét nó, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Có phải những điều này được hiểu là do nhìn thấy chúng bằng trí-tuệ?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, đây là phương pháp nhờ đó một Tỳ kheo— không phải do lòng tin ... không phải do chấp nhận một quan điểm sau khi cân nhắc suy xét nó— có thể tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 35:153)

154 (9) Được Trang Bị Các Căn

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘được trang bị các căn, được trang bị các căn’¹⁵² Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người được trang bị (được phú) các căn?”

“Này Tỳ kheo, nếu trong khi một người sống quán sát (quán niệm,

quán xét) sự lên và xuống của căn-mắt, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với căn-mắt; nếu trong khi người đó quán sát sự lên và xuống của căn-tai, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với căn-tai ... nếu trong khi người đó quán sát sự lên và xuống của căn-tâm, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với căn-tâm, thì sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó sẽ trở nên chán-bỏ; sau khi chán-bỏ [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’ Nay Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là người đó được trang bị các căn.”

(SN 35:154)

155 (10) Người Thuyết Pháp

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người thuyết Pháp, người thuyết Pháp’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người thuyết Pháp?”¹⁵³

“Nay Tỳ kheo, nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *mắt*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một người thuyết Pháp. Nếu ai tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *mắt*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với *mắt*, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người tu được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.

“Nay các Tỳ kheo, nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *tai* ... *tâm* vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *tâm*,

để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một người thuyết Pháp. Nếu ai tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với tai ... tâm, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với tai ... tâm, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người tu được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.

(SN 35:155)

PHẦN IV

‘NĂM MƯỜI KINH THỨ TƯ’

NHÓM 1

NHÓM ‘TIÊU DIỆT SỰ THÍCH-THÚ’

(*Nadikkhaya-vagga*)

156 (1) Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (1) (bên trong)¹⁵⁴

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nhìn thấy *mắt* vô thường đúng như nó thực chất là vô thường: đó là cách-nhìn đúng-đắn (chánh kiến) của người đó. Sau khi nhìn thấy một cách đúng đắn như vậy, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ. Nhờ tiêu diệt sự thích-thú [vui thú, khoái lạc] nên có sự tiêu diệt nhục-dục; nhờ tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt sự thích-thú. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là được giải-thoát một cách khéo léo.

“Một Tỳ kheo nhìn thấy *tai* vô thường đúng như nó thực chất là vô thường ... *tâm* vô thường đúng như nó thực chất là vô thường: đó là cách-nhìn đúng-đắn của người đó. Sau khi nhìn thấy một cách đúng đắn như vậy, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú nên có sự tiêu diệt nhục-dục; nhờ sự tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt sự thích-thú. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là được giải-thoát một cách khéo léo.

(SN 35:156)

157 (2) Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (2) (bên ngoài)

[Giống hệt kinh kể trên, nhưng nói về sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài (sáu đối-tượng giác quan).]

(SN 35:157)

158 (3) Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (3) (bên trong)¹⁵⁵

“Này các Tỳ kheo, hãy chú-tâm một cách kỹ-càng (như lý tác ý) tới *mắt*. Hãy nhận thấy tính vô thường của mắt đúng như nó thực là. Khi một Tỳ kheo chú-tâm kỹ-càng tới mắt và nhận thấy tính vô thường của mắt đúng như nó thực là, thì người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú [vui thú, khoái lạc] nên có sự tiêu diệt nhục-dục; nhờ sự tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt sự thích-thú. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là được giải-thoát một cách khéo léo.

“Này các Tỳ kheo, hãy chú-tâm một cách kỹ-càng tới *tai ... tâm*. Hãy nhận thấy tính vô thường của tai ... tâm đúng như nó thực là Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là được giải-thoát một cách khéo léo.”

(SN 35:158)

159 (4) Tiêu Diệt Sự thích-thú (4) (bên ngoài)

[Giống hệt kinh kể trên, nhưng nói về sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài (sáu đối-tượng giác quan).]

(SN 35:159)

160 (5) Vườn Xoài của Jīvaka (1)¹⁵⁶

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá)

trong khu Vườn Xoài của (luơng y) Jīvaka. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Khi một Tỳ kheo đạt định, thì mọi thứ sẽ thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là.¹⁵⁷ Và cái gì sẽ thể hiện đối với người đó đúng như nó thực là? Mắt sẽ thể hiện đối với người đó đúng như nó thực là—là vô thường. Những hình-sắc thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là—là vô thường. Thức-mắt ... Sự tiếp-xúc mắt ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là—đều là vô thường.

“*Tai* thể hiện đối với người đó đúng như nó thực là ... *Tâm* thể hiện đối với người đó đúng như nó thực là ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện ... cũng thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là—đều là vô thường.

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Khi một Tỳ kheo đạt định, thì mọi thứ sẽ thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là.”

(SN 35:160)

161 (6) *Vườn Xoài của Jīvaka (2)*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Vườn Xoài của (luơng y) Jīvaka. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hãy phân-đầu (tinh cần) ở nơi ẩn dật (sống tách ly để thiền tập). Khi một Tỳ kheo sống ẩn dật, thì mọi thứ sẽ thể hiện (hiện thị, hiển lộ, trở nên rõ ràng) đối với người đó đúng như chúng thực là.

[Phần còn lại giống như kinh kể trên.]

(SN 35:161)

162 (7) Ngài Câu-hy-la (1)¹⁵⁸

Lúc đó có Ngài Đại Câu-hy-la (Mahā-Koṭṭhita) đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống tu một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Câu-hy-la, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô thường. Và cái gì là vô thường? *Mắt* là vô thường; thầy nên dẹp bỏ tham muốn đối với nó. Những hình-sắc là vô thường ... Thức-mắt là vô thường ... Sự tiếp-xúc mắt là vô thường ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường; thầy nên dẹp bỏ tham muốn đối với chúng.

“*Tai* là vô thường ... *Tâm* là vô thường ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều kiện (duyên) ... cũng đều là vô thường; thầy nên dẹp bỏ tham muốn đối với chúng.

“Này Câu-hy-la, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 35:162)

163 (8) Ngài Câu-hy-la (2)

... “Này Câu-hy-la, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là *khổ*.” ... [*Tiếp tục như kinh kể trên, chỉ thay chữ ‘vô-thường’ thành chữ ‘khổ’.*]

(SN 35:163)

164 (9) Ngài Câu-hy-la (Koṭṭhita) (3)

... “Này Câu-hy-la, thầy nên dẹp bỏ tham muốn đời với bất cứ thứ gì là vô-ngã.” ... [*Tiếp tục như kinh kể trên, chỉ thay chữ ‘khổ’ thành chữ ‘vô-ngã’.*]

(SN 35:164)

165 (10) Dẹp Bỏ Cách Nhìn Sai-Lạc (tà kiến) ¹⁵⁹

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người nên biết, theo cách nào một người nên thấy, để cách-nhìn sai-lạc (tà kiến) bị dẹp bỏ?”

“Này Tỳ kheo, khi một người biết và thấy *mắt* ... *tâm* là vô thường, thì cách-nhìn sai-lạc bị dẹp bỏ. Khi một người biết và thấy *những hình-sắc* *những hiện-tượng thuộc tâm* là vô thường.... *thức-mắt* *thức-tâm* là vô thường.... *sự tiếp-xúc mắt* *sự tiếp-xúc tâm* là vô thường.... *mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt* *tiếp-xúc tâm* là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường, thì cách-nhìn sai-lạc sẽ bị dẹp bỏ. Đó là, khi một người biết và thấy như vậy thì cách nhìn sai-lạc bị dẹp bỏ.”

(SN 35:165)

166 (11) Dẹp Bỏ Cách Nhìn Danh-Tính (thân kiến)

[*Y kinh kể trên, chỉ thay “cách-nhìn sai lạc” (tà kiến) thành “cách-nhìn danh-tính” (thân kiến).*]

(SN 35:166)

167 (12) *Đẹp Bỏ Cách Nhìn Cái-Ta* (ngã kiến)

[*Y kinh kể trên, chỉ thay “cách-nhìn danh-tính” (thân kiến) thành “cách-nhìn cái-ta” (ngã kiến).*]

(SN 35:167)

NHÓM 2

NHÓM ‘SÁU MƯƠI KINH LẬP LẠI & TÓM LƯỢC’

(*Saṭṭhi-Peyyāla-vagga*)¹⁶⁰

168 (1) Tham Muốn đối với thứ Vô-Thường (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô thường. Và cái gì là vô thường? *Mắt* là vô thường ... *Tâm* là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 35:168)

169 (2) Nhục Dục đối với thứ Vô-Thường (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường. Và cái gì là vô thường? *Mắt* là vô thường ... *Tâm* là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 35:169)

170 (3) Tham Muốn & Nhục Dục đối với thứ Vô-Thường (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường. Và cái gì là vô thường? *Mắt* là vô thường ... *Tâm* là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 35:170)

171 (4) — 173 (6) Tham Muốn... đối với thứ Khổ ... (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là khổ.... Các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ.... Các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ. Và cái gì là khổ? *Mất* là khổ ... *Tâm* là khổ; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ.”

(SN 35:171—173)

174 (7) — 176 (9) Tham Muốn... đối với thứ Vô-Ngã (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.... Các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.... Các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã. Và cái gì là vô ngã? *Mất* là vô ngã.... *Tâm* là vô ngã; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.”

(SN 35:174—176)

177 (10) — 179 (12) Tham Muốn... đối với thứ Vô-Thường...

(bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô thường.... Các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường.... Các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường. Và cái gì là vô thường? *Những hình-sắc* là vô thường ... *Những hiện-tượng thuộc tâm* là vô thường; các thầy nên

đẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với nó. Nay các Tỷ kheo, các thầy nên đẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 35:177—179)

180 (13) — 182 (15) Tham Muốn... đối với thứ Khổ... (bên ngoài)

“Này các Tỷ kheo, các thầy nên đẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là khổ.... Các thầy nên đẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ.... Các thầy nên đẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ. Và cái gì là khổ? *Những hình-sắc* là khổ ... *Những hiện-tượng thuộc tâm* là khổ; các thầy nên đẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với nó. Nay các Tỷ kheo, các thầy nên đẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ.”

(SN 35:180—182)

183 (16) — 185 (18) Tham Muốn đối với thứ Vô-Ngã... (bên ngoài)

“Này các Tỷ kheo, các thầy nên đẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.... Các thầy nên đẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.... Các thầy nên đẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã. Và cái gì là vô ngã? *Những hình-sắc* là vô ngã ... *Những hiện-tượng thuộc tâm* là vô ngã; các thầy nên đẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với nó. Nay các Tỷ kheo, các thầy nên đẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.”

(SN 35:183—185)

186 (19) Quá Khứ là Vô-Thường (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm thuộc quá-khứ* là vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt ... đối với tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải-thoát’. Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:186)

187 (20) Tương Lai là Vô-Thường (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm thuộc tương-lai* là vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:187)

188 (21) Hiện Tại là Vô-Thường (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm thuộc hiện-tại* là vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35: 188)

189 (22) — 191 (24) Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là Khổ
(bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm thuộc quá-khứ ... thuộc tương-lai*

... thuộc *hiện-tại* là khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:189—191)

192 (25) — 194 (27) *Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là Vô-Ngã* (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm thuộc quá-khứ ... thuộc tương-lai ... thuộc hiện-tại* là vô ngã.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:192—194)

195 (28) — 197 (30) *Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là Vô-Thường* (bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá-khứ ... thuộc tương-lai ... thuộc hiện-tại* là vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:195—197)

198 (31) — 200 (33) *Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là Khổ* (bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá-khứ ... thuộc tương-lai ... thuộc hiện-tại* là khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:198—200)

199 (34) — 203 (38) *Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là Vô-Ngã* (bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá-khứ ... thuộc tương-lai ... thuộc hiện-tại* là vô ngã.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:201—203)

204 (39) *Thứ Vô-Thường thuộc Quá Khứ* (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm thuộc quá-khứ* đã là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:204)

205 (40) Thứ Vô-Thường thuộc Tương Lai (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm* thuộc tương-lai sẽ là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:205)

206 (41) Thứ Vô-Thường thuộc Hiện Tại (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm* thuộc hiện-tại là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:206)

**207 (42) — 209 (44) Thứ Khổ thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ...
Hiện Tại** (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm* thuộc quá-khứ ... thuộc tương-lai ... thuộc hiện-tại là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:207—209)

210 (45) — 212 (47) Thứ Vô-Ngã thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt* ... *tâm* thuộc *quá-khứ* ... thuộc *trương-lai* ... thuộc *hiện-tại* là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:210—212)

213 (48) — 215 (50) Thứ Vô-Thường thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại (bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc* ... *những hiện-tượng* thuộc *tâm* thuộc *quá-khứ* ... thuộc *trương-lai* ... thuộc *hiện-tại* là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:213—215)

216 (51) — 218 (53) Thứ Khổ thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ...

Hiện Tại (bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá-khứ ... thuộc tương-lai ... thuộc hiện-tại* là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:216—218)

219 (54) — 221 (56) Thứ Vô-Ngã thuộc Quá Khứ ... Tương Lai

... Hiện Tại (bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá-khứ ... thuộc tương-lai ... thuộc hiện-tại* là vô-ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:219—221)

222 (57) Các Cơ-Sở [Giác-Quan] là Vô-Thường (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt* là vô-thường ... *tâm* là vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:222)

223 (58) Các Cơ-Sở là Khổ (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt* là khổ ... *tâm* là khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:223)

224 (59) Các Cơ-Sở là Vô-Ngã (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt* là vô ngã ... *tâm* là vô ngã. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:224)

225 (60) Các Cơ-Sở [Đối-Tượng Giác Quan] là Vô-Thường

(bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc* ... *những hiện-tượng thuộc tâm* là vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:225)

226 (61) Các Co-Sở là Khổ (bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm* là khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:226)

227 (62) Các Co-Sở là Vô Ngã (bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm* là vô ngã.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:227)

NHÓM 3

NHÓM ‘ĐẠI DƯƠNG’

(*Samudda-vagga*)

228 (1) Đại Dương (1)

“Này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy thường nói về ‘đại dương, đại dương’. Nhưng đó không phải là đại dương theo Giới Luật của Thánh Nhân; đó chỉ là một biển nước lớn, một biển nước bao la.

“Này các Tỳ kheo, *mắt* là đại dương đối với một người; dòng chảy của nó gồm có những hình-sắc.¹⁶¹ Ai chống cự được dòng chảy những hình-sắc đó thì được cho là đã vượt qua đại dương (của) mắt đầy sóng dữ, lốc xoáy, cá mập, và quỷ dữ.¹⁶² Sau khi đã vượt qua nó, vượt qua bờ bên kia (đảo bỉ ngạn), bậc bà-la-môn đứng trên nền đất cao (sự an toàn).

“Này các Tỳ kheo, *tai* là đại dương đối với một người *Tâm* là đại dương đối với một người; dòng chảy của nó gồm có những âm-thanh những hiện-tượng thuộc tâm. Ai chống cự được dòng chảy những âm-thanh Những hiện-tượng thuộc tâm đó thì được cho là đã vượt qua đại dương (của) tai tâm đầy sóng dữ, lốc xoáy, cá mập, và quỷ dữ. Sau khi đã vượt qua nó, vượt qua bờ bên kia, bậc bà-la-môn đứng trên nền đất cao.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Ai đã vượt qua đại dương này vốn khó vượt qua,
Bởi đó đầy hiểm nguy là sóng dữ, cá mập, quỷ dữ.
Bậc thầy trí-biết (trí sư) đã sống được đời sống thánh thiện,
Đã đạt tới sự chấm-dứt thế giới,

Nên được gọi là người đã vượt qua bờ bên kia.”

(SN 35:228)

229 (2) Đại Dương (2)

“Này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy thường nói về ‘đại dương, đại dương’. Nhưng đó không phải là đại dương theo Giới Luật của Thánh Nhân; đó chỉ là một biển nước lớn, một biển nước bao la.

“Này các Tỳ kheo, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi *mắt* như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Đây được gọi là đại dương theo Giới Luật của Thánh Nhân. Ở đây, thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và loài người, hầu hết đã bị chìm ngấm,¹⁶³ đã thành như một cuộn chỉ rối, như một trái sợi thắt rối, như một mớ bù nhùi rối bung, và không thể vượt qua cảnh giới khổ đau, những nơi đến thấp xấu, cõi địa ngục, vòng luân hồi [samsāra].

“Có *những âm-thanh* được nhận biết bởi *tai* Có *những hiện-tượng thuộc tâm* được nhận biết bởi *tâm* như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Ở đây thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có các thiên thần và loài người, hầu hết đã bị chìm ngấm, đã thành như một cuộn chỉ rối, như một trái sợi thắt rối, như một mớ bù nhùi rối ben, và không thể vượt qua cảnh giới khổ đau, những nơi đến thấp xấu, cõi địa ngục, vòng luân hồi.¹⁶⁴

“Người đã xóa sạch tham-dục và sân-hận,
Cùng với [ô nhiễm] vô-minh,
Thì đã vượt qua đại dương này vốn rất khó vượt,
Với đầy hiểm nguy là sóng dữ, cá mập, quỷ dữ.

“Người đã vượt khỏi sự trôi-buộc,
Người đã loại bỏ cái chết, không còn chấp-thủ,
Đã dẹp bỏ sự khổ,¹⁶⁵ không còn tái hiện-hữu.
Đã qua đời, không còn có thể đo lường được,
Ta nói: Người đó đã làm Thần Chết chung hững.”

(SN 35:229)

230 (3) Ví Dụ Ngư Dân

“Này các Tỳ kheo, ví như có một ngư dân thả một lưỡi câu có mồi xuống một hồ sâu, và một con cá đang đi tìm thức ăn nước trúng nó. Con cá đó, sau khi đã nuốt lưỡi câu của ngư dân, coi như đã gặp tai nạn và thảm họa, và ngư dân đó muốn làm gì nó cũng được. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có sáu lưỡi câu trong thế gian là thảm họa của chúng sinh, là sự tàn sát chúng sinh.¹⁶⁶

(1) “Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc (thích thú, vui thú) trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã nuốt lưỡi câu của Ma Vương. Người đó coi như đã gặp phải tai nạn và thảm họa, và Ác Ma muốn làm gì người đó cũng được.

“Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã nuốt lưỡi câu của Ma Vương. Người đó coi như đã gặp phải tai nạn và thảm họa, và Ác Ma muốn làm gì người đó cũng được.

(2) “Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, *không* chào đón chúng, và *không* ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo *không* nuốt lưỡi câu của Ma Vương. Người đó *không* gặp phải tai nạn và thảm họa, và Ác Ma *không* làm gì được người đó.

“Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, *không* chào đón chúng, và *không* ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo *không* nuốt lưỡi câu của Ma Vương. Người đó *không* gặp phải tai nạn và thảm họa, và Ác Ma *không* làm gì được người đó.

(SN 35:230)

231 (4) Cây Có Mủ

(1) “Này các Tỳ kheo, đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, nếu bên trong một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào vẫn còn *tham*-dục và chưa được dẹp bỏ, nếu vẫn còn *sân*-giận và chưa được dẹp bỏ, nếu vẫn còn *si*-mê và chưa được dẹp bỏ, thì ngay cả những hình-sắc tầm thường lọt vào [đi vào] tầm-mắt cũng ám muội cái tâm, nói chi tới những hình-sắc nổi bật. Vì lý do gì? Bởi vì *tham*-dục vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, *sân*-giận vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, *si*-mê vẫn còn và chưa được dẹp bỏ.

“Tương tự đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm.

- “Này các Tỳ kheo, ví như có một cây có mủ (nhựa cây)— như cây *assattha* (cây bồ-đề) hoặc cây *banyan* (cây đa, *nigrodha*) hoặc cây

pilakkha (cây vả) hoặc cây *udumbara* (cây sung)¹⁶⁷—còn tươi, non, mềm. Nếu một người chặt khúc nó bằng cây rìu bén, thì mù có úa ra không?”

“Có, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì (trong đó) vẫn còn có mù cây.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, nếu bên trong một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào vẫn còn *tham*-dục và chưa được dẹp bỏ, nếu vẫn còn *sân*-giận và chưa được dẹp bỏ, nếu vẫn còn *si*-mê và chưa được dẹp bỏ, thì ngay cả những hình-sắc tầm thường lọt vào tầm-mắt cũng ám muội cái tâm, nói chi tới những hình-sắc nổi bật. Vì lý do gì? Bởi vì *tham*-dục vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, *sân*-giận vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, *si*-mê vẫn còn và chưa được dẹp bỏ.

“Tương tự đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm.”

(2) “Này các Tỳ kheo, đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, nếu bên trong một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào *không* còn *tham*-dục và *đã* được dẹp bỏ, nếu *không* còn *sân*-giận và *đã* được dẹp bỏ, nếu *không* còn *si*-mê và *đã* được dẹp bỏ, thì ngay cả những hình-sắc nổi bật lọt vào [đi vào] tầm-mắt cũng *không* ám muội được cái tâm, nói chi tới những hình-sắc tầm thường. Vì lý do gì? Bởi vì *tham*-dục không còn và *đã* được dẹp bỏ, *sân*-giận không còn và *đã* được dẹp bỏ, *si*-mê không còn và *đã* được dẹp bỏ.

“Tương tự đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm.

- “Này các Tỳ kheo, ví như có một cây có mù (nhựa)—như cây *assattha* (cây bồ-đề) hoặc cây *banyan* (cây đa lớn, *nigrodha*) hoặc cây *pilakkha* (cây vả) hoặc cây *udumbara* (cây sung)—*đã* khô, *đã* khô cứng, *đã* qua thời xanh tươi. Nếu một người chặt khúc nó bằng cây rìu bén,

thì mù có ứa ra không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì (trong đó) *không* còn mù cây.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, nếu bên trong một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào *không* còn *tham*-dục và *đã* được dẹp bỏ, nếu *không* còn *sân*-giận và *đã* được dẹp bỏ, nếu *không* còn *si*-mê và *đã* được dẹp bỏ, thì ngay cả những hình-sắc nổi bật lọt vào tầm-mắt cũng *không* ám muội cái tâm, nói chi tới những hình-sắc tầm thường. Vì lý do gì? Bởi vì *tham*-dục không còn và *đã* được dẹp bỏ, *sân*-giận không còn và *đã* được dẹp bỏ, *si*-mê không còn và *đã* được dẹp bỏ.

“Tương tự đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm.”

(SN 35:231)

232 (5) Ngài Câu-hy-la

Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Câu-hy-la (Mahā-Koṭṭhita) đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Câu-hy-la ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp thầy Xá-lợi-phất. Thầy ấy chào hỏi với thầy Xá-lợi-phất, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, theo cách nào mắt là công cụ của những hình-sắc và những hình-sắc là công cụ của mắt? Tai là công cụ của những âm-thanh và những âm-thanh là công cụ của tai? ... Tâm là công cụ của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm là công cụ của tâm?”

“Này đạo hữu Câu-hy-la, mắt không phải là công cụ của những

hình-sắc và những hình-sắc cũng không phải là gông cùm của mắt, mà chính tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm. Tai không phải là gông cùm của những âm-thanh và những âm-thanh cũng không phải là gông cùm của tai, mà chính tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm Tâm không phải là gông cùm của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông cùm của tâm, mà chính là tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm.

“Này đạo hữu, giả sử có một con bò đen và một con bò trắng bị gông vào với nhau bởi một cái gông hay cái ách. Nếu ai là người nói một cách đúng đắn có thể nói như vậy không: ‘Con bò đen là gông cùm của con bò trắng; con bò trắng là gông cùm của con bò đen?’”

“Không, thưa đạo hữu. Con bò đen không phải là gông cùm của con bò trắng và con bò trắng cũng không phải là gông cùm của con bò đen, mà chính là cái gông hay cái ách đã gông chúng lại với nhau: đó mới chính là gông cùm.”

“Cũng giống như vậy, này đạo hữu, mắt không phải là gông cùm của những hình-sắc và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông cùm của tâm, mà chính là tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm.

“Này đạo hữu, nếu mà mắt là gông cùm của những hình-sắc hay những hình-sắc là gông cùm của mắt, thì đâu có [đâu thấy] sự sống của đời sống (tu hành) thánh thiện này để tiêu diệt khổ đau.¹⁶⁸ Nhưng vì mắt không phải là gông cùm của những hình-sắc và những hình-sắc không phải là gông cùm của mắt—mà chính tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó—cho nên mới có sự sống của đời sống (tu hành) thánh thiện này để tiêu diệt khổ đau.

“Này đạo hữu, nếu mà tai là gông cùm của những âm-thanh

Nếu mà tâm là gông cùm của những hiện-tượng thuộc tâm hay những hiện-tượng thuộc tâm là gông cùm của tâm, thì đâu có [đâu thấy] sự sống của đời sống (tu hành) thánh thiện này để tiêu diệt khổ đau. Nhưng vì tâm không phải là gông cùm của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông cùm của tâm, cho nên mới có sự sống của đời sống (tu hành) thánh thiện này để tiêu diệt khổ đau.

“Này đạo hữu, cũng theo cách này có thể hiểu được điều như vậy: Trong đức Thế Tôn có mắt, đức Thế Tôn nhìn thấy những hình-sắc bằng mắt, nhưng không có tham-muốn và nhục-dục trong đức Thế Tôn; đức Thế Tôn đã khéo được giải-thoát trong tâm. Trong đức Thế Tôn có tai, đức Thế Tôn nghe thấy âm-thanh bằng tai ... Trong đức Thế Tôn có mũi, đức Thế Tôn ngửi thấy mùi-hương bằng mũi ... Trong đức Thế Tôn có lưỡi ... đức Thế Tôn nếm thấy mùi-vị bằng lưỡi ... Trong đức Thế Tôn có thân, đức Thế Tôn cảm nhận đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Trong đức Thế Tôn có tâm, đức Thế Tôn nhận biết hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, nhưng không có tham-muốn và nhục-dục trong đức Thế Tôn; đức Thế Tôn đã khéo được giải-thoát trong tâm.

“Này đạo hữu, theo cách như vậy có thể hiểu được cách mắt không phải là gông cùm của những hình-sắc và những hình-sắc cũng không phải là gông cùm của mắt, mà chính tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó mới là gông cùm ở đó; cách tai không phải là gông cùm của những âm-thanh cách tâm không phải là gông cùm của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông cùm của tâm, mà chính tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó mới là gông cùm ở đó.”

(SN 35:232)

233 (6) Ngài Kāmabhū

Trong một lần có Ngài Ānanda và Ngài Kāmabhū đang sống trong Tịnh Xá Ghosita. Lúc đó, vào buổi chiều, thầy Kāmabhū ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp thầy Ānanda. Thầy ấy chào hỏi với thầy Ānanda, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Ānanda:

“Này đạo hữu Ānanda, theo cách nào mắt là công cụ của những hình-sắc hay những hình-sắc là công cụ của mắt? Tâm là công cụ của những hiện-tượng thuộc tâm hay những hiện-tượng thuộc tâm là công cụ của tâm?”

“Này đạo hữu Kāmabhū, mắt không phải là công cụ của mắt Tâm không phải là công cụ của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là công cụ của tâm, mà chính tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là công cụ ở đó.

“Này đạo hữu, giả sử có một con bò đen và một con bò trắng bị ách cổ vào với nhau bởi một cái công hay cái ách. Nếu ai là người nói một cách đúng đắn có thể nói như vậy không: ‘Con bò đen là công cụ của con bò trắng; con bò trắng là công cụ của con bò đen?’”

“Không, thưa đạo hữu. Con bò đen không phải là công cụ của con bò trắng và con bò trắng cũng không phải là công cụ của con bò đen, mà chính là cái công hay cái ách công chúng lại với nhau: đó mới chính là công cụ.”

“Cũng giống như vậy, này đạo hữu, mắt không phải là công cụ của những hình-sắc và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là công cụ của tâm, mà chính là tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là công cụ.”

(SN 35:233)

234 (7) Ngài Udāyī

Trong một lần có Ngài Ānanda và Ngài Udāyī đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá Ghosita. Lúc đó, vào buổi chiều, thầy Udāyī ra khỏi nơi ẩn tu và đến gặp thầy Ānanda. Thầy ấy chào hỏi với thầy Ānanda, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Ānanda:

“Này đạo hữu Ānanda, đức Thế Tôn đã tuyên bố, đã khai mở, và đã làm cho thấy [bản chất của] thân này theo nhiều cách, như vậy: ‘Vì lý do như vậy nên thân này là vô ngã’. Vậy có thể giải thích [bản chất của] thức theo cách tương tự như vậy hay không? Có thể chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm rõ điều đó như vậy: ‘Vì lý do như vậy nên thức là vô ngã’, hay không?”

“Có thể được, này đạo hữu Udāyī. Có phải thức-mắt khởi sinh tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc?”

“Đúng, thưa đạo hữu.”

“Nếu nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh thức-mắt chấm-dứt hoàn toàn và sạch sẽ (không còn tàn dư), thì liệu thức-mắt có còn [được thấy] hay không?”

“Không, thưa đạo hữu.”

“Này đạo hữu, theo cách như vậy đức Thế Tôn đã tuyên bố, đã khai mở, đã công khai như vậy: ‘Vì lý do như vậy nên thức là vô ngã’.

“Có phải thức-tai khởi sinh tùy thuộc vào tai và những âm-thanh hay không? Có phải thức-tâm khởi sinh tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm hay không?”

“Đúng, thưa đạo hữu.”

“Nếu nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh thức-tâm chấm dứt

hoàn toàn và sạch sẽ (không còn tàn dư), thì liệu thức-tâm có còn [được thấy], hay không?”

“Không, thưa đạo hữu.”

“Này đạo hữu, cũng theo cách như vậy đức Thế Tôn đã được tuyên bố, đã khai mở, và đã làm cho thấy điều này như vậy: ‘Vì lý do như vậy nên thức là vô ngã’.”

“Này đạo hữu, giả sử có người đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, người đó lấy rìu bèn và đi vô rừng.¹⁶⁹ Người đó nhìn thấy một cây chuối lớn, thẳng, tươi, không có cùi buồng chuối. Người đó đốn gốc hạ cây xuống, chặt bỏ phần lá, và lột bẹ chuối. Khi người đó lột bẹ chuối, người đó không tìm thấy thậm chí một chút phần gỗ mềm, nói chi tới phần gỗ lõi.

“Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo không nhận thấy trong *sáu cơ-sở tiếp xúc* (sáu giác-quan) này có một bản ngã nào hay có thứ gì thuộc về một bản ngã. Bởi vì người đó không nhận thấy có thứ gì như vậy, nên người đó không còn dính chấp thứ gì trong thế giới. Do không còn dính chấp, nên người đó không còn bị kích động. Do không còn bị kích động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:234)

235 (8) Bài Giảng về sự Bốc Cháy

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bài giảng Giáo Pháp về chủ đề bốc-cháy. Hãy lắng nghe điều đó....

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bài giảng Giáo Pháp về chủ đề bốc-cháy? Này các Tỳ kheo, thà *căn-mắt* bị hủy hoại bởi một cây kim sắt đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ

nắm giữ dấu-hiệu (tướng, hình tướng) thông qua những đặc-điểm (nét, đường nét, chi tiết) trong một hình-sắc được nhận biết bởi mắt.¹⁷⁰ Bởi nếu khi chết mà thức đang hiện hành (tồn tại, hiện có) bị dính theo sự thỏa-thích trong dấu-hiệu hay những đặc-điểm đó, thì có thể người đó sẽ tới (tái sinh vào) một trong hai nơi-đến: địa ngục hoặc cõi súc sinh. Sau khi đã nhìn thấy mối nguy-hại này, ta mới nói như vậy.

(2) “Này các Tỳ kheo, tà *căn-tai* bị hủy hoại bởi một cọng sắt đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ dấu-hiệu thông qua những đặc-điểm trong một âm-thanh được nhận biết bởi tai. Bởi nếu khi chết mà thức hiện hành bị dính theo sự thỏa-thích trong dấu-hiệu hay những đặc-điểm đó, thì có thể người đó sẽ tới một trong hai nơi-đến: địa ngục hoặc cõi súc sinh. Sau khi đã nhìn thấy mối nguy-hại này, ta mới nói như vậy.

(3) “Này các Tỳ kheo, tà *căn-mũi* bị hủy hoại bởi một cái kiềm bén đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ dấu-hiệu thông qua những đặc-điểm trong một mùi-hương được nhận biết bởi mũi. Bởi nếu khi chết....

(4) “Này các Tỳ kheo, tà *căn-lưỡi* bị hủy hoại bởi một lưỡi dao bén đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ dấu-hiệu thông qua những đặc-điểm trong một mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi. Bởi nếu khi chết....

(5) “Này các Tỳ kheo, tà *căn-thân* bị hủy hoại bởi một ngọn giáo bén đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ dấu-hiệu thông qua những đặc-điểm trong một đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân. Bởi nếu khi chết mà thức hiện hành bị dính theo sự thỏa-thích trong dấu-hiệu hay những đặc-điểm, thì có thể người đó sẽ tới một trong hai nơi-đến: địa ngục hoặc cõi súc sinh. Sau khi đã nhìn thấy mối nguy-hại này, ta mới nói như vậy.

(6) “Này các Tỳ kheo, tà ngũ đi— cho dù chỉ ngũ thì vô-dụng

(căn trơ) đối với sự sống, chỉ ngủ thì vô-ích (không kết quả) đối với sự sống, chỉ ngủ thì vô ý-thức (không biết gì) đối với sự sống— nhưng vậy vẫn còn tốt hơn (tâm) cứ nghĩ những ý nghĩ có thể xui khiến mình tạo ra sự chia rẽ trong Tăng đoàn. Sau khi đã nhìn thấy mối nguy-hại này, ta nói như vậy.¹⁷¹

“Đối với vấn đề này, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy biết suy xét (quán chiếu) như vậy:

(1) ‘Đẹp luôn cái vụ ‘thà để căn-mắt bị hủy hoại bởi một cây kim sắt đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực’. Ta chỉ chú-tâm (tác ý) vào điều này: “Mắt là vô thường, những hình-sắc là vô thường, thức-mắt là vô thường, sự tiếp-xúc mắt là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường.”

(2) ‘Đẹp luôn cái vụ ‘thà để căn-tai bị hủy hoại bởi một cọng sắt đang bốc cháy ...’. Ta chỉ chú-tâm vào điều này: “Tai là vô thường, những âm-thanh là vô thường, thức-tai là vô thường, sự tiếp-xúc tai là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tai là điều kiện (duyên) ... cũng đều là vô thường.”

(3) ‘Đẹp luôn cái vụ thà để căn-mũi bị hủy hoại bởi một cái kiềm đang bốc cháy ...’. Ta chỉ chú-tâm vào điều này: “Mũi là vô thường, những mùi-hương là vô thường, thức-mũi là vô thường, sự tiếp-xúc mũi là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mũi là điều kiện (duyên) ... cũng đều là vô thường.”

(4) ‘Đẹp luôn cái vụ ‘thà để căn-lưỡi bị hủy hoại bởi một lưỡi dao đang bốc cháy ...’. Ta chỉ chú-tâm vào điều này: “Lưỡi là vô thường, những mùi-vị là vô thường, thức-lưỡi là vô thường, sự tiếp-xúc lưỡi là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc lưỡi là điều kiện (duyên) ... cũng đều là vô thường.”

(5) ‘Đẹp luôn cái vụ ‘thà để căn-thân bị hủy hoại bởi một ngọn

giáo đang bốc cháy ...’. Ta chỉ chú-tâm vào điều này: “Thân là vô thường, những đối-tượng chạm xúc là vô thường, thức-thân là vô thường, sự tiếp-xúc thân là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc thân là điều kiện (duyên) ... cũng đều là vô thường.”

(6) ‘Dẹp luôn cái vụ ‘thà ngủ đi’. Ta chỉ chú-tâm vào điều này: “Tâm là vô thường, những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, thức-tâm là vô thường, sự tiếp-xúc tâm là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều kiện (duyên) ... cũng là vô thường.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, những hình-sắc, thức-mắt, sự tiếp-xúc mắt, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên) ... Người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với tai ... đối với lưỡi ... đối với thân ... đối với tâm, những hiện-tượng thuộc tâm, thức-tâm, sự tiếp-xúc tâm, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều kiện (duyên)... Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

“Này các Tỳ kheo, đây là bài giảng Giáo Pháp về chủ đề bốc-cháy.”

(SN 35:235)

236 (9) Ví Dụ Bàn Tay và Bàn Chân... (1)

(1) “Này các Tỳ kheo, khi có hai bàn tay, thì sự cầm lên và sự đặt xuống được nhận thấy. Khi có hai bàn chân, thì sự đến và sự đi được nhận thấy. Khi có tứ chi, thì sự duỗi ra và sự co vào được nhận thấy. Khi có bụng, thì sự đói và sự khát được nhận thấy.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi có mắt, thì có sự sừng và sự khổ khởi sinh ở bên trong do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên).¹⁷² Khi có tai, thì có sự sừng và sự khổ khởi sinh ở bên trong do có tiếp-xúc tai là điều-kiện Khi có tâm, thì có sự sừng và sự khổ khởi sinh ở bên trong do có tiếp-xúc tâm là điều kiện.

(2) “Này các Tỳ kheo, khi *không* có hai bàn tay, thì sự cầm lên và sự đặt xuống *không* được nhận thấy. Khi không có hai bàn chân, thì sự đến và sự đi không được nhận thấy. Khi có tứ chi, thì sự duỗi ra và sự co vào không được nhận thấy. Khi có bụng, thì sự đói và sự khát không được nhận thấy.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi *không* có mắt, thì *không* có sự sừng và sự khổ khởi sinh ở bên trong do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên). Khi không có tai, thì không có sự sừng và sự khổ khởi sinh ở bên trong do có tiếp-xúc tai là điều-kiện Khi không có tâm, thì không có sự sừng và sự khổ khởi sinh ở bên trong do có tiếp-xúc tâm là điều kiện.”

(SN 35:236)

237 (10) Ví Dụ Bàn Tay và Bàn Chân... (2)

(1) “Này các Tỳ kheo, khi có hai bàn tay, thì có sự cầm lên và sự đặt xuống....

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi có mắt, thì có sự sừng và sự khổ khởi sinh ở bên-trong do có tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên) Khi có tâm, thì có sự sừng sự khổ khởi sinh ở bên-trong do có tiếp-xúc tâm là điều kiện.

(2) “Này các Tỳ kheo, khi không có hai bàn tay, thì không có sự cầm lên và sự đặt xuống....

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi *không* có mắt, thì

không có sự sảng và sự khổ khởi sinh ở bên trong do có tiếp-xúc mắt là điều kiện Khi không có tâm, thì không có sự sảng và sự khổ khởi sinh ở bên trong do có tiếp-xúc tâm là điều kiện.”

(SN 35:237)

NHÓM 4

NHÓM ‘RẮN ĐỘC’

(*Āsīvisa-vagga*)

238 (1) Ví Dụ Rắn Độc

“Này các Tỳ kheo, ví như có bốn con rắn độc bản tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người.¹⁷³ Rồi có một người tới là người muốn sống, không muốn chết, ham sướng, ghét khổ. Họ nói với anh ta: ‘Này bạn hiền, đây là bốn con rắn độc bản tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người. Có lúc chúng phải được bắt lên; có lúc chúng phải được tắm rửa; có lúc chúng phải được cho ăn; có lúc chúng phải được đặt xuống nằm nghỉ. Nhưng nếu có con nào nổi tức với anh, thì, này bạn tốt, coi như anh gặp cái chết hay đau khổ như chết. Vậy hãy làm những gì cần phải làm trước đi, này người bạn tốt!’

“Rồi, này các Tỳ kheo, do sợ hãi bốn con rắn độc bản tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người, người đó kiếm đường trốn chạy. Họ nói với anh ta: ‘Này người bạn tốt, còn có năm kẻ thù sát hại đang đuổi theo anh, trong đầu chúng nghĩ: “Hễ gặp hấn ở đâu, chúng ta sẽ lấy mạng hấn ngay.”’ Vậy hãy làm những gì cần phải làm trước đi, này người bạn tốt!’

“Rồi, này các Tỳ kheo, do sợ hãi bốn con rắn độc bản tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người, và năm kẻ thù sát hại, người đó lại kiếm đường trốn chạy. Họ nói với anh ta: ‘Này người bạn tốt, còn có một kẻ thù sát hại thứ sáu, đó là một người bạn thân, đang đuổi theo anh với kiếm đã tuốt sẵn trong tay, trong đầu kẻ đó nghĩ: “Hễ gặp hấn ở đâu, ta chặt đầu hấn ngay.”’ Vậy hãy làm những gì cần phải làm trước đi, này người bạn tốt!’

“Rồi, này các Tỳ kheo, do sợ hãi bốn con rắn độc có tính nóng dữ

tợn và có nọc độc chết người, và năm kẻ thù sát thủ, và kẻ sát thủ thứ sáu là người bạn thân với kiếm đã tuốt sẵn trong tay, người đó lại kiếm đường trốn chạy. Anh ta tới một ngôi làng trống không. Mọi căn nhà anh ta bước vào đều trống không, chẳng có gì, trống rỗng. Họ nói với anh ta: ‘Này người bạn tốt, bọn cướp làng đang sắp đến tấn công ngôi làng trống không này. Vậy hãy làm những gì cần phải làm trước đi, này người bạn tốt!’

“Rồi, này các Tỳ kheo, do sợ hãi bốn con rắn độc có tính nóng dữ tợn và có nọc độc chết người, và năm kẻ thù sát thủ, và kẻ sát thủ thứ sáu là người bạn thân với kiếm đã tuốt sẵn trong tay, và bọn cướp làng, người đó lại kiếm đường trốn chạy. Người đó tới một biển nước lớn, với bờ bên này (bờ gần, thử ngạn) đầy hiểm nguy và đáng sợ, và bờ bên kia (bờ xa, bi ngạn) thì an toàn và không còn hiểm nguy, nhưng không có thuyền phà hay cầu kiều để vượt qua bên đó.

“Rồi người đó nghĩ: ‘Có biển nước lớn, với bờ bên này đầy hiểm nguy và đáng sợ, và bờ bên kia thì an toàn và không còn hiểm nguy, nhưng không có thuyền phà hay cầu kiều để vượt qua bên đó. Vậy ta hãy thu lượm cỏ, cây, cành, lá và đan cột chúng lại thành một cái bè, rồi bằng phương tiện cái bè và với sự nỗ-lực bằng chính tay chân của mình, thì ta có thể an toàn vượt qua tới bờ bên kia.’¹⁷⁴

“Rồi người đó thu lượm cỏ, cây, cành, lá và đan cột chúng lại thành một cái bè, rồi bằng phương tiện cái bè và với sự nỗ-lực bằng chính tay chân của mình, anh ta an toàn vượt qua tới bờ bên kia. Sau khi đã vượt qua, đã qua bờ bên kia, vị bà-la-môn đó đứng trên vùng đất cao (an toàn).¹⁷⁵

“Này các Tỳ kheo, ta đã làm ví dụ này để chuyển tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa:

- ‘Bốn con rắn độc bản tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người’: đây là một cách để chỉ *bốn yếu tố lớn* (tứ đại)—yếu tố đất, yếu

tổ nước, yếu tố nhiệt, yếu tố khí.¹⁷⁶

- ‘Năm kẻ thù sát hại’: đây là một cách để chỉ *năm-uẩn* bị dính chấp; đó là, uẩn thân-sắc bị dính chấp, uẩn cảm-giác bị dính chấp, uẩn nhận-thức bị dính chấp, uẩn những sự tạo-tác cố-ý bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp.¹⁷⁷

- ‘Kẻ thù sát hại thứ sáu, là một người bạn thân với kiếm đã tuốt sẵn trong tay’: đây là một cách để chỉ *khoái-lạc* và *nhục-dục* (luôn có mặt bên trong mình, luôn thân cận bên mình).

- ‘Ngôi làng trống không’: đây là một cách để chỉ *sáu cơ-sở cảm-nhận bên-trong* (*sáu giác-quan*). Này các Tỳ kheo, nếu một người khôn ngoan, giỏi giã, thông minh xem xét chúng thông qua mắt, chúng sẽ thể hiện là ‘trống rỗng, chẳng có gì, trống không’. Nếu người đó xem xét chúng thông qua tai thông qua tâm, chúng sẽ thể hiện là ‘trống rỗng, chẳng có gì, trống không’.

- ‘Bọn cướp làng’: đây là một cách để chỉ *sáu cơ-sở cảm-nhận bên-ngoài* (*sáu đối-tượng giác quan*). Này các Tỳ kheo, mắt bị tấn công bởi *những hình-sắc* dễ chịu và khó chịu. Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ... Tâm bị tấn công bởi *những hiện-tượng thuộc tâm* dễ chịu và khó chịu.

- ‘Biển nước lớn’: đây là một cách để chỉ *bốn dòng lũ*: dòng lũ của nhục-dục, dòng lũ của sự hiện-hữu, dòng lũ của những tà-kiến, và dòng lũ của sự vô-minh.

- ‘Bờ bên này, đầy hiểm nguy và đáng sợ’: đây là một cách để chỉ *cách-nhìn danh-tính* (thân kiến).

- ‘Bờ bên kia, an toàn và không còn hiểm nguy’: đây là một cách để chỉ *Niết-bàn*.

- ‘Cái bè’: đây là một cách để chỉ *con đường Bát Thánh Đạo*; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... định-tâm đúng đắn.

- ‘Sự nỗ-lực bằng tay chính tay chân của mình’: đây là một cách để chỉ sự phát khởi nỗ-lực (tinh tấn).

- ‘Sau khi đã vượt qua, đã qua bờ bên kia, vị bà-la-môn đó đứng trên vùng đất cao’: đây là một cách để chỉ *bậc A-la-hán*.”

(SN 35:238)

239 (2) Ví Dụ Người Lái Xe Ngựa

“Này các Tỳ kheo, nhờ có được ba phẩm-chất, một Tỳ kheo sống đầy hạnh-phúc và hoan-hỷ ngay trong kiếp này, và người đó đã đặt xong nền-móng¹⁷⁸ cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Ba đó là gì? Người đó là một người phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, là người tiết độ trong ăn uống, và là người sống hết mình vì sự tỉnh-thức.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là người *phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận*? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo *không* nắm giữ những dấu-hiệu (tướng, hình tướng) và những đặc-điểm (nét, đường nét, chi tiết) của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-mắt không được kiểm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập cách kiểm chế nó, người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách việc kiểm chế căn-mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh ... Khi ngửi thấy một mùi-hương ... Khi nếm thấy một mùi-vị ... Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, một Tỳ kheo *không* nắm giữ những dấu-hiệu và những đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-tâm không được kiểm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập cách kiểm chế nó, người đó phòng hộ căn-tâm, người đó đảm trách việc kiểm chế căn-tâm.

- “Này các Tỳ kheo, ví như có một chiếc xe ngựa được kéo bởi mấy con ngựa thuần chủng đang đậu sẵn trên đất bằng ở ngã tư đường, với roi ngựa sẵn trong tay. Rồi một người huấn luyện ngựa, là một người điều khiển những con ngựa cần được huấn luyện, trèo lên xe, tay trái cầm dây cương, tay phải cầm roi, sẽ lái đi và lái về theo bất cứ đường nào ông ta muốn, bất cứ khi nào ông ta muốn.¹⁷⁹ Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo luyện tập cách phòng hộ sáu cửa của các căn cảm-nhận, tập luyện sự kiểm soát chúng, tập luyện sự thuần phục chúng, tập luyện sự làm tĩnh lặng chúng. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo phòng hộ các cửa giác-quan.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo *tiết độ trong ăn uống*? Ở đây, sau khi suy xét kỹ càng, một Tỳ kheo ăn uống không phải vì sự thích thú ăn uống, không phải để chuốc độc vào thân, không phải để làm cho thân thể đẹp đẽ và hấp dẫn, nhưng chỉ để nuôi sống và duy trì thân này, để khỏi bị khó-ở (do đói, yếu, đau, bệnh tật), và để hỗ trợ đời sống thánh thiện (nuôi thân để tu); người đó nghĩ rằng: ‘Làm vậy là ta trừ diệt cảm-giác cũ (như đói, khát, thèm) và không phát khởi một cảm-giác mới (thấy thích, khoái, thèm thức ăn ngon ...), và ta được mạnh khỏe, và không bị tội lỗi (không bị chê trách), và sống được thư thái (như không bị mệt mỏi, buồn ngủ, hay hôn trầm khi ngồi thiền... nếu ăn quá nhiều).’¹⁸⁰

- “Giống như một người xúc thuốc vết thương chỉ vì mục đích giúp làm nó lành, hoặc giống như một người bôi nhớt vào trục bánh xe chỉ để giúp nó chở được đồ nặng; giống như vậy, một Tỳ kheo, sau khi suy xét một cách khôn khéo, ăn uống không phải vì sự thích thú ăn uống ... để hỗ trợ đời sống thánh thiện (nuôi thân để tu). Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tiết độ trong ăn uống.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người luôn hết mình (tận tụy) vì sự tỉnh-thức? Ở đây, suốt ngày, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi

những trạng thái chướng-ngại (năm chướng-ngại). Trong canh một ban đêm, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng-ngại. Trong canh giữa, người đó nằm nghiêng bên phải như tư thế sư tử nằm, với chân trái nằm trên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), lưu ý trong tâm về lúc (thời điểm) mình sẽ dậy. Rồi đến canh ba, sau khi đã dậy, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng-ngại. Nay các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một người sống hết mình vì sự tỉnh-thức.

“Này các Tỳ kheo, chính là nhờ có được ba phẩm-chất này nên một Tỳ kheo sống đầy hạnh-phúc và hoan-hỷ ngay trong kiếp này, và người đó đã đặt xong nền-móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm.”

(SN 35:239)

240 (3) Ví Dụ Con Rùa

“Này các Tỳ kheo, ngày xưa có một con rùa đang đi tìm thức ăn dọc bờ sông vào buổi chiều. Cũng vào buổi chiều đó có một con chó rừng (linh cẩu, giả can) cũng đang đi tìm thức ăn dọc bờ sông đó. Khi con rùa từ xa nhìn thấy con chó rừng đang đi tìm thức ăn, nó liền rút các chân và cổ vào bên trong mu rùa và nằm yên và im thít ngay đó.

“Con chó rừng từ xa cũng đã nhìn thấy con rùa đang đi tìm thức ăn, nên nó đã đến gần và rình sát bên, trong đầu nghĩ rằng: ‘Hễ khi con rùa thò chân hay cổ ra ngoài, ta sẽ chụp nó ngay, kéo thân thịt nó ra để ăn.’ Nhưng bởi vì con rùa không thò chân hay cổ ra ngoài, nên con chó rừng đã thất bại, không chụp được rùa, nó chán nản và bỏ đi.

“Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, Ma Vương Ác Ma thường xuyên và liên tục rình sát các thầy, trong đầu nghĩ rằng: ‘Có lẽ ta sẽ chụp được người đó thông qua mắt, hoặc thông qua tai ... hoặc thông

qua tâm.’ Bởi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy phải sống phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (*sáu giác-quan*). Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, *đừng nắm giữ* những dấu-hiệu (tướng, hình tướng) và những đặc-điểm (nét, đường nét, chi tiết) của nó. Bởi vì, nếu các thầy để lơ căn-mắt không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (u) sẽ xâm chiếm các thầy, các thầy hãy tập luyện cách kiểm chế nó, phòng hộ căn-mắt, đảm trách việc phòng hộ căn-mắt.

“Khi nghe thấy một âm-thanh ... Khi ngửi thấy một mùi-hương ... Khi nếm thấy một mùi-vị ... Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, *đừng nắm giữ* những dấu-hiệu và những đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu các thầy để lơ căn-tâm không được kiểm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (u) sẽ xâm chiếm các thầy, các thầy hãy tu tập cách kiểm chế nó, phòng hộ căn-tâm, đảm trách việc kiểm chế căn-tâm.

“Này các Tỳ kheo, khi các thầy sống phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (*sáu giác-quan*), thì Ma Vương Ác Ma sẽ thất bại, không chụp được các thầy, hắn sẽ chán nản bỏ đi, giống như con chó rừng bỏ đi khỏi con rùa.”

Hãy thu rút những ý nghĩ của tâm,
 Như một con rùa thu rút chân vào vỏ mu của nó,
 Không tùy thuộc, không quấy nhiễu người khác,
 Đã hoàn toàn tắt ngấm (tham, sân),
 Một Tỳ kheo không còn phiền trách ai nữa.¹⁸¹

(SN 35:240)

241 (4) Ví Dụ Thân Cây Lớn (1)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī bên bờ sông Hằng. Đức Thế Tôn nhìn thấy một thân thân cây lớn đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy thân thân cây lớn đó đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Này các Tỳ kheo, nếu thân cây đó không dạt theo bờ bên này, không dạt theo bờ bên kia, không chìm xuống giữa dòng, không bị mắc cạn trên cồn đất nổi, không bị vớt lấy bởi người ta, không bị vớt lấy (bị bắt) bởi chúng sinh khác-người, không bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy, và cũng không bị mục thối ở bên trong, thì nó sẽ hướng về, đổ về, và trôi về phía biển. Vì lý do gì? Bởi vì dòng chảy của sông Hằng là hướng về, đổ về, và chảy về phía biển.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu các thầy không dạt theo bờ bên này, không dạt theo bờ bên kia, không chìm xuống giữa dòng, không bị mắc cạn trên cồn đất nổi, không bị bắt bởi người ta, không bị bắt bởi chúng sinh khác-người, không bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy, và cũng không bị mục thối (suy đồi) ở bên trong, thì các thầy sẽ hướng về, đổ về, và ngã về phía Niết-bàn. Vì lý do gì? Bởi vì cách-nhìn đúng-đắn (chánh kiến) là hướng về, nghiêng về, và ngã về phía Niết-bàn.”

Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã hỏi đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là bờ bên này (bờ gần, thử ngạn)? Cái gì là bờ bên kia (bờ xa, bỉ ngạn)? Cái gì là chìm xuống giữa dòng? Cái gì là bị mắc cạn trên cồn đất nổi? Cái gì là bị bắt bởi người ta? Cái gì là bị bắt bởi chúng sinh khác-người? Cái gì là bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy? Cái gì là bị suy đồi ở bên trong?”

(1) “Này Tỳ kheo: ‘bờ bên này’: đây là một cách để chỉ *sáu cơ-sở cảm-nhận bên-trong (sáu giác-quan)*. Còn ‘bờ bên kia’: đây là một cách để chỉ *sáu cơ-sở cảm-nhận bên-ngoài (sáu đối-tượng giác quan)*. ‘Chìm chìm giữa dòng’: đây là một cách để chỉ *khoái-lạc và nhục-dục*. ‘Bị mắc cạn trên cồn đất nổi’: đây là một cách để chỉ sự ‘*tự-ta*’ (ngã mạn, ta-đây).

(2) “Và, này Tỳ kheo, cái gì là ‘bị bắt bởi người ta’? Ở đây, có người sống có liên hệ với những người tại gia: người đó vui chung với họ và sầu chung với họ, người đó vui khi họ vui và buồn khi họ buồn, và người đó dính líu vào những chuyện riêng và phận sự của họ.¹⁸² Đây được gọi là bị bắt bởi người ta.

(3) “Và, này Tỳ kheo, cái gì là ‘bị bắt bởi chúng sinh khác-người’? Ở đây, có người sống đời sống (tu hành) thánh thiện với khát nguyện [được tái sinh] vào chỗ các thiên-thần (trên cõi trời), trong đầu nghĩ: ‘Với sự giới-hạnh này, hay với sự thê-nguyệן và những lễ-nghi cúng tụng này (giới cấm thủ), hay với sự khổ-hạnh (thành bản) này, ta sẽ trở thành một thiên-thần hay một trong số những thiên-thần.’ Đây được gọi là bị bắt bởi chúng sinh khác-người.

(4) “Cái gì là ‘bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy’: này Tỳ kheo, đây là một cách để chỉ *năm dây khoái-lạc giác-quan (ngũ dục)*.

(5) “Và, này Tỳ kheo, cái gì là ‘bị suy đồi bên trong’? Ở đây có người thất-đức, người có tính-cách xấu ác, có hành-vi không sạch và đáng ngờ, hành-động bí mật lén lút, không phải bậc sa-môn (tu sĩ) mà tự xưng là sa-môn, không phải người sống độc-thân mà tự xưng là người độc-thân, bên trong bị suy đồi, hư hỏng, thối nát.¹⁸³ Đây được gọi là sự bị suy đồi ở bên trong.”

Bấy giờ, vào lúc đó có một người chăn bò tên là Nanda đang đứng gần đức Thế Tôn. Anh ta mới thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con sẽ không đạt¹⁸⁴ theo bờ bên này, con sẽ

không dạt theo bờ bên kia, con sẽ không bị chìm nghỉm giữa dòng, con sẽ không bị mắc kẹt trên cồn đất nổi, con sẽ không bị bắt bởi người ta, con sẽ không bị bắt bởi chúng sinh khác-người, con sẽ không bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy, con sẽ không bị suy đồi ở bên trong. Con xin được xuất gia dưới đức Thế Tôn (thành sa-di), cho phép được thụ giới cao hơn (đại thọ giới, thụ toàn bộ giới, thành Tỳ kheo), như vậy có được không?”

“Này Nanda, trong trường hợp này, hãy trả đàn bò lại cho những chủ của của chúng.”

“Thưa Thế Tôn, các con bò sẽ tự chúng quay về vì chúng còn ràng buộc (thương yêu) những con bò con ở đó.”

“Hãy trả đàn bò lại cho những chủ của chúng, này Nanda.”

Rồi người chăn bò Nanda đã trả lại đàn bò cho chủ bò, rồi quay trở lại gặp đức Thế Tôn, và thưa: “Các con bò đã được trả về cho các chủ bò, thưa Thế Tôn. Con xin được xuất gia dưới đức Thế Tôn, cho phép được thụ giới cao hơn, như vậy có được không?”

Và không lâu sau đó, sau khi thụ giới cao hơn (thành một Tỳ kheo), rồi sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định....

Và thầy Nanda đã trở thành một trong những vị A-la-hán.”

(SN 35:241)

242 (5) Ví Dụ Thân Cây Lớn (2)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī bên bờ sông Hằng. Đức Thế Tôn nhìn thấy một thân cây lớn đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy thân thân cây lớn đó

đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng?

“Dạ có, thưa Thế Tôn.” ... [*tiếp tục như kinh kể trên cho đến:*] ... là hướng về, nghiêng về, và ngã về phía Niết-bàn.”

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Kimbila đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là bờ bên này ... cái gì là bị suy đồi ở bên trong?”

[*Phật tiếp tục trả lời y hệt như kinh kể trên, cho tới:*]

(5) “Và, này Kimbila, cái gì là sự suy đồi ở bên trong? Ở đây, này Kimbila, một Tỷ kheo phạm vào một tội ô nhiễm, một tội thuộc loại (nghiêm trọng) không cho phép phục hồi (tư cách Tỷ kheo).¹⁸⁵ Đây được gọi là bị suy đồi bên trong.”

(SN 35:242)

243 (6) Bài Giảng Về Sự Suy Đồi

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người dân Thích-Ca (Sakya) ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) trong Tịnh Xá Cây Banyan (nigrodha, cây đa). Bây giờ, vào lúc đó có một hội trường mới được xây dựng cho những người Thích-Ca ở Kapilavatthu, và nó chưa được trú ở bởi một sa-môn hay bà-la-môn hay một người nào. Rồi những người dân Thích-Ca ở Kapilavatthu đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, một hội trường mới được xây dựng cho những người dân Thích-Ca và chưa được trú ở bởi một sa-môn hay bà-la-môn hay một người nào. Thưa Thế Tôn, kính mong Thế Tôn là người đầu tiên sử dụng nó. Sau khi Đức Thế Tôn đã sử dụng trước, những người dân Thích-Ca ở Kapilavatthu sẽ sử dụng nó sau đó. Điều đó sẽ dẫn tới

phúc lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.”

Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi, khi những người dân Thích-Ca ở hiểu được đức Thế Tôn đã đồng ý, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi cúi chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải của họ, họ đi ra và đi tới hội trường mới. Ở đó họ trải thảm hết hội đường, chuẩn bị các chỗ ngồi, đặt một bình nước lớn, và treo một đèn dầu lớn. Rồi họ quay lại gặp đức Thế Tôn để báo cho đức Thế Tôn về sự đã chuẩn bị, và nói thêm: “Mong Thế Tôn cứ tùy tiện ghé đến lúc nào cũng được.”

Rồi đức Thế Tôn mặc y phục, và mang theo bình bát và cà sa, đi cùng với Tăng đoàn đến chỗ hội trường mới. Sau khi rửa chân, đức Thế Tôn bước vào và ngồi xuống, lưng tựa hướng cột nhà chính sảnh, mặt hướng phía đông. Các Tỳ kheo cũng vậy, sau khi rửa chân, bước vào hội đường, và ngồi xuống, lưng hướng bức tường phía tây (ở sau), mặt hướng phía đông, với đức Thế Tôn ở trước mặt họ. Những người dân Thích-Ca ở Kapilavatthu cũng vậy, sau khi rửa chân, họ bước vào hội trường và ngồi xuống, lưng hướng bức tường phía đông, mặt hướng phía tây, với đức Thế Tôn ở trước mặt.

Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng (giáo giới), truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ những người dân Thích-Ca ở đó bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp gần hết cả đêm, sau đó đức Thế Tôn đã giải tán họ, và nói:

“Đêm đã qua, này những người Cò-đàm. Các người có thể tùy tiện ra về.”¹⁸⁶

“Dạ, thưa Thế Tôn”, họ đáp lại. Rồi họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, sau khi cúi chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn hướng bên phải họ và đi ra. Rồi, không lâu sau khi những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu đã đi khỏi, đức Thế Tôn mới nói với Ngài Đại Mục-kiền-liên như vậy:

“Này Mục-kiền-liên, Tăng đoàn các Tỳ kheo không bị đờ đẫn và

buồn ngủ (hôn trầm). Thầy hãy nói một bài Giáo Pháp cho các Tỳ kheo. Lưng của ta đang đau, nên ta sẽ nằm giãn nó ra một chút.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Mục-kiền-liên đáp lại.

Rồi đức Thế Tôn gập tư cà sa (làm gối) và nằm nghiêng bên phải như tư thế sư tử nằm, với chân trái nằm trên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết, lưu ý trong tâm về lúc (thời điểm) mình sẽ dậy. Lúc đó thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các các Tỳ kheo, các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa các Tỳ kheo!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói điều này:

“Này các các Tỳ kheo, tôi sẽ dạy cho các thầy ‘bài giảng về người bị suy đồi, và người không bị suy đồi’¹⁸⁷. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói.”

“Được, thưa các Tỳ kheo”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói điều này:

(1) “Này các các Tỳ kheo, theo cách nào ‘một người là bị suy đồi’? Ở đây, khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, một Tỳ kheo có ý thích (tham) một hình-sắc dễ chịu và từ chối (sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát bằng trí-tuệ, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ (không còn tàn dư).

“Khi nghe thấy một *âm-thanh* bằng *tai* ... Khi nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng *tâm*, một Tỳ kheo ý thích (tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và từ chối (sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát bằng trí-tuệ, trong đó những trạng thái xấu ác bất

thiện đã chấm dứt sạch sẽ.¹⁸⁸

“Này các các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo bị suy đồi giữa những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, bị suy đồi giữa những âm-thanh được nhận biết bởi tai, bị suy đồi giữa những mùi-hương được nhận biết bởi mũi, bị suy đồi giữa những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi, bị suy đồi giữa những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân, bị suy đồi giữa những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm. Khi một Tỳ kheo sống như vậy, nếu Ma Vương tiếp cận người đó thông qua mắt, thì Ma Vương sẽ chụp được người đó, Ma Vương sẽ bắt được (xử được, kiểm soát) người đó. Nếu Ma Vương tiếp cận người đó thông qua tai ... thông qua tâm, thì Ma Vương sẽ chụp được người đó, Ma Vương sẽ bắt được người đó.

- “Này các các Tỳ kheo, giả sử có một mái lều được làm từ rạ hay cỏ, đã khô héo, đã khô cứng, đã qua thời xanh tươi của nó. Nếu một người tới từ phía đông với một ngọn đuốc rom đang cháy, hoặc tới từ phía tây, từ phía bắc, từ phía nam, từ phía dưới, từ phía trên, dù tiếp cận từ hướng nào lửa sẽ chụp vô đó, lửa bắt vô đó. Cũng giống như vậy, này các các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy, nếu Ma Vương tiếp cận người đó thông qua mắt ... thông qua tâm (dù thông qua giác-quan nào), thì Ma Vương sẽ chụp được người đó, Ma Vương sẽ bắt được người đó.

“Khi một Tỳ kheo sống như vậy thì những hình-sắc áp đảo người đó; người đó không áp đảo những hình-sắc. Những âm-thanh áp đảo người đó; người đó không áp đảo những âm-thanh. Những mùi-hương áp đảo người đó; người đó không áp đảo những mùi-hương. Những mùi-vị áp đảo người đó; người đó không áp đảo những mùi-vị. Những đối-tượng chạm xúc áp đảo người đó; người đó không áp đảo những đối-tượng chạm xúc. Những hiện-tượng thuộc tâm áp đảo người đó; người đó không áp đảo những hiện-tượng thuộc tâm. Này các các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo bị áp đảo bởi những hình-sắc, bị áp

đảo bởi những âm-thanh, bị áp đảo bởi những mùi-hương, bị áp đảo bởi những mùi-vị, bị áp đảo bởi những đối-tượng chạm xúc, bị áp đảo bởi những hiện-tượng thuộc tâm— là người bị áp đảo, chứ không phải người áp đảo. Những trạng thái xấu ác bất thiện đã áp đảo người đó; những trạng thái đó làm ô-nhiễm, dẫn dắt đến sự tái hiện-hữu, mang đến vắn nạn, đưa đến hậu quả khổ đau, và dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai.

“Này các các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một người bị suy đồi.

(2) “Này các các Tỳ kheo, theo cách nào một người là *không* bị suy đồi? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo *không* ý thích (không tham) một hình-sắc dễ chịu và không từ chối (không sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống có thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm vô lượng, và người đó hiểu được đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát bằng trí-tuệ, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ (không còn tàn dư).

“Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo *không* ý thích (không tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và không từ chối (không sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống có thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’ ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ.

“Này các các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo không bị suy đồi giữa những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, không bị suy đồi giữa những âm-thanh được nhận biết bởi tai, không bị suy đồi giữa những mùi-hương được nhận biết bởi mũi, không bị suy đồi giữa những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi, không bị suy đồi giữa những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân, không bị suy đồi giữa những hiện-tượng

thuộc tâm được nhận biết bởi tâm. Khi một Tỳ kheo sống như vậy, nếu Ma Vương có tiếp cận người đó thông qua mắt, thì Ma Vương sẽ không chụp được người đó, Ma Vương sẽ không bắt được người đó. Nếu Ma Vương tiếp cận người đó thông qua tai ... thông qua tâm, thì Ma Vương sẽ *không* chụp được người đó, Ma Vương sẽ không bắt được người đó.

- “Này các các Tỳ kheo, giả sử có một căn nhà có mái nhọn hay một hội trường mới được xây dựng từ đất sét nén chặt và mới được trét vữa. Nếu một người có tới từ phía đông với một ngọn đuốc rơm đang cháy, hoặc tới từ phía tây, từ phía bắc, từ phía nam, từ phía dưới, từ phía trên, hay cho dù người đó có tiếp cận từ phía nào, thì lửa cũng không chụp vô đó được, lửa không bắt vô đó được. Cũng giống như vậy, này các các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy, nếu Ma Vương có tiếp cận người đó thông qua mắt ... thông qua tâm, thì Ma Vương sẽ *không* chụp được người đó, Ma Vương sẽ không bắt được người đó.

“Khi một Tỳ kheo sống như vậy thì người đó áp đảo những hình-sắc; những hình-sắc không áp đảo người đó. Người đó áp đảo những âm-thanh; những âm-thanh không áp đảo người. Người đó áp đảo những mùi-hương; những mùi-hương không áp đảo người đó. Người đó áp đảo những mùi-vị; những mùi-vị không áp đảo người đó. Người đó áp đảo những đối-tượng chạm xúc; những đối-tượng chạm xúc không áp đảo người đó. Người đó áp đảo những hiện-tượng thuộc tâm; những hiện-tượng thuộc tâm không áp đảo người đó. Này các các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo không bị áp đảo bởi những hình-sắc, không bị áp đảo bởi những âm-thanh, không bị áp đảo bởi những mùi-hương, không bị áp đảo bởi những mùi-vị, không bị áp đảo bởi những đối-tượng chạm xúc, không bị áp đảo bởi những hiện-tượng thuộc tâm— là người áp đảo, chứ không phải người bị áp đảo. Người đó đã áp đảo những trạng thái (nếu không bị áp đảo chúng sẽ) làm ô-nhiễm, dẫn dắt đến sự tái hiện-hữu, mang đến vắn nạn, đưa đến hậu quả khổ đau, và dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai.

“Này các các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một người không bị suy đồi.”

Rồi đức Thế Tôn ngồi dậy và nói với thầy Đại Mục-kiền-liên như vậy: “Tốt, tốt, này Mục-kiền-liên! Thầy đã nói một cách khéo léo bài giảng về người bị suy đồi và người không bị suy đồi.”

Đây là lời của thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói. Vị Sư Thầy đã chấp thuận. Các Tỳ kheo phấn khởi và vui mừng với lời tuyên thuyết của thầy Đại Mục-kiền-liên.

(SN 35:243)

244 (7) Những Trạng Thái Kéo Theo Khổ Đau

“Này các Tỳ kheo, khi (i) một Tỳ kheo hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến của tất cả ‘những trạng thái xấu ác bất thiện kéo theo khổ đau’, đúng như chúng thực là, thì (ii) người đó đã nhìn thấy những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) theo một cách [người đó] không còn khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra tham-muốn về dục, sự luyến-ái về dục, sự mê-thích về dục, sự mê-đắm về dục đối với những khoái-lạc giác-quan; rồi (iii) người đó đã thấu rõ một phương pháp hành xử và lối sống để khi người đó hành xử bản thân như vậy và khi người đó sống như vậy, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) không chảy-vào bên trong người đó; (‘dòng chảy-vào’: chỉ những ô-nhiễm từ bên ngoài vào tâm).¹⁸⁹

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến của tất cả ‘những trạng thái xấu ác bất thiện kéo theo khổ đau’, đúng như chúng thực là?¹⁹⁰ (Người đó hiểu được:) ‘Này là thân-sắc, này là nguồn gốc của nó, này là sự chấm dứt của nó; này là cảm-giác ... này là nhận-thức ... này là những sự tạo-tác cố-ý ... này là thức, này là nguồn gốc của nó, này là sự chấm dứt của nó’: theo

cách như vậy là một Tỳ kheo hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến của tất cả ‘những trạng thái xấu ác bất thiện kéo theo khổ đau’ (những pháp khổ), đúng như chúng thực là.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo nhìn thấy những khoái-lạc giác-quan theo một cách [người đó] không còn khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham-muốn nhục dục, luyến-ái nhục dục, sự mê-thích nhục dục, sự mê-đắm nhục dục đối với những khoái-lạc giác-quan? Giả sử có một hồ than sâu hơn chiều cao một người, chứa đầy than đang cháy rực nhưng không khói, không có lửa ngọn. Một người đến đó, người đó đang muốn sống, không muốn chết, thích sướng và ghét khổ. Rồi có hai người lực sĩ nắm hai tay người đó và kéo người đó tới chỗ hồ than. Người đó sẽ cố vùng vẫy mọi cách (để thoát thân). Vì lý do gì? Vì người đó biết: ‘Ta sẽ rớt xuống hồ than và do vậy ta sẽ bị chết hoặc đau đớn như chết’.¹⁹¹ Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy những khoái-lạc giác-quan cũng giống như hồ than lửa, thì người đó không còn khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham-muốn nhục dục, luyến-ái nhục dục, sự mê-thích nhục dục, sự mê-đắm nhục dục đối với những khoái-lạc giác-quan.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo đã thấu rõ một phương pháp hành xử và lối sống để khi người đó hành xử bản thân như vậy và khi người đó sống như vậy, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (u) không chảy-vào bên trong người đó? Giả sử một người đi vào một khu rừng đầy gai nhọn. Gai có đầy trước mặt, gai đầy sau lưng, gai đầy bên trái, gai đầy bên phải, gai đầy bên dưới, gai đầy bên trên người đó. Người đó phải bước tới một cách chú-tâm (chánh niệm), người đó bước lùi một cách chú-tâm, trong đầu nghĩ: ‘Đừng để gai đâm ta!’. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, thứ gì trong thế giới có tính chất dễ-chịu (sướng) và khó-chịu (khổ) thì được gọi là một cái gai theo Giới Luật Thánh Nhân. Sau khi hiểu được những thứ như vậy như một cái ‘gai’, thì một người hiểu

được sự kiềm-chế và sự không kiềm-chế là gì.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào có sự không kiềm-chế? Ở đây, khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, một Tỳ kheo có ý thích (tham) một hình-sắc dễ chịu và từ chối (sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát bằng trí-tuệ, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ (không còn tàn dư).

“Khi nghe thấy một *âm-thanh* bằng *tai* ... Khi nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng *tâm*, một Tỳ kheo ý thích (tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và từ chối (sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’ ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. Chính theo cách như vậy là có sự không kiềm-chế.

(5) “Và này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự kiềm-chế? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng *mắt*, một Tỳ kheo *không* ý thích (không tham) một hình-sắc dễ chịu và không từ chối (không sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống có thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm vô lượng, và người đó hiểu được đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát bằng trí-tuệ, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ (không còn tàn dư).

“Khi nghe thấy một *âm-thanh* bằng *tai* ... Khi nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng *tâm*, một Tỳ kheo *không* ý thích (không tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và không từ chối (không sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống có thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’ ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. Chính theo cách như vậy là có sự kiềm-chế.

(6) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang hành xử bản thân như vậy và đang sống theo cách như vậy, nhiều lúc sự chánh-niệm bị

rớt (yêu, mất, lạc, lãng xãng, thất niệm), thì những sự-nhớ (ký ức, niệm, tà niệm) và những ý-định nối kết với những công-cùm sẽ khởi sinh trong người đó. Nếu điều này xảy ra thì sự chánh-niệm chậm khởi sinh, nhưng ngay lúc đó người tu liền nhanh chóng dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết thúc chúng, và xóa sổ chúng. Giả sử có một người nhiều hai hay ba giọt nước lên một đĩa sắt đã được đun nóng cả ngày. Dù những giọt nước có rơi xuống chậm nhưng ngay lúc chúng chạm xuống đĩa, chúng sẽ lập tức bốc hơi và biến mất.¹⁹² Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang hành xử bản thân như vậy và đang sống theo cách như vậy ... sự chánh-niệm chậm khởi sinh, nhưng ngay lúc đó người đó liền nhanh chóng dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết thúc chúng, và xóa sổ chúng.

“Nhu vậy một Tỳ kheo đã thấu rõ một cách hành xử bản thân và cách sống để khi người đó hành xử bản thân như vậy và khi người đó sống như vậy, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thêm-muôn (tham) và phiền-bực (ưu) không chảy-vào bên trong người đó.

(7) “Khi một Tỳ kheo đang hành xử bản thân như vậy và đang sống như vậy, nếu các vua chúa hay các quan thần, bạn bè hay đồng sự, bà con hay họ hàng có thỉnh dụ người đó về nhận lấy tài sản bổng lộc, họ nói: ‘Này, người bạn tốt, sao phải để mấy cái áo cà sa này làm khổ cực mình vậy? Tại sao phải đi lang thang với cái đầu trọc và bình bát xin ăn như vậy? Này, hãy trở lại đời sống thấp tục, sau đó mặc sức mà hưởng thụ của cải và làm những việc công đức’. Nhưng này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang hành xử (dẫn dắt) bản thân như vậy và đang sống như vậy thì không thể nào người đó từ bỏ sự tu tập để quay lại đời sống thấp tục.

“Này các Tỳ kheo, giả sử khi sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông, một đám người tới mang theo cuốc và giỏ đựng, trong đầu nghĩ: ‘Chúng ta sẽ làm (đào) cho sông Hằng này đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây’. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao,

liệu đám người đó có thể làm cho sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì sông Hằng (tự hỏi nào giờ) là đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông, và không dễ gì làm cho nó đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây cho được. Đám người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và bực tức mà thôi.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang hành xử bản thân như vậy và đang sống như vậy, nếu các vua chúa hay các quan thần, bạn bè hay đồng sự, bà con hay họ hàng có thỉnh dụ người đó về nhận lấy tài sản bổng lộc ... thì không thể nào người đó từ bỏ sự tu tập để quay lại đời sống thấp tục. Vì lý do gì? Bởi vì từ lâu giờ tâm của người đó đã đổ về, nghiêng về, và ngã về sự sống tách-ly (lánh trần). Như vậy thì không thể nào người đó bỏ tu để quay lại đời sống trần tục.”

(SN 35:244)

245 (8) *Cây Kimṣuka*

(1) Một Tỳ kheo đến gặp một Tỳ kheo khác và hỏi: “Này các Tỳ kheo, theo cách nào tâm-nhìn của một Tỳ kheo được thanh lọc một cách khéo léo?”¹⁹³

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự phai-biến của *sáu cơ-sở tiếp-xúc* (sáu giác-quan) thì theo cách như vậy là tâm-nhìn của người đó được thanh lọc một cách khéo léo.”

(2) Rồi Tỳ kheo đầu (tức người hỏi) không hài lòng với câu trả lời của người kia, nên đến gặp một Tỳ kheo khác để hỏi lại: “Này các Tỳ kheo, theo cách nào tâm-nhìn của một Tỳ kheo được thanh lọc một cách khéo léo?”

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự phai-biến của *năm-uẩn bị dính chấp*, thì theo cách như vậy là tầm-nhìn của người đó được thanh lọc một cách khéo léo.”

(3) Lần nữa, Tỳ kheo đầu không hài lòng với câu trả lời của người kia, nên đến gặp một Tỳ kheo khác nữa để hỏi lại: “Này các Tỳ kheo, theo cách nào tầm-nhìn của một Tỳ kheo được thanh lọc một cách khéo léo?”

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự phai-biến của *bốn yếu-tố lớn* (tứ đại), thì theo cách như vậy là tầm-nhìn của người đó được thanh lọc một cách khéo léo.”

(4) Lần nữa, Tỳ kheo đầu không hài lòng với câu trả lời của người đó, nên đến gặp tiếp một Tỳ kheo khác để hỏi lại: “Này các Tỳ kheo, theo cách nào tầm-nhìn của một Tỳ kheo được thanh lọc một cách khéo léo?”

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo hiểu được, đúng như chúng thực là: *‘Thứ gì thuộc tính khởi-sinh thì đều thuộc tính chấm-dứt’* (có sinh là có diệt), thì theo cách như vậy là tầm-nhìn của người đó được thanh lọc một cách khéo léo.”

(5) Rồi, Tỳ kheo đó không hài lòng với câu trả lời của người đó, nên đến gặp đức Thế Tôn, kể lại mọi sự các thầy kia đã nói, và hỏi lại: “Thưa Thế Tôn, theo cách nào tầm-nhìn của một được thanh lọc một cách khéo léo?”

- “Này Tỳ kheo, giả sử có một người trước giờ chưa từng nhìn thấy cây *kiṃsuka*.¹⁹⁴ Người đó đến gặp một người đã từng nhìn thấy cây *kiṃsuka* để hỏi: ‘Thưa ông, cây *kiṃsuka* nhìn ra sao?’ Người kia có thể trả lời: ‘Này bạn hiền, cây *kiṃsuka* có màu đen đen, giống một gốc cây bị đốt thành than.’ Trong lần đó, có thể cây *kiṃsuka* đúng là giống như

người kia đã nhìn thấy.

- “Rồi người đó không hài lòng với câu trả lời của người kia, nên đến gặp một người khác đã từng nhìn thấy cây *kiṃsuka* để hỏi lại: ‘Thưa ông, cây *kiṃsuka* nhìn ra sao?’ Người kia có thể trả lời: ‘Này bạn hiền, cây *kiṃsuka* có màu đỏ đỏ, giống một miếng thịt.’ Trong lần đó, có thể cây *kiṃsuka* đúng là giống như người kia đã nhìn thấy.

- “Rồi người đó không hài lòng với câu trả lời của người đó, nên đến gặp một người khác nữa đã từng nhìn thấy cây *kiṃsuka* để hỏi lại: ‘Thưa ông, cây *kiṃsuka* nhìn ra sao?’ Người kia có thể trả lời: ‘Này bạn hiền, cây *kiṃsuka* có vỏ bị tuột xuống và tróc ra, giống một cây acacia (*sirīsa*).¹⁹⁵ Trong lần đó, có thể cây *kiṃsuka* đúng là giống như người kia đã nhìn thấy.

- “Rồi người đó không hài lòng với câu trả lời của người đó, nên đến gặp tiếp một người khác đã từng nhìn thấy cây *kiṃsuka* để hỏi lại: ‘Thưa ông, cây *kiṃsuka* nhìn ra sao?’ Người kia có thể trả lời: ‘Này bạn hiền, cây *kiṃsuka* có lá và tàn lá che phủ bóng mát, giống một cây ban-yan (cây đa).’ Trong lần đó, có thể cây *kiṃsuka* đúng là giống như người kia đã nhìn thấy.

“Cũng giống như vậy, này Tỳ kheo, những bậc thượng nhân đó đã trả lời đúng như chúng hiện thị theo cách mỗi tâm-nhìn của mỗi vị đó đã được thanh lọc một cách khéo léo. (Tức: mỗi người chứng ngộ theo mỗi cách khác nhau như vậy.)

“Này Tỳ kheo, giả sử một ông vua có một đô thành ở gần biên giới có những hào lũy, tường thành, và tháp canh kiên cố, và có sáu cổng ra vào.¹⁹⁶ Người gác cổng ở đó khôn khéo, giỏi việc, và thông minh; người đó chặn đuổi những người lạ mặt, và cho phép những người quen mặt đi vào đi ra. Có hai người đưa tin hỏa tốc đến từ phía đông và hỏi người gác cổng: ‘Này bạn hiền, vị chủ thành đang ở đâu?’ Người gác cổng có thể trả lời: ‘Ông ta đang ngồi ở sân đình trung tâm.’

Rồi hai người đưa tin hỏa tốc đi vào báo tin hiện-thực cho vị chủ thành, và đi ra khỏi thành theo đường đã đi vào. Tương tự, những người đưa tin đến từ phía tây, từ phía bắc, từ phía nam, đi vào báo tin của họ, và đi ra khỏi thành theo đường đã đi vào.

“Này Tỳ kheo, ta đã làm ví dụ này để chuyển tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa đó:

- ‘Thành đô’: đây là một cách để chỉ *thân* này gồm bốn yếu tố lớn (tứ đại), bắt nguồn từ mẹ và cha, được nuôi lớn từ cơm và cháo, (mang bản chất) bị vô thường, phải bị chà xát và đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã.¹⁹⁷

- ‘Sáu công’: đây là một cách để chỉ sáu cơ-sở *cảm nhận bên-trong* (sáu giác-quan).

- ‘Người gác cổng’: đây là một cách để chỉ *sự chánh-niệm*.

- ‘Hai người đưa tin hỏa tốc’: đây là một cách để chỉ *sự tỉnh-lặng* (định) và *minh-sát* (tuệ).

- ‘Người chủ thành’: đây là một cách để chỉ *thức*.¹⁹⁸

- ‘Sân đình trung tâm’: đây là một cách để chỉ *bốn yếu-tố lớn*—yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố nhiệt, yếu tố khí.

- ‘Tin hiện-thực’: đây là một cách để chỉ *Niết-bàn*.¹⁹⁹

- ‘Theo đường đã đi vào’: đây là một cách để chỉ *con đường Bát Thánh Đạo*; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.”

(SN 35:245)

246 (9) Ví Dụ Đờn Tỳ Bà

“Này các Tỳ kheo, nếu bên trong một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào có nhục dục, hay tham, hay sân, hay si khởi sinh đối với *những hình-sắc được nhận biết bởi mắt*, thì người đó nên chế ngự tâm mình khỏi

chúng như vậy:²⁰⁰ ‘Con đường này là đáng sợ, hiểm nguy, đầy gai góc, đầy rừng rậm, con đường tà ác, con đường xấu ác, con đường cần cạo khan hiếm.’²⁰¹ Đây là con đường được bước đi bởi những người thấp tục; đó không phải là con đường được bước đi bởi những bậc thượng nhân. *(Này tâm:) đây không phải là (con đường) dành cho mi!.* Theo cách như vậy tâm nên được chế ngự khỏi những trạng thái liên quan những hình-sắc được nhận biết bởi mắt. Cũng làm tương tự đối với những trạng thái liên quan *những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm.*

- “Này các Tỳ kheo, giả sử đồng lúa [lúa mì] đã chín và người canh gác thì lơ đãng. Con bò nào thích đi vào đồng lúa đó thì nó cứ thỏa thích ăn theo ý mình. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy không tập luyện sự kiềm chế sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu giác-quan) thì người đó cứ thỏa thích thả mình trong năm dẫy khoái-lạc giác-quan.²⁰²

- “Này các Tỳ kheo, giả sử đồng lúa đã chín và người canh gác thì canh phòng cẩn thận. Nếu con bò nào thích đi vô đồng lúa đó, thì người canh gác sẽ nắm chặt ngay mõm nó (chỗ có dây xoắn mũi). Trong khi nắm chặt mõm nó, người đó ghì chặt dây khóa giữa hai sừng, rồi nện mạnh nó bằng gậy. Sau khi nện mạnh con bò, người đó đánh đuổi nó đi ... Lần thứ hai cũng vậy ... Lần thứ ba cũng vậy. Như vậy sau đó, con bò thích ăn lúa dù đã chạy về làng hay chạy vô rừng hay dù nó còn đang đứng hay đang ngồi đâu đó, khi nhớ tới trận đòn bị nện bằng cây trước đó thì nó sẽ không dám đi vô đồng lúa nữa.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi tâm một Tỳ kheo đã được chinh phục, đã được chinh phục một cách khéo léo đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc, thì nó sẽ trở nên ổn định ở bên trong, được lắng lặn, được hợp nhất, và đạt định.

- “Này các Tỳ kheo, giả sử có một ông vua [hay quan đại thần của

ông] chưa bao giờ nghe tiếng đàn tỳ bà. Rồi, nếu nghe tiếng đàn đầu đó, ông có thể hỏi: ‘Ê anh kia, cái gì làm ra thứ âm thanh đó vậy— nó thật dễ chịu, thật gọi cảm, thật say sưa, thật đáng mê, thật mê hoặc, như vậy?’ Người ta có thể trả lời ông: ‘Thưa đức ngài, đó là đàn tỳ bà làm ra âm thanh đó— thật dễ chịu, thật gọi cảm, thật say sưa, thật đáng mê, thật mê hoặc, như vậy.’ Ông sẽ nói: ‘Này anh kia, hãy mang đàn đó tới đây cho ta coi.’

“Rồi người ta phải đem cây đàn tỳ bà tới cho ông và thưa: ‘Thưa đức vua, đây là đàn tỳ bà, âm thanh của nó là thật dễ chịu, thật gọi cảm, thật say sưa, thật đáng mê, thật mê hoặc.’ Nhà vua mới nói: ‘Ta đã có cả đồng đàn sáo ở đây rồi. Người chỉ cần mang thứ âm thanh đó tới đây cho ta.’ Chắc người ta phải trả lời ông như vậy: ‘Thưa đức vua, cây đàn tỳ bà này gồm nhiều bộ phận, gồm rất nhiều bộ phận, và nó sẽ làm ra thứ âm thanh khi nó được chơi trên nhiều bộ phận của nó; đó là: tùy thuộc vào nhiều thứ như thành đàn làm bằng da, bụng đàn, cần đàn, đầu đàn, các dây đàn, phím để đàn, và sự nỗ lực khéo léo của người nhạc công.²⁰³ Như vậy đó, thưa đức vua, rằng cây đàn tỳ bà này gồm nhiều bộ phận, gồm rất nhiều bộ phận, và nó sẽ làm ra thứ âm thanh khi nó được chơi trên nhiều bộ phận của nó.’

“Nhà vua bèn đập nát cây đàn ra thành mười mảnh hay trăm mảnh, rồi nghiền nát thành vụn. Sau khi nghiền nát hết thành vụn, ông đem đốt chúng cháy nát thành tro, rồi ông đem rải tro trong gió mạnh hoặc rải xuống sông chảy xiết. Rồi ông nói: ‘Cái được gọi là cây-đàn đích thực chỉ là ‘tào lao’, cũng chẳng có cái gì được gọi là cây-đàn cả. Sao mọi người quá lơ tâm nghĩ nó là vậy, sao mọi người cứ nhận làm nó là vậy!’

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo điều tra *thê-sắc* khắp mọi chỗ nó có mặt, người đó điều tra *cảm-giác* khắp mọi chỗ nó có mặt, người đó điều tra *nhận-thức* khắp mọi chỗ nó có mặt, người đó điều tra *những sự tạo-tác cố-ý* khắp mọi chỗ chúng có mặt, người đó

điều tra *thức* khắp mọi chỗ nó có mặt. Khi người đó điều tra thể-sắc khắp mọi chỗ nó có mặt ... điều tra thức khắp mọi chỗ nó có mặt, (và người đó đâu thấy cái nào có tự-tính như một cái ‘ta’ hay ‘tự-ngã’) thì mọi quan niệm như cái ‘ta’, cái ‘của-ta’ hay cái ‘ta-là’ đều không còn trong người đó nữa.”²⁰⁴

(SN 35:246)

247 (10) Ví Dụ Sáu Con Vật

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một người với tay chân bị thương và đang mừng mủ mà đang đi vô khu rừng đầy cây gai nhọn, và gai cỏ *kusa* có thể đâm bàn chân và lá lau sậy có thể cào xước tay chân của anh ta. Như vậy người đó càng thêm bị đau đớn và khổ sở. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có mấy Tỳ kheo đi vô làng hay vô rừng gặp người ta chửi chê mình như vậy: ‘Quý thầy đây, hành động như vậy, hành vi như vậy, chẳng khác gì cái gai thúi trong làng.’ (tức: không phải bậc chân tu hay đại đức; ‘đại đức thúi’). Sau khi hiểu được mình chỉ là cái ‘gai’, thì người đó nên hiểu được sự kiểm-ché và sự không kiểm-ché là gì.”²⁰⁵

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào có *sự không kiểm-ché*? Ở đây, khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, một Tỳ kheo có ý thích (tham) một hình-sắc dễ chịu và từ chối (sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát bằng trí-tuệ, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ (không còn tàn dư).

“Khi nghe thấy một *âm-thanh* bằng *tai* ... Khi nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng *tâm*, một Tỳ kheo ý thích (tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và từ chối (sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm

bị giới hạn, và người đó không hiểu đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát bằng trí-tuệ, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ.²⁰⁶ Chính theo cách như vậy là có sự không kiềm-chế.

- “Này các Tỳ kheo, giả sử có một người bắt được sáu con vật— ở những địa bàn sống khác nhau và vùng kiếm ăn khác nhau—và cột mỗi con bằng một sợi dây thừng. Ví dụ người đó bắt được rắn, cá sấu, chim, chó, chó rừng, và khi, và cột mỗi con bằng một sợi dây thừng. Sau khi cột xong, ông cột thắt các đầu dây thừng lại với nhau thành một mối thắt chung, và thả chúng ta. Sáu con vật thuộc sáu địa bàn sống khác nhau và vùng kiếm ăn khác nhau sẽ kéo chạy về hướng địa bàn sống và vùng kiếm ăn của mình. Rắn kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy lên ụ gò mồi’. Cá sấu kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy xuống nước’. Chim kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Bay lên trời’. Chó kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy về làng’. Chó rừng kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy vô nghĩa địa’. Khi kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy về rừng’.

- “Tới lúc sáu con vật đều mệt mỏi và đuối sức, chúng bắt đầu bị lấn áp bởi một con còn mạnh nhất trong đó; giờ chúng phải bị lụy theo con đó và bị con đó điều khiển. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo *không* tu tập và tu dưỡng ‘sự chánh-niệm hướng vào thân’, thì mắt kéo (tâm) theo hướng (tham, thích, nắm giữ) những hình-sắc dễ chịu và bất đồng (sân, ghét, từ chối) với những hình-sắc khó chịu; tai kéo theo hướng những âm-thanh dễ chịu và bất đồng với những âm-thanh khó chịu; mũi kéo theo hướng những mùi-hương dễ chịu và bất đồng với những mùi-hương khó chịu; lưỡi kéo theo hướng những mùi-vị dễ chịu và bất đồng với những mùi-vị dễ chịu; thân kéo theo hướng những đối-tượng chạm xúc dễ chịu và bất đồng với những đối-tượng chạm xúc khó chịu; tâm kéo theo hướng những hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và bất đồng với những hiện-tượng thuộc tâm khó chịu.

“Chính theo cách như vậy là có sự không kiểm-ché.

(2) “Và này các Tỳ kheo, theo cách nào là *có sự kiểm-ché*? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo *không* ý thích (không tham) một hình-sắc dễ chịu và không từ chối (không sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống có thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm vô lượng, và người đó hiểu được đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát bằng trí-tuệ, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ (không còn tàn dư).

“Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo *không* ý thích (không tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và không từ chối (không sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống có thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’ ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ.

Chính theo cách như vậy là có sự kiểm-ché.

- “Này các Tỳ kheo, giả sử có một người bắt được sáu con vật— ở các địa bàn sống khác nhau và vùng kiếm ăn khác nhau—và cột mỗi con bằng một sợi dây thừng. Ví dụ người đó bắt được rắn, cá sấu, chim, chó, chó rừng, và khi, và cột mỗi con bằng một sợi dây thừng. Sau khi cột xong, ông cột tất cả các đầu dây thừng đó vào một cây cột hay trụ chắc chắn. Rồi sáu con vật thuộc sáu địa bàn sống khác nhau và vùng kiếm ăn khác nhau sẽ kéo chạy về hướng địa bàn sống và vùng kiếm ăn của mình. Rắn kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy lên ụ gò mồi’ ... Khi kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy về rừng’.

- “Tới lúc sáu con vật đều mệt mỏi và đuối sức, chúng chỉ đứng gần cây cột hay trụ đó, chúng chỉ có thể ngồi gần đó, chúng chỉ có thể nằm gần đó. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng ‘sự chánh-niệm hướng vào thân’, thì mắt *không* kéo (tâm) theo hướng những hình-sắc dễ chịu, cũng *không* bắt đồng với

những hình-sắc khó chịu; tai *không* kéo theo hướng những âm-thanh dễ chịu, cũng *không* bắt đồng với những âm-thanh khó chịu; mũi *không* kéo theo hướng những mùi-hương dễ chịu, cũng *không* bắt đồng với những mùi-hương khó chịu; lưỡi *không* kéo theo hướng những mùi-vị dễ chịu, cũng *không* bắt đồng với những mùi-vị khó chịu; thân *không* kéo theo hướng những đối-tượng chạm xúc dễ chịu, cũng *không* bắt đồng với những đối-tượng chạm xúc khó chịu; tâm *không* kéo theo hướng những hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu, cũng *không* bắt đồng với những hiện-tượng thuộc tâm khó chịu.

“Chính theo cách như vậy là có sự kiềm-chế.

“Này các Tỳ kheo, ‘cây cột hay trụ chắc chắn’: đây là một cách chỉ ‘*sự chánh-niệm hướng vào thân*’. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ tu tập và tu dưỡng ‘*sự chánh-niệm hướng vào thân*’, làm cho nó thành một cỗ-xe (tu thừa) của chúng ta, làm cho nó thành căn-bản của chúng ta, ổn định nó, thực hành bản thân mình trong nó, và hoàn thiện nó.’ Các thầy nên tu tập bản thân mình như vậy.”

(SN 35:247)

248 (11) *Bó Lúa*

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một bó lúa [lúa mì] được để ở ngã tư đường. Rồi có sáu người tới tay cầm cây đập lúa, và họ đập bó lúa với sáu cây đập lúa đó. Như vậy bó lúa bị đập toi tả, đã bị đập bởi sáu cây đập lúa. Rồi một người thứ bảy tới tay cầm cây đập lúa, và người đó cũng đập bó lúa với cây đập lúa thứ bảy đó. Như vậy bó lúa thậm chí càng bị đập toi tả hơn nữa, đã bị đập thêm bởi cây đập lúa thứ bảy.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy bị đập đánh trong *mắt* bởi *những hình-sắc* dễ chịu và khó

chịu; bị đập đánh trong *tai* bởi *những âm-thanh* dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong *mũi* bởi *những mùi-hương* dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong *lưỡi* bởi *những mùi-vị* dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong *thân* bởi *những đối-tượng chạm xúc* dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong *tâm* bởi *những hiện-tượng thuộc tâm* dễ chịu và khó chịu. Nếu người phạm phu không được chỉ dạy đã thiết lập cái tâm theo hướng tái hiện-hữu (tái sinh) trong tương lai (với dự vọng được tái hiện-hữu ở cõi này cõi nọ; như mong muốn tái sinh lại làm người hay thành tiên ...), thì kẻ ngu dại đó thậm chí còn bị đập đánh toi tả hơn nữa, giống như bó lúa càng bị đập toi tả hơn nữa bởi cây đập thứ bảy.

“Này các Tỳ kheo, một thời trong quá khứ có các thiên thần (deva) và các quỷ thần (asura, a-tu-la) dàn trận đánh nhau.²⁰⁷ Rồi Vepacitti, vua của các quỷ thần đã nói với các quỷ thần như vậy: ‘Này các chư thần, trong trận chiến sắp xảy ra, nếu bên các quỷ thần thắng và bên các thiên thần bị thua, hãy bắt trói tay chân và gông cổ Sakka (Đế-thích), vua của các thiên thần, và mang ông ta về cho ta trong kinh thành này của các quỷ thần.’ Và Sakka, vua của các thiên thần, thì nói với các thiên thần như vậy: ‘Này các chư thần, trong trận chiến sắp xảy ra, nếu bên các thiên thần thắng và bên các quỷ thần bị thua, hãy bắt trói tay chân và gông cổ Vepacitti, vua của các quỷ thần, và mang ông ta về cho ta trong hội sảnh đường Sudhamma (Thiện Pháp) này.’

“Này các Tỳ kheo, trong trận chiến đó, các thiên thần thắng và các quỷ thần bị thua. Rồi các thiên thần đã trói tay chân và gông cổ Vepacitti và mang ông ta về cho vua Sakka trong sảnh đường Sudhamma đó của các thiên thần.’

“Khi Vepacitti có ý nghĩ: ‘Các thiên thần là chánh đúng, các quỷ thần là bất chánh; ngay đây bây giờ ta *đã* tới kinh thành của các thiên thần’, thì ông ta thấy mình vừa được thoát khỏi gông-cùm quanh cổ và tay chân, và được thụ hưởng năm dây dục-lạc cõi trời được phú và chu cấp cho mình; (phân biệt với ‘năm dây dục lạc ở cõi trần’!). Nhưng khi

Vepacitti có ý nghĩ: ‘Các quỷ thần là chánh đấng, các thiên thần là bất chánh; giờ ta sẽ đi tới kinh thành của các thiên thần’, thì ông lại thấy mình vừa bị gông-cùm quanh cổ và tay chân, và ông ta bị tước mắt năm dây đục-lạc thuộc cõi trời.

“Này các Tỳ kheo, sự trói-buộc của Vepacitti thật là tinh vi (vi tế) như vậy; nhưng sự trói buộc của Ma Vương còn tinh vi hơn nhiều. Trong sự nhìn-nhận (suy tưởng), một người bị trói buộc bởi Ma Vương; trong sự không nhìn-nhận, một người được tự do khỏi ma Vương.²⁰⁸

(1) “Này các Tỳ kheo, ‘Ta-là’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta là này’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ là’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ không là’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ gồm có thân-sắc’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ không có thân-sắc (vô sắc) là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ có nhận-thức’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’ là một sự nhìn-nhận—đều chỉ là sự nhìn-nhận (suy tưởng, nhận lầm).²⁰⁹ Sự nhìn-nhận này nọ là một căn bệnh, sự nhìn-nhận là một ung nhọt, sự nhìn-nhận là một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không có sự nhìn-nhận này nọ.’

(2) “Này các Tỳ kheo, ‘Ta-là’ là một sự nhiễu-loạn;²¹⁰ ‘Ta là này’ là một sự nhiễu-loạn; ‘Ta sẽ là’ là một sự nhiễu-loạn; ‘Ta sẽ không là’ là một sự nhiễu-loạn; ‘Ta sẽ gồm có thân-sắc’ là một sự nhiễu-loạn; ‘Ta sẽ không có thân-sắc’ là một sự nhiễu-loạn; ‘Ta sẽ có nhận-thức’ là một sự nhiễu-loạn; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’ là một sự nhiễu-loạn; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’ là một sự nhiễu-loạn. Sự nhiễu-loạn này nọ là như một căn-bệnh, sự nhiễu-loạn như một ung nhọt, sự nhiễu-loạn như một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không-có sự nhiễu-loạn này nọ.’

(3) “Này các Tỳ kheo, ‘Ta-là’ là một sự chao-đảo (phát phơ, lung

lay); ‘Ta là này’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ là’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ không là’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ gồm có thân-sắc’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ không có thân-sắc’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ có nhận-thức’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’ là một sự chao-đảo. Sự chao-đảo này nọ là như một căn bệnh, sự chao-đảo như một ung nhọt, sự chao-đảo như một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không-có sự chao-đảo này nọ.’

(4) “Này các Tỳ kheo, ‘Ta-là’ là một sự phóng-tâm; ‘Ta là này’ là một sự phóng-tâm; ‘Ta sẽ là’ là một sự phóng-tâm; ‘Ta sẽ không là’ là một sự phóng-tâm; ‘Ta sẽ gồm có thân-sắc’ là một sự phóng-tâm; ‘Ta sẽ không có thân-sắc’ là một sự phóng-tâm; ‘Ta sẽ có nhận-thức’ là một sự phóng-tâm; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’ là một sự phóng-tâm; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’ là một sự phóng-tâm. Sự phóng-tâm này nọ là như một căn bệnh, sự phóng-tâm như một ung nhọt, sự phóng-tâm như một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không-có sự phóng-tâm này nọ.’

(5) “Này các Tỳ kheo, ‘Ta-là’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’ (ngã mạn, ta-đây);²¹¹ ‘Ta là này’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ là’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ không là’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ gồm có thân-sắc’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ không có thân-sắc’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ có nhận-thức’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’. Sự dính-líu với sự ‘tự-ta’ này nọ là như một căn bệnh, sự dính-líu với sự ‘tự-ta’ như một ung nhọt, sự dính-líu với sự ‘tự-ta’ như một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống

với một cái tâm không-có sự dính-líu với sự ‘tự-ta’ này nọ.’

“Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 35:248)

Chương 36

Liên Kết CẢM-GIÁC

(36 *Vedanā-saṃyutta*)

(36 *Tương ứng Thọ*)

NHÓM 1

NHÓM ‘CÓ THI KỆ’

(*Sagāthā-vagga*)

1 (1) Định Tâm

“Này các Tỷ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác dễ chịu (sướng), cảm-giác khó chịu (khổ), và cảm-giác trung tính [không dễ chịu không khổ đau]. Đây là ba cảm-giác.”

Một đệ tử của Phật, có chánh-niệm,
Có đạt-định, và thấu suốt rõ ràng,
Hiểu được những cảm-giác,
Và nguồn gốc những cảm-giác,
Và chỗ chúng chấm dứt,
Và con đường dẫn tới sự chấm dứt của chúng.
Khi đã tiêu diệt mọi cảm-giác (diệt thọ)
Một Tỷ kheo hết đói khát và đã hoàn toàn tắt lửa.²¹²

(SN 36:01)

2 (2) Sướng

“Này các Tỷ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác dễ chịu (sướng), cảm-giác khó chịu (khổ), và cảm-giác trung tính. Đây là ba cảm-giác.”

Dù đó là sướng hay khổ
Hay không dễ chịu không khổ đau,
Bên trong hay bên ngoài,
Dù là loại cảm-giác gì:
Đã biết rõ: “Đó là khổ,

Sẽ bị hoại diệt, sẽ bị tan rã.”
Sau khi đã tiếp xúc và tiếp xúc chúng hoà hoà,
Sau khi đã nhìn thấy sự phai biến của chúng,
Thì người tu không còn mê-thích chúng nữa.

(SN 36:02)

3 (3) *Đẹp Bỏ*

“Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khó chịu, và cảm-giác trung tính. Hãy dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra tham-dục đối với cảm-giác dễ chịu (sướng; lạc thọ). Dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sân-ghét đối với cảm-giác khó chịu (khổ; khổ thọ). Dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra si-mờ đối với cảm-giác trung tính (vô ký thọ).²¹³

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham đối với cảm-giác dễ chịu, khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sân đối với cảm-giác khó chịu, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra si đối với cảm-giác trung tính, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo không còn khuynh-hướng tiềm-ẩn, là người nhìn thấy một cách đúng đắn. Người đó đã cắt bỏ dục-vọng, đã chặt đứt những gông-cùm, và bằng cách phá tan sự ‘tự-ta’ (ngã mạn, ta-đây),²¹⁴ thì người đó đã kết thúc khổ đau.”

Khi người trải nghiệm sướng,
Nếu người không hiểu cảm-giác đó là gì,
Thì có khuynh-hướng tạo ra tham,
Bởi người không nhìn thấy sự thoát-khỏi nó.

Khi người trải nghiệm khổ,
Nếu người không hiểu cảm-giác đó là gì,
Thì có khuynh-hướng tạo ra sân,

Bởi người không nhìn thấy sự thoát-khỏi nó.

Bậc Đại Trí cũng đã dạy:

Còn đối với loại cảm-giác bình an vô sự,
Tức không dễ chịu không khổ đau:
Nếu người cũng tìm sự khoái-lạc trong nó,
Thì người vẫn không thoát khỏi sự khổ đau.

Khi một Tỳ kheo nhiệt thành,
Không lơ đãng sự rõ-biết (tỉnh giác),
Thì bậc trí đó hoàn-toàn hiểu

Những cảm-giác một cách toàn diện.

Sau khi đã hoàn-toàn hiểu những cảm-giác,
Người đó hết ô-nhiễm ngay trong kiếp sống này.
Đã có chỗ đứng trong Giáo Pháp: nên khi thân tan rã,
Bậc thầy hiểu-biết (trí sư) đó không còn được tính.
(Tức: niết-bàn, không được tính là chúng sinh nữa)

(SN 36:03)

4 (4) Vực Sâu Không Đáy

“Này các Tỳ kheo, khi người phạm phu không được chỉ dạy tuyên bố điều này: ‘Trong đại dương có một vực sâu không đáy’ thì người đó tuyên bố về một cái không tồn tại và không có thực. Này các Tỳ kheo, thà lấy điều đó để chỉ những cảm-giác khổ đau còn đúng hơn; những cảm-giác khổ đau thiết đúng như ‘một vực sâu không đáy.’”

“Khi người phạm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ thân, người đó sầu, buồn, và ai oán; người đó khóc than và đấm ngực và trở nên quẫn trí. Đây được gọi là một người phạm phu

không được chỉ dạy là người chưa lên khỏi cái vực sâu không đáy, người chưa có-được một chỗ đứng.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, khi người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy bị tiếp xúc với một cảm-giác khổ thân như vậy, người đó không sầu, buồn, hay ai oán; người đó không khóc than và đấm ngực, hay trở nên quẫn trí. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy là người đã lên khỏi vực sâu không đáy, người đã có-được một chỗ đứng.”

Người không thể chịu đựng
Những cảm-giác khổ đau đã khởi sinh,
Những cảm-giác khổ thân phá hoại đời người,
Người run sợ khi chúng tiếp xúc mình,
Là người yếu đuối, kém dũng khí,
Người khóc rống và than oan:
Đó là người chưa lên khỏi vực sâu không đáy.
Cũng chưa có-được một chỗ đứng.

Nhưng, ai là người có thể chịu đựng chúng—
Là những cảm-giác khổ đau,
Những cảm-giác khổ thân phá hoại đời người—
Người đó không run sợ khi chúng tiếp xúc mình:
Người đó đã lên khỏi vực sâu không đáy,
Và người đó đã có-được một chỗ đứng.

(SN 36:04)

5 (5) Nên Được Nhìn Thấy

“Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, và cảm-giác trung tính. Này các Tỳ kheo, cảm-giác dễ chịu nên được nhìn thấy là khổ (vì nó luôn biến đổi); cảm-giác

khổ đau nên được nhìn thấy như mũi tên; cảm-giác trung tính nên được nhìn thấy là vô thường.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã nhìn thấy cảm-giác dễ chịu là khổ, cảm-giác khổ đau như mũi tên, cảm-giác trung tính là vô thường, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo nhìn thấy một cách đúng đắn. Người đó đã cắt bỏ dục-vọng, đã chặt đứt những gông-cùm, và bằng cách hoàn toàn phá bỏ sự ‘tự-ta’ (ngã mạn, ta-đây), người đó đã kết thúc khổ đau.”

Người đã nhìn thấy cảm-giác dễ chịu là khổ,
Và cảm-giác khổ đau như là mũi tên,
Cảm-giác bình an vô sự là vô thường:
Thì đó là một Tỳ kheo nhìn thấy đúng đắn,
Người hoàn-toàn hiểu những cảm-giác.

Sau khi đã hoàn-toàn hiểu những cảm-giác,
Người đó hết ô-nhiễm ngay trong kiếp sống này.
Đã có chỗ đứng trong Giáo Pháp: nên khi thân tan rã,
Bậc thầy hiểu-biết (trí sư) đó không còn được tính.
(Tức: niết-bàn, không còn tính là chúng sinh nữa)

(SN 36:05)

6 (6) Mũi Tên

“Này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy cảm nhận một cảm-giác dễ chịu, một cảm-giác khổ đau, và một cảm-giác trung tính. Người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy cũng cảm nhận một cảm-giác dễ chịu, một cảm-giác khổ đau, và một cảm-giác trung tính. Nhưng trong đó, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và người phàm phu không được chỉ dạy?”

“Thưa Thế Tôn, giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nương nhờ vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn, làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói, này các Tỳ kheo.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(1) “Này các Tỳ kheo, khi người phàm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó buồn, sầu, và ai oán; người đó khóc than, đấm ngực và trở nên quẫn trí. Người đó cảm nhận như hai cảm-giác—một cảm-giác ở thân và một cảm-giác ở tâm. Giống như người ta bắn một người bằng một mũi tên, rồi lập tức bắn thêm một mũi vào chỗ đó nữa, do vậy người đó cảm giác một cảm-giác (đau đớn) gây ra bởi hai mũi tên. Cũng giống như vậy, khi người phàm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau ... người đó cảm nhận như hai cảm-giác—một cảm-giác ở thân và một cảm-giác ở tâm.

- “Khi bị tiếp xúc bởi cảm-giác khổ đau đó, người đó chấp chứa sân hận đối với nó. Khi có chấp chứa sân hận đối với cảm-giác khổ đau là có ‘khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra *sân* đối với cảm-giác khổ đau’ nằm bên dưới đó. Khi bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác-quan (dục lạc). Bởi vì sao, vì người phàm phu không được chỉ dạy không biết được sự thoát-khỏi cảm-giác khổ đau nào, ngoài khoái-lạc giác-quan. (tức, họ không biết có con đường tu tập để thoát khỏi sự khổ đau, họ chỉ coi dục-lạc là sự thoát khỏi khổ đau).²¹⁵

- Khi họ tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác-quan là có ‘khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra *tham* đối với cảm-giác sướng’ nằm bên dưới đó.

- Người đó không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong [trong trường hợp] những cảm-giác đó, đúng như chúng thực là. Khi không hiểu được những điều đó là có ‘khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra *si* đối với cảm-giác trung tính’ nằm bên dưới đó. (tức: khi có sân là có tùy miên (tạo ra) sân nằm bên dưới sự sân đó; khi có tham là có tùy miên tham nằm bên dưới sự tham đó; khi không có hiểu-biết hay ngu ngơ ngu mờ là có tùy miên *si* nằm bên dưới sự ngu ngơ ngu mờ đó).

- “Khi cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó cảm thấy dính theo nó. Khi cảm nhận một cảm-giác khổ đau, người đó cảm thấy dính theo nó. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó cảm thấy dính theo nó. Nay các Tỳ kheo, đây được gọi là người phạm phu không được chỉ dạy là người bị dính theo sự sinh, già, và chết; là người dính theo sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; là người dính với khổ đau, ta nói vậy.

(2) “Nay các Tỳ kheo, (ngược lại) khi người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó *không* buồn, sầu, và ai oán; người đó không khóc than và đấm ngực, và không trở nên quẫn trí. Người đó cảm nhận chỉ một cảm giác—đó là một cảm giác ở thân, không có một cảm giác ở tâm. Giống như người ta bắn một người bằng một mũi tên, nhưng sau đó không bắn thêm mũi nào vào chỗ đó nữa, như vậy người đó cảm nhận chỉ một cảm-giác gây nên bởi một mũi tên. Cũng giống như vậy, khi người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau ... người đó cảm nhận chỉ một cảm-giác—đó là một cảm-giác ở thân, không có một cảm-giác ở tâm.

- “Khi bị tiếp xúc bởi cảm-giác khổ đau đó, người đó *không* chấp chứa sân hận đối với nó. Khi người đó không chấp chứa sân hận đối với cảm-giác khổ đau là *không có* ‘khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra *sân* đối với cảm-giác khổ đau’ nằm bên dưới đó. Khi bị tiếp xúc bởi một cảm-

giác khổ đau, người đó *không* tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác-quan. Bởi vì sao, vì người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy hiểu được có sự thoát-khỏi cảm-giác khổ đau khác, không phải khoái-lạc giác-quan. (Tức: người đó biết có con-đường tu tập để thoát khỏi khổ đau, dục-lạc không phải là giải pháp rốt ráo, dù là thuộc cõi trời).

- Khi người đó *không* tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác-quan là *không có* ‘khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra *tham* đối với cảm-giác sướng’ nằm bên dưới đó.

- Người đó hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những cảm-giác đó, đúng như chúng thực là. Khi người đó hiểu được những điều đó là *không có* ‘khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra *si* đối với cảm-giác trung tính’ nằm bên dưới đó. (Tức: không sân nghĩa là không còn tùy miên (tạo ra) sân nằm bên dưới đó; không tham nghĩa là không còn tùy miên tham nằm bên dưới đó; và khi có sự hiểu biết như vậy là không còn tùy miên *si* nằm bên dưới đó).

- “Khi cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó thấy tách ly khỏi nó. Khi cảm nhận một cảm-giác khổ đau, người đó thấy tách ly khỏi nó. Khi cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó thấy tách ly khỏi nó. Đây các Tỳ kheo, đây được gọi là người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy là người đã tách ly khỏi sự sinh, già, và chết; là người đã tách ly khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; là người đã tách ly khỏi khổ đau, ta nói vậy.

“Đây các Tỳ kheo, đây chính là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và người phàm phu không được chỉ dạy.”

Người trí hiền, có tu học, thì không cảm nhận

Cảm-giác dễ chịu hay khổ đau [ở tâm].

Đây là sự khác biệt lớn

Giữa người có trí và người phàm phu.

Bởi có tu học thì hiểu rõ Giáo Pháp,
Người nhìn thấy rõ thế giới này và thế giới sau,
Những thứ sướng (ngon, đẹp, đáng ước...)
Không kích động được người đó.
Những thứ khổ (đau, dở, xấu, đáng chê...)
Người đó không sân bực, kháng cự.

Đối với người đó không còn sự nắm-giữ hay kháng-cự;
Cả tham và sân đều đã bị dập tắt, đã bị dứt sạch.
Sau khi biết được trạng thái không dính bụi và không sàu nã,
Người đã thành tựu chánh-kiến,
Đã thoát khỏi sự hiện-hữu (tức thành A-la-hán).

(SN 36:06)

7 (7) Khu Người Bệnh (1)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn, trong Hội Đường Mái Nhọn. Rồi, vào buổi chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi tới khu người bệnh, ở đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên chờ tới lúc (chết) của mình một cách có chánh-niệm và thường rõ-biết (tỉnh giác). Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.”²¹⁶

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo có chánh-niệm? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát (quán niệm) thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và phiền bực (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán niệm các cảm-giác trong những cảm giác ... tâm trong tâm ...

những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, rõ biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn và phiền bức đối với thế giới. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo có chánh-niệm.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo *thực hành sự rõ-biết*? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là người hành động với sự rõ-biết khi đang đi tới, đang đi lui; đang nhìn thẳng, đang nhìn ngang; đang duỗi tay chân, đang co tay chân; đang mặc y phục, đang mang bình bát và cà sa; đang ăn, đang uống, đang nhai, đang nếm; đang đại tiện, đang tiểu tiện; đang đi, đang đứng, đang nằm, đang ngồi, đang nằm ngủ, đang thức dậy, đang nói, đang im lặng. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo luôn thực hành sự rõ-biết (tức: luôn sống tỉnh giác).

(*) “Một Tỳ kheo nên chờ tới lúc (chết) của mình một cách có chánh-niệm và thường rõ-biết. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.

(a) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy, có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó *cảm-giác dễ chịu* (lạc thọ), người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác dễ chịu. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào chính thân này. Nhưng thân này là vô thường, có điều kiện (hữu vi), khởi-sinh tùy thuộc (duyên khởi). Vậy khi cái cảm-giác dễ chịu khởi sinh là tùy thuộc vào thân là thứ vô thường, có điều-kiện, khởi-sinh tùy thuộc, thì làm sao nó là thường hằng cho được?’ (nhân vô thường thì quả cũng vô thường). Người đó sống quán sát sự vô-thường trong thân và cảm-giác dễ chịu đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chám-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác dễ chịu đó). Khi người đó sống như vậy, thì ‘*khuyh-hướng tiềm-ẩn* (tùy miên) tạo ra *tham đối với thân và đối với cảm-giác dễ chịu*’ được loại bỏ bởi người đó.

(b) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy có chánh-

niệm và rõ-biết, chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó một *cảm-giác khổ đau* (khổ thọ), người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác khổ đau. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào thân này. Nhưng thân này là vô thường, có điều-kiện, và khởi-sinh tùy thuộc. Vậy khi cái cảm-giác khổ đau khởi sinh là tùy thuộc vào thân là thứ vô thường, có điều-kiện, và khởi-sinh tùy thuộc, thì làm sao nó lại là thường hằng cho được?’ Người đó sống quán sát sự vô-thường trong thân và cảm-giác khổ đau đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chắm-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác khổ đau đó). Khi người đó sống như vậy, thì ‘*khuyh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sân đối với thân và đối với cảm-giác khổ đau*’ được loại bỏ bởi người đó.

(c) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó một *cảm-giác trung tính* (vô ký thọ), người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác trung tính. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào thân này. Nhưng thân này là vô thường, có điều-kiện, và khởi-sinh tùy thuộc. Vậy khi cái cảm-giác trung tính khởi sinh là tùy thuộc vào thân là thứ vô thường, có điều kiện, và khởi sinh tùy thuộc, thì làm sao nó lại là thường hằng cho được?’ Người đó sống quán sát sự vô-thường trong thân và cảm-giác trung tính; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chắm-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác trung tính đó). Khi người đó sống như vậy, thì ‘*khuyh-hướng tiềm-ẩn tạo ra si đối với thân và đối với cảm-giác trung tính*’ được loại bỏ bởi người đó.

i- “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác dễ chịu,²¹⁷ người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; ‘Không nên nắm giữ (dính theo) nó’; ‘Không nên thích thú nó’. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác khổ đau, người đó hiểu: người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; ‘Không nên nắm giữ nó’; ‘Không nên thích thú nó’. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác trung

tính, người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; ‘Không nên nắm giữ nó’; ‘Không nên thích thú nó’

ii- “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác dễ chịu, người đó cảm thấy tách ly (không dính) với nó; khi người đó cảm nhận một cảm-giác khổ đau, người đó cảm thấy tách ly với nó; khi người đó cảm-giác trung tính, người đó cảm thấy tách ly với nó.

iii- “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân, người đó hiểu rõ: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân’. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống, người đó hiểu rõ: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống’. Người đó hiểu rõ: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự hết mạng (thân hoại, mạng chung), thì mọi thứ được cảm nhận, nhưng không còn được thích thú, sẽ trở thành nguội-tắt ngay tại đây’.

“Này các Tỳ kheo, cũng giống như một ngọn đèn dầu cháy tùy thuộc vào dầu và tim đèn, và khi dầu cạn tim hết thì nó tắt ngấm do không còn nhiên liệu để cháy; cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân ... đang kết liễu cùng với mạng sống, thì mọi thứ được cảm nhận, nhưng không còn được thích thú, sẽ trở thành nguội-tắt ngay tại đây.”

(SN 36:07)

8 (8) Khu Người Bệnh (2)

[Giống kinh kể trên cho tới:]

(*) “Một Tỳ kheo nên chờ tới lúc của mình một cách có chánh-niệm và thường rõ-biết. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.

(a) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy, có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó *cảm-giác dễ chịu*, người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta

một cảm-giác dễ chịu. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nhưng sự tiếp-xúc này là vô thường, có điều-kiện (hữu vi), khởi-sinh tùy thuộc (duyên khởi). Vậy khi cái cảm-giác dễ chịu khởi sinh là tùy thuộc vào sự tiếp-xúc là thứ vô thường, có điều-kiện, khởi-sinh tùy thuộc, thì làm sao nó là thường hằng cho được? Người đó sống quán sát sự vô-thường trong thân và cảm-giác dễ chịu đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ (đối với thân và cảm-giác dễ chịu đó). Khi người đó sống như vậy, thì ‘khuy-nh-hướng tiềm-ẩn tạo ra **tham** đối với sự tiếp-xúc và đối với cảm-giác dễ chịu’ được loại bỏ bởi người đó.

(b) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy, có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó *cảm-giác khó chịu*, người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác khó chịu. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nhưng sự tiếp-xúc này là vô thường, có điều-kiện, khởi-sinh tùy thuộc. Vậy khi cái cảm-giác khó chịu khởi sinh là tùy thuộc vào sự tiếp-xúc là thứ vô thường, có điều-kiện, khởi-sinh tùy thuộc, thì làm sao nó là thường hằng cho được?’ Người đó sống quán sát sự vô-thường trong thân và cảm-giác khó chịu đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ (đối với thân và cảm-giác khó chịu đó). Khi người đó sống như vậy, thì ‘khuy-nh-hướng tiềm-ẩn tạo ra **sân** đối với sự tiếp-xúc và đối với cảm-giác khó chịu’ được loại bỏ bởi người đó.

(c) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy, có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó *cảm-giác trung tính*, người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác trung tính. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nhưng sự tiếp-xúc

này là vô thường, có điều-kiện, khởi-sinh tùy thuộc. Vậy khi cái cảm-giác trung tính khởi sinh là tùy thuộc vào sự tiếp-xúc là thứ vô thường, có điều-kiện, khởi-sinh tùy thuộc, thì làm sao nó là thường hằng cho được?’ Người đó quán sát sự vô-thường trong thân và cảm-giác trung tính đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ (đối với thân và cảm-giác trung tính đó). Khi người đó sống như vậy, thì ‘khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra *sân* đối với sự tiếp-xúc và đối với cảm-giác trung tính’ được loại bỏ bởi người đó..

“Khi người đó cảm nhận một cảm-giác dễ chịu, người đó cảm thấy tách ly với nó [*y hết đoạn này trong kinh kể trên, cho tới:*] ... Người đó hiểu rõ: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự hết mạng, thì mọi thứ được cảm nhận, nhưng không còn được thích thú, sẽ trở thành nguội-tắt ngay tại đây.’

(SN 36:08)

9 (9) Vô Thường

“Này các Tỳ kheo, ba cảm-giác này là vô thường, có điều kiện (hữu vi), và khởi-sinh tùy thuộc (duyên khởi), sẽ bị tiêu diệt, sẽ bị biến mất, sẽ bị phai biến, sẽ bị chấm dứt. Ba đó là gì? Cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính. Ba cảm-giác này là vô thường, có điều-kiện, và khởi-sinh tùy thuộc, sẽ bị tiêu diệt, sẽ bị biến mất, sẽ bị phai biến, sẽ bị chấm dứt.”

(SN 36:09)

10 (10) Từ Sự Tiếp-Xúc

“Này các Tỳ kheo, ba cảm-giác này được sinh ra từ sự tiếp-xúc, bắt rễ từ sự tiếp-xúc, có sự tiếp-xúc là nguồn-gốc và điều-kiện (nhân và duyên). Ba đó là gì? Cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác

trung tính.

(a) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là dễ chịu (sướng) nên khởi sinh một cảm-giác dễ chịu. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là dễ chịu đó thì cảm-giác tương ứng—cảm-giác dễ chịu khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là dễ chịu đó—cũng chấm dứt và lắng lặn.

(b) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khó chịu (khổ), nên khởi sinh một cảm-giác khó chịu. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là khó chịu thì cảm-giác tương ứng—cảm-giác khó chịu khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là khó chịu đó—cũng chấm dứt và lắng lặn.

(c) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính (không dễ chịu không khổ đau), nên khởi sinh một cảm-giác trung tính. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính thì cảm-giác tương ứng—cảm-giác trung tính khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính đó—cũng chấm dứt và lắng lặn.

“Này các Tỳ kheo, giống như nhiệt nóng được tạo ra và lửa được sinh ra từ sự tiếp-xúc và cọ-sát của hai cây mồi lửa, nhưng khi tách rời hai cây đó thì nhiệt nóng cũng chấm dứt và lắng lặn;²¹⁸ cũng giống như vậy, ba cảm-giác này được sinh ra từ sự tiếp-xúc, bắt rễ từ sự tiếp-xúc, với sự tiếp-xúc là nguồn-gốc và điều-kiện của chúng. Tùy thuộc vào sự những tiếp-xúc, nên khởi sinh những cảm-giác tương ứng; khi chấm dứt những tiếp-xúc đó thì chấm dứt những cảm-giác tương ứng.”

(SN 36:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘MỘT MÌNH’

(*Rahogata-vagga*)

11 (1) Một Mình

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở đây khi con đang sống một-mình, sự suy xét (quán chiếu) này đã khởi sinh trong con như vậy: ‘Ba cảm-giác đã được nói bởi đức Thế Tôn: cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính. Ba cảm-giác này đã được nói bởi đức Thế Tôn. Nhưng đức Thế Tôn đã nói: “Mọi sự được cảm nhận đều nằm trong sự khổ.” Bây giờ, thưa Thế Tôn, chiếu theo cái gì mà câu này đã được nói bởi đức Thế Tôn?’”

(a) “Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Ba cảm-giác này đã được nói bởi ta: cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính. Ba cảm-giác này đã được nói bởi ta. Và ta đã nói rằng: ‘Mọi sự được cảm nhận đều nằm trong sự khổ.’ Điều đó được nói bởi ta là chiếu theo sự vô-thường của những sự tạo-tác (các hành). Điều đó được nói bởi ta là chiếu theo những sự tạo-tác (có bản chất) sẽ bị hủy hoại ... những sự tạo tác sẽ bị biến mất ... những sự tạo-tác sẽ bị phai biến ... những sự tạo-tác sẽ bị chấm dứt... những sự tạo-tác sẽ bị thay đổi.”²¹⁹

(b) “Rồi, này Tỳ kheo, ta cũng dạy về *sự chấm-dứt tiến dần* của những sự tạo-tác. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất thì *lời-nói* đã chấm dứt. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ hai thì *y-nghĩ* (tâm) và *sự soi-xét* (tứ) đã chấm dứt. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ ba thì *sự hoan-hỷ* (hỷ) đã chấm dứt. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ tư thì ‘*sự thở-vào và thở-ra*’ đã chấm dứt.

Với người đã chứng đắc cảnh xứ [cơ sở] vô biên của không-gian (không vô biên xứ) thì *nhận-thức về thể-sắc* (sắc giới) đã chấm dứt. Với người đã chứng đắc cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ) thì *nhận-thức thuộc cảnh xứ vô biên của không-gian* đã chấm dứt. Với người đã chứng đắc cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ) thì *nhận-thức thuộc cảnh xứ vô biên của thức* đã chấm dứt. Với người đã chứng đắc cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tướng phi phi tướng xứ), thì *nhận-thức thuộc cảnh xứ không-có-gì* đã chấm dứt. Với người đã chứng đắc sự chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức (diệt thọ tướng) thì *cảm-giác và nhận-thức* đã chấm dứt. Với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì tham đã chấm dứt, sân đã chấm dứt, si đã chấm dứt.

(c) “Rồi, này Tỳ kheo, ta cũng dạy về *sự lắng lặn liên tiếp* của những sự tạo-tác. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất thì *lời-nói* đã lặn xuống ... Với người đã chứng đắc sự chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức (diệt thọ tướng) thì *cảm-giác và nhận-thức* đã lặn xuống. Với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm, thì tham đã lắng lặn xuống, sân đã lắng lặn, si đã lắng lặn.

(d) “Này Tỳ kheo, có *sáu sự làm tĩnh-lặng* này. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất thì *lời-nói* đã được làm tĩnh lặng. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ hai thì *ý-nghĩ* (tâm) và *sự soi-xét* (tứ) đã được làm tĩnh lặng. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ ba thì *sự hoan-hỷ* (hỷ) đã được làm tĩnh lặng. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ ba thì *sự hoan-hỷ* (hỷ) đã được làm tĩnh lặng. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ tư thì ‘*sự thở-vào và thở-ra*’ đã được làm tĩnh lặng. Với người đã chứng đắc sự chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức (diệt thọ tướng) thì *cảm-giác và nhận-thức* đã được làm tĩnh lặng.”

(SN 36:11)

12 (2) Trong Bầu Trời (1)

“Này các Tỳ kheo, như nhiều thứ gió thổi trong bầu trời: gió từ phía nam, gió từ phía bắc, gió từ phía tây, gió từ phía nam, gió bụi và gió không bụi, gió lạnh và gió nóng, gió nhẹ và gió mạnh; cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nhiều thứ cảm-giác khởi sinh trong thân này: cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính khởi sinh.”

Giống như nhiều loại gió
Thổi xuôi thổi ngược trên trời,
Gió đông và gió tây,
Gió nam và gió bắc,
Gió bụi và gió sạch,
Lúc lạnh và lúc nóng,
Lúc mạnh và lúc nhẹ—
Nhiều loại gió thổi khác nhau;

Cũng vậy trong thân này
Nhiều thứ cảm-giác khởi sinh,
Dễ chịu có, khổ đau có,
Trung tính có.

Nhưng khi một Tỳ kheo (tu) nhiệt thành,²²⁰
Không lơ tâm, luôn rõ-biết (tỉnh giác),
Thì người có trí hoàn-toàn hiểu
Những cảm-giác đúng như chúng là.

Sau khi đã hoàn-toàn hiểu những cảm-giác,
Người đó hết ô-nhiễm ngay trong kiếp sống này.
Đã có chỗ đứng trong Giáo Pháp: nên khi thân tan rã,
Bậc thầy hiểu-biết (trí sư) đó không còn được tính.

(Tức: đã niết-bàn, không còn tính là chúng sinh nữa)

(SN 36:12)

13 (3) Trong Bầu Trời (2)

[Giống hết kinh kể trên, nhưng không có phần thi kệ.]

(SN 36:13)

14 (4) Nhà Khách

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một nhà khách. Có những người từ phía đông, tây, nam, bắc đến và trọ ở đó; những người giai cấp chiến-sĩ, những người giai cấp bà-la-môn, những người giai cấp nông-thương, những người giai cấp bần-lao đến và trọ ở đó. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nhiều thứ cảm-giác khởi sinh trong thân này: cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính khởi sinh; cảm-giác dễ chịu về thể xác, cảm-giác khổ đau về thể xác, cảm-giác trung tính về thể xác; cảm-giác dễ chịu về tinh thần [thuộc tâm]; cảm-giác khổ đau về tinh thần; cảm-giác trung tính về tinh thần khởi sinh.”²²¹

(SN 36:14)

15 (5) Với Ānanda (I)

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, giờ cái gì là cảm-giác? Cái gì là nguồn gốc của cảm-giác? Cái gì là sự chấm dứt của cảm-giác? Cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Cái gì là sự thỏa-thích trong cảm-giác? Cái gì là sự nguy-hại? Cái gì là sự thoát-khỏi?”

- “Này Ānanda, có ba loại cảm-giác này—cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính—được gọi là cảm-giác. Do có [khởi sinh] tiếp-xúc nên có [khởi sinh] cảm-giác. Khi chấm dứt tiếp-xúc thì chấm dứt cảm-giác. Con đường Bát Thánh Đạo này là con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.

- “Sự thích thú và vui sướng khởi sinh tùy thuộc vào cảm-giác: đây chính là sự thỏa-thích trong cảm-giác. Nhưng cảm-giác đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong cảm-giác. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác: đây chính là sự thoát-khỏi cảm-giác.

- “Rồi, này Ānanda, ta cũng dạy về *sự chấm-dứt liên tiếp* của những sự tạo-tác (các hành) ... [*giống đoạn này trong kinh 36:11 ở trên*] ... Với một Tỳ kheo đã tiêu diệt các ô-nhiễm, thì tham đã được làm tĩnh lặng, sân đã được làm tĩnh lặng, si đã được làm tĩnh lặng.”

(SN 36:15)

16 (6) Với Ānanda (2)

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda khi thầy đang ngồi một bên:

“Này Ānanda, giờ cái gì là cảm-giác? Cái gì là nguồn gốc của cảm-giác? Cái gì là sự chấm dứt của cảm-giác? Cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Cái gì là sự thỏa-thích trong cảm-giác? Cái gì là sự nguy-hại? Cái gì là sự giải-thoát?”

“Thưa Thế Tôn, giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nương nhờ vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe

được từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói, này Ānanda.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này Ānanda, này là ba cảm-giác—cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính—được gọi là ba cảm-giác”

[Phần còn lại giống hết kinh kể trên.]

(SN 36:16)

17 (7) — 18 (8) Một Số Tỳ kheo

[Hai kinh này giống hết hai kinh 36:15 và 36:16 kể trên, chỉ khác người nghe là “một số Tỳ kheo” thay vì thầy “Ānanda”.]

(SN 36:17–18)

19 (9) Pañcakaṅga

Lúc đó có người thợ mộc tên Pañcakaṅga đến gặp Ngài Udāyī, kính chào thầy ấy, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy:

“Thưa thầy Udāyī, có bao nhiêu loại cảm-giác được nói bởi đức Thế Tôn?”²²²

“Này anh thợ mộc, có ba loại cảm-giác được nói bởi đức Thế Tôn: cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính. Đây là ba loại cảm-giác đã được nói bởi đức Thế Tôn.”

Khi điều này được nói ra, người thợ mộc nói với thầy Udāyī:

“Đức Thế Tôn đã không nói về ba loại cảm-giác, thưa thầy Udāyī. Đức Thế Tôn chỉ nói về hai loại cảm-giác: cảm-giác dễ chịu và cảm-

giác khổ đau. Còn đối với loại cảm-giác trung tính [không dễ chịu không khổ đau], thưa thầy, đức Thế Tôn nói nó nằm trong dạng khoái-lạc bình an và siêu phàm.” (nghĩa của câu cuối này: coi chú thích ở cuối đoạn (4) ‘tầng thiền định thứ tư’ ở bên dưới kinh này)

Lần thứ hai và lần thứ ba thầy Udāyī vẫn ngồi yên; và lần thứ hai, và lần thứ ba người thợ mộc Pañcakaṅga nói lại câu này, nhưng thầy Udāyī không thể thuyết phục Pañcakaṅga, và Pañcakaṅga cũng không thể thuyết phục thầy Udāyī.

Ngài Ānanda nghe được lời đối thoại của thầy Udāyī và người thợ mộc Pañcakaṅga. Rồi thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và kể lại cho đức Thế Tôn toàn bộ cuộc đối thoại đó. [Đức Thế Tôn đã nói:]

- “Này Ānanda, lời giảng giải của Tỳ kheo Udāyī là đúng, tuy không được người thợ mộc Pañcakaṅga đồng ý, và lời giải thích của Pañcakaṅga cũng đúng, tuy không được Tỳ kheo Udāyī đồng ý. (Tùy theo phương pháp thuyết giảng). Theo cách giảng giải này, ta đã nói về hai loại cảm-giác; theo cách giảng giải kia, ta đã nói về ba loại cảm-giác; theo cách giảng giải khác; ta đã nói về năm loại cảm-giác ... sáu loại cảm-giác ... mười tám loại cảm-giác ... ba mươi sáu loại cảm-giác; và theo cách giảng giải khác, ta đã nói về một trăm lẻ tám loại cảm-giác. Như vậy, này Ānanda, Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy bằng nhiều phương pháp giảng giải [khác nhau].²²³

- “Khi Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua những phương pháp giảng giải [khác nhau] thì có thể thấy trước rằng: có những người không thừa nhận, tán thành, hay đồng ý với những điều đã được khéo giảng bằng nhiều cách như vậy thì họ sẽ tranh luận, cãi vã, và dính vào tranh chấp, và sẽ liên tục đâm chọt nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ. Nhưng mặt khác, khi Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua những phương pháp giảng giải [khác nhau] thì có thể thấy trước rằng:

cũng có những người sẽ thừa nhận, tán thành, và đồng ý với những điều đã được khéo giảng bằng nhiều cách như vậy thì họ sẽ sống hòa đồng, hòa thuận, không tranh cãi, và hiền hòa với nhau như sữa và nước, và nhìn nhau bằng ánh mắt hiền từ.

- “Này Ānanda, có năm dây khoái-lạc giác-quan (dục lạc). Năm đó là gì? *Những hình-sắc* được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. *Những âm-thanh* được nhận biết bởi tai ... *Những mùi-hương* được nhận biết bởi mũi ... *những mùi-vị* được nhận biết bởi lưỡi ... *những đối-tượng chạm xúc* được nhận biết bởi thân như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Đó là năm dây khoái-lạc giác-quan. Sự thích thú và vui sướng khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác-quan: đây được gọi là khoái-lạc giác-quan.

(1) “Cho dù ai nói ‘Đây là sự hỷ-lạc (vui và sướng) cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách ly.’ Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc (khoái-lạc) trước.

(2) “Cho dù có ai nói ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda: ‘Với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có niềm tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tâm) và sự

soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc trước.

(3) “Cho dù có ai nói ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda: ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỳ kheo an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết, người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc (lạc) cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: “Người đó buông-xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc”.’ Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc trước.

(4) “Cho dù có ai nói ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda: ‘Với sự dẹp bỏ sự sừng và sự khô, và với sự phai biến trước đó của yếu tố vui và buồn, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sừng hay khô, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ yếu tố buông-xả.’ Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc trước.²²⁴

(5) “Cho dù có ai nói ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda: ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (tức: vượt trên cảnh giới vật chất (sắc giới)); nên từ đây trở lên được gọi là những tầng vô-sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về chạm-xúc giác-quan, với

sự không-còn chú-tâm tới những nhận-thức về sự khác-biệt (đa dạng) này nọ, chỉ ý thức rõ ‘không gian là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ [cơ sở] vô biên của không-gian (không vô biên xứ).’ Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc trước.

(6) “Cho dù có ai nói ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda: ‘Bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của không-gian, ý thức rõ ‘thức là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ).’ Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc trước.

(7) “Cho dù có ai nói ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda: ‘Bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, ý thức rõ ‘sự không-có-gì’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ).’ Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc trước.

(8) “Cho dù có ai nói ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda: ‘Bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không-có-gì, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tướng phi phi tướng xứ).’ Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc trước.

(9) “Cho dù có ai nói ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda: Bằng cách vượt trên cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tướng).’ Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc trước.”²²⁵

- “Này Ānanda, giờ các du sĩ khác đạo có thể nói như vậy: ‘Tu sĩ Cồ-đàm nói về sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tướng) và ông ta khẳng khăng nó nằm trong sự hạnh-phúc. Như vậy là gì? Như vậy là sao?’. Này Ānanda, nếu các du sĩ đó có hỏi như vậy, các thầy nên nói với họ rằng: ‘Này các bạn, khi mô tả một trạng thái nằm trong sự hạnh phúc (lạc), đức Thế Tôn đâu chỉ nói tới cảm-giác sướng (lạc thọ) mà thôi. Nhưng thay vì vậy, đức Thế Tôn mô tả mọi thứ hạnh phúc dù có ở đâu hay theo cách nào đều nằm trong sự hạnh phúc.’”²²⁶ (tức, trạng thái nào không còn khổ là hạnh phúc, dù được cảm nhận bằng giác-quan hay không).

(SN 36:19)

20 (10) Các Tỳ kheo

“Này các Tỳ kheo, theo cách giảng giải này, ta đã nói về hai loại cảm-giác; theo cách giảng giải kia, ta đã nói về ba loại cảm-giác; theo cách giảng giải khác; ta đã nói về năm loại cảm-giác ... Như vậy, này Ānanda, Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua nhiều phương pháp giảng giải [khác nhau]....”

[Phần còn lại giống y kinh kể trên; và trong kinh này người nghe là “các Tỳ kheo”.]

(SN 36:20)

NHÓM 3

NHÓM ‘CHỦ ĐỀ MỘT TRĂM LẺ TÁM’

(*Aṭṭhasatapariyāya-vagga*)

21 (1) *Sīvaka*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có một du sĩ tên Moliya-Sīvaka (Sīvaka Búi Tóc) đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn.²²⁷ Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, có mấy tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy: ‘Người ta trải nghiệm gì, dù là sướng hay khổ hay trung tính, tất cả đều do nghiệp quá khứ’.²²⁸ Thầy Cồ-đàm nói sao về điều này?”

- “Này Sīvaka, ở đây một số cảm-giác khởi sinh (i) từ những rối loạn từ *túi mật* (trong bụng): đó là những cảm-giác khởi sinh từ rối loạn túi mật, một người có thể tự mình biết, và điều đó được coi là đúng trong thế gian. Giờ các tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy ‘Người ta trải nghiệm gì, dù là sướng hay khổ hay trung tính, tất cả đều do nghiệp quá khứ’ là coi như họ đã bỏ qua cái người tự mình biết và họ bỏ qua điều đã được coi là đúng trong thế gian. Do đó ta nói điều đó là sai về phần của các tu sĩ và bà-la-môn đó.²²⁹

- “Này Sīvaka, một số cảm-giác khởi sinh ở đây (ii) từ rối loạn *đờm* ... (iii) từ rối loạn *gió* ... (iv) từ *sự mất cân bằng* [của ba thứ đó] ... (v) do *thay đổi thời tiết* ... (vi) do *hành vi bất cẩn* ... (vii) do *bị tấn công* ... (viii) do *nghiệp-quả*: đó là những cảm-giác khởi sinh ở đây từ rối loạn đờm ... do nghiệp-quả một người có thể tự mình biết, và điều đó được coi là đúng trong thế gian.²³⁰ Giờ các tu sĩ và bà-la-môn nắm

giữ một triết lý và quan điểm như vậy ‘Người ta trải nghiệm gì, dù là sướng hay khổ hay trung tính, tất cả đều do nghiệp quá khứ’ là coi như họ đã bỏ qua cái người tự mình biết và họ bỏ qua điều đã được coi là đúng trong thế gian. Do đó ta nói điều đó là sai về phần của các tu sĩ và bà-la-môn đó.”

Khi điều này được nói ra, du sĩ Moliyasīvaka đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! ... Kể từ hôm nay mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

Do mật, đờm, và gió,
Do mất cân bằng và do thời tiết thay đổi,
Do hành vi bất cẩn và do bị tấn công,
Do nghiệp quả là nguyên nhân thứ tám.

(SN 36:21)

22 (2) Chủ Đề ‘Một Trăm Lẻ Tám’

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài giảng Giáo Pháp về chủ đề ‘một trăm lẻ tám’. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bài giảng Giáo Pháp về chủ đề ‘một trăm lẻ tám’? Theo cách giảng giải này, ta đã nói về hai loại cảm-giác; theo cách giảng giải kia, ta đã nói về ba loại cảm-giác; theo cách giảng giải khác; ta đã nói về năm loại cảm-giác ... sáu loại cảm-giác ... mười tám loại cảm-giác ... ba mươi sáu loại cảm-giác; và theo cách giảng giải khác, ta đã nói về một trăm lẻ tám (108) loại cảm-giác. Như vậy, này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua những phương pháp giảng giải [khác nhau].

1- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là hai (2) loại cảm-giác? Cảm-giác ở thân và cảm-giác ở tâm. Đây được gọi là hai loại cảm-giác.

2- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba (3) loại cảm-giác? Cảm-giác sướng (dễ chịu), cảm-giác khổ (khó chịu), cảm-giác trung tính (không dễ chịu không khổ đau). Đây được gọi là ba loại cảm-giác.

3- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năm (5) loại cảm-giác? Căn dễ chịu, căn khổ đau, căn vui (hỷ), căn buồn (ưu), căn buông-xả. Đây được gọi là năm loại cảm-giác.²³¹

4- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sáu (6) loại cảm-giác? Cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc mắt ... cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc tâm. Đây được gọi là sáu loại cảm-giác.

5- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là mười tám (18) loại cảm-giác? Sáu sự soi-xét (tứ) có kèm theo bởi sự hoan-hỷ (hỷ), sáu sự soi-xét có kèm theo sự buồn phiền (ưu), sáu sự soi-xét có kèm theo sự buông-xả (xả). Đây được gọi là mười tám cảm-giác.²³²

6- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba mươi sáu (36) loại cảm-giác? Sáu loại cảm-giác hoan-hỷ (hỷ) thuộc đời sống tại gia, sáu loại cảm-giác hoan-hỷ thuộc đời sống xuất gia; sáu loại cảm-giác buồn-phiền (ưu) thuộc đời sống tại gia, sáu loại cảm-giác buồn-phiền thuộc đời sống xuất gia; sáu loại cảm-giác buông-xả (xả) thuộc đời sống tại gia, sáu loại cảm-giác buông-xả thuộc đời sống xuất gia. Đây được gọi là ba mươi sáu loại cảm-giác.²³³

7. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là một trăm lẻ tám (108) loại cảm-giác? Ba mươi sáu loại cảm-giác như vậy [như kể trên] trong thời quá khứ, trong thời tương lai, và trong thời hiện tại. Đây được gọi là một trăm lẻ tám loại cảm-giác.

“Này các Tỳ kheo, đây là bài giảng Giáo Pháp về chủ đề ‘một trăm lẻ tám’.”

(SN 36:22)

23 (3) Một Tỳ kheo

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, giờ cái gì là cảm-giác? Cái gì là nguồn gốc của cảm-giác? Cái gì là sự chấm dứt của cảm-giác? Cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Cái gì là sự thỏa-thích trong cảm-giác? Cái gì là sự nguy-hại? Cái gì là sự giải-thoát?”

“Này Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác này—cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính—được gọi là cảm-giác. Do có [khởi sinh] tiếp-xúc nên có [sinh ra] cảm-giác. Khi chấm dứt tiếp-xúc thì chấm dứt cảm-giác. Con đường Bát Thánh Đạo này là con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.

“Sự thích thú và vui sướng khởi sinh tùy thuộc vào cảm-giác: đây chính là sự thỏa-thích trong cảm-giác. Nhưng cảm-giác đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong cảm-giác. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác: đây chính là sự thoát-khỏi cảm-giác.

(SN 36:23)

24 (4) Trước Khi...

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác ngộ [trước khi sự giác ngộ của ta], khi ta còn là một bò-tát, chưa giác ngộ hoàn toàn, ý này đã xảy đến với ta: “Giờ cái gì là cảm-giác? Cái gì là nguồn gốc của cảm-giác? Cái gì là sự chấm dứt của cảm-giác? Cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Cái gì là sự thỏa-thích trong cảm-giác? Cái gì là sự nguy-hại? Cái gì là sự giải-thoát?”

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Có ba loại

cảm-giác này: ... [*Tiếp tục như kinh kể trên*] ... đây chính là sự thoát-khỏi khỏi cảm-giác.”

(SN 36:24)

25 (5) *Sự Hiểu Biết*²³⁴

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là những cảm-giác’: như vậy, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh một tâm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh sáng.

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là nguồn-gốc của cảm-giác’: như vậy, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh một tâm-nhìn, sự hiểu-biết ... và ánh sáng.

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là con-đường dẫn đến sự khởi-sinh của cảm-giác’: như vậy, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh một tâm-nhìn, sự hiểu-biết ... và ánh sáng.

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là sự chấm-dứt cảm-giác’: như vậy, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh một tâm-nhìn, sự hiểu-biết ... và ánh sáng.

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt cảm-giác’: như vậy, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh một tâm-nhìn, sự hiểu-biết ... và ánh sáng.

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là sự thỏa-thích trong cảm-giác’ ... ‘Đây là sự nguy-hại trong cảm-giác’ ... ‘Đây là sự thoát-khỏi cảm-giác’: như vậy, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh một tâm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh sáng.

(SN 36:25)

26 (6) *Một Số Tỳ Kheo*

[Giống hết kinh **36:23** ở trên, chỉ khác là người nghe giờ là “một số Tỳ kheo” thay vì “một Tỳ kheo”.]

(SN 36:26)

27 (7) Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (1)

“Này các Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác này. Ba đó là gì? cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính.

(1) “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được *sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi* đối với [trong trường hợp] ba loại cảm-giác này, đúng như chúng thực là, thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do chưa tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, trong kiếp này chưa chứng nhập và an trú trong mục tiêu của tu sĩ hay mục tiêu của bà-la-môn.

(2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó, đúng như chúng thực là, thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục tiêu của tu sĩ và mục tiêu của bà-la-môn.”

(SN 36:27)

28 (8) Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (2)

[Giống hai đoạn sau của kinh kể trên, chỉ khác là cụm chữ “*sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi*” được thay bằng “*nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi*”.]

(SN 36:28)

29 (9) Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (3)

[Giống kinh kể trên, chỉ khác là cụm chữ “nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi” được thay bằng “cảm-giác, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó”.]

(SN 36:29)

30 (10) Bản Kinh Ngắ Gọn (đơn giản)

“Này các Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác. Ba đó là gì? cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính.”²³⁵

(SN 36:30)

31 (11) Thuộc Tâm Linh

“Này các Tỳ kheo, (a) có niềm hoan-hỷ (hỷ) về thể xác, có niềm hoan-hỷ về tâm linh (phi thể xác), và có niềm hoan-hỷ siêu tâm linh hơn niềm hoan-hỷ về tâm linh đó. (b) Có niềm hạnh-phúc (lạc) về thể xác, có niềm hạnh-phúc về tâm linh, và có niềm hạnh-phúc siêu tâm linh hơn niềm hạnh-phúc về tâm linh đó. (c) Có sự buông-xả (xả) về thể xác, có sự buông-xả về tâm linh, và có sự buông-xả siêu tâm linh hơn sự buông-xả tâm linh đó. (d) Có sự giải-thoát về thể xác, có sự giải-thoát về tâm linh, và có sự giải-thoát siêu tâm linh hơn sự giải-thoát về tâm linh đó.

(a) 1- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự hoan-hỷ về thể xác? Này các Tỳ kheo, có năm dây khoái-lạc giác-quan (dục lạc). Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Đây là năm dây khoái-lạc giác-quan. Sự

hoan-hỷ khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác-quan: đây được gọi là sự hoan-hỷ về thể xác.

2- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự hoan-hỷ về tâm linh*? Ở đây: **(i)** ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm bởi ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly.’ Rồi: **(ii)** ‘Với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên-trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), và có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ Đây được gọi là sự hoan-hỷ về tâm linh. (*hỷ lạc tâm linh cấp 1*)

3- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự hoan-hỷ siêu tâm linh hơn sự hoan-hỷ về tâm linh*? Khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm xem xét lại (quán chiếu lại) cái tâm đã được giải-thoát khỏi tham, sân, si, thì niềm hoan-hỷ khởi sinh. Đây được gọi là niềm hoan-hỷ siêu tâm linh hơn cả sự hoan-hỷ về tâm linh kia; (tức, siêu xuất hơn niềm hoan-hỷ có trong nhất thiền và nhị thiền).²³⁶

(b) 1- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự hạnh-phúc về thể xác*? Này các Tỳ kheo, có năm dây khoái-lạc giác-quan. Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Đây là năm dây khoái-lạc giác-quan. Sự hạnh-phúc khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác-quan: đây được gọi là sự hạnh-phúc về thể xác.

2- “Và, này các Tỳ kheo cái gì là *sự hạnh-phúc về tâm linh*? Ở đây, này các Tỳ kheo: **(i)** ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan ... một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất

thiền) ...’ (ii) ‘... tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) ...’ Rồi: (iii) ‘Với sự phai biến luôn sự hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết, người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc (lạc) cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: “Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh phúc”.’ Đây được gọi là sự hạnh-phúc về tâm linh.

3- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự hạnh-phúc siêu tâm linh hơn sự hạnh-phúc về tâm linh*? Khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm xem xét lại cái tâm đã được giải thoát khỏi tham, sân, si, thì niềm hạnh-phúc khởi sinh. Đây được gọi là niềm hạnh-phúc siêu tâm linh hơn cả sự hạnh-phúc về tâm linh kia.

(c) 1- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự buông-xả về thể xác*? Này các Tỳ kheo, có năm dây khoái-lạc giác-quan. Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Đây là năm dây khoái-lạc giác-quan. Sự buông-xả khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác-quan: đây được gọi là sự buông-xả về thể xác.

2- “Và, này các Tỳ kheo cái gì là *sự buông-xả về tâm linh*? (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sừng và sự khổ, và với sự phai biến trước đó của yếu tố vui và buồn, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sừng và khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ yếu tố buông-xả.’ Đây là sự buông xả về tâm linh.

3- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự buông-xả siêu tâm linh hơn sự buông-xả về tâm linh*? Khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm xem xét lại cái tâm đã được giải thoát khỏi tham, sân, si, thì niềm buông-xả khởi sinh. Đây được gọi là niềm buông xả siêu tâm linh hơn cả sự

buông-xả về tâm linh kia.

(d) 1- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự giải-thoát về thể xác*? Sự giải thoát nối kết với cõi sắc-giới (bốn tầng thiền định sắc-giới) là sự giải-thoát về thể xác.²³⁷

2- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự giải-thoát về tâm linh*? Sự giải thoát nối kết với cõi vô-sắc giới (các tầng chứng đắc vô-sắc giới) là sự giải thoát về tâm linh.

3- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự giải-thoát siêu tâm linh hơn sự giải-thoát về tâm linh*? Khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm xem xét lại cái tâm đã được giải thoát khỏi tham, sân, si, thì sự giải-thoát khỏi sinh. Đây được gọi là sự giải-thoát siêu tâm linh hơn cả sự giải-thoát về tâm linh kia.”

(SN 36:31)

Chương 37

Liên Kết PHỤ NỮ

(37 *Mātugāma-saṃyutta*)

(37 *Tương ưng Nữ Nhân*)

NHÓM 1

NHÓM ‘KINH TÓM LƯỢC THỨ NHẤT’

(*Paṭhama-Peyyāla-vagga*)

1 (1) *Dễ Ua và Khó Ua (1)*

“Này các Tỳ kheo, khi một người phụ nữ có năm yếu-tố thì cô ta là cực kỳ khó-ua đối với một đàn ông. Năm đó là gì? Cô ta không đẹp, không giàu, không đức hạnh; cô ta lười biếng; và cô ta không sanh con cái. Khi một người phụ nữ có năm yếu tố này thì cô ta là cực kỳ khó ua đối với một đàn ông.

“Này các Tỳ kheo, khi một người phụ nữ có năm yếu-tố thì cô ta là cực kỳ dễ-ua đối với một đàn ông. Năm đó là gì? Cô ta đẹp, giàu, có đức hạnh; cô ta khôn khéo và siêng năng; và cô ta sanh con cái. Khi một người phụ nữ có năm yếu tố này thì cô ta là cực kỳ dễ ua đối với một đàn ông.”

(SN 37:01)

2 (2) *Dễ Ua và Khó Ua (2)*

[Giống hết kinh trên, chỉ đổi “phụ nữ” thành “đàn ông.”]

(SN 37:02)

3 (3) *Riêng Biệt*

“Này các Tỳ kheo, có năm loại khổ riêng của phụ nữ, chỉ phụ nữ phải chịu, đàn ông không phải chịu. Năm đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, ngay cả lúc còn trẻ, một người phụ nữ về sống với gia đình nhà chồng và đã bị chia cách khỏi người thân gia

đình của mình. Đây là loại khổ thứ nhất của riêng nữ giới....

“Thêm nữa, phụ nữ thì phải bị kinh nguyệt. Đây là loại khổ thứ hai của riêng nữ giới....

“Thêm nữa, phụ nữ thì phải mang thai. Đây là loại khổ thứ ba của riêng nữ giới....

“Thêm nữa, phụ nữ phải sinh đẻ. Đây là loại khổ thứ tư của riêng nữ giới....

“Thêm nữa, phụ nữ (như) được tạo ra để phục vụ đàn ông. Đây là loại khổ thứ năm của riêng nữ giới....

“Này các Tỳ kheo, đây là năm loại khổ riêng của phụ nữ, chỉ phụ nữ phải chịu, đàn ông không phải chịu.”

(SN 37:03)

4 (4) Ba Phẩm Chất

“Này các Tỳ kheo, khi một phụ nữ có ba phẩm chất này, thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta hầu như bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục. Ba đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, buổi sáng cô ta ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi ô-nhiễm là tính ích-kỷ; buổi trưa cô ta ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi ô-nhiễm là tính ganh-ty; buổi tối cô ta ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi ô-nhiễm là tính nhục-dục. Khi một phụ nữ có ba phẩm chất đó ... hầu như sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa ... trong địa ngục.”

(SN 37:04)

[Anuruddha: (i) Mảng Tối]

5 (5) Tức Giận

Lúc đó có Ngài Anuruddha đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Ở đây, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, con nhìn thấy những phụ nữ, khi thân tan rã, bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục. Thưa Thế Tôn, khi một người phụ nữ có năm phẩm chất gì thì cô ta bị tái sinh như vậy?”²³⁸

“Này Anuruddha, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục. Năm đó là gì?

“Cô ta không có lòng-tin, không biết xấu-hổ (về mặt đạo đức), không sợ-hãi việc làm sai trái, hay tức giận, không có trí. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa ... trong địa ngục.”

(SN 37:05)

6 (6) — 13 (13) Hiểm Độc...

“Này Anuruddha, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục. Năm đó là gì?

“Cô ta không có lòng-tin, cô ta không biết xấu-hổ (về mặt đạo đức), cô ta không sợ-hãi việc làm sai trái, cô ta hiểm độc, {ghen ty ... keo kiệt ... lẳng lơ ... thất đức ... thiếu học hiểu ... lười biếng ... tâm mù rôi}, không có trí. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đọa đầy ... trong địa ngục.”

[Từ kinh **37:07—13** là mỗi chữ trong ngoặc {...} lần lượt thay chữ “hiểm độc” của kinh **37:06**.]

(SN 37:06—13)

14 (14) Năm Mối Họa

“Này Anuruddha, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục. Năm đó là gì?”

“Cô ta sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và mê thích rượu nhẹ, rượu nặng và các chất độc hại, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật. Khi một người phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa ... trong địa ngục.”

(SN 37:14)

NHÓM 2

NHÓM ‘KINH TÓM LƯỢC THỨ HAI’

(*Dutiya Peyyāla-vagga*)

[Anuruddha: (ii) Mảng Sáng]

15 (1) *Không Tức Giận*

Lúc đó có Ngài Anuruddha đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Ở đây, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, con nhìn thấy những phụ nữ, khi thân tan rã, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Thưa Thế Tôn, khi một người phụ nữ có mấy phẩm chất gì thì có ta được tái sinh như vậy?”

“Này Anuruddha, khi một phụ nữ có năm phẩm chất, thì khi thân tan rã, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Năm đó là gì?”

“Cô ta có lòng-tin, có ta biết xấu-hổ (về mặt đạo đức), cô ta biết sợ-hãi việc làm sai trái, cô ta không tức giận, cô ta có trí khôn. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

(SN 37:15)

16 (2) — 23 (9) *Không Hiểm Độc...*

“Này Anuruddha, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Năm đó là gì?”

“Cô ta có lòng-tin, cô ta biết xấu-hổ (về mặt đạo đức), cô ta biết

sợ-hãi việc làm sai trái, cô ta không hiềm độc, {không ghen tỵ ... không keo kiệt ... không tà-dâm tà dục ... có đức hạnh ... có học hiểu ... siêng năng ... có chánh niệm}, có trí khôn. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

[Từ kinh **37:17–23** là mỗi chữ trong ngoặc {...} lần lượt thay chữ “không hiềm độc” của kinh **37:15**.]

(SN 37:16–23)

24 (10) Năm Giới Hạnh

“Này Anuruddha, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Năm đó là gì?

“Cô ta kiêng cử sát-sinh, kiêng cử gian-cắp, kiêng cử tà-dâm tà dục, kiêng cử nói-dối nói láo, và kiêng cử dùng rượu nhẹ, rượu nặng và các chất độc hại là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật. Khi một người phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

(SN 37:24)

NHÓM 3

NHÓM ‘NHỮNG SỨC MẠNH’

(*Bala-vagga*)

25 (1) *Tự Tin*

“Này các Tỳ kheo, có năm sức-mạnh của một phụ nữ. Năm đó là gì? Sức mạnh của sắc đẹp, sức mạnh của sự giàu có, sức mạnh của người thân thuộc, sức mạnh của các con [trai], sức mạnh của đức hạnh. Đây là năm sức mạnh của một phụ nữ. Khi một phụ nữ có năm sức mạnh này, cô ta sống ở nhà (một cách) tự-tin.”

(SN 37:25)

26 (2) *Thẳng Thế Hơn*

“Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh của một phụ nữ ... [*tiếp tục như kinh kể trên*] ... Khi một phụ nữ có năm sức mạnh này, cô ta sống ở nhà thẳng thế hơn chồng.”

(SN 37:26)

27 (3) *Dưới Sự Kiểm Soát*

“Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh của một phụ nữ ... [*tiếp tục như kinh kể trên*] ... Khi một phụ nữ có năm sức mạnh này, cô ta sống ở nhà với người chồng dưới sự kiểm soát của cô ta.”

(SN 37:27)

28 (4) *Một*

“Này các Tỳ kheo, khi một đàn ông có một sức mạnh, thì anh ta sống với một phụ nữ ở dưới sự kiểm soát của anh ta. Cái gì là một sức mạnh? Đó là sức mạnh của quyền hành. Khi một phụ nữ bị khuất phục bởi sức mạnh của quyền hành (gia trưởng), thì sức mạnh của sắc đẹp, sức mạnh của giàu có, sức mạnh của những người thân thuộc, sức mạnh các con [trai], hay sức mạnh của đức hạnh cũng không cứu giúp được cô ta.”

(SN 37:28)

29 (5) Về Mặt Đó

“Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh này của một phụ nữ. Năm đó là gì? Sức mạnh của sắc đẹp, sức mạnh của giàu có, sức mạnh của những người thân thuộc, sức mạnh các con [trai], sức mạnh của đức hạnh.

(a) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp nhưng không có sức mạnh giàu có, thì cô ta còn thiếu hụt về mặt đó (tức về mặt giàu có). Nhưng nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp và cả sức mạnh giàu có, thì cô ta đầy đủ về mặt đó.

(b) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp và giàu có nhưng không có sức mạnh của những người thân thuộc, thì cô ta còn thiếu hụt về mặt đó. Nhưng nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp và giàu có, và cả sức mạnh của những người thân thuộc, thì cô ta đầy đủ về mặt đó.

(c) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp, giàu có, và sức mạnh của những người thân thuộc nhưng không có sức mạnh của các con [trai], thì cô ta còn thiếu hụt về mặt đó. Nhưng nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp, giàu có, sức mạnh của những người thân thuộc, và cả sức mạnh của các con [trai], thì cô ta đầy đủ về mặt đó.

(d) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp, giàu có, của những người thân thuộc, và cả sức mạnh của những con [trai] nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì cô ta còn thiếu hụt về mặt đó. Nhưng nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp, giàu có, sức mạnh của những người thân thuộc, sức mạnh của những con [trai], và cả sức mạnh của đức hạnh, thì cô ta đầy đủ về mặt đó.

“Đây là năm sức mạnh của một phụ nữ.”

(SN 37:29)

30 (6) Họ Đuổi Đi

“Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh này của một phụ nữ ... sức mạnh của đức hạnh.

(a) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp, nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì họ sẽ đuổi cô ta đi; họ không cho ở trong gia đình.

(b) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp và giàu có, nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì họ sẽ đuổi cô ta đi; họ không cho ở trong gia đình.

(c) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp, giàu có, và sức mạnh của những người thân thuộc, nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì họ sẽ đuổi cô ta đi; họ không cho ở trong gia đình.

(d) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp, giàu có, và sức mạnh của những người thân thuộc, và sức mạnh của các con [trai], nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì họ sẽ đuổi cô ta đi; họ không cho ở trong gia đình.

(e) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của đức hạnh,

tuy không có sức mạnh của sắc đẹp, họ vẫn cho cô ta ở trong gia đình; họ không xua đuổi cô ta.

(f) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của đức hạnh, tuy không có sức mạnh của sự giàu có, họ vẫn cho cô ta ở trong gia đình; họ không xua đuổi cô ta.

(g) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của đức hạnh, tuy không có sức mạnh của những người thân thuộc, họ vẫn cho cô ta ở trong gia đình; họ không xua đuổi cô ta.

(h) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của đức hạnh, tuy không có sức mạnh của các con [trai], họ vẫn cho cô ta ở trong gia đình; họ không xua đuổi cô ta.

“Đây là năm sức mạnh của một phụ nữ.”

(SN 37:30)

31 (7) Nguyên Nhân

“Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh này của một phụ nữ ... sức mạnh của đức hạnh.

“Này các Tỳ kheo, không phải do có sức mạnh sắc đẹp, hay sức mạnh giàu có, hay sức mạnh của những người thân thuộc, hay sức mạnh của các con [trai] nên khi thân tan rã, sau khi chết, một phụ nữ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Do có sức mạnh của đức hạnh nên một phụ nữ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

“Đây là năm sức mạnh của một phụ nữ.”

(SN 37:31)

32 (8) Những Hoàn Cảnh

(1) “Này các Tỳ kheo, có năm hoàn cảnh khó đạt được bởi một phụ nữ không làm việc công đức?”

(a) “Cô ta cầu: ‘Cầu cho ta được sinh ra trong một gia đình phù hợp (đúng ý mình)!’ Đây là hoàn cảnh thứ nhất khó đạt được bởi một phụ nữ không làm việc công đức.

(b) “Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp, cầu cho ta được gả cưới trong một gia đình phù hợp!’ Đây là hoàn cảnh thứ hai....

(c) “Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp, và sau khi được gả cưới trong một gia đình phù hợp, cầu cho ta sống trong nhà không có người đối nghịch!’ Đây là hoàn cảnh thứ ba ...²³⁹

(d) “Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp ... không có người đối nghịch, cầu cho ta sinh được con trai!’ Đây là hoàn cảnh thứ tư....

(e) “Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp ... sinh được con trai, cầu cho ta sống ở nhà với người chồng ở dưới sự kiểm soát của ta!’ Đây là hoàn cảnh thứ năm....

“Có năm hoàn cảnh khó đạt được bởi một phụ nữ chưa làm việc công đức nào.

(2) “Này các Tỳ kheo, có năm là hoàn cảnh dễ đạt được bởi một phụ nữ đã làm việc công đức?”

(a) “Cô ta cầu: ‘Cầu cho ta được sinh ra trong một gia đình phù hợp!’ Đây là hoàn cảnh thứ nhất dễ đạt được bởi một phụ nữ đã làm việc công đức.

(b)-(e) “Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp, cầu cho ta được gả cưới trong một gia đình phù hợp ... sinh được

con trai ... sống trong nhà không có người đối nghịch ... sống ở nhà với người chồng ở dưới sự kiểm soát của ta!’ Đây là hoàn cảnh thứ năm để đạt được bởi một phụ nữ đã làm việc công đức.

“Có năm hoàn cảnh khó để đạt được bởi một phụ nữ đã làm việc công đức.

(SN 37:32)

33 (9) *Tự Tin*

“Này các Tỳ kheo, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì cô ta sống ở nhà (một cách) tự-tin. Năm đó là gì? Cô ta kiêng cử sát-sinh; kiêng cử gian-cấp; kiêng cử tà-dâm tà dục; kiêng cử nói-dối nói láo; kiêng cử rượu nhẹ, rượu nặng và các chất độc hại, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta sống ở nhà (một cách) tự tin.”

(SN 37:33)

34 (10) *Tăng Trưởng*

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã tăng trưởng về năm phần tăng trưởng, thì một người nữ đệ tử thánh thiện tăng trưởng với một sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó nhận lấy được phần cốt lõi, nhận lấy được phần tốt nhất, của sự hiện-hữu thân này. Năm đó là gì? Cô ta tăng trưởng về niềm-tin, về giới-hạnh, về sự học-hiểu, về sự tâm bố-thí, và về trí-tuệ.

“Ở đây khi tăng trưởng về niềm-tin và giới-hạnh,
Về trí-tuệ, về tâm bố-thí, và về sự học-hiểu,
Nữ đệ tử thánh thiện đó,
Thụ lãnh được phần tinh túy cho chính mình.”

(SN 37:34)

Chương 38

Liên Kết JAMBUKHĀDAKASA

(38 *Jambukhādakasa-saṃyutta*)

(38 *Tương ứng Jambukhādakasa*)

1 Câu Hỏi về Niết-Bàn

Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà), ở làng Nālaka [Nālakagāma]. Lúc đó có một du sĩ tên là Jambukhādaka đến gặp thầy Xá-lợi-phất và chào hỏi với thầy.²⁴⁰ Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất:

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘Niết-bàn, Niết-bàn’. Giờ cái gì là Niết-bàn?”

“Này thiện hữu, sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là Niết-bàn.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để chúng ngộ Niết-bàn?”

“Này thiện hữu, có một con-đường, có một đường-đi để chúng ngộ Niết-bàn.”

- “Và, này thiện hữu, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để chúng ngộ Niết-bàn?”

“Này thiện hữu, đó là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm (tám phần tu tập): cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn. Này thiện hữu, đây là con-đường (đạo), đây là đường-đi để chúng ngộ Niết-bàn.”

- “Thật hay là con-đường này, này thiện hữu, thật hay là đường-đi này để chúng ngộ Niết-bàn! Và bấy nhiêu đó đã đủ để chuyên-cân (tu tập), này thiện hữu Xá-lợi-phất.

(SN 38:01)

2 *Thánh Quả A-la-hán*

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘quả A-la-hán, quả A-la-hán’. Giờ cái gì là thánh quả A-la-hán?”

“Này thiện hữu, sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là thánh quả A-la-hán.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường [đạo] nào, có đường-đi nào để chứng ngộ thánh quả A-la-hán?”

“Này thiện hữu, có một con-đường, có một đường-đi để chứng ngộ thánh quả A-la-hán.”

- “Và, này thiện hữu, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để chứng ngộ thánh quả A-la-hán?”

“Này thiện hữu, đó là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm (tám phần tu tập): cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn. Này thiện hữu, đây là con-đường, đây là đường-đi để chứng ngộ thánh quả A-la-hán.”

- “Thật hay là con-đường này, này thiện hữu, thật hay là đường-đi này để chứng ngộ thánh quả A-la-hán! Và bấy nhiêu đó đã đủ để chuyên-cần (tu tập), này thiện hữu Xá-lợi-phất.

(SN 38:02)

3 *Những Người Theo Giáo Pháp*

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, ai là những người theo (ủng hộ, chủ trương, truyền bá) Giáo Pháp trong thế gian? Ai là những người đang tu tập một cách hay khéo trong thế gian? Ai là những bậc phúc lành (bậc khéo đi, thiện thệ) trong thế gian?”

“Này thiện hữu, những người chỉ dạy Giáo Pháp để đẹp bỏ tham, để đẹp bỏ sân, để đẹp bỏ si: họ là những người theo Giáo Pháp trong thế gian. Những người đang tu tập để đẹp bỏ tham, để đẹp bỏ sân, để đẹp bỏ si: họ là những người đang tu tập một cách hay khéo trong thế gian. Những người đã đẹp bỏ tham, sân, si; đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc chết của cây cọ, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai: họ là những bậc phúc lành trong thế gian.”²⁴¹

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để đẹp bỏ tham, sân, si?”

“Này thiện hữu, có một con-đường, có một đường-đi để đẹp bỏ tham, sân, si.”

- “Và, này thiện hữu, cái gì là con-đường (đạo), cái gì là đường-đi để đẹp bỏ tham, sân, si?”

“Này thiện hữu, đó là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm (tám phần tu tập): cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn. Này thiện hữu, đây là con-đường, đây là đường-đi để chúng ngộ thánh quả A-la-hán.”

- “Thật hay là con-đường này, này thiện hữu, thật hay là đường-đi này để đẹp bỏ tham, sân, si! Và bấy nhiêu đó đã đủ để chuyên-cần (tu tập), này thiện hữu Xá-lợi-phát.

(SN 38:03)

4 *Vì Mục Đích Gì?*

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phát, vì mục đích gì đi sống đời sống thánh thiện (đi tu) dưới (theo) sa-môn Cồ-đàm?”

“Này thiện hữu, đó là để hoàn-toàn hiểu sự khổ nên mới đi sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để hoàn-toàn hiểu sự khổ?”

“Này thiện hữu, có một con-đường, có một đường-đi ... đó là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo)...” (như các kinh kể trên)

(SN 38:04)

5 Sự Yên Ủi

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘người đã đạt được sự yên-ủi, người đã đạt được sự yên-ủi’ (sự an ủi, sự an tâm). Này thiện hữu, theo cách nào một người đạt tới sự yên-ủi?”²⁴²

“Này thiện hữu, khi một Tỷ kheo hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở tiếp xúc (sáu giác-quan), đúng như chúng thực là, thì theo cách này người đó đã đạt tới sự yên ỉ.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để chứng ngộ sự yên ỉ này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” (như các kinh kể trên)

(SN 38:05)

6 Sự Yên Ủi Tối Thượng

“Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘người đã đạt được sự yên ỉ tối thượng, người đã đạt được sự yên ỉ tối thượng’. Này thiện

hữu, theo cách nào một người đạt tới sự yên ủi tối thượng?”

“Này thiện hữu, sau khi hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] *sáu cơ-sở tiếp xúc* (sáu giác-quan), đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp, thì theo cách này người đó đã đạt tới sự yên ủi tối thượng.”

“Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để chứng ngộ sự yên ủi tối thượng này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” (*như các kinh kể trên*)

(SN 38:06)

7 *Cảm Giác*

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘cảm-giác, cảm-giác’. Giờ cái gì là cảm-giác?”

“Này thiện hữu, có ba loại cảm-giác này: cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính. Đây là ba loại cảm-giác.”

“Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để hoàn-toàn hiểu ba loại cảm-giác này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” (*như các kinh kể trên*)

(SN 38:07)

8 *Những Ô-Nhiễm*

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘ô-nhiễm, ô-nhiễm’ Giờ cái gì là ô-nhiễm?”

“Này thiện hữu, có ba loại ô-nhiễm này: ô-nhiễm do nhục-dục, ô-nhiễm do sự hiện-hữu, ô-nhiễm do vô minh. Đây là ba loại ô-nhiễm.”

“Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẹp bỏ ba loại ô-nhiễm này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” *(như các kinh kể trên)*

(SN 38:08)

9 Vô Minh

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ cái gì là vô-minh?”

“Không hiểu biết sự khổ, không hiểu biết nguồn-gốc khổ, không hiểu biết sự chấm-dứt khổ, không hiểu biết con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ. Đây được gọi là vô-minh.”

“Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẹp bỏ sự vô-minh này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” *(như các kinh kể trên)*

(SN 38:09)

10 Dục Vọng

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘dục-vọng, dục-vọng’. Giờ cái gì là dục-vọng?”

“Này thiện hữu, có ba loại dục-vọng này: dục-vọng khoái-lạc giác-quan (nhục dục), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu dục), dục-vọng muốn chấm dứt hiện-hữu (vô hữu dục). Có ba loại dục-vọng này.”

“Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẹp bỏ ba loại dục-vọng này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” *(như các kinh kể trên)*

(SN 38:10)

11 Dòng Lũ

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘dòng lũ, dòng lũ’. Giờ cái gì là dòng lũ?”

“Này thiện hữu, có bốn dòng lũ này: dòng lũ nhục-dục, dòng lũ hiện-hữu, dòng lũ những quan-điểm này nọ (tà kiến), dòng lũ vô-minh. Có bốn dòng lũ này.”

“Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẹp bỏ bốn dòng lũ này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” *(như các kinh kể trên)*

(SN 38:11)

12 Sự Dính Chấp

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘sự dính-chấp, sự dính-chấp’. Giờ cái gì là sự dính-chấp?”

“Này thiện hữu, có bốn loại sự dính-chấp (chấp thủ) này: dính chấp vào khoái-lạc giác-quan (dục thủ), dính chấp vào các các quan-điểm này nọ (tà-kiến thủ), dính chấp vào các lời thệ nguyện và những lễ nghi cúng tụng (giới-cấm thủ), dính chấp vào thuyết có ‘cái-ta’ (hữu-ngã thủ). Có bốn loại dính chấp này.”

“Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẹp bỏ bốn loại sự dính-chấp này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” *(như các kinh kể trên)*

(SN 38:12)

13 Sự Hiện Hữu

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘sự hiện-hữu, sự hiện-hữu’. Giờ cái gì là sự hiện-hữu?”

“Này thiện hữu, có ba loại sự hiện-hữu này: sự hiện-hữu cõi dục giới, sự hiện-hữu cõi sắc giới, sự hiện hữu cõi vô-sắc giới. Có ba loại sự hiện-hữu này.”

“Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẹp bỏ ba loại sự hiện-hữu này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” *(như các kinh kể trên)*

(SN 38:13)

14 Khổ

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘sự khổ, sự khổ’. Giờ cái gì là sự khổ?”

“Này thiện hữu, có ba loại khổ này: khổ do đau khổ (khổ khổ), khổ do những sự tạo-tác (hành khổ), khổ do thay đổi (vô thường khổ). Có ba loại khổ này.”²⁴³

“Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để hoàn-toàn hiểu loại khổ này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” (như các kinh kể trên)

(SN 38:14)

15 Danh Tính

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘danh tính, danh tính’. Giờ cái gì là danh tính?”

“Này thiện hữu, năm-uẩn bị dính chấp (năm thủ uẩn) này đã được đức Thế Tôn gọi là danh-tính; đó là: uẩn thân-sắc bị dính chấp, uẩn cảm-giác bị dính chấp, uẩn nhận-thức bị dính chấp, uẩn những sự tạo-tác cố-ý bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp. Năm-uẩn bị dính chấp này được đức Thế Tôn gọi là danh-tính.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để hoàn-toàn hiểu cái danh-tính này?”

“Này thiện hữu, có một con đường, có một đường đi để hoàn-toàn hiểu danh tính này.”

- “Và, này thiện hữu, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để hoàn-toàn hiểu danh tính này?”

“Này thiện hữu, đó là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm (tám phần tu tập): cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn. Này thiện hữu, đây là con-đường (đạo), đây là đường-đi để hoàn-toàn hiểu danh-tính này.”

- “Thật hay là con-đường này, này thiện hữu, thật hay là đường-đi này để hoàn-toàn hiểu danh-tính này! Và bấy nhiêu cũng đã đủ để chuyên-cần (tu tập), này thiện hữu Xá-lợi-phất.”

(SN 38:15)

16 *Khó Làm*

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, cái gì là khó làm trong Giáo Pháp và Giới-luật này?”

“Này thiện hữu, sự xuất-gia là khó làm trong Giáo Pháp và Giới-luật này này.”

- “Này thiện hữu, cái gì là khó làm bởi một người đã xuất-gia?”

“Này thiện hữu, tìm thấy niềm vui-thích (vui lòng với đời sống tu hành) là khó làm bởi một người đã xuất-gia.”

- “Này thiện hữu, cái gì là khó làm bởi một người đã tìm thấy niềm vui-thích?”

“Này thiện hữu, sự tu tập cho đúng theo Giáo Pháp là khó làm bởi một người đã tìm thấy niềm vui-thích.”

- “Nhưng, này thiện hữu, cái gì là khó làm bởi một người đang tu tập đúng theo Giáo Pháp, có phải rất lâu người đó mới có thể thành một A-la-hán?”

“Không lâu, này thiện hữu.”²⁴⁴

(SN 38:16)

Chương 39

Liên Kết SĀMAṄḌAKA

(39 *Sāmaṅḍaka-saṃyutta*)

(39 *Tương ứng Sāmaṅḍaka*)

1 — 16 Câu Hỏi về Niết-Bàn...

Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phất đang sống giữa những người dân Vajji (Bạt-kỳ) ở vùng Ukkacelā. Lúc đó có một du sĩ tên là Sāmaṅḍaka đến gặp thầy Xá-lợi-phất và chào hỏi với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘Niết-bàn, Niết-bàn’. Giờ cái gì là Niết-bàn?”

... ..

[Phần còn lại, và các kinh tiếp theo, lần lượt giống hệt **Chương 38** kể trên, chỉ khác là người hỏi được đổi thành du sĩ Sāmaṅḍaka.]

... ..

- “Nhưng, này thiện hữu, cái gì là khó làm bởi một người đang tu tập đúng theo Giáo Pháp, có phải rất lâu người đó mới có thể thành một A-la-hán?”

“Không lâu, này đạo hữu.”

(SN 39:01—16)

Chương 40

Liên Kết MỤC-KIÈN-LIÊN

(40 Moggallāna-saṃyutta)

(40 Tương ứng Mục-kiên-liên)

1 Tầng Thiền Định Thứ Nhất

Trong một lần có Ngài Đại Mục-kiền-liên đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói với các Tỷ kheo như vậy: “Này các các Tỷ kheo, các Tỷ kheo!”²⁴⁵

“Đạ, đạo hữu!”, các Tỷ kheo đó đáp lại. Thầy Mục-kiền-liên đã nói điều này:

(a) “Ồ đây, này các các Tỷ kheo, khi tôi đang ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “tầng thiền định thứ nhất, tầng thiền định thứ nhất”. Giờ cái gì là tầng thiền định thứ nhất?’

(b) Rồi, này các các Tỷ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ồ đây, tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỷ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly.’ Đây được gọi là tầng thiền định thứ nhất.’

(c) “Rồi, này các các Tỷ kheo (*thực hiện*): ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất.... Trong khi tôi an trú trong đó thì nhận-thức (tưởng) và sự chú-tâm (tác-ý, chú ý) còn *dính nhục-dục* đã tấn công tôi.”²⁴⁶

“Lúc đó, này các các Tỷ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông [năng lực tâm linh] và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với tầng thiền định thứ nhất. Hãy ổn-định tâm trong tầng thiền định thứ nhất, hãy hợp-nhất tâm trong tầng thiền định thứ nhất, hãy định-tâm trong tầng thiền định thứ nhất.’ Rồi, này các các Tỷ kheo, trong lần sau

đó: tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất, trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc).

“Này các các Tỳ kheo, nếu ai nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp²⁴⁷ với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó nói điều này.”

(SN 40:01)

2 Tầng Thiền Định Thứ Hai

... (a) “Ồ đây, này các các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “tầng thiền định thứ hai, tầng thiền định thứ hai”. Giờ cái gì là tầng thiền định thứ hai?’²⁴⁸

(b) “Rồi, này các các Tỳ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ồ đây, với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có đi kèm sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), và có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm. Đây là tầng thiền định thứ hai.’

(c) “Rồi, này các các Tỳ kheo, (*thực hiện*): ‘Với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai.... Khi tôi an trú trong trạng thái đó, thì nhận-thức và sự chú-tâm (tác-ý, chú ý) còn dính ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ) đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thân thông và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-

liên, này bà-la-môn, đừng lo-tâm xao lãng đối với tầng thiền định thứ hai. Hãy ổn-định tâm trong tầng thiền định thứ hai, hãy hợp-nhất tâm trong tầng thiền định thứ hai, hãy định-tâm trong tầng thiền định thứ hai.’ Rồi, này các các Tỳ kheo, trong lần sau đó: với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai, trạng thái có đi kèm sự tự-tin bên-trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), và có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.

“Này các các Tỳ kheo, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó nói điều này.”

(SN 40:02)

3 Tầng Thiền Định Thứ Ba

... (a) “Ở đây, này các các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “tầng thiền định thứ ba, tầng thiền định thứ ba”. Giờ cái gì là tầng thiền định thứ ba?’

“Rồi, này các các Tỳ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỳ kheo an trú buông-xả (xả), có chánh-niệm và rõ-biết, người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc (lạc) cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: “Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh phúc”. Đây được gọi là tầng thiền định thứ ba.’

“Rồi, này các các Tỳ kheo, (*thực hiện*): Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) ... tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ

ba ... Trong khi tôi an trú trong đó, thì thì nhận-thức và sự chú-tâm (tác-ý, chú ý) còn *dính sự hoan-hỷ (hỷ)* đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với tầng thiền định thứ ba. Hãy ổn-định tâm trong tầng thiền định thứ ba, hãy hợp-nhất tâm trong tầng thiền định thứ ba, hãy định-tâm trong tầng thiền định thứ ba.’ Rồi, này các các Tỳ kheo, trong lần sau đó: với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ, tôi an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết, tôi trải nghiệm niềm hạnh-phúc cùng với thân; tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba, trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: “Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh phúc”.’

“Này các các Tỳ kheo, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó nói điều này.”

(SN 40:03)

4 Tầng Thiền Định Thứ Tư

... (a) “Ở đây, này các các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “tầng thiền định thứ tư, tầng thiền định thứ tư.” Giờ cái gì là tầng thiền định thứ tư?’

(b) “Rồi, này các các Tỳ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, với sự dẹp bỏ sự sợ hãi và sự khổ và với sự phai biến trước đó của sự vui và sự buồn, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn khổ hay sợ hãi, và có sự chánh-niệm đã được thanh lọc tinh khiết nhờ yếu tố buông-xả (xả).

Đây là tầng thiền định thứ tư.’

(c) “Rồi, này các các Tỳ kheo, (*thực hiện*): ‘Với sự dẹp bỏ sự sừng và sự khổ ... tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư ... Trong khi tôi an trú trong đó, thì nhận-thức và sự chú-tâm (tác-ý, chú ý) còn *dính yếu tố hạnh-phúc (lạc)* đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thân thông và nói điều này: ‘Mục-kiên-liên, Mục-kiên-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với tầng thiền định thứ tư. Hãy ổn-định tâm trong tầng thiền định thứ tư, hãy hợp-nhất tâm trong tầng thiền định thứ tư, hãy định-tâm trong tầng thiền định thứ tư.’ Rồi, này các các Tỳ kheo, trong lần sau đó: với sự dẹp bỏ sự sừng và sự khổ và với sự phai biến trước đó của sự vui và sự buồn, tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư, trạng thái không còn khổ hay sừng, và có sự chánh-niệm đã được thanh lọc tinh khiết nhờ yếu tố buông-xả (xả).

“Này các các Tỳ kheo, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó nói điều này.”

(SN 40:04)

5 Cảnh Xứ Vô Biên của Không Gian

... (a) “Ở đây, này các các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “cảnh xứ vô biên của không gian, cảnh xứ vô biên của không gian”. Giờ cái gì là cảnh xứ vô biên của không gian?’

(b) “Rồi, này các các Tỳ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về những thê-

sắc (sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về chạm-xúc giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự khác-biệt (đa dạng) này nọ, chỉ ý thức rằng “không gian là vô biên”, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ [cơ sở] vô biên của không-gian.’ (không vô biên xứ).

(c) “Rồi, này các các Tỳ kheo (*thực hiện*): Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về những thể-sắc ... tôi chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của không-gian. Trong khi tôi an trú trong đó, thì nhận-thức và sự chú-tâm (tác-ý, chú ý) *còn dính những thể-sắc* đã tắt công tôi.

“Lúc đó, này các các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với cảnh xứ vô biên của không-gian. Hãy ổn-định tâm trong cảnh xứ vô biên của không-gian, hãy hợp-nhất tâm trong cảnh xứ vô biên của không gian, hãy định tâm trong cảnh xứ vô biên của không-gian.’ Rồi, này các các Tỳ kheo, trong lần sau đó: với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về những thể-sắc, với sự phai biến những nhận-thức về chạm-xúc giác quan, với sự không còn chú-tâm tới những nhận-thức về sự khác-biệt này nọ, chỉ ý thức rằng “không gian là vô biên”, tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của không-gian.’

“Này các các Tỳ kheo, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó nói điều này.”

(SN 40:05)

6 Cảnh Xứ Vô Biên của Thức

... (a) “Ở đây, này các các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “cảnh xứ vô biên của thức, cảnh xứ vô biên của thức”. Giờ cái gì là cảnh xứ vô biên của thức?’

(b) “Rồi, này các các Tỳ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của không-gian, chỉ ý thức rằng “thức là vô biên”, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của thức.’ (thức vô biên xứ).

(c) “Rồi, này các các Tỳ kheo (*thực hiện*): ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của không-gian, chỉ ý thức rằng “thức là vô biên”, tôi chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của thức. Trong khi tôi an trú trong đó, thì nhận-thức và sự chú-tâm (tác-ý, chú ý) *còn dính cảnh xứ vô biên của không-gian* đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thân thông và nói điều này: ‘Mục-kiên-liên, Mục-kiên-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với cảnh xứ vô biên của thức. Hãy ổn-định tâm trong cảnh xứ vô biên của thức, hãy hợp-nhất tâm trong cảnh xứ vô biên của thức, hãy định-tâm trong cảnh xứ vô biên của thức.’ Rồi, này các các Tỳ kheo, trong lần sau đó: bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của không gian, chỉ ý thức rằng “thức là vô biên”, tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của thức.’

“Này các các Tỳ kheo, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó nói điều này.”

(SN 40:06)

7 Cảnh Xứ Không Có Gì

... (a) “Ở đây, này các các Tỳ kheo, trong khi tôi ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “cảnh xứ không-có-gì, cảnh xứ không-có-gì”. Giờ cái gì là cảnh xứ không-có-gì?’

(b) “Rồi, này các các Tỳ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, chỉ ý thức sự “không-có-gì”, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không-có-gì.’ (vô sở hữu xứ).

“Rồi, này các các Tỳ kheo (*thực hiện*): Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, chỉ ý thức sự “không-có-gì”, tôi chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không-có-gì. Trong khi tôi an trú trong đó, thì nhận-thức và sự chú-tâm (*tác-ý, chú ý*) còn *dính cảnh xứ vô biên của thức* đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thân thông và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với cảnh xứ không-có-gì. Hãy ổn-định tâm trong cảnh xứ không-có-gì, hãy hợp-nhất tâm trong cảnh xứ không-có-gì, hãy định-tâm trong cảnh xứ không-có-gì.’ Rồi, này các các Tỳ kheo, trong lần sau đó: bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, chỉ ý thức sự “không-có-gì”, tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không-có-gì.’

“Này các các Tỳ kheo, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó nói điều này.”

(SN 40:07)

8 Cảnh Xứ Không Nhận Thức Cũng Không Phải Không Còn Nhận Thức

... (a) “Ở đây, này các các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*ván đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức, cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức”. Giờ cái gì là cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức?’

“Rồi, này các các Tỳ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không-có-gì, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức.’ (phi tưởng phi phi tưởng xứ).

“Rồi, này các các Tỳ kheo (*thực hiện*): ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không-có-gì, tôi chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức. Trong khi tôi an trú trong đó, thì nhận-thức và sự chú-tâm (*tác-ý, chú ý*) còn *dính cảnh xứ không-có-gì* đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiên-liên, Mục-kiên-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức. Hãy ổn-định tâm trong cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức, hãy hợp-nhất tâm trong cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức, hãy định-tâm trong cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức.’ Rồi, này các các Tỳ kheo, trong lần sau đó: bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không-có-gì, tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức.’

“Này các các Tỳ kheo, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai

rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó nói điều này.”

(SN 40:08)

9 Vô Dấu Hiệu

... (a) “Ồ đây, này các các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “sự định-tâm vô dấu hiệu, sự định-tâm vô dấu hiệu” (vô tướng, vô hình tướng). Giờ cái gì là sự định-tâm vô dấu hiệu?’²⁴⁹

(b) “Rồi, này các các Tỳ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ồ đây, bằng cách không còn chú-tâm (tác ý) tới tất cả những dấu-hiệu (hình tướng), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu hiệu. Đây được gọi là sự định-tâm vô dấu hiệu.’ (vô tướng định)

(c) “Rồi, này các các Tỳ kheo (*thực hiện*): Bằng sự không còn chú-tâm tới tất cả những dấu-hiệu, tôi chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu hiệu. Trong khi tôi an trú trong đó, thức của tôi *vẫn còn đi kèm bởi những dấu-hiệu*.²⁵⁰

“Lúc đó, này các các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với sự định-tâm vô dấu hiệu. Hãy ổn-định tâm trong sự định-tâm vô dấu hiệu, hãy hợp-nhất tâm trong sự định-tâm vô dấu hiệu, hãy định-tâm trong sự định-tâm vô dấu hiệu.’ Rồi, này các các Tỳ kheo, trong lần sau đó: bằng sự không còn chú-tâm tới tất cả những dấu-hiệu, tôi chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu hiệu.

“Này các các Tỳ kheo, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai

rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó nói điều này.’”

(SN 40:09)

10 Vua Trời Đế-Thích [Sakka]

[1]

Trong một lần có Ngài Đại Mục-kiên-liên đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc đó, nhanh như một người khỏe mạnh duỗi hay co cánh tay, thầy Đại Mục-kiên-liên biến mất khỏi Khu Vườn Jeta và hiện ra ở chỗ những thiên thần của cõi trời Tāvātimsa (cõi trời Đạo-lợi, cõi trời Ba Mươi Ba).

Rồi có vua trời Đế-thích (Sakka), vua của các thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiên-liên. Sau khi gặp mặt, vua kính chào thầy Đại Mục-kiên-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiên-liên mới nói với vị vua trời:

[1] “Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Đức Phật. Bởi nhờ quy y nương tựa vào Phật, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Giáo Pháp. Bởi nhờ quy y nương tựa vào Giáo Pháp, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Tăng Đoàn. Bởi nhờ quy y nương tựa vào Tăng Đoàn, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

- (*Đế-thích lặp lại*) “Thưa Ngài Mục-kiền-liên, lành thay việc quy y nương tựa vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn. Bởi nhờ quy y nương tựa ... nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

Sau đó, vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với sáu trăm thiên thần ... bảy trăm thiên thần ... tám trăm thiên thần ... tám mươi ngàn thiên thần,²⁵¹ đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính chào thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với vị vua trời:

[*Thầy Mục-kiền-liên lặp lại lời [I] ở trên ...*]

[II]

Lúc đó, vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với năm trăm thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính chào thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với vị vua trời:

[2] “Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được (sở hữu) niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: ‘*Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về sự hiểu-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.*’ Bởi nhờ có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.²⁵²

“Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ‘*Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi những*

người trí hiền.’ Bởi nhờ có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.

“Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được niềm-tin xác tin vào Tăng Đoàn như vậy: *‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh thẳng, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người— Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’* Bởi nhờ có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.

“Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được *những đức-hạnh (giới-hạnh, năm giới-hạnh) mà các bậc thánh nhân quý trọng— không bị sút mẻ, không bị đứt rách, không bị ô nhiễm, không bị vết chàm, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi người hiền trí, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.* Bởi nhờ có-được đức-hạnh như vậy, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.

- (*Đề-thích lặp lại*) “Thưa Ngài Đại Mục-kiên-liên, lành thay sự có-được (sở hữu) niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy ... sự có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy ... sự có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy ... sự có-được những đức-hạnh *mà các bậc thánh nhân quý trọng—không bị sút mẻ, không bị đứt rách, không bị ô nhiễm, không bị vết chàm, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi người hiền trí, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.* Bởi nhờ có-được đức-hạnh như vậy, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi

trời.”

Sau đó vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với sáu trăm thiên thần ... bảy trăm thiên thần ... tám trăm thiên thần ... tám mươi ngàn thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính chào thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với vị vua trời:

[Thầy Mục-kiền-liên lặp lại lời [2] ở trên ...]

[III]

Lúc đó, vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với năm trăm thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính chào thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với vị vua trời:

[3] “Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Đức Phật. Bởi nhờ sự quy y nương tựa vào Phật, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Họ vượt qua những thiên thần khác về mười mặt: về tuổi thọ trên cõi trời, về sắc đẹp cõi trời, về hạnh phúc cõi trời, về danh tiếng cõi trời, về quyền hạn cõi trời, và về những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.

“Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn. Bởi nhờ sự quy y nương tựa vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn ... vượt qua những thiên thần khác về mười mặt: ... những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.”

- (Đế-thích lặp lại) “Thưa Ngài Mục-kiền-liên, lành thay việc quy y nương tựa vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn. Bởi nhờ sự quy y nương tựa vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng

Đoàn ... vượt qua những thiên thần khác về mùi mắt ... những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.”

Rồi vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với sáu trăm thiên thần ... bảy trăm thiên thần ... tám trăm thiên thần ... tám mươi ngàn thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiên-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính chào thầy Đại Mục-kiên-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiên-liên mới nói với vị vua trời:

[*Thầy Mục-kiên-liên lặp lại lời [3] ở trên ...*]

[IV]

Lúc đó, vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với năm trăm thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiên-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính chào thầy Đại Mục-kiên-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiên-liên mới nói với vị vua trời:

[4] “Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán ... bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Bởi nhờ có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Họ vượt qua những thiên thần khác về mùi mắt: về tuổi thọ trên cõi trời, về sắc đẹp cõi trời, về hạnh phúc cõi trời, về danh tiếng cõi trời, về quyền hạn cõi trời, và về những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.

“Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... sự có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn ... sự có-được *những đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng—không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định. Bởi nhờ có-được những đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng ...* họ vượt qua những thiên thần khác về mùi mắt: ... những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương,

những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.”

- (*Đế-thích lặp lại*) “Thưa Ngài Mục-kiền-liên, lành thay sự có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... sự có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... sự có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn ... sự có-được *những đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng—không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định*. Bởi nhờ có-được những đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Họ vượt qua những thiên thần khác về mười mặt: về tuổi thọ trên cõi trời, về sắc đẹp cõi trời, về hạnh phúc cõi trời, về danh tiếng cõi trời, về quyền hạn cõi trời, và về những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.”

Rồi vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với sáu trăm thiên thần ... bảy trăm thiên thần ... tám trăm thiên thần ... tám mươi ngàn thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính chào thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với vị vua trời:

[*Thầy Mục-kiền-liên lặp lại lời [4] ở trên ...*]²⁵³

(SN 40:10)

11 Candana...

Rồi có Candana, một thiên thần trẻ....

Rồi có Suyāma, một thiên thần trẻ....

Rồi có Santusita, một thiên thần trẻ....

Rồi có Sunimmita, một thiên thần trẻ....

Rồi có Vasavatti, một thiên thần trẻ, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vị tiên đó kính chào thầy Đại Mục-kiền-liên

và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiên-liên mới nói với vị đó:

[*Tiếp tục giống toàn bộ nội dung trong kinh 40:10 kể trên.*]²⁵⁴

(SN 40:11)

Chương 41

Liên Kết CITTA

(41 *Citta-saṃyutta*)

(41 *Tương ứng Citta*)

1 *Gông Cùm*

Trong một lần có một số vị Tỳ kheo trưởng lão đang sống ở Macchikāsaṇḍa trong khu Vườn Xoài Hoang (rẫy xoài).

Bấy giờ, vào lúc đó, sau khi các Tỳ kheo trưởng lão trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ tụ họp trong khu hội họp và cùng ngồi với nhau và có sự đàm đạo này:

“Này các các Tỳ kheo, ‘gông cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ (trói buộc mình): hai thứ này khác nhau về nghĩa và khác nhau về chữ, hay chúng chỉ là một và chỉ khác nhau về chữ?”

Có mấy Tỳ kheo trưởng lão trả lời như vậy: “Này các Tỳ kheo, ‘gông cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ khác nhau về nghĩa và khác nhau về chữ.” Nhưng có mấy Tỳ kheo trưởng lão khác trả lời như vậy: “Này các Tỳ kheo, ‘gông cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ là một về nghĩa và chỉ khác nhau về chữ.”

Bấy giờ, vào lúc đó có gia chủ tên là Citta mới đến vùng Migapathaka vì một số công việc.²⁵⁵ Rồi gia chủ Citta nghe được: “Có một số các Tỳ kheo trưởng lão trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ tụ họp trong khu hội họp và cùng ngồi với nhau và có sự đàm đạo này...” Rồi gia chủ Citta đã đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão đó, kính chào các vị Tỳ kheo, ngồi xuống một bên, và thưa với họ:

- “Thưa quý thầy, con đã nghe rằng khi các vị Tỳ kheo trưởng lão ngồi với nhau và có sự đàm đạo rằng: ‘Này các các Tỳ kheo, ‘gông cùm’ và ‘những thứ gông cùm’: hai thứ này khác nhau về nghĩa và cũng khác nhau về chữ, hay chúng là một về nghĩa và chỉ khác nhau về chữ?’”

“Đúng vậy, này gia chủ.”

- “Thưa quý thầy, ‘gông cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ là khác nhau về nghĩa và cũng khác nhau về chữ. Con xin đưa ra ví dụ về điều này, bởi những người có trí ở đây hiểu được một điều nhờ phương tiện

ví dụ.

- “Thưa quý thầy, giả sử có con bò đen và con bò trắng được gông với nhau bằng một cái gông hay cái ách.²⁵⁶ Ai là người nói một cách đúng đắn có thể nói như vậy không: ‘Con bò đen là gông cùm của con bò trắng; con bò trắng là gông cùm của con bò đen’?”

“Không phải, này gia chủ. Con bò đen không phải là gông cùm của con bò trắng, và con bò trắng cũng không phải là gông cùm của con bò đen, mà chính là cái gông hay cái ách đã gông chúng lại với nhau: đó mới chính là gông cùm.”

- “Cũng giống như vậy, thưa quý thầy, *mắt* không phải là gông cùm của những hình-sắc, và *những hình-sắc* cũng không phải là gông cùm của *mắt*, mà chính là *tham-muốn và nhục-dục* khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm. Tai không phải là gông cùm của những âm-thanh ... Mũi không phải là gông cùm của những mùi-hương ... Lưỡi không phải là gông cùm của những mùi-vị ... Thân không phải là gông cùm của những đối-tượng chạm xúc ... Tâm không phải là gông cùm của những hiện-tượng thuộc tâm, và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông cùm của tâm, mà chính là *tham-muốn và nhục-dục* khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm.”

“Đó là sự ích lợi cho chú, này gia chủ, đó thực sự là ích lợi cho chú, này gia chủ, trong đó chú có con mắt trí-tuệ nhìn thấu Lời Nói thâm sâu của Đức Phật.”

(SN 41:01)

2 *Ngài Isidatta (1)*

Trong một lần có một số vị Tỳ kheo trưởng lão đang sống ở Macchikāsaṇḍa trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến

gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính chào các vị, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa quý thầy, mong các bậc trưởng lão nhận lời mời tới dùng cơm trưa chỗ con ngày mai.”

Các Tỳ kheo trưởng lão đồng ý trong im lặng. Rồi gia chủ Citta, sau khi hiểu được các trưởng lão đã đồng ý, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cúi chào các vị, giữ họ ở hướng bên phải mình, và đi ra.

Rồi khi đêm đã qua, vào buổi sáng, các Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi tới chỗ ở của gia chủ Citta. Ở đó họ ngồi xuống các chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi gia chủ Citta đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính chào các vị, ngồi xuống một bên, và thưa với vị trưởng lão đứng đầu:

“Thưa Trưởng Lão, thường nghe nói ‘nhiều loại yếu-tố, nhiều loại yếu-tố’. Thưa thầy, theo cách nào có nhiều loại [đa dạng] yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn?”

Khi điều này được nói ra, vị trưởng lão đứng đầu chỉ im lặng. Lần thứ hai và lần thứ ba gia chủ Citta hỏi lại câu hỏi đó, vị trưởng lão đứng đầu vẫn im lặng.²⁵⁷

Bấy giờ, lúc đó có Ngài Isidatta khi đó là Tỳ kheo trẻ nhất trong đoàn Tăng đó.²⁵⁸ Rồi thầy Isidatta mới thưa với vị trưởng lão đứng đầu:

“Thưa trưởng lão, cho phép con trả lời câu hỏi của gia chủ Citta.”

“Trả lời đi, các Tỳ kheo Isidatta.”

“Giờ, này gia chủ, có phải chú đang hỏi câu như vậy: ‘Thưa Trưởng Lão, thường nghe nói ‘nhiều loại yếu-tố, nhiều loại yếu-tố’. Thưa thầy, theo cách nào có nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn?’”

- “Đúng vậy, thưa thầy.”

“Này gia chủ, nhiều loại yếu-tố này đã được nói bởi đức Thế Tôn như vậy: yếu-tố mắt, yếu-tố hình sắc, yếu-tố thức-mắt yếu-tố tâm,

yếu-tố hiện-tượng thuộc tâm, yếu-tố thức-tâm. Theo cách như vậy, này gia chủ, nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn.”

Rồi gia chủ Citta, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Isidatta, bằng hai tay mình đã phục vụ và làm vui lòng các Tỳ kheo trưởng lão với nhiều món ăn ngon khác nhau. Khi các Tỳ kheo trưởng lão đã ăn xong và đã dẹp bình bát,²⁵⁹ họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

Rồi, vị Tỳ kheo trưởng lão đứng đầu đã nói với thầy Isidatta:

“Này các Tỳ kheo Isidatta, thật tốt lành rằng câu trả lời cho câu hỏi đó đã xảy đến với thầy. Nó không xảy đến với tôi. Bởi vậy, này các Tỳ kheo Isidatta, lúc khác có ai đặt câu hỏi tương tự như vậy, thầy cứ làm rõ nó như vậy.”²⁶⁰

(SN 41:02)

3 Ngài Isidatta (2)

[Mở đầu như kinh kể trên, cho tới:]

Rồi gia chủ Citta đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính chào các vị, ngồi xuống một bên, và thưa với vị trưởng lão đứng đầu:

“Thưa thầy, có nhiều quan-điểm khác nhau khởi lên trong thế gian rằng: ‘Thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới không phải bất diệt’; hoặc ‘Thế giới là hữu hạn’ hay ‘Thế giới là vô hạn’; hoặc ‘Linh hồn và thể xác là một’ hay ‘Linh hồn một thứ và thể xác là thứ khác nhau’; hoặc ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’—những quan-điểm này cũng như sáu mươi hai quan-điểm đã được nói trong kinh Lưới Trời (*Brahmajāla*, kinh Phạm Võng).²⁶¹ Giờ, khi có cái gì thì xảy ra những quan-điểm này? Khi không có cái gì thì không xảy

ra những quan-điểm này?”

Khi điều này được nói ra, vị trưởng lão đứng đầu chỉ im lặng. Lần thứ hai và lần thứ ba gia chủ Citta hỏi lại câu hỏi đó, vị trưởng lão đứng đầu vẫn im lặng.

Bấy giờ, lúc đó có Ngài Isidatta khi đó là Tỳ kheo trẻ nhất trong đoàn Tăng đó. Rồi thầy Isidatta mới thưa với vị trưởng lão đứng đầu:

“Thưa trưởng lão, cho phép con trả lời câu hỏi của gia chủ Citta.”

“Trả lời đi, các Tỳ kheo Isidatta.”

“Giờ, này gia chủ, có phải chú đang hỏi câu như vậy: ‘Thưa thầy, có nhiều quan-điểm khác nhau khởi lên trong thế gian rằng: ‘Thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới không phải bất diệt’ ... trong kinh Lưới Trời. Giờ, khi có cái gì thì xảy ra những quan-điểm này? Khi không có cái gì thì không xảy ra những quan-điểm này?’”

- “Đúng vậy, thưa thầy.”

“Này gia chủ, đối với những quan-điểm khác nhau khởi lên trong thế gian rằng: ‘Thế giới là bất diệt’ ... cũng như sáu mươi hai quan-điểm được nói trong kinh Lưới Trời thì: khi có quan-điểm (cách nhìn) về danh-tính (thân kiến), thì có những quan-điểm này xảy ra; khi không có quan-điểm về danh-tính, thì không có những quan-điểm này xảy ra.”

- (1) “Nhưng, thưa thầy, theo cách nào có quan-điểm về danh-tính xảy ra?”

“Ồ đây, này gia chủ, người phàm phu không được chỉ dạy, là người không coi trọng những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của họ; là người không coi trọng những người tốt, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của họ; là người *cứ* coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc thân-sắc nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ nằm trong thân-sắc. Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái

‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Chính theo cách như vậy nên mới xảy ra quan-điểm danh-tính.”

- (2) “Nhưng, thưa thầy, theo cách nào không có quan-điểm danh-tính xảy ra?”

“Ở đây, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người coi trọng những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của họ; là người coi trọng những người tốt, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của họ; là người *không* coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc thân-sắc nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ nằm trong thân-sắc. Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Chính theo cách như vậy nên không xảy ra quan-điểm danh-tính.”

- “Xin phép hỏi thầy, Sư Thầy Isidatta đến từ đâu vậy?”

“Tôi đến từ vùng Avantī, này gia chủ.”

- “Thưa thầy, có một người họ tộc cũng đến từ vùng Avantī cũng tên là Isidatta, là một người bạn ‘chưa từng gặp’ của chúng con trước kia, người đó đã xuất gia. Thầy đã bao giờ gặp người đó chưa?”

“Đã gặp rồi, này gia chủ.”

- “Thầy ấy hiện đang ở đâu, thưa thầy?” Khi câu hỏi này được nói ra, thầy Isidatta chỉ im lặng.

- “Vậy đây chính là Sư Thầy Isidatta?”

“Đúng vậy, này gia chủ.”

- “Vậy mong Sư Thầy Isidatta hãy vui sống trong khu Vườn Xoài Hoang đáng thích ở vùng Macchikāsaṇḍa này. Con sẽ nhiệt tình chu cấp cho Thầy Isidatta y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang.”

“Lời nói thật hảo tâm, này gia chủ.”

Rồi gia chủ Citta, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Isidatta, bằng chính hai tay mình, đã phục vụ và làm vui lòng các Tỳ kheo trưởng lão với nhiều món ăn ngon khác nhau. Khi các Tỳ kheo trưởng lão đã ăn xong và đã dẹp bình bát, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

Rồi, vị Tỳ kheo trưởng lão đứng đầu đã nói với thầy Isidatta:

“Này các Tỳ kheo Isidatta, thật tốt lành câu trả lời cho câu hỏi đó đã xảy đến với thầy. Nó không xảy đến với tôi. Bởi vậy, này các Tỳ kheo Isidatta, lúc khác có ai đặt câu hỏi tương tự như vậy, thầy cứ làm rõ nó như vậy.”

Rồi, thầy Isidatta đã thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, thầy ấy rời khỏi vùng Macchikāsaṇḍa. Sau khi đi khỏi Macchikāsaṇḍa, thầy ấy đã rời đi mãi mãi và chưa bao giờ quay lại nơi đó.²⁶²

(SN 41:03)

4 *Thần Thông của Ngài Mahaka*

Trong một lần có một số vị Tỳ kheo trưởng lão đang sống ở Macchikāsaṇḍa trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính chào các vị, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa quý thầy, mong các bậc trưởng lão nhận lời mời tới dùng cơm trưa ở chỗ trại bò sữa của con ngày mai.”

Các Tỳ kheo trưởng lão đồng ý trong im lặng. Rồi gia chủ Citta, sau khi hiểu được các trưởng lão đã đồng ý, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cúi chào các vị, giữ họ ở hướng bên phải mình, và đi ra.

Rồi khi đêm đã qua, vào buổi sáng, các Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi tới chỗ ở của gia chủ Citta. Ở đó họ ngồi

xuống các chỗ ngồi đã dọn sẵn.

Rồi gia chủ Citta, bằng chính hai tay mình, đã phục vụ và làm vui lòng các Tỳ kheo trưởng lão với nhiều món ăn ngon khác nhau. Khi các Tỳ kheo trưởng lão đã ăn xong và đã dẹp bình bát, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

Rồi gia chủ Citta, sau khi nói với người của mình “Hãy đem phân phát hết chỗ thức ăn còn lại”, ông đi theo sát các Tỳ kheo trưởng lão. Lúc bấy giờ, lúc đó trời đang cực kỳ nóng bức,²⁶³ và các trưởng lão bước đi giống như thân họ đang tan chảy với những thức ăn họ mới vừa ăn.

Bấy giờ, lúc đó có Ngài Mahaka là một Tỳ kheo trẻ nhất trong đoàn Tăng đó. Rồi thầy Mahaka đã thưa với vị Tỳ kheo trưởng lão đứng đầu:

“Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu giờ có luồng gió mát thổi qua, một tán mây tụ thành, và trời mưa phùn.”

“Được vậy sẽ tốt, này đạo hữu.”

Rồi thầy Mahaka đã thực hiện một chiêu thức thần thông làm gió mát thổi qua, và một tán mây tụ thành, và trời mưa phùn.

Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với gia chủ Citta: “Sức mạnh và năng lực thần thông như vậy mà lại có-được bởi một Tỳ kheo trẻ nhất đoàn Tăng ở đây như vậy!”

Rồi, sau khi thầy Mahaka về đến tịnh xá, thầy ấy thưa với vị Tỳ kheo trưởng lão đứng đầu: “Như vậy có đủ không, thưa Trưởng Lão?”

“Như vậy là đủ rồi, này đạo hữu Mahaka. Vừa rồi là đủ đã đủ, này đạo hữu Mahaka, sự cúng dường như vậy là đầy đủ rồi.”

Rồi các Tỳ kheo trưởng lão đi về chỗ ở và thầy Mahaka cũng đi về chỗ ở của mình.

Rồi gia chủ Citta đến gặp thầy Mahaka, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy:

- “Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu Thầy Mahaka cho con thấy một màn siêu nhân thuộc năng lực thần thông.”

“Vậy thì, này gia chủ, hãy cởi áo choàng của chú phủ lên hiên và rải một nắm cỏ lên đó.”

- “Dạ, thưa thầy”, gia chủ Citta đáp lại, và ông cởi áo choàng của mình phủ lên hiên và rải một nắm cỏ lên đó.

Rồi, thầy Mahaka đi vào trong thất và khóa cửa lại, rồi thầy biểu diễn màn thần thông phun lửa ra lỗ khóa và khe cửa, đốt cháy hết cỏ, nhưng không cháy áo choàng.²⁶⁴ Gia chủ Citta giữ áo choàng và đứng sang một bên, như sừng sốt và hoảng sợ.

Rồi thầy Mahaka bước ra khỏi thất và nói với gia chủ Citta: “Nhu vậy đủ chưa, này gia chủ?”

- “Nhu vậy là đủ rồi, thầy Mahaka. Vừa rồi là đã đủ, thưa thầy, sự ban tặng như vậy là đầy đủ rồi. Vậy mong Sư Thầy Mahaka hãy vui sống trong khu Vườn Xoài Hoang đáng thích ở vùng Macchikāsaṇḍa này. Con sẽ nhiệt tình chu cấp cho Thầy Mahaka y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang.”

“Lời nói thật hảo tâm, này gia chủ.”

Rồi, thầy Mahaka đã thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, thầy ấy rời khỏi vùng Macchikāsaṇḍa. Sau khi đi khỏi Macchikāsaṇḍa, thầy ấy đã rời đi mãi mãi và chưa bao giờ quay lại nơi đó.²⁶⁵

(SN 41:04)

5 Ngài Kāmabhū (I)

Trong một lần có Ngài Kāmabhū đang sống ở Macchikāsaṇḍa

trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp thầy Kāmabhū, kính chào thầy ấy, và ngồi xuống một bên. Thầy Kāmabhū mới nói với ông rằng: “Này gia chủ, điều này đã được nói:

‘Vói bánh xe hoàn-hảo và một mái che trắng,
Chiếc xe bánh một-cắm cứ lăn đi.
Nhìn xem người đang đến, không còn rắc-rối,
Dòng-chảy đã cắt, không còn sự trói-buộc.’²⁶⁶

Này gia chủ, theo cách nào ý nghĩa của lời ngắn gọn này được hiểu một cách chi tiết?”

- “Thưa thầy, đó là lời của đức Thế Tôn phải không?”

“Đúng vậy, này gia chủ.”

- “Thưa thầy, vậy hãy chờ con một chút trong khi con xem xét ý nghĩa của nó.”

Rồi sau một chút im lặng, gia chủ Citta đã nói với thầy Kāmabhū:

- “Thưa thầy, ‘Hoàn-hảo’ [không vết lỗi]: đây là một cách để chỉ những đức-hạnh. ‘Mái che trắng’: đây là một cách để chỉ sự giải-thoát. ‘Một cắm’: đây là một cách để chỉ sự chánh-niệm. ‘Lăn’: đây là một cách để chỉ sự đi-tới và đi-lại. ‘Chiếc xe’: đây là một cách để chỉ thân này gồm có bốn yếu-tố lớn (tứ đại), bắt nguồn từ mẹ và cha, được nuôi lớn từ cơm và cháo, (mang bản chất) bị vô thường, phải bị chà xát và đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã.

- “Thưa thầy, những ‘rắc-rối’ chính là tham, sân, và si. Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm, thì chúng (tham, sân, si) đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết của cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì được gọi là “không-còn rắc rối.” ‘Người đang đến’ là một cách để chỉ bậc A-la-hán.

- “Thưa thầy, ‘Dòng-chảy’: đây là một cách để chỉ dục-vọng. Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì dục-vọng đó đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết của cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì được gọi là “người đã cắt đứt dòng chảy.”

- “Thưa thầy, ‘sự trói-buộc’ cũng chính là tham, sân, si. Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm, thì chúng (tham, sân, si) đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết của cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì được gọi là “không còn sự trói-buộc.”

“Thưa thầy, khi đức Thế Tôn nói như vậy:

‘Với bánh xe hoàn hảo và một mái che trắng,

Chiếc xe bánh một-cắm cứ lăn đi.

Nhìn xem người đang đến, không-còn rắc rối,

Dòng chảy đã cắt, không-còn trói buộc.’—

, thì theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của lời đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn như vậy.”

“Đó là sự ích lợi cho chú, này gia chủ, đó là thực sự là ích lợi cho chú, này gia chủ, trong đó chú có con mắt trí-tuệ nhìn thấu Lời Nói thâm sâu của Đức Phật.”

(SN 41:05)

6 Ngài Kāmabhū (2)

Trong một lần có Ngài Kāmabhū đang sống ở Macchikāsaṇḍa trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp thầy Kāmabhū, kính chào thầy ấy, ngồi xuống một bên, và thưa:

- (1) “Thưa thầy, có mấy loại sự tạo-tác (hành)?”²⁶⁷

“Này gia chủ, có ba loại sự tạo-tác: *sự tạo-tác của thân* (thân hành), *sự tạo-tác của lời-nói* (ngữ hành), và *sự tạo-tác của tâm* (tâm hành).”²⁶⁸

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói. Rồi sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Kāmabhū, ông ta hỏi thêm: (2) “Nhưng, thưa thầy, cái gì là sự tạo-tác của thân? Cái gì là sự tạo-tác của lời-nói? Cái gì là sự tạo-tác của tâm?”

“Này gia chủ, *sự thờ-vào và thờ-ra* là sự tạo-tác của thân; *ý-nghĩ và sự soi-xét* (tâm và tứ) là sự tạo-tác của lời-nói; *nhận-thức và cảm-giác* (tưởng và thọ) là sự tạo-tác của tâm.”

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm: (3) “Nhưng, thưa thầy, tại sao sự thờ-vào và thờ-ra là sự tạo-tác của thân? Tại sao ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ) là sự tạo-tác của lời-nói? Tại sao nhận-thức và cảm-giác là sự tạo-tác của tâm.”

“Này gia chủ, *sự thờ-vào và thờ-ra* là *thuộc thân*, những sự này tùy thuộc vào thân (mà sinh và diệt); đó là lý do tại sao sự thờ-vào và thờ-ra là sự tạo-tác của thân. Trước tiên người ta *nghĩ*, rồi *xem xét*, sau đó chuyển thành *lời-nói*; đó là lý do tại sao ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ) là sự tạo-tác của lời-nói. *Nhận-thức và cảm-giác* là *thuộc tâm*, những thứ này tùy thuộc vào tâm (mà sinh và diệt); đó là lý do tại sao nhận-thức và cảm-giác là sự tạo-tác của tâm.”

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm: (4) “Thưa thầy, theo cách nào thì có sự chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng)?”²⁶⁹

“Này gia chủ, khi một Tỷ kheo đang chứng đắc (chứng nhập) trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, thì điều (ý nghĩ, niệm) như vậy: ‘Ta sẽ chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’, hay

‘Ta đang chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’, hay ‘Ta đã chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’ không còn xảy đến với người đó; nhưng thay vì vậy, tâm của vị ấy đã được tu tập trước đó theo một cách dẫn vị ấy tới trạng thái như vậy.”²⁷⁰

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm: (5)
“Thưa thầy, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, thì sự tạo-tác nào trong ba sự tạo-tác đó chấm dứt trước bên trong vị ấy?”

“Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, thì sự tạo-tác của lời-nói chấm dứt trước, sau đó là sự tạo-tác của thân, và sau đó là sự tạo-tác của tâm.”²⁷¹

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm: (6)
“Thưa thầy, cái gì là sự khác nhau của một người chết đi và một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (khi đang còn sống)?”

“Này gia chủ, trong trường hợp một người chết đi thì sự tạo-tác của thân đã chấm dứt và lặn mất, sự tạo-tác sankhāra đã chấm dứt và lặn mất; sức sống đã tắt lịm, thân nhiệt đã tiêu tán, và các căn đã hoàn toàn tan rã. Còn trong trường hợp một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác thì sự tạo-tác của thân đã chấm dứt và lặn mất, sự tạo-tác của lời-nói đã chấm dứt và lặn mất, và sự tạo-tác của tâm cũng đã chấm dứt và lặn mất; chỉ còn sức sống chưa tắt lịm, thân nhiệt chưa tiêu tán, và các căn đều tĩnh lặng. Đây là sự khác nhau của một người chết đi và một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác.”

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm: (7)
“Thưa thầy, theo cách nào có sự thoát-ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác?”

“Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi trạng thái

chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác thì điều (ý nghĩ, niệm) như vậy: ‘Ta sẽ thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’, hay ‘Ta đang thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’ không còn xảy đến với người đó; nhưng thay vì vậy, tâm của vị ấy đã được tu tập trước đó theo một cách dẫn vị ấy tới trạng thái như vậy.”²⁷²

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm: (8) “Thưa thầy, khi một Tỳ kheo đang thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác thì sự tạo-tác nào trong ba sự tạo-tác đó khởi sinh lại trước?”

“Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác thì sự tạo-tác của tâm khởi sinh trước, sau đó là sự tạo-tác của thân, và sau đó là sự tạo-tác saṅkhāra.”²⁷³

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm: (9) “Thưa thầy, sau khi một Tỳ kheo đã thoát-ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, có bao nhiêu loại tiếp-xúc tiếp xúc người đó?”

“Này gia chủ, sau khi một Tỳ kheo đã thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, có ba loại tiếp-xúc tiếp xúc người đó: sự tiếp-xúc trống không, sự tiếp-xúc vô dấu hiệu, sự tiếp-xúc vô định hướng.”²⁷⁴

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm: (10) “Thưa thầy, sau khi một Tỳ kheo đã thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, tâm vị đó nghiêng về, hướng về, và ngã về cái gì?”

“Này gia chủ, sau khi một Tỳ kheo đã thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, tâm vị đó nghiêng về, hướng về, và ngã về sự tách-ly.”²⁷⁵

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói. Rồi sau khi thấy hài

lòng và vui mừng với lời nói của thầy Kāmabhū, ông ta hỏi thêm: (11) “Thưa thầy, có bao nhiêu điều hữu ích đối với sự chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác?”

“Này gia chủ, thực ra chú đang hỏi câu hỏi lẽ ra nên được hỏi đầu tiên; nhưng dù vậy tôi vẫn trả lời luôn cho chú. Đối với sự chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, có hai điều hữu ích: sự tĩnh-lặng và sự minh-sát.”²⁷⁶

(SN 41:06)

7 Ngài Godatta

Trong một lần có Ngài Godatta đang sống ở Macchikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp thầy Godatta, kính chào thầy ấy, ngồi xuống một bên. Rồi thầy Godatta mới nói với ông ta khi ông ta đang ngồi một bên:²⁷⁷

“Này gia chủ, ‘sự giải-thoát vô lượng của tâm’, ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì’, ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không’, và ‘sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm’: những sự này khác nhau về nghĩa nghĩa và về chữ, hay chúng là giống nhau về nghĩa và chỉ khác nhau về chữ?”

- “Thưa thầy, có một phương-pháp qua đó (cho thấy) những sự đó là khác nhau về nghĩa và chữ, và có một phương-pháp khác qua đó (cho thấy) những sự đó giống nhau về nghĩa và chỉ khác nhau về chữ.

1- “Và, thưa thầy, cái gì là phương-pháp qua đó (cho thấy) những sự đó những sự đó là khác nhau về nghĩa và chữ? Ở đây một Tỷ kheo sống bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm sự *từ-ái*; và tương tự với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy phương trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thể giới với một cái tâm

thấm đẫm sự từ-ái, lớn rộng, cao thượng, vô lượng, không còn thù-ghét, không còn ác-ý. Người đó sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự *bi-mẫn* ... với một cái tâm thấm đẫm sự *tùy-hỷ* ... với một cái tâm thấm đẫm sự *buông-xả*; và tương tự với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy phương trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự *bi-mẫn* ... *tùy-hỷ* ... *buông-xả*, lớn rộng, cao thượng, vô lượng, không còn thù-ghét, không còn ác-ý. Đây được gọi là ‘sự giải-thoát vô lượng của tâm’.²⁷⁸

2- “Và, thưa thầy, cái gì là sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì? Ở đây, bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức (thứ vô biên xứ), chỉ ý thức sự ‘không-có-gì’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ). Đây được gọi là ‘sự giải-thoát bằng sự không-có-gì’.²⁷⁹

3- “Và, thưa thầy, cái gì là ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không (tính không)? Ở đây một Tỳ kheo đi vô rừng hay đến một gốc cây hay một chòi trống, quán chiếu y rằng: ‘Cái ‘ta’ là trống không; chẳng có gì thuộc về cái ‘ta.’’ Đây được gọi là ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không’.²⁸⁰

4- “Và, thưa thầy, cái gì là ‘sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm’? Ở đây, bằng sự không còn chú-tâm (tác ý) tới tất cả những dấu-hiệu (hình tướng), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu-hiệu (vô tướng định). Đây được gọi là ‘sự giải-thoát vô dấu hiệu của tâm’.²⁸¹

- “Thưa thầy, đây là phương-pháp qua đó (cho thấy) những sự đó khác nhau về nghĩa và chữ.²⁸² Và, thưa thầy, cái gì là phương-pháp khác qua đó (cho thấy) những sự đó là giống nhau về nghĩa, và chỉ khác nhau về chữ?

1- “Thưa thầy, tham, sân, si là những ‘cái tạo-nên’ sự đo lường

(lượng). Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì những thứ này (tham, sân, si) đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Dù cho những ‘*sự giải-thoát vô lượng của tâm*’ có (siêu xuất) tới mức nào, thì chính “sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm” mới được tuyên bố là bậc nhất. (‘bậc nhất, tốt nhất’ ở đây là do có luôn thánh quả A-la-hán).²⁸³ Bây giờ, “sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm” là trống không tham, trống không sân, trống không si.

2- “Thưa thầy, tham là một thứ (thứ có mặt), sân là một thứ, si là một thứ. Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì những thứ đó đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Dù có những ‘*sự giải-thoát tâm bằng sự không-có-gì*’ có (siêu xuất) tới mức nào, thì chính “sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm” mới được tuyên bố là bậc nhất. Bây giờ, “sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm” là trống không tham, trống không sân, trống không si.

4- “Thưa thầy, tham, sân, si là những ‘cái tạo-nên’ những dấu-hiệu (hình tướng này nọ).²⁸⁴ Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì những thứ đó đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Dù có những ‘*sự giải-thoát vô dấu hiệu của tâm*’ có (siêu xuất) tới mức nào, thì chính “sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm” mới được tuyên bố là bậc nhất. Bây giờ, “sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm” là trống không tham, trống không sân, trống không si.

- “Thưa thầy, đây là phương-pháp khác qua đó (cho thấy) những sự đó là giống nhau về nghĩa, chỉ khác nhau về chữ.” (giống nhau ở chỗ đều là trạng thái trống sạch tham, sân, si của tâm)²⁸⁵

“Đó là ích lợi cho chú, này gia chủ, đó thực sự là ích lợi cho chú, này gia chủ, trong đó chú có con mắt trí-tuệ nhìn thấu Lời Nói sâu xa

của Đức Phật.”

(SN 41:07)

8 *Nigaṇṭha Nātaputta* (Ni-kiền-tử)

Bấy giờ, vào lúc đó có ông Nigaṇṭha Nātaputa (Ni-kiền-tử) đã đến vùng Macchikāsaṇḍa cùng với một đoàn lớn gồm những môn đệ theo giáo phái của Ni-kiền-tử.²⁸⁶ Gia chủ Citta nghe được điều này, và đã cùng với một nhóm cư sĩ đến gặp ông Ni-kiền-tử.²⁸⁷ Ông chào hỏi với ông Ni-kiền-tử, và sau khi xong phần chào hỏi qua lại, ông ngồi xuống một bên. Ông Ni-kiền-tử mới nói với gia chủ:

“Này gia chủ, ông có niềm-tin vào sa-môn Cồ-đàm khi ông ta nói rằng: ‘Có một sự định-tâm không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ); có sự chấm dứt ý-nghĩ và sự soi-xét’, hay không?” (tức trạng thái tầng thiền định thứ hai)

- “Thưa ngài, về vấn đề này tôi không có niềm-tin vào đức Thế Tôn khi đức Thế Tôn nói rằng: ‘Có một sự định-tâm không còn ý-nghĩ và sự soi-xét; có sự chấm dứt ý-nghĩ và sự soi-xét’.”

Khi điều này được nói ra, ông Ni-kiền-tử ngửa mặt lên một cách tự hào, nhìn các môn đệ của ông và nói: “Thấy chưa, quý ngài! Gia chủ Citta này thật thẳng thắn! Gia chủ Citta này thật trung thực và cởi mở! Ai cho rằng ý-nghĩ và sự soi-xét có thể bị chặn thì chẳng khác nào tưởng tượng mình có thể bắt được gió bằng lưới hay bắt giữ dòng nước sông Hằng bằng nắm tay của mình.”

- “Thưa ngài, ngài nghĩ sao, cái nào cao hơn: sự hiểu-biết (trí) hay niềm-tin (tín)?”, gia chủ Citta hỏi.

“Này gia chủ, sự hiểu-biết là cao hơn niềm-tin.”

- “Đúng vậy, thưa ngài, tùy theo tôi muốn: ‘Tách ly khỏi những

khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách ly’. Rồi, tùy theo tôi muốn: ‘Với sự lặn mất của ý-nghĩ và sự soi-xét, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền)...’ Rồi, tùy theo tôi muốn: ‘Với sự phai biến luôn của yếu tố hoan-hỷ ... tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền)...’ Rồi, tùy theo tôi muốn: ‘Với sự dẹp bỏ sự sợ hãi và sự khổ ... tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền)’.

- “Thưa ngài, tôi đã tự biết và thấy như vậy, vậy tại sao tôi cần phải đặt niềm-tin vào lời một sa-môn hay bà-la-môn khác nói rằng: ‘Có một sự định-tâm không còn ý-nghĩ và sự soi-xét; có sự chấm dứt ý-nghĩ và sự soi-xét’?”

Khi điều này được nói ra, ông Ni-kiền-tử với ánh mắt ngờ vực, nhìn qua các môn đệ của mình và nói: “Thấy chưa, các ngài! Gia chủ Citta này thật lươn lẹo! Gia chủ Citta này thật xảo trá và lừa lọc!”

- “Thưa ngài, mới đây chúng tôi hiểu ngài nói: ‘Thấy chưa, quý ngài! Gia chủ Citta này thật thẳng thắn! Gia chủ Citta này thật trung thực và cởi mở!’— giờ chúng tôi lại hiểu ngài nói: ‘Thấy chưa, các ngài! Gia chủ Citta này thật lươn lẹo! Gia chủ Citta này thật xảo trá và lừa bịp!’. Thưa ngài, nếu câu nói đầu của ngài là đúng thì câu nói sau của ngài là sai; hoặc nếu câu nói đầu là sai thì câu nói sau là đúng.

- “Thêm nữa, thưa ngài, có mười câu hỏi hữu lý này được đưa ra. Khi ngài hiểu được ý nghĩa của chúng, thì ngài có thể trả lời lại cho tôi, cùng với đoàn môn đệ của ngài.²⁸⁸ Một câu hỏi, một tóm tắt, một trả lời. Hai câu hỏi, hai tóm tắt, hai trả lời. Ba ... bốn ... năm ... sáu ... bảy ... tám ... chín ... mười câu hỏi, mười tóm tắt, mười trả lời.”

Rồi gia chủ Citta đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi luôn chứ không

hỏi ông Ni-kiền-tử mười câu hỏi hữu lý đó.²⁸⁹

(SN 41:08)

9 *Tu Sĩ Lỏa Thê Tên Ca-Diếp*

Bấy giờ, lúc đó có tu sĩ lỏa thê tên Ca-diếp (Kassapa) mới đến vùng Macchikāsaṇḍa; thời ông còn tại gia ông từng là một người bạn của gia chủ Citta. Gia chủ Citta nghe được điều này và đã đến gặp tu sĩ lỏa thê Ca-diếp. Ông chào hỏi với tu sĩ đó, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói với tu sĩ Ca-diếp:

- “Này ngài Ca-diếp, đã bao lâu rồi, kể từ lúc ngài xuất gia?”

“Đã ba mươi năm rồi, từ lúc tôi xuất gia.”

- “Thưa ngài, trong ba mươi năm đó, ngài có chứng đắc sự khác-biệt siêu phàm nào về trí-biết và tầm-nhìn của hàng thánh nhân không,²⁹⁰ có sống trong sự thư thái an nhiên hay không?”

“Này gia chủ, trong ba mươi năm từ lúc tôi xuất gia, tôi không chứng đắc được sự khác-biệt siêu phàm nào về trí-biết và tầm-nhìn, cũng không sống trong sự thư thái an nhiên nào, ngoại trừ cái sự lỏa thê, và cái đầu trọc, và cái bàn chải lông gà để phủi quét cho chỗ ngồi (trước khi ngồi) của tôi”.

Khi điều này được nói ra, gia chủ Citta đã nói với ông Ca-diếp:

- “Thật sự kỳ diệu, thưa ngài! Thật sự tuyệt vời! Giáo Pháp đã được giảng bày một cách hay khéo (không hiểu chỗ này gia chủ Citta đề cao Giáo Pháp hay chỉ mượn câu này để pha một ý nghĩa ngậm ngùi đối với người bạn cũ khác đạo?)²⁹¹ trong đó, sau ba mươi năm, ngài không chứng đắc được sự khác-biệt siêu phàm nào về trí-biết và tầm-nhìn, cũng không sống trong sự thư thái an nhiên nào, ngoại trừ sự lỏa thê, và cái đầu trọc, và cái bàn chải lông gà để phủi quét cho chỗ ngồi

của mình.”

“Nhưng, này gia chủ, đã bao lâu rồi, kể từ lúc ông trở thành một đệ tử tại gia?”

- “Thưa ngài, trường hợp tôi cũng giống vậy, cũng đã ba mươi năm rồi.”

“Này gia chủ, trong ba mươi năm đó, ông có chứng đắc sự khác-biệt siêu phàm nào về trí-biết và tâm-nhìn của hàng thánh nhân không, có sống trong sự thư thái an nhiên hay không?”

- “Sao lại không, thưa ngài? Bởi, bất cứ khi nào, tùy theo tôi muốn: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất ... [*như nguyên đoạn này trong kinh kể trên cho đến*] ... tầng thiền định thứ tư. Thêm nữa, nếu tôi có chết trước đức Thế Tôn, thì cũng không lấy gì ngạc nhiên nếu đức Thế Tôn tuyên bố về tôi là: ‘Không còn công-cùm nào trói buộc gia chủ Citta quay lại thế gian này nữa.’” (tức ông đã là bậc thánh Bất-lai)²⁹²

Khi điều này được nói ra, tu sĩ lửa thể Ca-diếp đã nói với gia chủ Citta:

“Thật sự kỳ diệu, thưa ngài! Thật sự tuyệt vời, thưa ngài! Giáo Pháp đã được giảng bày một cách thật hay khéo, trong đó, một người tại gia mặc đồ trắng có thể chứng đắc một sự khác-biệt siêu phàm về của trí-biết và tâm-nhìn của hàng thánh nhân, một sự sống thư thái an nhiên. Tôi có thể xin được thụ giới xuất gia trong Giáo Pháp và Giới Luật này không; tôi có thể xin thụ giới cao hơn không?”

Rồi gia chủ Citta đã dẫn tu sĩ lửa thể Ca-diếp đến gặp các Tỷ kheo trưởng lão, và thưa với họ:

- “Thưa quý thầy, tu sĩ lửa thể Ca-diếp này là một người bạn cũ của con thời ông còn sống tại gia. Mong các vị trưởng lão cho ông ta xuất gia, mong các vị cho ông ta thụ giới cao hơn. Con sẽ nhiệt tình chu

cấp cho ông ta y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men.”

Rồi tu sĩ lửa thê Ca-diếp đã thụ giới xuất gia trong Giáo Pháp và Giới Luật này (thành sa-di); rồi thụ giới cao hơn (đại thọ giới, thụ toàn bộ giới, thành Tỳ kheo). Và không lâu sau khi thầy ấy thụ giới cao hơn, thầy ấy sống một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định; rồi Thầy Ca-diếp, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống thánh thiện, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

Và thầy Kassapa đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 41:09)

10 Thăm Người Bệnh

Bấy giờ, lúc đó gia chủ Citta bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết. Có một số thiên thần điền viên, thiên thần rừng, thiên thần cây, và thiên thần sống trong cây dược thảo và sống trong cây đại thụ trong rừng, họ đã tề tựu đến và nói với gia chủ Citta: “Này gia chủ, hãy ước nguyện như vậy: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương)!’”

Khi điều này được nói ra, gia chủ Citta đã nói với các thiên thần: “Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.”

Khi điều này được nói ra, những bạn bè và đồng sự, những người thân và họ hàng của gia chủ Citta đã nói với ông rằng: “Này gia chủ, hãy thiết lập sự chánh-niệm. Đừng nói làm nhảm gì nữa.”

- “Này, tôi đã nói gì khiến các người nói với tôi như vậy.”

“Ông mới nói với chúng tôi: ‘Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.’

- “Tôi nói vậy là vì mới có các thiên thần điện viên, thiên thần rừng, thiên thần cây, và thiên thần sống trong cây được thảo và sống trong cây đại thụ trong rừng, họ đã tề tựu ở đây, và nói với tôi: ‘Này gia chủ, hãy ước nguyện như vậy: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe!’ Cho nên tôi mới nói với họ rằng: ‘Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.’”

“Thưa gia chủ, do nhìn thấy lợi ích gì mà các thiên thần đã nói với gia chủ như vậy?”

- “Các thiên thần có ý nghĩ như vậy: ‘Gia chủ Citta này là đức-hạnh, có tính-khí thiện. Nếu ông ấy ước: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe!’— thì nhờ ông ấy có đức-hạnh, thì ước-nguyện này sẽ thành nhờ vào sự trong-sạch (thanh tịnh) của nó. Một vị vua chân chính của sự chân chính sẽ chu cấp những sự cúng dường chân chính.’ Do nhìn thấy sự lợi ích này nên các thiên thần đã tề tựu đến đây và nói với tôi: ‘Này gia chủ, hãy ước nguyện như vậy: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe!’ Và tôi mới nói với họ rằng: ‘Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.’”

“Vậy thì hãy khởi xướng (giáo giới) cho chúng tôi luôn, này gia chủ.”

“Bởi vậy, các người nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *“Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về sự hiểu-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của*

những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.”

“Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy:
“Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.”

“Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy:
‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh thẳng, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người— Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’

“Trong gia đình chúng ta có bất cứ thứ gì có thể cho đi, chúng ta có thể chia sẻ tất cả những thứ đó với những người đức hạnh, có tính khí thiện lành.’ Chính theo cách như vậy các người nên tu tập bản thân.”

Rồi, sau khi đã tạo cảm hứng về niềm-tin vào Phật, Pháp, Tăng cho những người bạn bè và đồng sự, những người thân và họ hàng của mình, và sau khi đã khởi xướng cho họ trong tâm rộng lòng bố-thí như vậy, gia chủ Citta đã qua đời.

(SN 41:10)

Chương 42

Liên Kết TRƯỜNG THÔN

(42 *Gāmaṇisa-saṃyutta*)

(42 *Tương ưng Thôn Trưởng*)

1 Trưởng Thôn Caṇḍa

Ở Sāvathī.

Lúc đó có người được gọi là ông trưởng thôn Caṇḍa Hung Dữ²⁹³ đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao một số người ở đây được quy là hung dữ? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có người ở đây được quy là hiền từ?”

“Ở đây, này trưởng thôn, có người chưa đẹp bỏ tham. Bởi vì người đó chưa đẹp bỏ tham, nên người khác kích chọc. Do bị người khác kích chọc, nên người đó thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hung dữ. Người đó chưa đẹp bỏ sân. Bởi vì người đó chưa đẹp bỏ sân, nên người khác kích chọc. Do bị người khác kích chọc, nên người đó thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hung dữ. Người đó chưa đẹp bỏ si. Bởi vì người đó chưa đẹp bỏ si, nên người khác kích chọc. Do bị người khác kích chọc, nên người đó thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hung dữ.

“Này trưởng thôn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao có người ở đây được quy là hung dữ.

“Ở đây, này trưởng thôn, có người đã đẹp bỏ tham. Bởi vì người đó đã đẹp bỏ tham, nên người khác không kích chọc. Do không bị người khác kích chọc, nên người đó đâu lấy gì thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hiền từ. Người đó đã đẹp bỏ sân, nên người khác không kích chọc. Do không bị người khác kích chọc, nên người đó đâu lấy gì thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hiền từ. Người đã đẹp bỏ si, nên người khác không kích chọc. Do không bị người khác kích chọc, nên người đó đâu lấy gì thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hiền từ.

“Này trưởng thôn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao có người ở đây được quy là hiền từ.

Khi điều này được nói ra, trưởng thôn Caṇḍa đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Giáo Pháp đã được làm sáng tỏ theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn, cứ như đức Thế Tôn đã dựng đứng lại những thứ đã bị chúi đầu, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn. Kể từ nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:01)

2 Trưởng Đoàn Talaputa

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bày Sóc. Lúc đó có ông Talaputa là trưởng đoàn kịch²⁹⁴ đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nghe những tổ sư kịch sư thời trước giờ nói rằng: ‘Nếu một diễn viên trong nhà hát hay hội hát làm vui và giải trí mọi người bằng những diễn xuất (điệu bộ, biểu cảm, lời nói...) thật và giả, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cười.’ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ vậy đi! Đừng hỏi ta về điều đó!”

Lần thứ hai và lần thứ ba ông trưởng đoàn Talaputa lại thưa: “Thưa đức Thế Tôn, con nghe ... Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Này ông trưởng đoàn, chắc ta vẫn chưa làm ông hiểu được khi

ta nói ‘Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ vậy đi! Đừng hỏi ta về điều đó!’. Nhưng dù vậy ta vẫn trả lời cho ông. Trong nhà hát hay hội hát, giữa những chúng sinh chưa hết tham, sân, si, là những người bị trói buộc bởi tham, sân, si, một diễn viên làm vui họ bằng những diễn xuất kịch giục (cảm xúc) thì càng kích thích họ thêm tham, sân, và si.

“Nhu vậy, tự mình bị say sưa (thắm lậm, chuốc độc) và loi tâm buông thả theo đó, còn làm cho người khác say sưa và loi tâm buông thả theo đó, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong ‘Địa ngục Cười’.²⁹⁵ Nhưng nếu ai cứ chấp theo quan-điểm là: ‘Nếu một diễn viên trong nhà hát hay hội hát làm vui và giải trí mọi người bằng những diễn xuất thật và giả, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cười’, thì đó là một quan-điểm sai lầm của người đó. Đối với một người có quan-điểm sai lầm (tà kiến), ta nói, thì chỉ có một trong hai nơi đến, đó là: địa ngục hoặc cõi súc sinh.”²⁹⁶

Khi điều này được nói ra, ông trưởng đoàn kịch Talaputa đã khóc òa với nước mắt hai hàng. [đức Thế Tôn đã nói:] “Chính vậy ta đã không nói thẳng với ông khi ta nói: ‘Đủ rồi, này trưởng đoàn. Cứ để vậy! Đừng hỏi ta điều đó!’”

“Thưa Thế Tôn, không phải con đang khóc vì điều Thế Tôn mới nói với con, mà bởi vì con đã bị gài, bị gạt và bị lừa từ lâu bởi những tổ sư kịch sư trước giờ đã luôn nói: ‘Nếu một diễn viên trong nhà hát hay hội hát làm vui và giải trí mọi người bằng những diễn xuất thật và giả, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cười.’

“Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Giáo Pháp đã được làm sáng tỏ theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn, cứ như đức Thế Tôn đã dựng đứng lại những thứ đã bị chúi đầu, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong

bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn. Thưa Thế Tôn, con xin được thụ giới xuất gia dưới đức Thế Tôn, con xin được thụ giới cao hơn có được không?”

Rồi trưởng đoàn kịch Talaputa đã thụ nhận giới xuất gia dưới đức Thế Tôn, ông ta cũng thụ giới cao hơn (đại thọ giới, thụ toàn bộ giới, thành Tỳ kheo). Và, không lâu sau khi ông thụ giới cao hơn... Thầy Talaputa đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 42:02)

3 Trưởng Đoàn Yodhājīva

Lúc đó có một trưởng đoàn chiến binh đánh thuê tên là ‘Yodhājīva Giết Thuê’²⁹⁷ đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nghe những tổ sư chiến sư đánh giết thuê thời trước giờ nói rằng: ‘Khi một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta được tái sinh trong số những thiên thần chiến trận.’ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ vậy đi! Đừng hỏi ta về điều đó!”

Lần thứ hai và lần thứ ba ông trưởng đoàn Yodhājīva lại thưa: “Thưa Thế Tôn, con nghe những người đánh thuê giết thuê ... được tái sinh trong số những thiên thần chiến trận.’ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Này ông trưởng đoàn, chắc ta vẫn chưa làm ông hiểu được khi ta nói ‘Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ vậy đi! Đừng hỏi ta về điều đó!’ Nhưng dù vậy ta vẫn trả lời cho ông. Này ông trưởng đoàn, một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, tâm trí của

người đó đã là thấp kém, đỗi bại, bị ý nghĩ tà đạo dẫn dắt: ‘Cầu cho lũ chúng sinh này bị giết, bị tàn sát, bị hủy diệt, bị tiêu diệt, hay bị diệt vong.’ Nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta sẽ bị tái sinh trong ‘Địa ngục Chiến Trận’.²⁹⁸ Nhưng ai cứ chấp theo quan-điểm là: ‘Khi một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta được tái sinh trong số những thiên thần chiến trận’, thì đó là quan-điểm sai lầm của người đó. Đối với ai có quan-điểm sai lầm (tà kiến), ta nói, thì chỉ có một trong hai nơi đến, đó là: địa ngục hay cõi súc sinh.”

Khi điều này được nói ra, ông trưởng đoàn kịch Yodhājīva đã khóc òa với nước mắt hai hàng. [đức Thế Tôn đã nói:] “Chính vậy ta đã không nói thẳng với ông khi ta nói: ‘Đủ rồi, này trưởng đoàn. Cứ để vậy! Đừng hỏi ta điều đó!’”

“Thưa Thế Tôn, không phải con đang khóc vì điều Thế Tôn mới nói với con, mà bởi vì con đã bị gài, bị gạt và bị lừa từ lâu bởi những tổ sư chiến sư đánh giết thuê thời trước giờ đã luôn nói: ‘Khi một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta được tái sinh trong số những thiên thần chiến trận.’

“Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:03)

4 Trưởng Đoàn Hatthāroha

Lúc đó có ông Hatthāroha là trưởng đoàn chiến binh dùng Voi (tượng binh) ... [*Lời kinh gốc bị bỏ mất, và kết thúc bằng câu cuối như*

vậy:]: “ ... là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:04)

5 Trưởng Đoàn Assāroha

Lúc đó có ông Assāroha là trưởng đoàn chiến binh dùng Ngựa (ky binh) đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

[Phần còn lại giống hết kinh 42:03 ở trên, chỉ khác ‘chiến binh đánh giết thuê’ được thay bằng ‘ky binh’.]

(SN 42:05)

6 Trưởng Thôn Asibandhakaputta

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nālandā, trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika. Rồi ông trưởng thôn tên Asibandhakaputta đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, những bà-la-môn ở miền tây—là những người luôn mang theo bình nước, mang vòng hoa làm từ cây cỏ dưới nước (cây thủy sinh), đắm mình trong nước, và thờ lửa thiêng—họ được cho là có khả năng dựng người chết đứng dậy, dẫn dắt người đó, và đưa người đó lên thiên đàng. Nhưng đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác thì có khả năng làm cho (những người trong) toàn thế gian này, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời, hay không?”

(1) “Ra vậy, này trưởng thôn, vậy ta sẽ hỏi ông về điều này. Cứ trả lời ta nếu thấy được. Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ví như có người ở đây sát-sinh, gian-cấp (trộm, cướp, lừa, gian, lận, tham những...), tà-dâm tà dục (tính dục bất chính), nói-dối nói láo, nói lời

gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông, nói tâm-phào tán dóc, là người thềm-khát, đầy ác-ý, và chấp giữ cách-nhìn sai trái (tà kiến). Rồi có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện vì ông ta, tán tụng vì ông ta, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh (đi nhiều quanh) và khấn vái như vậy: ‘Cầu cho người này khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời’. Ông nghĩ sao, này trưởng thôn, do nhờ có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện vì ông ta, tán tụng vì ông ta, và chấp tay kính cẩn đi quanh, và khấn vái như vậy, cho nên ông ta sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời, phải không?”

“Không đâu, thưa Thế Tôn”

“Này trưởng thôn, giả sử có một người quăng một tảng đá to xuống một ao nước sâu. Rồi có đám đông người đến và bu quanh nó, rồi họ cầu nguyện vì nó, tán tụng vì nó, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy: ‘Hãy nổi lên, này tảng đá! Hãy trôi lên, này tảng đá! Hãy nhảy lên bờ cao, này tảng đá!’ Ông nghĩ sao này gia chủ? Do nhờ có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, cho nên tảng đá sẽ nổi lên, trôi lên, và nhảy lên bờ cao, phải không?”

“Không đâu, thưa Thế Tôn”

“Cũng giống như vậy, này trưởng thôn, nếu một người sống sát-sinh ... và chấp giữ cách-nhìn sai trái, thì dù có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, thì người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, cũng sẽ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục.

(2) “Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Giả sử có một người ở đây sống kiêng cử sát-sinh, kiêng cử gian-cấp, kiêng cử tà-dâm tà dục, kiêng cử nói-dối nói láo, kiêng cử nói lời gây chia-rẽ, kiêng cử nói lời gắt-

gông, kiêng cử nói tầm-phào tán dóc; là người không thèm-khát, không ác-ý, nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Rồi có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện vì ông ta, tán tụng vì ông ta, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy: ‘Cầu mong cho người này, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục’. Ông nghĩ sao, này trưởng thôn, do có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, cho nên người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa ... trong địa ngục, phải không?”

“Không đâu, thưa Thế Tôn.”

“Này trưởng thôn, giả sử một người nhấn chìm một hũ bơ hay một hũ dầu xuống một ao nước sâu, sau đó lấy đồ đập bể hũ ra. Những miếng bể và mảnh vỡ đều chìm xuống dưới, nhưng bơ hay dầu đều nổi lên trên. Rồi lại có đám đông người đến và bu quanh nó, rồi họ cầu nguyện vì nó, tán tụng vì nó, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy: ‘Hãy ngoan ngoãn chìm xuống, này bơ này dầu! Hãy lặn xuống, này bơ này dầu! Hãy lắng xuống, này bơ này dầu!’ Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Do nhờ có đám đông người đến và bu quanh nó, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, cho nên bơ hay dầu đó sẽ chìm xuống, lặn xuống, và lắng xuống, phải không?”

“Không đâu, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này trưởng thôn, nếu một người sống kiêng cử sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, thì dù có đám đông người đến và bu quanh người đó, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, thì người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, cũng sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

Khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Asibandhakaputta đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:06)

7 Ví Dụ Miếng Ruộng

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nālandā, trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika. Rồi ông trưởng thôn tên Asibandhakaputta đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có phải bậc Thế Tôn sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh, đúng không?”

“Đúng vậy, này trưởng thôn, Như Lai sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh.”

“Thưa Thế Tôn, vậy tại sao Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp một cách thấu suốt cho một số người, nhưng không chỉ dạy thấu suốt cho những người khác?”

(1) “Ra vậy, này trưởng thôn, ta sẽ hỏi ông điều này. Cứ trả lời nếu ông thấy được. Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ví như một nông dân ở đây có ba miếng ruộng: một miếng rất tốt, một miếng trung bình, và một miếng xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thế đất tệ. Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Nếu người nông dân đó muốn gieo hạt, ông ta sẽ gieo ở đâu trước: trên miếng tốt, miếng trung bình, hay miếng xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thế đất tệ?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người nông dân đó muốn gieo hạt, ông ta sẽ gieo trên miếng tốt trước tiên. Sau khi gieo hạt xong ở đó, có thể ông ta sẽ gieo hạt trên miếng trung bình. Sau khi gieo hạt ở đó, ông có thể gieo

hoặc không gieo trên miếng đất xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thế đất tệ. Vì lý do gì? Bởi vì chỉ ít số hạt đó còn có thể dùng làm thức ăn cho gia súc.” (vì có gieo trên miếng ruộng xấu đó cũng toàn vô ích)

“Này trưởng thôn, miếng ruộng tốt giống như những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni đối với ta. Ta chỉ dạy cho họ Giáo Pháp tốt từ đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cho (họ) thấy đời sống thánh thiện được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ.

“Rồi, này trưởng thôn, miếng ruộng trung bình giống như những đệ tử tại gia nam và nữ đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt từ đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cũng cho thấy đời sống thánh thiện được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ.

“Rồi, này trưởng thôn, miếng ruộng xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thế đất tệ—thì giống như những tu sĩ, bà-la-môn, và các du sĩ giáo phái khác đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt từ đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cũng cho thấy đời sống thánh thiện được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì chỉ ít nếu họ chỉ hiểu được một câu ta nói, thì điều đó cũng dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.

“Này trưởng thôn, ví như có một người có ba bình nước: (a) một bình không bị nứt, không để nước rỉ ra và thất thoát; (b) một bình (thứ hai) không bị nứt, nhưng nó để nước rỉ ra và thất thoát; và (c) một bình (thứ ba) bị nứt, nó để nước rỉ ra và thất thoát. Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Nếu một người muốn trữ nước, ông ta sẽ để nước trong bình nào trước: (a) trong bình không bị nứt, không để nước rỉ ra và thất thoát; (b) trong bình không bị nứt, nhưng nó để nước rỉ ra và thất thoát; hay (c)

trong bình bị nứt, nó để nước rỉ ra và thất thoát?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người đó muốn trữ nước, ông ta sẽ trữ nước trong (a) bình không bị nứt, nó không để nước rỉ ra và thất thoát. Sau khi trữ nước ở đó, ông ta có thể trữ nước trong (b) bình không bị nứt, nhưng nó để nước rỉ ra và thất thoát. Sau khi trữ nước ở đó, có thể ông ta trữ hoặc không trữ nước trong (c) bình bị nứt, nó để nước rỉ ra và thất thoát. Vì lý do gì? Bởi vì chỉ ít nước còn có thể được dùng để rửa chén bát dơ.” (vì có để nước trong (c) bình bị nứt cũng bị chảy mất hết thôi)

“Này trưởng thôn, (a) bình nước không bị nứt và không để nước rỉ ra và thất thoát cũng giống như các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni đối với ta. Ta chỉ dạy cho họ Giáo Pháp tốt từ đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cho thấy đời sống thánh thiện được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ.

“Rồi, này trưởng thôn, (b) bình nước không bị nứt nhưng nó để rỉ nước ra và thất thoát giống như những đệ tử tại gia nam và nữ đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt từ đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cho thấy đời sống thánh thiện được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ.

“Rồi, này trưởng thôn, (c) bình nước bị nứt và nó để nước rỉ ra và thất thoát giống như những tu sĩ, bà-la-môn, và các du sĩ giáo phái khác đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt từ đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cũng cho thấy đời sống thánh thiện được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì chỉ ít nếu họ chỉ hiểu được một câu ta nói, thì điều đó cũng dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.”

Khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Asibandhakaputta đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:07)

8 Người Thối Kèn Vô Ốc

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Nālandā, trong khu Vườn Xoài của gia chủ Pāvārika. Lúc đó có ông trưởng thôn Asibandhakaputta, một đệ tử tại gia của giáo phái Ni-kiền-tử (nigaṇṭha) đã đến gặp đức Thế Tôn ... Rồi đức Thế Tôn mới nói với ông khi ông đang ngồi một bên:

(1) “Này ông trưởng thôn, theo cách nào ông Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha Nātaputta) chỉ dạy Giáo Pháp cho các đệ tử của mình?”

“Thưa ngài, ông Ni-kiền-tử chỉ dạy Giáo Pháp cho các đệ tử như vậy: ‘Ai sát-sinh ... Ai gian-cắp ... Ai tà-dâm tà dục ... Ai nói-dối nói láo thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục. Mỗi người bị dẫn dắt [tái sinh] tùy theo cách mình *thường xuyên* sống’. Thưa ngài, Ni-kiền-tử chỉ dạy Giáo Pháp cho các đệ tử mình theo cách như vậy.”

- “Này trưởng thôn, nếu đúng là mỗi người bị dẫn dắt [tái sinh] tùy theo cách mình *thường xuyên* sống, thì theo như lời của ông Ni-kiền-tử, sẽ không có ai bị rớt vào cảnh giới khổ đau, rớt vào địa ngục. Ông trưởng thôn, ông nghĩ sao? Như trong trường hợp người sát-sinh, nếu so sánh thời gian, dù là ban ngày hay ban đêm, thì cái nào là *thường xuyên* hơn: thời gian khi ông ta đang sát-sinh, hay thời gian ông ta không sát-sinh?”

“Thưa ngài, như trong trường hợp người sát-sinh, nếu so sánh thời gian, dù là ban ngày hay ban đêm, thì thời gian ông ta sát-sinh là ít

thường xuyên, thời gian ông ta không sát-sinh là thường xuyên hơn.” (ví dụ, trong một ngày một người làm ở lò giết mổ, thời gian ông ta giết mổ heo bò, ví dụ mỗi con 1 phút, mỗi ngày giết 30 con, vẫn ít hơn thời gian sống còn lại của ông ta một ngày)

- “Như vậy, này trưởng thôn, nếu đúng là mỗi người bị dẫn dắt [tái sinh] tùy theo cách mình thường xuyên sống, thì theo như lời của ông Ni-kiên-tử, sẽ không có ai bị rớt vào cảnh giới khổ đau, rớt vào địa ngục.

- Ông trưởng thôn, ông nghĩ sao? Như trong trường hợp người gian-cấp ... người tà-dâm tà dục ... người nói-dối nói láo, nếu so sánh thời gian, dù là ban ngày hay ban đêm, thì cái nào là thường xuyên hơn: thời gian khi ông ta đang lấy trộm lấy cắp ... đang tà-dâm tà dục ... đang nói-dối nói láo, hay thời gian ông ta không làm những điều đó?”

“Thưa ngài, như trong trường hợp người gian-cấp ... người tà-dâm tà dục ... người nói-dối nói láo, nếu so sánh thời gian, dù là ban ngày hay ban đêm, thì thời gian ông ta đang lấy trộm lấy cắp ... đang tà-dâm tà dục ... đang nói-dối nói láo là ít thường xuyên, thời gian ông ta không làm những điều đó là thường xuyên hơn.”

- “Như vậy, này trưởng thôn, nếu đúng là mỗi người bị dẫn dắt [tái sinh] tùy theo cách mình thường xuyên sống, thì theo như lời của ông Ni-kiên-tử, sẽ không có ai bị rớt vào cảnh giới khổ đau, rớt vào địa ngục.

(2) “Ở đây, này trưởng thôn, có đạo sư nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy: ‘Ai sát-sinh ... Ai gian-cấp ... Ai tà-dâm tà dục ... Ai nói-dối nói láo thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục.’ Rồi có đệ tử có toàn niềm-tin vào vị đạo sư. Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Sư thầy của ta nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy: “Ai sát-sinh thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục.” Giờ ta đã từng sát-sinh, vậy ta ắt sẽ bị rớt vào cảnh giới khổ đau, rớt vào địa ngục.’

Người đệ tử cứ khẳng khẳng một quan-điểm như vậy. Nếu người đó không dẹp bỏ sự khẳng khẳng đó và trạng thái tâm đó, và nếu người đó không từ bỏ quan-điểm đó, thì đáng theo điều người đó cứ chấp, người đó sẽ bị rớt vào địa ngục.

- “Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Su thầy của ta nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy: “Ai gian-cấp ... Ai tà-dâm tà dục ... Ai nói-dối nói láo thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục.” Giờ ta đã từng tà-dâm tà dục ... từng lấy trộm lấy cắp ... từng nói-dối nói láo, vậy ta ắt sẽ bị rớt vào cảnh giới khổ đau, rớt vào địa ngục.’ Người đệ tử cứ khẳng khẳng một quan điểm như vậy. Nếu người đó không dẹp bỏ sự khẳng khẳng đó và trạng thái tâm đó, và nếu người đó không từ bỏ quan điểm đó, thì đáng theo những gì người đó chấp, người đó sẽ bị rớt vào địa ngục.

(3) “Nhưng, này trưởng thôn, ở đây một Như Lai khởi sinh trong thế gian, là một bậc A-la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã thành tựu về sự hiểu-biết và đức-hạnh chân thực, bậc phúc lành, người hiểu-biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần dưỡng, bậc thầy của các thiên thần và loài người, là bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn. Theo nhiều cách Như Lai chê trách và phê phán việc sát-sinh, và Như Lai nói: ‘Hãy kiêng cử sát-sinh’. Như Lai chê trách và phê phán việc gian-cấp, và Như Lai nói: ‘Hãy kiêng cử gian-cấp’. Như Lai chê trách và phê phán việc tà-dâm tà dục, và Như Lai nói: ‘Hãy kiêng cử việc tà-dâm tà dục’. Như Lai chê trách và phê phán việc nói-dối nói láo, và Như Lai nói: ‘Hãy kiêng cử nói-dối nói láo’.

- “Rồi một đệ tử có toàn niềm-tin vào vị sư thầy. Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Theo nhiều cách đức Thế Tôn chê trách và phê phán việc sát-sinh, và đức Thế Tôn nói: “Hãy kiêng cử sát-sinh”. Giờ ta đã từng sát-sinh như vậy và như vậy. Điều đó là không đúng; điều đó là bất thiện. Nhưng cho dù ta có hối tiếc tới mức nào, thì việc làm xấu ác (tà nghiệp) đó cũng đâu thể nào hoàn tác được.’ Sau khi đã suy xét như

vậy, người đệ tử dẹp bỏ việc sát-sinh, và người đó kiêng cử mọi sự sát-sinh trong tương lai. Như vậy là có sự dẹp bỏ việc xấu ác đó; như vậy là có sự chuyển hóa việc xấu ác đó.

- “Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Theo nhiều cách đức Thế Tôn chê trách và phê phán việc gian-cấp ... việc tà-dâm tà dục ... việc nói-dối nói láo, và đức Thế Tôn nói: “Hãy kiêng cử gian-cấp” ... “Hãy kiêng cử tà-dâm tà dục” ... “Hãy kiêng cử nói-dối nói láo”. Giờ ta đã từng lấy trộm lấy cắp ... đã từng tà-dâm tà dục ... đã từng nói-dối nói láo. Điều đó là không đúng; điều đó là bất thiện. Nhưng cho dù ta có hối tiếc tới mức nào, thì việc làm xấu ác đó cũng đâu thể nào hoàn tác được.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đệ tử dẹp bỏ việc gian-cấp ... dẹp bỏ tà-dâm tà dục ... dẹp bỏ nói-dối nói láo, và người đó kiêng cử những việc xấu ác đó trong tương lai. Như vậy là có sự dẹp bỏ những việc xấu ác đó; như vậy là có sự chuyển hóa những việc xấu ác đó.

- “Sau khi đã dẹp bỏ việc sát-sinh, người đó kiêng cử việc sát-sinh. Sau khi đã dẹp bỏ việc gian-cấp, người đó kiêng cử gian-cấp. Sau khi đã dẹp bỏ việc tà-dâm tà dục, người đó kiêng cử tà-dâm tà dục. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói-dối nói láo, người đó kiêng cử việc nói-dối nói láo. Sau khi đã dẹp bỏ lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cử lời nói gây chia-rẽ. Sau khi đã dẹp bỏ lời nói gắt-gồng, người đó kiêng cử lời nói gắt-gồng. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói chuyện tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cử nói chuyện tầm-phào tán dóc. Sau khi đã dẹp bỏ tham [sự thèm muốn], người đó không còn tham [không còn thèm muốn]. Sau khi đã dẹp bỏ sân và ác-ý, người đó có một cái tâm vô sân [không còn ác-ý]. Sau khi đã dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), người đó thành người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến).

- “Vậy đó, này trưởng thôn, vị đệ tử thánh thiện đó—là người đã không còn tham [thèm-muốn], không còn sân [ác-ý], không còn si [ngu-mờ], có sự rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—sống bao trùm một phương với một cái tâm thắm đẫm sự từ-ái (tâm từ), cũng giống như

vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy bên trên, bên dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không còn thù ghét, không còn ác ý. Giống như một người giỏi thổi kèn vỏ ốc thì có thể dễ dàng gửi tín hiệu của mình (tiếng kèn) khắp bốn phương hướng; cũng giống như vậy, khi ‘*sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ*’ mà được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì mọi nghiệp giới hạn đã từng làm sẽ không còn nữa, không còn có nữa.²⁹⁹

- Người đó sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... với một cái tâm thấm đẫm sự hoan hỷ vì người khác (tâm tùy hỷ) ... với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả), cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy bên trên, bên dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn ... sự tùy-hỷ ... sự buông-xả, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không còn thù ghét, không còn ác ý. Giống như một người giỏi thổi kèn vỏ ốc thì có thể dễ dàng gửi tín hiệu của mình (tiếng kèn) khắp bốn phương hướng; cũng giống như vậy, khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi ... tâm-hỷ ... tâm-xả mà được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì mọi nghiệp giới hạn đã từng làm sẽ không còn nữa, không còn có nữa.”

Sau khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Asibandhakaputta đã thưa với đức Thế Tôn: : “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:08)

9 Những Gia Đình

Trong một lần đức Thế Tôn, trong khi đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Câu-tát-la, Kiêu-tát-la) cùng với một Tăng đoàn lớn nhiều Tỳ kheo, đã đến Nālandā. Đức Thế Tôn ở Nālandā trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika.

Bấy giờ, vào lúc đó vùng Nālandā đang gặp nạn đói, vào lúc khan kiệt, mùa màng đã bị hư hại thành đồng rạ trắng. Vào dịp đó ông Ni-kiền-tử cũng đang ở Nālandā với một đoàn lớn nhiều đệ tử của ông. Rồi ông trưởng thôn Asibandhakaputta, một đệ tử tại gia của giáo phái Ni-kiền-tử, đã đến gặp ông Ni-kiền-tử, kính chào ông, và ngồi xuống một bên. Rồi ông Ni-kiền-tử mới nói với ông ta:

“Này ông trưởng thôn, hãy bác bỏ giáo lý của sa-môn Cồ-đàm. Rồi tin đồn tốt về ông sẽ lan truyền như vậy: ‘Trưởng thôn Asibandhakaputta đã bác bỏ được giáo lý của sa-môn Cồ-đàm, một người thật uy lực và uy dũng.’”

“Nhưng, thưa ngài, làm sao tôi có thể bác bỏ giáo lý của sa-môn Cồ-đàm, một người thật uy lực và uy dũng?”

“Này trưởng thôn, hãy đến gặp sa-môn Cồ-đàm và hỏi ông ta: ‘Thưa ngài, có phải bậc Thế Tôn bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với các gia đình, sự bảo vệ đối với các gia đình, lòng bi mẫn đối với các gia đình?’ Khi ông ta được hỏi như vậy, nếu ông ta trả lời như vậy: ‘Đúng vậy, này trưởng thôn, Như Lai bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với các gia đình, sự bảo vệ đối với các gia đình, lòng bi mẫn đối với các gia đình’, thì ông nói tiếp với ông ta như vậy: ‘Thưa ngài, vậy thì tại sao Thế Tôn lại đi du hành với một đoàn lớn nhiều Tỳ kheo vào lúc đang có nạn đói, đang lúc khan kiệt, với mùa màng đã bị hư hại thành đồng rạ trắng? Đức Thế Tôn đang thực hành vì sự hủy hoại của các gia đình, vì khổ nạn của các gia đình, vì sự tàn hoại của các gia đình hay sao.’ Khi sa-môn Cồ-đàm bị ông đặt vào thế kẹt này, thì ông ta sẽ ngậm bồ hòn đắng chứ không thể nuốt nó xuống hay nhổ nó ra.”

“Dạ, thưa ngài”, trưởng thôn Asibandhakaputta đáp lại. Rồi ông ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cúi chào ông Ni-kiền-tử, giữ ông ta hướng bên phải mình, và đi ra; và ông đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, ông ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa ngài, có phải bậc Thế Tôn bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với những gia đình, sự bảo hộ đối với những gia đình, sự bi mẫn đối với những gia đình?”

- “Đúng vậy, này trưởng thôn, Như Lai bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với những gia đình, sự bảo hộ đối với những gia đình, sự bi mẫn đối với những gia đình.”

“Vậy thì, thưa ngài, tại sao bậc Thế Tôn lại đang đi du hành cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo vào lúc đang có nạn đói, vào lúc khan kiệt, mùa màng đã bị hư hại thành đồng rạ trắng? Thế Tôn đang thực hành vì sự hủy hoại của các gia đình, vì khổ nạn của các gia đình, vì sự tàn hoại của các gia đình hay sao?”

- “Này trưởng thôn, ta nhớ lại trong chín mươi một đại kiếp trước, nhưng không thấy có gia đình nào bị tàn hoại chỉ vì cúng dường thức ăn đã nấu. Mặt khác, những gia đình nào giàu có, có nhiều tài sản và của cải, có nhiều vàng và bạc, có nhiều thứ sở hữu và phương tiện sinh sống, dồi dào tiền của và lúa gạo, thì tất cả họ có được như vậy là nhờ sự bố thí, nhờ sự chân thật, và nhờ sự tự chủ.

- “Này trưởng thôn, có tám nguyên-nhân và điều-kiện dẫn tới sự tàn hoại của các gia đình. Các gia đình đi đến sự tàn hoại do bị vua chúa (áp bức, tịch thu), hoặc bị trộm cướp, hoặc bị hỏa hoạn, hoặc bị lũ lụt; hoặc do tiền của dành dụm bị biến mất; hoặc do công việc làm ăn thất bại vì không tự mình nỗ lực đúng đắn; hoặc trong gia đình có kẻ hư hỏng phung phí, làm tiêu tán và làm tiêu tan tiền của; và vô thường là thứ tám. Đó là tám nguyên-nhân và điều-kiện dẫn tới sự tàn hoại những gia đình. Nhưng trong khi có tồn tại tám nguyên nhân dẫn tới sự tàn

hoại của những gia đình, nếu ai nói về ta như vậy: ‘Thế Tôn đang thực hành vì sự hủy hoại của các gia đình, vì khổ nạn của các gia đình, vì sự tàn hoại của các gia đình’, nếu người đó không dẹp bỏ lời khẳng định đó và trạng thái tâm đó, và nếu người đó không dẹp bỏ quan-điểm đó, thì người đó sẽ bị đọa xuống địa ngục.” Khi điều này được nói ra, trưởng thôn Asibandhakaputta đã nói với đức Thế Tôn: “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... Từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:09)

10 Trưởng Đoàn Mañicūlaka

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bấy giờ, vào lúc đó đoàn tùy tùng của nhà vua đang tề tụ trong cung điện và đang ngồi với nhau thì khởi sinh cuộc nói chuyện như sau: “Vàng bạc là có thể được nhận đối với các tu sĩ tu theo người con dòng họ Thích-ca; các tu sĩ tu theo người con dòng họ Thích-ca đồng ý nhận vàng bạc; các tu sĩ tu theo người con dòng họ Thích-ca chấp nhận vàng bạc.”

Bấy giờ, lúc đó có người trưởng đoàn tên Mañicūlaka cũng đang ngồi ở đó. Rồi ông Mañicūlaka mới nói với đoàn tùy tùng: “Đừng nói như vậy, các thầy. Vàng bạc là không thể được nhận đối với các tu sĩ tu theo người con dòng họ Thích-ca; các tu sĩ tu theo người con dòng họ Thích-ca không đồng ý nhận vàng bạc; các tu sĩ tu theo người con dòng họ Thích-ca không chấp nhận vàng bạc.”³⁰⁰ Và ông Mañicūlaka đã có thể thuyết phục đoàn tùy tùng về điều này.

Rồi ông Mañicūlaka đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, ông kể lại chuyện đã xảy ra, và nói thêm rằng: “Thưa Thế Tôn, con hy vọng khi

con trả lời họ như vậy là con đã nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn và không diễn dịch sai bằng điều gì gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó; rằng con đã giải thích cho họ đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở gì để bị (họ) phê bình.”

- “Chắc chắn là vậy, này ông trưởng đoàn, khi ông trả lời họ như vậy là ông đã nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn và không diễn dịch sai bằng điều gì gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó; rằng ông đã giải thích cho họ đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở gì để bị phê bình. Bởi vì, này ông trưởng đoàn, vàng bạc là không thể được nhận đối với các tu sĩ tu theo người con dòng họ Thích-ca; các tu sĩ tu theo người con dòng họ Thích-ca không đồng ý nhận vàng bạc; các tu sĩ tu theo người con dòng họ Thích-ca không chấp nhận vàng bạc. Họ đã từ bỏ vàng bạc và châu báu; họ đã từ bỏ việc sử dụng vàng bạc. Khi vàng bạc được nhận bởi bất cứ ai, thì coi như năm dây khoái-lạc giác-quan được nhận bởi người đó. Nếu năm dây khoái-lạc giác-quan được nhận bởi ai, thì chúng ta nhất định có thể coi người đó là người không có phẩm-chất của một tu sĩ hay của người tu theo người con dòng họ Thích-ca.

- “Thêm nữa, này ông đoàn trưởng, ta nói điều này: ‘Rạ có thể được tìm kiếm bởi người cần rạ; gỗ có thể được tìm kiếm bởi người cần gỗ; xe có thể được tìm kiếm bởi người cần xe; thợ công có thể được tìm kiếm bởi người cần thuê thợ’. Nhưng ta không nói có phương pháp nào qua đó vàng bạc có thể được đồng ý hay được tìm kiếm (bởi các Tỳ kheo).”

(SN 42:10)

11 Trưởng Thân Bhadraka

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại một thị trấn tên là Uruvelakappa của những người Malla. Rồi có vị trưởng thôn tên

Bhadra đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thật tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con về nguồn-gốc và sự biến-qua của khổ.”

- “Này ông trưởng thôn, nếu như ta dạy cho ông về nguồn-gốc và sự biến-qua của khổ trong thời quá khứ, và nói ‘Điều đó đã xảy ra trong thời quá khứ’ thì trong ông có thể khởi sinh nghi ngờ và bối rối. Và nếu như ta dạy cho ông về nguồn-gốc và sự biến-qua của khổ trong thời tương lai, và nói ‘Điều đó xảy ra trong tương lai’ thì trong ông có thể khởi sinh nghi ngờ và bối rối. Vậy nên, này ông trưởng thôn, trong khi ta đang ngồi ngay đây và ông đang ngồi ngay đây, ta sẽ dạy cho ông về nguồn-gốc và sự biến-qua của khổ. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, ông Bhadraka đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Có người nào ở Uruvelakappa bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi mà vì họ trong ông khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng?”

“Dạ có những người đó, thưa Thế Tôn.”

- “Nhưng có người nào ở Uruvelakappa bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi mà vì họ trong ông không khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng?”

“Dạ cũng có những người đó luôn, thưa Thế Tôn.”

- “Vì sao vậy, này ông trưởng thôn, vì sao có những người ở Uruvelakappa khi họ bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, vì họ trong ông khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; trong khi có những người khác cũng bị như vậy thì trong ông không khởi sinh như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, những người ở Uruvelakappa khi họ bị xử tội, bị

bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, vì họ trong con khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng—là vì con có tham-muốn và ràng-buộc đối với những người đó. Nhưng những người khác ở Uruvelakappa khi họ bị vậy trong con không khởi sinh như vậy—là vì con không có tham-muốn và ràng-buộc đối với những người đó.

- “Này trưởng thôn, nguyên lý này ông mới nhìn thấy, mới hiểu ra, mới chứng thực tức thì, mới suy ra, giờ ông có thể vận dụng nó cho quá khứ và tương lai như vậy: ‘Khổ nào đã khởi sinh trong quá khứ, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của mọi sự khổ. Khổ nào sẽ khởi sinh trong tương lai, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của mọi sự khổ.’”

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo điều đó đã được khẳng định bởi đức Thế Tôn: ‘Khổ nào khởi sinh, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của mọi sự khổ.’ Thưa Thế Tôn, con có một người con trai tên Ciravāsi, sống ở chỗ khác. Sáng sớm con thức dậy, con gọi một người tới và nói: ‘Đi anh, đi coi Ciravāsi có khỏe mạnh an ổn không.’ Trong khi chờ tới khi người đó trở về, trong lòng con cứ buồn lo và nghĩ ngợi: ‘Cầu cho Ciravāsi không gặp sự khó khổ nào!’”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Nếu như Ciravāsi bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, vì điều đó trong ông có khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, phải không?”

“Thưa Thế Tôn, nếu như Ciravāsi bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, làm sao có thể trong con không khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng?”

- “Cũng theo cách như vậy, này ông trưởng thôn, điều này có thể được hiểu rằng: ‘Điều gì khởi sinh, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của mọi sự khổ.’”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Khi chưa gặp vợ ông hoặc chưa nghe về cô ta, ông có tham-muốn, ràng-buộc, hay tình-cảm nào với cô ta không?”

“Không có, thưa Thế Tôn.”

- “Vậy thì, này trưởng thôn, chỉ khi ông gặp cô ta hoặc khi nghe nói về cô ta thì sự tham-muốn, sự ràng-buộc, và tình-cảm đó mới khởi sinh trong ông, phải không?”

“Đạ đúng, thưa Thế Tôn.”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Nếu như vợ ông bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, vì điều đó trong ông có khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, phải không?”

“Nếu như vợ con bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, thì đời con coi như chẳng còn gì, làm sao có thể trong con không khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng?”

- “Cũng theo cách như vậy, này trưởng thôn, điều này có thể được hiểu rằng: ‘Khổ nào khởi sinh, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của khổ.’”

(SN 42:11)

12 Trưởng Thôn Rāsiya

Lúc đó có ông trưởng thôn tên Rāsiya đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nghe người ta nói: ‘Sa-môn Cồ-đàm phê phán tất cả mọi sự hành xác khổ hạnh. Đặc biệt ông ta quả trách và chửi chê những người tự hành xác là sống thô lỗ.’ Thưa Thế Tôn, có phải những người nói như vậy là đã nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn và không diễn dịch sai ý đức Thế Tôn bằng điều gì trái với điều (đức

Thế Tôn đã nói) đó? Họ có giải thích đúng theo Giáo Pháp để không tạo ra cơ sở nào để bị người ta phê bình, hay không?”

“Này trưởng thôn, những người nói như vậy là không nói đúng điều đã được ta nói mà diễn dịch sai ý ta bằng sự sai giả và trái sự thật.

(I)

“Này trưởng thôn, có hai cực đoan không nên tu dưỡng bởi người đã xuất gia tu hành, đó là: sự theo đuổi hạnh phúc nhục dục trong những khoái-lạc giác-quan, điều đó là thấp hèn, phàm tục, là cách sống của những người phàm tục, không thánh thiện, không lợi lạc; và sự theo đuổi sự hành xác khổ hạnh, đó là đau đớn, không thánh thiện, không lợi lạc. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai đã giác ngộ được con đường trung-đạo, nó giúp khởi sinh tâm-nhìn, nó giúp khởi sinh sự hiểu-biết, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Và cái gì là con đường trung-đạo được giác ngộ bởi Như Lai, nó giúp khởi sinh tâm-nhìn ... dẫn tới Niết-bàn? Đó là con đường Tám phần Thánh thiện (Bát thánh đạo); đó gồm (tám phần tu tập): cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây là con đường trung-đạo đã được giác ngộ bởi Như Lai, nó giúp khởi sinh tâm-nhìn, nó giúp khởi sinh sự hiểu-biết, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn.³⁰¹

(II)

“Này trưởng thôn, đây là ba loại người thụ hưởng những khoái-lạc giác-quan (dục-lạc) thấy có trong thế gian. Ba đó là gì?

(1)³⁰² “Ở đây, này trưởng thôn, có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và cũng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công đức.

(2) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(3) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và người đó chia sẻ của-cải và làm những việc công đức.

(4) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, cũng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(5) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(6) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và cũng chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức.

(7) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, cũng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(8) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau

khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(9) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và cũng chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức. (tuy là tốt) Nhưng người này sử dụng tài sản trong khi bị trói buộc vào nó, mê đắm với nó, bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; không nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, không hiểu được sự thoát-khỏi nó.

(10) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và cũng chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức. (còn tốt hơn nữa) Và người này biết sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự thoát-khỏi nó.

(III)

(1) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ của-cải và cũng không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Dựa trên 03 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c).³⁰³ Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này.

(2) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và cũng không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ gì người

đó có thể bị chê trách?: (a), (c). Và dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen dựa trên 01 căn cứ này.

(3) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và (c) cũng chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này.

(4) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ của-cải và cũng không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Dựa trên 03 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này.

(5) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và cũng không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (c). Và dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen dựa trên 01 căn cứ này.

(6) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi

pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và (c) cũng chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này.

(7) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ của-cải và cũng không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a). Và dựa trên dựa trên 02 căn cứ nào người đó bị chê trách?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể được khen dựa trên 01 căn cứ này và bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này.

(8) “Trong đó, này trưởng thôn, người hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và cũng không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (c). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a) và (b). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này.

(9) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và (c) cũng chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức, nhưng (d) người này sử dụng tài sản trong khi bị trói buộc vào nó, mê đắm với nó, bị cuốn hút một cách mù quáng

trong nó; không nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, không hiểu được sự thoát-khỏi nó, thì có thể được khen dựa trên 03 căn cứ, nhưng vẫn có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (d). Và dựa trên 03 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể được khen dựa trên 03 căn cứ này, nhưng vẫn có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này.

(10) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và (c) cũng chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức, và (d) người này sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự thoát-khỏi nó, thì có thể được khen dựa trên 04 căn cứ. Dựa trên 04 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a), (b), (c), (d). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể được khen dựa trên 04 căn cứ này.

(IV)

“Này trưởng thôn, đây là ba loại tu sĩ sống thô lỗ được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì?

(1) “Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ sống thô lỗ đã vì niềm-tin rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành với ý nghĩ như vậy: ‘Có lẽ ta sẽ thành tựu một trạng thái thiện lành; có lẽ ta sẽ chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân (hơn người, xuất chúng) của trí-biết và tâm-nhìn xứng đáng là của bậc thánh.’ Người đó hành xác và hành khổ bản thân, nhưng không thành tựu một trạng thái thiện lành nào hay chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân nào về trí-biết và tâm-nhìn xứng đáng là của bậc thánh.³⁰⁴

(2) “Rồi, này trưởng thôn, có tu sĩ sống thô lỗ đã vì niềm-tin ... Người đó hành xác và hành khổ bản thân, và thành tựu được một trạng

thái thiện lành, nhưng chưa chứng ngộ sự khác-biệt siêu nhân nào về trí-biết và tâm-nhìn xứng đáng là của bậc thánh.

(3) “Rồi, này trưởng thôn, có tu sĩ sống thô lỗ đã vì niềm-tin ... Người đó hành xác và hành khổ bản thân, và thành tựu được một trạng thái thiện lành, và cũng chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân về trí-biết và tâm-nhìn xứng đáng là của bậc thánh.

(V)

(1) “Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ (a) sống thô lỗ hành xác và hành khổ bản thân, nhưng (b) không thành tựu một trạng thái thiện lành nào, và (c) cũng không chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân nào về trí-biết và tâm-nhìn xứng đáng là của bậc thánh, thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Dựa trên 03 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c). Đây là tu sĩ sống thô lỗ có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này.

(2) “Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ (a) sống thô lỗ hành xác và hành khổ bản thân, và (b) thành tựu được một một trạng thái thiện lành, nhưng (c) chưa chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân nào về trí-biết và tâm-nhìn xứng đáng là của bậc thánh, có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (a) và (c). Và dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b). Đây là tu sĩ sống thô lỗ có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen ngợi dựa 01 căn cứ này.

(3) “Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ (a) sống thô lỗ hành xác và hành khổ bản thân, và (b) có đạt tới một trạng thái thiện lành, và chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân của trí-biết và tâm-nhìn xứng đáng là của bậc thánh, có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (a). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là tu sĩ sống thô lỗ có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen

ngợi dựa 02 căn cứ này.

(VI)

“Này trường thôn, có ba loại sự phai-mòn³⁰⁵ là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người trí hiền. Ba đó là gì?

(1) “Có người tham dục, và do có tham người đó ý định làm tổn hại mình, làm tổn hại người khác, làm tổn hại cả mình và người. Khi tham được dẹp bỏ, thì người đó không ý định làm tổn hại mình, làm tổn hại người khác, làm tổn hại cả mình và người. Sự phai-mòn (tham) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người trí hiền.

(2) “Có người sân hận, và do có sân người đó ý định làm tổn hại mình, làm tổn hại người khác, làm tổn hại cả mình và người. Khi sân được dẹp bỏ, thì người đó không ý định làm tổn hại mình, làm tổn hại người khác, làm tổn hại cả mình và người. Sự phai-mòn (sân) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người trí hiền.

(3) “Có người si mê, và do có si người đó ý định làm tổn hại mình, làm tổn hại người khác, làm tổn hại cả mình và người. Khi si được dẹp bỏ, thì người đó không ý định làm tổn hại mình, làm tổn hại người khác, làm tổn hại cả mình và người. Sự phai-mòn (si) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người trí hiền.

“Này trường thôn, có ba loại sự phai-mòn là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người trí hiền.”

Khi điều này được nói ra, trưởng thôn Rāsiya đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn, ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:12)

13 Trưởng Thôn Pāṭaliya

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những xứ dân Koliya (Câu-lợi) trong một thị trấn của họ có tên là Uttara. Lúc đó có ông trưởng thôn tên Pāṭaliya đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nghe nói: ‘Sa-môn Cồ-đàm biết bùa thuật’. Thưa Thế Tôn, con hy vọng những người nói như vậy là nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn và không nói sai lời của đức Thế Tôn bằng điều gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó; là họ giải thích đúng theo Giáo Pháp và không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị phê bình. Bởi vì chúng con không muốn nói sai lời đức Thế Tôn, thưa Thế Tôn.”

- “Này trưởng thôn, những ai nói ‘Sa-môn Cồ-đàm biết bùa thuật’ là họ nói đúng điều đã được nói bởi ta và không nói sai lời của ta bằng điều gì không thật; là họ giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị phê bình.”

“Rồi nữa, thưa Thế Tôn, chúng con không tin những tu sĩ và bà-la-môn đó nói ‘Sa-môn Cồ-đàm là một nhà bùa thuật’. Nhưng đừng như sa-môn Cồ-đàm là một nhà bùa thuật!”

- “Này trưởng thôn, bộ hễ ai nói ‘tôi biết bùa thuật’ thì cũng có nghĩa ‘tôi là một nhà bùa thuật’ hay sao?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành!”

- “Vậy thì, này trưởng thôn, ta sẽ hỏi ông về vấn đề này. Ông cứ

trả lời nếu thấy được.

(I)

(1) “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông có biết những người Koliya (Câu-lợi) có những người cai làm thuê có búi tóc thông xuống?”

“Con có biết, thưa Thế Tôn.”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Công việc của những người làm cai thuê có búi tóc thông xuống đó là gì?”

“Thưa Thế Tôn, công việc của họ là canh bắt kẻ trộm-cắp cho những người Koliya và đưa tin cho những người Koliya.”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông có biết những người làm cai thuê có búi tóc thông xuống đó là có đức hạnh hay thất đức, hay không?”

“Thưa Thế Tôn, con biết những người đó là thất đức, có tính khí xấu. Họ nằm trong số những người thất-đức, có tính khí xấu, trong thế gian.”

- “Vậy có đúng khi nói rằng do ông Pāṭaliya biết những người làm cai thuê có búi tóc thông xuống đó là thất đức, có tính khí xấu, nên chắc ông Pāṭaliya cũng là thất đức, có tính khí xấu, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Con thì khác với những người cai thuê có búi tóc thông xuống đó; tính khí của con và họ khác nhau.”

- “Vậy nếu ông có thể biết những người làm cai thuê đó là thất đức trong khi ông không phải là thất đức; thì tương tự, Như Lai biết về bùa thuật đâu có nghĩa Như Lai là nhà bùa thuật, đúng vậy không? Ta hiểu về bùa thuật và hậu quả của nó. Và ta hiểu cách những nhà bùa thuật hành sự ra sao, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục.

(2) “Ta hiểu sự sát-sinh và hậu quả của nó. Và ta hiểu cách những người sát-sinh hành sự ra sao, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục. Ta hiểu sự gian-cấp ... sự tà dục tà-dâm ... sự nói-dối nói láo ... sự nói lời gây chia-rẽ ... sự nói lời gắt-gồng ... sự nói chuyện tâm-phào tán dóc ... sự tham-dục [thèm khát] ... sự sân-hận và sự ác-ý ... cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và hậu quả của sự gian-cấp hậu quả của cách-nhìn sai lạc. Và ta hiểu cách những người gian-cấp những người nắm giữ cách-nhìn sai lạc hành sự ra sao, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục.”

(II)

“Có những tu sĩ và bà-la-môn có triết lý và quan điểm này: ‘Ai sát-sinh thì ném trái khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này. Ai gian-cấp ... Ai tà-dâm tà dục ... Ai nói-dối nói láo thì ném trái khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này.’

(1) (a) “Nhưng chúng ta có thể thấy: có người, đeo vòng hoa và được trang điểm, tắm rửa sạch sẽ và xức dầu thơm, tóc và râu được chải chuốt, thụ hưởng khoái-lạc cùng với những phụ nữ, giống như một ông vua. Ai thấy cũng muốn hỏi: ‘Thưa ông, ông đó đã làm gì?’ Và họ trả lời: ‘Thưa anh, ông ta đã tấn công và *giết* kẻ thù của nhà vua. Nhà vua vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy. Cho nên ông ấy mới được đeo vòng hoa và được trang điểm, tắm rửa sạch sẽ và xức dầu thơm, tóc và râu được chải chuốt, thụ hưởng khoái-lạc cùng với những phụ nữ, cũng giống như một ông vua.’

- (b) “Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng bằng dây thừng chắc chắn. Đầu bị cạo và ông ta bị dẫn bước đi theo tiếng trống oái ăm từ đường này qua đường khác, từ khu này qua khu khác. Sau đó ông bị dẫn qua cửa thành phía nam, và họ chặt đầu ông

ta ở phía nam khu thành. Ai thấy cũng muốn hỏi: ‘Thưa ông, ông ấy đã làm gì?’ Và họ trả lời: ‘Thưa anh, ông ta là kẻ thù của nhà vua, và ông ta mới giết một người.’ Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.’

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy chưa?”

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại.”

- “Từ những chuyện như vậy, có thể nói các tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan-điểm rằng: ‘Ai sát-sinh thì nếm trải khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?’”

“Họ sai, thưa Thế Tôn.”

- “Nhưng những ai nói lời vô căn cứ, sai giả là có đức hạnh hay thất đức?”

“Thất đức, thưa Thế Tôn.”

- “Và những ai là thất đức, có tính khí xấu, thì đang hành sự đúng đắn hay sai trái?”

“Họ đang hành sự sai trái, thưa Thế Tôn.”

- “Và những ai đang hành sự sai trái thì có quan-điểm đúng đắn hay sai lạc?”

“Họ có quan-điểm sai lạc, thưa Thế Tôn.”

- “Như vậy có đúng khi tin vào những người có quan-điểm sai lạc?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(2) (a) “Chúng ta có thể thấy: có người, được đeo vòng hoa và trang điểm ... ‘Thưa anh, ông ta đã tấn công kẻ thù của nhà vua và cướp

đoạt của quý châu báu của họ. Nhà vua vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy ...’

- (b) “Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng ... ‘Thưa anh, ông ta *lấy cắp* đồ trong làng hay trong rừng. Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.’ Nay trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy không?”

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại.”

“Từ những chuyện như vậy, có thể nói các tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan-điểm rằng: ‘Ai gian-cấp thì nếm trái khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?’”

“Họ sai, thưa Thế Tôn.”

“Nhưng vậy có đúng khi tin vào những người có quan-điểm sai lạc?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(3) (a) “Chúng ta có thể thấy: có người, được đeo vòng hoa và trang-điểm ... ‘Thưa anh, ông ta đã *tà-dâm tà dục* với những thê thiếp của một ông vua là kẻ thù của nhà vua này. Nhà vua này vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy ...’

- (b) “Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng ... ‘Thưa anh, ông ta đã *tà-dâm tà dục* với mấy phụ nữ và hầu nữ của những gia đình đàng hoàng. Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.’ Nay trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy không?”

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại.”

“Từ những chuyện như vậy, có thể nói các tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan điểm rằng: ‘Ai tà-dâm tà dục thì nếm trải khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?’”

“Họ sai, thưa Thế Tôn.”

“Nhưng vậy có đúng khi tin vào những người có quan-điểm sai lạc?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(4) (a) “Chúng ta có thể thấy: có người, được đeo vòng hoa và trang điểm ... ‘Thưa anh, ông ta đã bày chuyện *nói dối, nói bịa, nói nịnh* để làm vui lòng nhà vua. Nhà vua vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy ...’

- (b) “Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng ... ‘Thưa anh, ông ta đã *nói dối nói lừa dụ dỗ* một con trai của một gia chủ để cho anh ta trở thành hư hỏng suy đồi. Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.’ Nay trường thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy không?”

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại.”

- “Từ những chuyện như vậy, có thể nói các tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan điểm rằng: ‘Ai nói-dối nói láo thì nếm trải khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?’”

“Họ sai, thưa Thế Tôn.”

- “Nhưng vậy có đúng khi tin vào những người có quan-điểm sai lạc?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(III)

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa đức Thế Tôn! Con có một nhà khách, ở đó có đủ giường chiếu, chỗ ngồi, bình nước, và đèn dầu. Khi nào có một tu sĩ hay bà-la-môn đến ở, con đều chia sẻ những gì tốt nhất con có được. Rồi có một lần, có bốn sư thầy khác nhau cùng đến ở trong nhà khách, họ có bốn quan điểm khác nhau

(1) “Một sư thầy có triết lý và quan điểm như vậy:³⁰⁶ ‘Không có gì phải cho đi, không có gì phải hiến tặng, không có gì phải cúng dường (vì không có phước quả từ việc cho đi hay cúng dường, nên không cần phải bố thí); không có nghiệp quả tốt hay xấu cho những hành động tốt hay xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có những chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại trong thế gian này và thế giới khác.’

(2) “Một sư thầy khác thì có triết lý và quan điểm như vậy: ‘Có ý nghĩa trong việc cho đi, trong việc hiến tặng, trong việc cúng dường (vì có phước quả tốt từ việc cho đi và cúng dường; nên biết bố thí); có nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt và đức hạnh trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại trong thế gian này và thế giới khác.’

(3) “Một sư thầy khác lại có triết lý và quan điểm như vậy:³⁰⁷ ‘Khi người ta tự làm hoặc khiến (xúi, chỉ, ép, thông qua...) người khác làm, khi gây tổn hại hoặc khiến người khác gây tổn hại, khi hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ, khi gây ra ưu buồn hoặc khiến người khác gây ưu buồn, khi áp bức hoặc khiến người khác áp bức, khi hăm dọa hoặc khiến người khác hăm dọa, khi người ta sát-sinh hoặc gian-cấp, đột nhập nhà cửa, lấy cướp của cải, làm nghề trộm cắp, đi cướp đường, dụ dỗ vợ người khác, nói sai nói dối— thì làm vậy chẳng có gì là tội ác cả.

Nếu, có lấy một bánh xe gấn dao bén, đem băm chém hết chỗ chúng sinh của trái đất này thành thịt đồng, thành đồng đồng thịt, thì do vậy cũng chẳng có gì là tội ác và chẳng có ác quả ác báo nào cả. Nếu người ta có đi dọc bờ nam sông Hằng sát-sinh và tàn sát, gây tổn hại và khiến người khác gây tổn hại, hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ, thì do vậy cũng chẳng có gì là tội ác và chẳng có ác quả ác báo gì cả. Nếu người ta có đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí hoặc khiến người khác bố thí (cho, tặng, cúng dường, giúp đỡ, chia sẻ...), thì do làm vậy cũng chẳng có công đức gì và chẳng có phước quả gì cả. Có bố thí, có tu dưỡng bản thân, có tự chủ kiềm chế, có nói thật nói đúng, thì làm vậy cũng chẳng có công đức gì hay phước quả gì cả.’

(4) “Một sư thầy khác lại có triết lý và quan điểm lại như vậy: ‘Khi người ta tự làm hoặc khiến (xui, chỉ, ép, thông qua...) người khác làm ... — thì làm vậy đều là tội ác. Nếu, lấy một bánh xe gấn dao bén, đem băm chém hết chỗ chúng sinh của trái đất này thành thịt đồng, thành đồng đồng thịt, thì làm vậy là tội ác và có ác quả ác báo cho người làm. Nếu người ta đi dọc bờ nam sông Hằng sát-sinh và tàn sát, gây tổn hại và khiến người khác gây tổn hại, hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ, thì làm vậy là tội ác và có ác quả ác báo cho người làm. Nếu người ta đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí hoặc khiến người khác bố thí (cho, tặng, cúng dường, giúp đỡ, chia sẻ...), thì làm vậy là có công đức và có phước quả cho người làm. Có bố thí, có tu dưỡng bản thân, có tự chủ kiềm chế, có nói thật nói đúng, thì làm vậy là có công đức và có phước quả cho người làm.’

“Con có sự nghi-ngờ và sự không chắc-chắn về điều như vậy: ‘Mình không biết trong số tu sĩ và bà-la-môn đáng kính đó ai là nói đúng, ai là nói sai?’”

- “Này trưởng thôn, không có gì ngạc nhiên khi ông nghi-ngờ và không chắc-chắn. Nghi ngờ khởi sinh trong một người về một vấn đề còn chưa biết chắc.”

“Con tin tưởng Đức Phật có thể chỉ dạy con để mà con có thể loại bỏ trạng thái không chắc chắn (lờ mờ) như vậy.

(IV)

- “Này trưởng thôn, có ‘sự định-tâm của Giáo Pháp’. Nếu ông đạt được ‘sự định-tâm của tâm’ trong đó, thì ông có thể dẹp bỏ trạng thái không chắc chắn như vậy.³⁰⁸ Và, này trưởng thôn, cái gì là sự định-tâm của Giáo Pháp?

(1) “Ở đây, này trưởng thôn, sau khi đã dẹp bỏ việc sát-sinh, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự sát-sinh. Sau khi đã dẹp bỏ việc gian-cấp, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn việc gian-cấp. Sau khi đã dẹp bỏ việc tà-dâm tà dục, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự tà-dâm tà dục. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói-dối nói láo, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự nói-dối nói láo. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói lời gây chia-rẽ, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự nói lời gây chia-rẽ. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói lời gắt-gồng, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự nói lời gắt-gồng. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói chuyện tầm-phào tán dóc, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự nói chuyện tầm-phào tán dóc. Sau khi đã dẹp bỏ sự tham [thèm muốn], người đó thành vô-tham [không còn thèm muốn]. Sau khi đã dẹp bỏ sân và ác-ý, người đó có một cái tâm vô-sân [không còn ác ý]. Sau khi đã dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), người đó là có quan điểm đúng đắn (chánh kiến).

“Rồi, này trưởng thôn, người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn tham, không còn sân, không còn si, thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự **tù-ái**; và tương tự với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy phương trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự tù-ái, lớn rộng, cao thượng, vô lượng, không còn thù-ghét, không còn ác-ý.

“Người đó quán xét như vậy: ‘Su thầy (1) này nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy: (1) “Không có gì phải cho đi ... không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại trong thế gian này và thế giới khác.” Nếu lời nói của su thầy này là đúng, thì đấng nào ta cũng không dính tội lỗi gì nếu ta không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Đúng hay sai thì ta cũng nắm phần thắng: dù gì ta đã biết giới-hạnh thân, lời nói, và tâm, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, ta cũng được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’ [Khi người đó quán xét như vậy] sự hoan-hỷ được sinh ra. Khi một người được hoan hỷ, sự khoan-khoái được sinh ra. Khi tâm được phân khởi bởi sự khoan-khoái, tâm trở nên tĩnh-lặng. Một người tĩnh-lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc. Tâm của một người hạnh phúc trở nên đạt-định.

“Này trường thôn, đây là ‘sự định-tâm của Giáo Pháp’. Nếu ông đạt tới ‘sự định-tâm của tâm’ trong đó, thì ông sẽ dẹp bỏ được trạng thái không chắc chắn (nghi ngờ).

(2) “Rồi, này trường thôn, người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn tham, không còn sân, không còn si, thường rõ-biết (tĩnh giác), có chánh-niệm—sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự *từ-ái* ... không còn ác-ý.

“Người đó quán xét như vậy: ‘Su thầy (2) này nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy: (2) “Có ý nghĩa trong việc cho đi ... có những tu sĩ và bà-la-môn tốt và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại trong thế gian này và thế giới khác.” Nếu lời nói của su thầy này là đúng, thì đấng nào ta cũng không dính tội lỗi gì nếu ta không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Đúng hay sai thì ta cũng nắm phần thắng: dù gì ta đã biết giới-hạnh thân, lời nói, và tâm, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, ta cũng được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’ [Khi người

đó quán xét như vậy] sự hoan-hỷ được sinh ra. Khi một người được hoan hỷ, sự khoan-khoái được sinh ra. Khi tâm được phấn khởi bởi sự khoan-khoái, tâm trở nên tĩnh-lặng. Một người tĩnh-lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc. Tâm của một người hạnh phúc trở nên đạt-định.

“Này trưởng thôn, đây là ‘sự định-tâm của Giáo Pháp’. Nếu ông đạt tới ‘sự định-tâm của tâm’ trong đó, thì ông sẽ dẹp bỏ được trạng thái không chắc chắn.

(3) “Rồi, này trưởng thôn, người người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn tham, không còn sân, không còn si, thường biết rõ ràng, có chánh niệm—sống bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm sự *từ-ái* ... không còn ác-ý.

“Người đó quán xét như vậy: ‘Su thầy (3) này nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy: (3) “Khi người ta tự làm hoặc khiến (xui, chỉ, ép, thông qua...) người khác làm ... thì do vậy cũng chẳng có công đức gì hay phước quả gì cả.” Nếu lời nói của su thầy này là đúng, thì đấng nào ta cũng không dính tội lỗi gì nếu ta không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Đúng hay sai thì ta cũng nắm phần thắng: dù gì ta đã biết giới-hạnh thân, lời nói, và tâm, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, ta cũng được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’ [Khi người đó quán xét như vậy] sự hoan-hỷ được sinh ra. Khi một người được hoan hỷ, sự khoan-khoái được sinh ra. Khi tâm được phấn khởi bởi sự khoan-khoái, tâm trở nên tĩnh-lặng. Một người tĩnh-lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc. Tâm của một người hạnh phúc trở nên đạt-định.

“Này trưởng thôn, đây là ‘sự định-tâm của Giáo Pháp’. Nếu ông đạt tới ‘sự định-tâm của tâm’ trong đó, thì ông sẽ dẹp bỏ được trạng thái không chắc chắn.

(4) “Rồi, này trưởng thôn, người người đệ tử thánh thiện đó—là

người không còn tham, không còn sân, không còn si, thường biết rõ ràng, có chánh niệm—sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự *từ-ái* ... không còn ác-ý.

“Người đó quán xét như vậy: ‘Su thầy (4) này nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy: (4) “Khi người ta tự làm hoặc khiến (xui, chỉ, ép, thông qua...) người khác làm ... thì làm vậy là có công đức và có phước quả.’ Nếu lời nói của sư thầy này là đúng, thì đấng nào ta cũng không dính tội lỗi gì nếu ta không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Đúng hay sai thì ta cũng nắm phần thắng: dù gì ta đã biết giới-hạnh thân, lời nói, và tâm, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, ta cũng được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’ [Khi người đó quán xét như vậy] sự hoan-hỷ được sinh ra. Khi một người được hoan hỷ, sự khoan-khoái được sinh ra. Khi tâm được phấn khởi bởi sự khoan-khoái, tâm trở nên tĩnh-lặng. Một người tĩnh-lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc. Tâm của một người hạnh phúc trở nên đạt-định.

“Này trưởng thôn, đây là ‘sự định-tâm của Giáo Pháp’. Nếu ông đạt tới ‘sự định-tâm của tâm’ trong đó, thì ông sẽ dẹp bỏ được trạng thái không chắc chắn.

(V)

[Giống hết các đoạn (IV) - (1), (2), (3), (4) kể trên, chỉ khác chữ “sự *từ-ái*” (tâm từ) được thay bằng chữ “sự *bi-mẫn*” (tâm bi).]

(VI)

[Giống hết các đoạn (IV) - (1), (2), (3), (4) kể trên, chỉ khác chữ “sự *từ-ái*” (tâm từ) được thay bằng chữ “sự *tùy-hỷ*” (tâm hỷ).]

(VII)

[Giống hết các đoạn (IV) - (1), (2), (3), (4) kể trên, chỉ khác chữ “sự *từ-ái*” (tâm từ) được thay bằng chữ “sự *buông-xả*” (tâm xả).]

Khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Pāṭaliya đã thưa với

đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu thay, thừa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn, ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:13)

Chương 43

Liên Kết VÔ VI

(43 *Asaṅkhatasa-saṃyutta*)

(43 *Tương ứng Vô Vi*)

NHÓM 1

NHÓM ‘THỨ NHẤT’

(*Paṭhama-vagga*)

1 (1) *Sự Chánh-Niệm hướng vào Thân*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự vô-vi (không còn bị điều kiện, không còn bị tác động) và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự vô-vi? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là sự vô vi.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự chánh-niệm hướng vào thân:³⁰⁹ đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi.

“N như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Này các Tỳ kheo, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có mấy gốc cây, kia có mấy chòi trống. Này các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm xao lãng, đừng để sau này hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

(SN 43:01)

2 (2) *Thiền Định và Thiền Quán*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự vô-vi và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự vô-vi? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là sự vô-vi.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là thiền định [sự vắng lặng] và thiền quán [sự minh sát]: đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

(SN 43:02)

3 (3) Ý Nghĩa và Sự Soi Xét

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định-tâm có ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ); trạng thái định không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

(Đây là chỉ tầng thiền định thứ nhất và thứ hai)

(SN 43:03)

4 (4) Sự Định-Tâm Trống Không

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định-tâm trống không (tính không), sự định-tâm vô dấu hiệu (vô tướng), sự định-tâm vô định-hướng:³¹⁰ đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi”

(SN 43:04)

5 (5) Những Nền Tảng Chánh Niệm³¹¹

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái

vô-vi? Đó là *bốn nền-tảng chánh-niệm* (tứ niệm xứ, bốn sự thiết-lập chánh-niệm): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi”

(SN 43:05)

6 (6) *Những Sự Phân Đầu Đúng Dẫn*

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là *bốn sự phân-đầu đúng dẫn* (tứ chánh cần): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi”

(SN 43:06)

7 (7) *Những Cơ Sở Năng Lực Tâm Linh*

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là *bốn cơ sở năng-lực tâm-linh* (tứ thần túc, bốn chỗ sở tạo ra thần-thông): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi”

(SN 43:07)

8 (8) *Những Căn Tâm Linh*

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là *năm căn tâm linh* (ngũ căn): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi”

(SN 43:08)

9 (9) *Những Năng Lực*

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là *năm năng-lực* (ngũ lực): đây là con-đường dẫn tới trạng

thái vô-vi”

(SN 43:09)

10 (10) Những Yếu Tố Giác Ngộ

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là *bảy yếu tố (giúp) giác-ngộ* (thất giác chi): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi”

(SN 43:10)

11 (11) Con Đường Tám Phần

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là con-đường tám phần thánh thiện (Bát Thánh Đạo): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi.

“Này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi.... Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

(SN 43:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘THỨ HAI’

(*Paṭhama-vagga*)

12 (1) Sự Vô-Vi

[1. Thiên Định]

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự vô-vi (không còn bị điều kiện, không còn bị tác động) và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự vô-vi? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là sự vô vi.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là thiên-định [thiên vắng-lặng]: đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....

“Nhu vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi.... Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

[2. Thiên Quán]

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là thiên-quán [sự minh sát, thiên tuệ]: đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....

“Nhu vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi.... Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

(SN 43:13)

[3–8. Trạng Thái Định]

[3] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng

thái vô-vi? Đó là trạng thái định-tâm có ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....” (Tầng thiền định thứ nhất)

[4] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là trạng thái sự định-tâm không có ý nghĩ (tâm), chỉ còn sự soi xét (tứ): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....” (Tầng thiền định thứ hai)

[5] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định-tâm không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....” (Tầng thiền định thứ ba)

[6] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định-tâm trống-không (tính không định): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[7] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định-tâm vô dấu-hiệu (vô tướng định): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[8] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định-tâm không định-hướng (vô hướng định): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[9–12. Bốn Nền Tảng Chánh Niệm]

(Thân, Cảm Giác, Tâm, Các Hiện Tượng)

[9] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát *thân trong thân*, nhiệt thành, có sự rõ-biết (thường biết, tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm muốn (tham) và sự phiền bực (ưu) đối với thế giới: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[10] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát *những cảm-giác trong những cảm-giác*, nhiệt thành, có sự rõ-biết (thường biết, tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và sự phiền bức (uru) đối với thế giới: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[11] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát *tâm trong tâm*, nhiệt thành, có sự rõ-biết (thường biết, tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và sự phiền bức (uru) đối với thế giới: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[12] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát *những hiện-tượng trong những hiện-tượng* (các pháp trong các pháp), nhiệt thành, có sự rõ-biết (thường biết, tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và sự phiền bức (uru) đối với thế giới: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[13–16. Bốn Sự Nỗ Lực Đúng Đắn]

[13] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn *sự không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác* chưa khởi sinh; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tính tấn), áp dụng tâm, và phẩn-đầu (tinh cần): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[14] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn *dẹp bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác* đã khởi sinh; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tính tấn), áp dụng tâm, và phẩn-đầu

(tinh cần)...”

[15] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn *sự khởi sinh những trạng thái thiện lành* chưa khởi sinh; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và phẩn-đầu (tinh cần)...”

[16] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn *sự duy trì liên tục những trạng thái thiện lành* đã khởi sinh; mong muốn sự không suy đồi, sự tăng trưởng, sự khuếch trương (của chúng) nhờ tu tập; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và phẩn-đầu (tinh cần): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[17–20. Bốn Cơ Sở Năng Lực Tâm Linh]

[17] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cơ sở năng lực tâm linh *có-được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[18] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cơ sở năng lực tâm linh *có-được sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn)* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần)...”

[19] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cơ sở năng lực tâm linh *có-được sự định-tâm nhờ tâm* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần)...”

[20] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cơ sở năng lực tâm linh *có-được sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phấn-đấu (tinh cần): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[21–25. Năm Căn Tâm Linh]

[21] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập *căn niềm-tin* (tín căn), dựa trên sự sống ân-dật, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự giải-thoát: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[22-25] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập *căn năng-lượng* (tán căn) ... *căn chánh-niệm* (niệm căn)... *căn trí-tuệ* (tuệ căn), dựa trên sự sống ân-dật, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự giải-thoát: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[26–30. Năm Năng Lực]

[26] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập *năng-lực* (sức mạnh, lực) *niềm-tin* (tín lực), dựa trên sự sống ân-dật, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự giải-thoát: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[27-30] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập *năng-lực* (sức mạnh, lực) *năng-lượng* (tán lực) ... *năng lực chánh-niệm* (niệm lực) ... *năng lực trí-tuệ* (tuệ lực), dựa trên sự sống ân-dật, sự chán-bỏ, và sự

châm-dứt, dần chín muối tới sự giải-thoát: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[31–37. Bảy Yếu Tố Giác Ngộ]

[31] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập ‘yếu-tố giác-ngộ’ là *sự chánh-niệm*, dựa trên sự sống ân-dật, sự chán-bỏ, và sự châm-dứt, dần chín muối tới sự giải-thoát: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[32-37] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập ‘yếu tố giác ngộ’ là *sự điều-tra tìm hiểu* (trạch pháp, phân biệt những hiện-tượng) ... ‘yếu tố giác ngộ’ là *sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... ‘yếu tố giác ngộ’ là *sự hoan-hỷ* (hỷ) ... ‘yếu tố giác ngộ’ là *sự tĩnh-lặng* (khinh an) ... ‘yếu tố giác ngộ’ là *sự định-tâm* (định) ... ‘yếu tố giác ngộ’ là *sự buông-xả* (xả), dựa trên sự sống ân-dật, sự chán-bỏ, và sự châm-dứt, dần chín muối tới sự giải-thoát: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[38–45. Bát Thánh Đạo]

[38] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), dựa trên sự sống ân-dật, sự chán-bỏ, và sự châm-dứt, dần chín muối tới sự giải-thoát: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[39-45] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập ý-định đúng đắn (chánh tư duy) ... lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) ... hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) ... sự mưu-sinh đúng đắn (chánh hạnh) ... sự nỗ-

lực đúng đắn (chánh tinh tấn) ... sự chú-tâm đúng đắn (chánh niệm) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), dựa trên sự sống ân-dật, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự giải-thoát: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi.

“Nhu vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Này các Tỳ kheo, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có mấy gốc cây, kia có mấy chòi trống. Này các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm xao lãng, đừng để sau này hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

(SN 43:12)

13 (2) *Sự Không Còn Ngã-Hướng*³¹²

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự không còn ngã-hướng (bất tùy hướng, không còn khuynh-hướng nào cả) và con-đường dẫn tới trạng thái không còn ngã-hướng. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự không còn ngã-hướng?....”

[*Tiếp tục bằng toàn bộ các mẫu kinh từ 43:01 đến 43:12 ở trên. Tức là: 12 kinh kể trên nói về “sự vô-vi” và “con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi”, giờ tất cả thay bằng “sự không còn ngã-hướng” và “con-đường dẫn tới trạng thái không còn ngã-hướng”.]*

(SN 43:13)

14 (3) — 43 (32) *Sự Không Còn Ô-Nhiễm...*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự không còn ô-nhiễm (hết ô nhiễm, lậu tận) và con-đường dẫn tới sự không còn ô-nhiễm. Hãy

lắng nghe điều đó....

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự-thật và con-đường dẫn tới sự thật....

“Ta sẽ dạy cho các thầy bờ bên-kia (bờ xa, bỉ ngạn) ... sự vi-tế ... sự rất-khó nhìn-thấy được ... sự không-già ... sự chắc-chắn (ổn định) ... sự không còn tan-rã (không còn hoại diệt) ... sự không thể-hiện (không còn xuất hiện, không còn hiện hữu) ... sự không tăng-phóng³¹³ ... sự bình-an ... sự bất-tử ... sự siêu-phàm ... sự phước-lành ... sự an-ninh ... sự diệt-dục (tiêu-diệt dục-vọng) ... sự kỳ-diệu ... sự tuyệt vời ... sự vô-bệnh ... trạng thái vô-bệnh ... Niết-bàn ... sự không còn đau-khổ ... sự chán-bỏ ... sự thanh-khiết (thanh tịnh) ... sự tự-do ... sự không còn dính-dán ... hòn-đảo ... nơi trú-ẩn ... nơi tị-nạn ... nơi nương-tựa ...”

(SN 43:14—43)

44 (33) Đích Đến

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đích-đến (nơi-đến) và con-đường dẫn tới đích-đến đó. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đích-đến? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là đích-đến.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới đích-đến đó? Đó là sự chánh-niệm hướng vào thân: đây là con-đường dẫn tới nơi-đến đó.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy đích-đến và con-đường dẫn tới đích-đến đó. Này các Tỳ kheo, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có mấy gốc cây, kia có mấy chồi trồng. Này các Tỳ kheo, hãy

thiền tập, đừng lơ tâm xao lãng, đừng để sau này hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

[*Tiếp tục bằng toàn bộ các mẫu kinh từ 43:01 đến 43:12 ở trên. Tức là: 12 kinh kể trên nói về “sự vô-vĩ” và “con-đường dẫn tới trạng thái vô-vĩ”, giờ tất cả thay bằng “đích-đến” và “con-đường dẫn tới đích-đến”.*] [Tiếp tục bằng toàn bộ mẫu kinh từ 43:01 đến 43:12 ở trên.]

(SN 43:44)

Chương 44

Liên Kết **KHÔNG ĐƯỢC TUYÊN BỐ**

(44 *Abyākata-saṃyutta*)

(44 *Tương ứng Không Thuyết*)

1 *Khemā*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Bấy giờ, vào lúc đó có Tỳ kheo ni Khemā³¹⁴ trong khi đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiền-tát-la), đã chọn nơi tạm trú ở Torāṇavatthu nằm giữa Sāvathī và Sāketa. Rồi Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala, trong khi đang đi từ Sāketa đến Sāvathī, cũng đã chọn nơi tạm trú một đêm ở Torāṇavatthu nằm giữa Sāketa và Sāvathī. Lúc đó Vua Pasenadi của xứ Kosala đã nói với một người như vậy: “Này khanh, hãy đi tìm coi có tu-sĩ (sa-môn) hay bà-la-môn nào đang ở Torāṇavatthu để ta có thể viếng thăm hôm nay.”

“Dạ, thưa đại vương”, người đó đáp lại. Ông ta thăm dò hết cả vùng Torāṇavatthu nhưng không thấy có tu sĩ hay bà-la-môn nào ở đó để Vua Pasenadi có thể đến thăm. Tuy nhiên ông ta đã thấy có Tỳ kheo ni Khemā đang trú ở Torāṇavatthu, nên ông đến thưa với nhà vua:

“Thưa đại vương, không có tu sĩ và bà-la-môn nào có ở Torāṇavatthu để đại vương đến thăm. Nhưng, thưa đại vương, có Tỳ kheo ni tên là Khemā, một đệ tử của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Hiện những tin đồn tốt về bậc nữ tu này như vậy: ‘Ni ấy là bậc trí, giỏi giải, thông minh, học rộng, là một người thuyết giảng hay khéo, có biện tài.’ Vậy đại vương có thể ghé thăm ni ấy.”

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đến gặp Tỳ kheo ni Khemā, kính chào ni, ngồi xuống một bên và thưa với ni ấy:

(1) “Thưa đức ni, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”³¹⁵

- “Này đại vương, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết.’”

(2) “Vậy là, thưa đức ni, Như Lai không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này đại vương, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết.’”

(3) “Vậy là sao, thưa đức ni, Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này đại vương, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết.’”

(4) “Vậy thì, thưa đức ni, Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này đại vương, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’”

“Vậy là sao, thưa đức ni? Khi được hỏi: ‘Thưa đức ni, là sao, Nhu Lai hiện hữu sau khi chết?’ ... Và khi được hỏi ‘Vậy thì, thưa đức ni, Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?’— trong mỗi trường hợp ni đều nói: ‘Này đại vương, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này.’ Bây giờ, thưa đức ni, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

- “Vậy thì, này đại vương, tôi sẽ hỏi đại vương cũng về vấn đề này. Cứ trả lời nếu đại vương thấy được. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ngài có một người tính toán, hay một kẻ toán, hay một nhà toán học nào có thể đếm số hạt cát của sông Hằng và nói như vậy: ‘Có rất nhiều hạt cát’ hay ‘Có rất nhiều trăm hạt cát’ hay ‘Có rất nhiều ngàn hạt cát’ hay ‘Có rất nhiều trăm ngàn hạt cát’?”

“Không, thưa đức ni.”

- “Vậy thì, này đại vương, ngài có một người tính toán, hay một kẻ toán, hay một nhà toán học nào có thể đếm số nước của đại dương và nói như vậy: ‘Có rất nhiều gàu nước’ hay ‘Có rất nhiều trăm gàu

nước’ hay ‘Có rất nhiều ngàn gàu nước’ hay ‘Có rất nhiều trăm ngàn gàu nước’?”

“Không, thưa đức ni. Bởi lý do gì? Bởi vì đại dương là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước.”

- “Cũng giống như vậy,³¹⁶ này đại vương, nếu ai mô tả Như Lai qua thân-sắc, thì thân-sắc đó Như Lai đã dẹp bỏ, đã cắt bỏ tận gốc, đã làm thành như gốc chết của cây cọ, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Này đại vương, Như Lai được giải-thoát khỏi sự suy tính (tính toán, ước tính, quy tính) về mặt thân-sắc; Như Lai là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước, giống như đại dương kia. Nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’ thì cũng không trúng được.

- “Nếu ai mô tả Như Lai qua cảm-giác ... qua nhận-thức ... qua những sự tạo-tác cố-ý ... qua thức, thì thức đó Như Lai đã dẹp bỏ, đã cắt bỏ tận gốc, đã làm thành như gốc chết của cây cọ, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Này đại vương, Như Lai được giải thoát khỏi sự suy tính về mặt thức; Như Lai là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước, giống như đại dương kia. Nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’ thì cũng không trúng được.”

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của Tỳ kheo ni Khemā, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cúi chào đức ni, và đi ra, giữ ni ở hướng bên phải mình.

Rồi, trong một dịp sau đó, Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”

- “Này đại vương, ta đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết.’”

[Tiếp tục lời kinh như đoạn hỏi đáp ở trên, cho tới:]

- “Này đại vương, ta đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’”

“Vậy là sao, thưa Thế Tôn? Khi được hỏi ‘Thưa Thế Tôn, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?’ ... Và khi được hỏi ‘Vậy thì, thưa Thế Tôn, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?’— trong mỗi trường hợp Thế Tôn đều trả lời: ‘Này đại vương, ta đã không tuyên bố điều này.’ Bây giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

- “Vậy thì, này đại vương, ta sẽ hỏi đại vương cũng về vấn đề này. Cứ trả lời nếu đại vương thấy được. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ngài có một người tính toán, hay một kẻ toán, hay một nhà toán học nào ... *[tiếp tục y hệt lời đoạn này ở trên, cho tới:]* Này đại vương, Như Lai được giải-thoát khỏi sự suy tính về mặt thức; Như Lai là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước, giống như đại dương kia. Nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’ thì cũng không trúng được.”

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Cái

cách mà ý nghĩa và câu chữ của vị sư thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính. Thưa Thế Tôn, trong một lần trước con có đến gặp Tỳ kheo ni Khemā và đã hỏi ni ấy về vấn đề này. Đức ni cũng đã giải thích vấn đề này bằng những từ ngữ và câu chữ y hệt như đức Thế Tôn mới dùng để giải thích. Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Cái cách mà ý nghĩa và câu chữ của vị sư thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính. Thưa Thế Tôn, bây giờ chúng con phải đi. Chúng con đang bận bịu và có nhiều thứ phải làm.”

“Vây thì, này đại vương, ngài cứ tùy tiện mà đi.”

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cúi chào đức Thế Tôn, và đi ra, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình.

(SN 44:01)

2 *A-nậu-lâu-đà*

[*Kinh này giống hệt kinh SN 22:86.*]

(SN 44:02)

3 *Xá-lợi-phát và Câu-hy-la (1)*

Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phát và Ngài Đại Câu-hy-la (Mahā-Koṭṭhita) đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Đại Câu-hy-la ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp thầy Xá-lợi-phát. Thầy ấy chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phát, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và hỏi thầy Xá-lợi-phát:

(1) “Là sao, này đạo hữu Xá-lợi-phất, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”

- “Này đạo hữu (Câu-hy-la),³¹⁷ đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết.’”

[*Tiếp tục giống đoạn hỏi đáp (1)-(4) trong kinh kể trên, cho tới:*]

- “Này đạo hữu (Câu-hy-la), đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu.’”

“Vậy là sao, này đạo hữu (Xá-lợi-phất)? Khi được hỏi ‘Này đạo hữu Xá-lợi-phất, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?’ ... Và khi được hỏi ‘Vậy thì, này đạo hữu Xá-lợi-phất, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?’— trong mỗi trường hợp thầy đều nói: ‘Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này.’ (*) Bây giờ, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

(2) “Này đạo hữu (Câu-hy-la), nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’: *điều này là dính líu thân-sắc.*³¹⁸ ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’: *điều này là dính líu thân-sắc.* ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’: *điều này dính líu với thân-sắc.* ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’: *điều này là dính líu thân-sắc.*

- “Nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’: *điều này là dính líu cảm-giác ... là dính líu nhận-thức ... là dính líu những sự tạo-tác cố-ý ... là dính líu thức, này các Tỳ kheo.* Nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’: *điều này là dính líu cảm-giác ... là dính líu thức.* Nếu nói ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’: *điều này là dính líu cảm-giác ... là dính líu thức.* Nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’: *điều này là dính líu cảm-giác ... là dính líu thức.*

“Này đạo hữu (Câu-hy-la), đây là nguyên nhân và lý do điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

(SN 44:03)

4 *Xá-lợi-phất và Câu-hy-la (2)*

[*Bắt đầu y hết hai kinh kể trên, cho tới:*]

(*) Bây giờ, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

(1) “Này đạo hữu (Câu-hy-la), *đó là những người không biết và thấy thân-sắc đúng như nó thực là*, những người không biết và thấy nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

- “Đó là những người không biết và thấy cảm-giác đúng như nó thực là ... những người không biết và thấy nhận-thức đúng như nó thực là ... những người không biết và thấy những sự tạo-tác cố-ý đúng như nó thực là ... những người không biết và thấy thức đúng như nó thực là, những người không biết và thấy nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

(2) “Nhưng, này đạo hữu (Câu-hy-la), những ai biết và thấy thân-sắc ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức đúng như nó thực là, những ai biết và nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thì họ không nghĩ: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải

không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu (Câu-hy-la), đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

(SN 44:04)

5 *Xá-lợi-phất và Câu-hy-la (3)*

[*Bắt đầu y hết kinh kể trên, cho tới:*]

(*) “Bây giờ, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

(1) “Này đạo hữu (Câu-hy-la), *đó là những người còn tham-dục đối với thân-sắc*, những người còn sự tham-muốn, cảm-tình (luyến ái), sự thèm-khát, sự mê-đắm, và dục-vọng đối với thân-sắc, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

- “Đó là những người còn tham-dục đối với cảm-giác ... những người còn tham-dục đối với nhận-thức ... những người còn tham-dục đối với những sự tạo-tác cố-ý ... những người còn tham-dục đối với thức, những người còn sự tham-muốn, cảm-tình, sự thèm-khát, sự mê-đắm, và dục-vọng đối với cảm-giác ... thức, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

(2) “Nhưng, này đạo hữu Câu-hy-la, những ai không còn tham-dục đối với thân-sắc ... những ai không còn tham-dục đối với cảm-giác ... những ai không còn tham-dục đối với nhận-thức ... những ai không còn tham-dục đối với những sự tạo-tác cố-ý ... những ai không còn tham-dục đối với thức, những ai không còn sự tham-muốn, cảm-tình,

sự thèm-khát, sự mê-đắm, và dục-vọng đối với thân-sắc ... thức, thì họ không nghĩ: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu (Câu-hy-la), đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

(SN 44:05)

6 *Xá-Lợi-Phát và Câu-hy-la (4)*

Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phát và Ngài Câu-hy-la đang sống ở Bārāṇasī trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phát ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp thầy Đại Câu-hy-la. Thầy ấy chào hỏi qua lại với thầy Đại Câu-hy-la, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và hỏi thầy Đại Câu-hy-la: *(Lần này thì thầy Xá-lợi-phát hỏi, thầy Câu-hy-la trả lời)*

“Là sao, này đạo hữu Câu-hy-la, Nhu Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”

[*Tiếp tục đoạn hỏi đáp y hệt kinh 44:03 kể trên, cho tới:*]

(*) “Bây giờ, này đạo hữu (Câu-hy-la), cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

[i. Thích Thú Năm-Uẩn]

(1) “Này đạo hữu (Xá-lợi-phát), đó là những người thích thú thân-sắc, khoái thích thân-sắc, vui thích thân-sắc, và những người không biết và thấy sự chám-dứt của thân-sắc đúng như nó thực là, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

- “Đó là những người thích thú cảm-giác ... những người thích

thú nhận-thức ... những người thích thú những sự tạo-tác cố-ý ... những người thích thú thức, những người khoái thích cảm-giác ... thức, những người vui thích cảm-giác ... thức, và những người không biết và thấy sự chấm-dứt của cảm-giác ... thức, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

(2) “Nhưng, này đạo hữu Xá-lợi-phất, những ai *không* thích thú thân-sắc ... những ai không thích thú cảm-giác ... những ai không thích thú nhận-thức ... những ai không thích thú những sự tạo-tác cố-ý ... những ai không thích thú thức, những ai không khoái thích cảm-giác ... thức, những ai không vui thích cảm-giác ... thức, và những ai biết và thấy sự chấm-dứt của cảm-giác ... thức, thì họ *không* nghĩ: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

[ii. Thích Thú Sự Hiện-Hữu]

“Nhưng, này đạo hữu (Câu-hy-la), có phương pháp nào khác để giải thích tại sao điều này không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

(1) “Có, này đạo hữu (Xá-lợi-phất). Đó là những người thích thú sự hiện-hữu, những người khoái thích sự hiện-hữu, những người vui thích sự hiện-hữu, và những người không biết và thấy sự chấm-dứt của sự hiện-hữu đúng như nó thực là, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

(2) “Nhưng, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), những ai *không* thích thú sự hiện-hữu, những ai không khoái thích sự hiện-hữu, những ai không

vui thích sự hiện-hữu, và những ai biết và thấy sự chấm-dứt của sự hiện-hữu đúng như nó thực là, thì họ *không* nghĩ: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu (Xá-lợi-phất), đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

[iii. Thích Thú Sự Dính-Chấp]

“Nhưng, này đạo hữu (Câu-hy-la), có phương pháp nào khác để giải thích tại sao điều này không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

(1) “Có, này đạo hữu (Xá-lợi-phất). Đó là những người thích thú sự *dính-chấp* (chấp thủ), những người khoái thích sự dính-chấp, những người vui thích sự dính-chấp, và những người không biết và thấy sự chấm-dứt của sự dính-chấp đúng như nó thực là, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

(2) “Nhưng, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), những ai *không* thích thú sự dính-chấp, những ai không khoái thích sự dính-chấp, những ai không vui thích sự dính-chấp, và những ai biết và thấy sự chấm-dứt của sự dính-chấp đúng như nó thực là, thì họ *không* nghĩ: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu (Xá-lợi-phất), đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

[iv. Thích Thú Dục-Vọng]

“Nhưng, này đạo hữu (Câu-hy-la), có phương pháp nào khác để giải thích tại sao điều này không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

(1) “Có, này đạo hữu (Xá-lợi-phất). Đó là những người thích thú

dục-vọng, những người khoái thích *dục-vọng*, những người vui thích *dục-vọng*, và những người không biết và thấy sự chãm-dứt của *dục-vọng* đúng như nó thực là, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

(2) “Nhưng, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), những ai *không* thích thú *dục-vọng*, những ai không khoái thích *dục-vọng*, những ai không vui thích *dục-vọng*, và những ai biết và thấy sự chãm-dứt của *dục-vọng* đúng như nó thực là, thì họ *không* nghĩ: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu (Xá-lợi-phất), đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

[v. Còn Phương Pháp Nào Khác?]

“Nhưng, này đạo hữu (Câu-hy-la), còn có phương pháp nào khác để giải thích tại sao điều này không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

- “Ồ đây, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), thầy còn muốn có thêm cách gì nữa (để giải thích) cho điều này? Này Đạo hữu (Xá-lợi-phất), khi một Tỷ kheo được giải-thoát nhờ sự tiêu diệt *dục-vọng*, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả về bậc ấy nữa.”³¹⁹

(SN 44:06)

7 Mục-kiền-liên

Lúc đó có du sĩ tên Vacchagotta đến gặp Ngài Đại Mục-kiền-liên và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với thầy Mục-kiền-liên:

(1) “Là sao, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là bất diệt?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Thế giới là bất diệt.’”

(2) “Vậy là, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là không bất diệt?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Thế giới là không bất diệt.’”

(3) “Vậy là sao, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là hữu hạn?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Thế giới là hữu hạn.’”

(4) “Vậy thì, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là vô hạn?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Thế giới là vô hạn.’”

(5) “Là sao, Thầy Mục-kiền-liên, linh hồn và thân xác là một?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Linh hồn và thân xác là một.’”

(6) “Vậy là, Thầy Mục-kiền-liên, linh hồn là một thứ, thân xác là thứ khác?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Linh hồn là một thứ, thân xác là thứ khác.’”

(7) “Vậy, Thầy Mục-kiền-liên, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết.’”

(8) “Vậy là, Thầy Mục-kiền-liên, Như Lai không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết.’”

(9) “Vây là sao, Thầy Mục-kiền-liên, Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết.’”

(10) “Vây thì, Thầy Mục-kiền-liên, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’”

“Bây giờ, Thầy Mục-kiền-liên, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao khi những du sĩ thuộc giáo phái khác được hỏi những câu hỏi đó, họ đều có những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’, hay ‘Thế giới là không bất diệt’; hoặc ‘Thế giới là hữu hạn’, hay ‘Thế giới là vô hạn’; hoặc ‘Linh hồn và thân xác là một’, hay ‘Linh hồn và thân xác là khác nhau’; hoặc ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi sa-môn Cồ-đàm được hỏi những câu hỏi đó, vị ấy không đưa ra câu trả lời nào?”

- “Này Vaccha, những du sĩ các giáo phái khác cứ coi *mắt* là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’. Họ cứ coi *tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm* là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’. Do vậy khi những du sĩ các giáo phái khác được hỏi những câu hỏi như vậy, họ đưa ra những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Nhưng, này Vaccha, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì coi *mắt* là như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. Như Lai coi *tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm* là như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. Do

vậy, khi Như Lai được hỏi những câu hỏi như vậy, Như Lai không đưa ra những câu trả lời như vậy.”

Rồi du sĩ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi đến gặp đức Thế Tôn. Ông ta chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

(1) “Là sao, thưa thiện sa-môn Cồ-đàm, thế giới là bất diệt?” [*Tiếp tục lời kinh như đoạn hỏi đáp ở trên, cho đến câu (10):*]

- “Này Vaccha, ta cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’.”

“Thầy Cồ-đàm, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi những du sĩ thuộc giáo phái khác khi được hỏi những câu hỏi đó, họ đều có những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi sa-môn Cồ-đàm khi được hỏi những câu hỏi đó, vị ấy không đưa ra câu trả lời nào?”

- “Này Vaccha, những du sĩ các giáo phái khác cứ coi mắt ... tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’. Do vậy khi những du sĩ các giáo phái khác được hỏi những câu hỏi như vậy, họ đưa ra những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Nhưng, này Vaccha, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì coi mắt ... tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm là như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. Do vậy, khi Như Lai được hỏi những câu hỏi như vậy, Như Lai không đưa ra những câu trả lời như vậy.”

“Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Cái cách mà ý nghĩa và câu chữ của vị sư thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính. Thầy Cồ-đàm, vừa rồi tôi có đến gặp sa-môn Mục-kiền-liên và đã hỏi vị ấy về vấn đề này. Sa-môn Mục-kiền-liên cũng đã giải thích vấn đề này bằng những

từ ngữ và câu chữ y hệt như Thầy Cồ-đàm mới dùng để giải thích. “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Cái cách mà ý nghĩa và câu chữ của vị sư thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính.”

(SN 44:07)

8 *Vacchagotta*

Lúc đó có du sĩ Vacchagotta đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

(1) “Là sao, Thầy Cồ-đàm, thế giới là bất diệt?” ...

[*Tiếp tục lại đoạn hỏi đáp như như kinh kể trên, cho đến:*]

“Thầy Cồ-đàm, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi những du sĩ thuộc giáo phái khác khi được hỏi những câu hỏi đó, họ đều có những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi sa-môn Cồ-đàm khi được hỏi những câu hỏi đó, vị ấy không đưa ra câu trả lời nào?”

- “Này Vaccha, những du sĩ các giáo phái khác cứ coi *thân-sắc* là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu *thân-sắc*, hay *thân-sắc* là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong *thân-sắc*. Họ cứ coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hay thức là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong thức. Do vậy, khi những du sĩ các giáo phái khác được hỏi những câu hỏi như vậy, họ đưa ra những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Nhưng, này Vaccha, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì *không* coi *thân-sắc* là cái ‘ta’ ... hay cái ‘ta’ ở trong *thân-sắc*. Như

Lai *không* coi cảm-giác ... thức là cái ‘ta’ ... hay cái ‘ta’ ở trong thức. Do vậy, khi Như Lai được hỏi những câu hỏi như vậy, Như Lai không đưa ra những câu trả lời như vậy.”

Rồi du sĩ Vacchagotta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, (ra về), và đi đến gặp Ngài Đại Mục-kiền-liên. Ông ta chào hỏi qua lại với thầy Mục-kiền-liên ... và nói với thầy ấy:

(1) “Là sao, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là bất diệt?”

[*Tiếp tục lại lời đoạn hỏi đáp như trên, cho đến câu (10):*]

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’.”

“Thầy Mục-kiền-liên, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi những du sĩ thuộc giáo phái khác khi được hỏi những câu hỏi đó, họ đều có những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất tận’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi sa-môn Cờ-đàm khi được hỏi những câu hỏi đó, vị ấy không đưa ra câu trả lời nào?”

- “Này Vaccha, những du sĩ các giáo phái khác cứ coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hay thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Họ cứ coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hay thức là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong thức. Do vậy, khi những du sĩ các giáo phái khác được hỏi những câu hỏi như vậy, họ đưa ra những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Nhưng, này Vaccha, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì *không* coi thân-sắc là cái ‘ta’ ... hay cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Như Lai *không* coi cảm-giác ... thức là cái ‘ta’ ... hay cái ‘ta’ ở trong thức. Do vậy, khi Như Lai được hỏi những câu hỏi như vậy, Như Lai không đưa ra những câu trả lời như vậy.”

“Thật kỳ diệu, Thầy Mục-kiền-liên! Thật tuyệt vời, Thầy Mục-kiền-liên! Cái cách mà ý nghĩa và câu chữ của vị sư thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính. Thầy Mục-kiền-liên, vừa rồi tôi có đến gặp sa-môn Cồ-đàm và đã hỏi vị ấy về vấn đề này. Sa-môn Cồ-đàm cũng đã giải thích vấn đề này bằng những từ ngữ và câu chữ y hệt như Thầy Mục-kiền-liên mới dùng để giải thích. Thật kỳ diệu, Thầy Mục-kiền-liên! Thật tuyệt vời, Thầy Mục-kiền-liên! Cái cách mà ý nghĩa và câu chữ của vị sư thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính.”

(SN 44:08)

9 Hội Trường Tranh Luận

Lúc đó có du sĩ Vacchagotta đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, trong mấy ngày qua một số tu sĩ, các bà-la-môn, và những du sĩ các giáo phái khác đã tụ họp trong hội trường tranh luận (hội trường huyền não),³²⁰ và khi họ đang ngồi với nhau thì có cuộc đối thoại khởi sinh giữa họ như vậy:

‘Vị Pūraṇa Kassapa này—là người lãnh đạo một giáo đoàn, người dẫn dắt một hội đoàn, là sư thầy của giáo đoàn, là người thầy tâm linh có tiếng và có danh được nhiều người coi là bậc thánh hiền—khi có một đệ tử (bình thường) nào mới chết, vị này tuyên bố được người này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc người nọ đã tái sinh ở cõi kia. Và khi có một đệ tử, thuộc hàng cao nhất, một người siêu phàm, một người đã đạt tới sự chứng ngộ cao siêu phàm mới chết, vị ấy cũng tuyên bố được vị này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc vị đó đã tái sinh ở cõi kia.’”

‘Vị Makkhali Gosāla này ... Vị Nigaṇṭha Nātaputta (Ni-kiền-tử)

này ... Vị This Sañjaya Belatṭhiputta này ... Vị Pakudha Kaccāyana này ... Vị Ajita Kesakambalī (A-tư-đà) này ... khi có một đệ tử (bình thường) nào mới chết, vị này tuyên bố được người này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc người nọ đã tái sinh ở cõi kia. Và khi có một đệ tử, thuộc hàng cao nhất, một người siêu phàm, một người đã đạt tới sự chứng ngộ cao siêu phàm mới chết, vị ấy cũng tuyên bố được vị này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc vị đó đã tái sinh ở cõi kia.”

‘Vị sa-môn Cồ-đàm này— là người lãnh đạo một giáo đoàn, người dẫn dắt một hội đoàn, là sư thầy của giáo đoàn, là người thầy tâm linh nổi tiếng và nổi danh được nhiều người coi là bậc thánh hiền—khi có một đệ tử (bình thường) nào mới chết, vị này tuyên bố được người này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc người nọ đã tái sinh ở cõi kia. Nhưng khi có một đệ tử, thuộc hàng cao nhất, một người siêu phàm, một người đã đạt tới sự chứng ngộ cao siêu phàm mới chết, thì vị ấy *không* tuyên bố người này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc người nọ đã tái sinh ở cõi kia. Thay vì vậy, vị ấy tuyên bố về sự tái-sinh của người đó như vậy: “Người đó đã cắt đứt dục-vọng, đã chặt đứt gông-cùm, và, bằng cách phá bỏ sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), người đó đã chấm dứt mọi sự khổ.”’

“Thầy Cồ-đàm, trong tôi có sự bối rối, có sự nghi ngờ rằng: ‘Giáo Pháp của sa-môn Cồ-đàm phải nên được hiểu biết theo cách nào?’”

- “Này Vaccha, ông bị bối rối cũng phải thôi, ông nghi ngờ cũng phải thôi. Bởi vì sự nghi ngờ đã khởi sinh trong ông về một vấn đề còn làm bối rối. Này Vaccha, ta tuyên bố sự tái-sinh là đối với người còn nhiên liệu, không phải đối với người không còn nhiên liệu. Giống như một lửa cháy bằng nhiên liệu, không phải không có nhiên liệu; cũng giống như vậy, này Vaccha, ta tuyên bố sự tái-sinh là đối với người còn nhiên liệu, không phải đối với người không còn nhiên liệu.”

“Thầy Cồ-đàm, khi một ngọn lửa bị gió thổi bay đi một khoảng cách, thì Thầy Cồ-đàm tuyên bố nhiên liệu của nó trong lúc đó là gì?”

- “Này Vaccha, khi một ngọn lửa bị gió thổi bay đi một khoảng cách, ta tuyên bố nó được tiếp nhiên liệu bởi gió. Vì trong lúc đó gió là nhiên liệu của nó.”

“Và, Thầy Cồ-đàm, khi một chúng sinh đã đặt xuống thân này nhưng vẫn chưa được tái sinh trong một thân khác, thì Thầy Cồ-đàm tuyên bố nhiên liệu của nó trong lúc đó là gì?”

- “Này Vaccha, khi một chúng sinh đã đặt xuống thân này nhưng chưa tái sinh trong một thân khác, ta tuyên bố nó được tiếp liệu bởi dục-vọng.³²¹ Vì trong lúc đó dục-vọng là nhiên liệu của nó.”

(SN 44:09)

10 *Ānanda* [Có cái ‘Ta’ hay không?]

Lúc đó có du sĩ Vacchagotta đến gặp đức Thế Tôn ... và nói với đức Thế Tôn:

(1) “Giờ thì, Thầy Cồ-đàm, có cái ‘ta’ (ngã, tự ngã, bản ngã) phải không?” Khi điều này được hỏi, đức Thế Tôn im lặng.

(2) “Thầy Cồ-đàm, vậy không có cái ‘ta’ phải không?”. Lần thứ hai đức Thế Tôn vẫn im lặng.

Rồi du sĩ Vacchagotta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và bỏ đi. Rồi, không lâu sau khi du sĩ Vacchagotta bỏ đi, Ngài Ānanda mới thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, vì sao như vậy, khi Thế Tôn được hỏi bởi du sĩ Vacchagotta mà Thế Tôn không trả lời?”

- “Này Ānanda, nếu khi du sĩ Vacchagotta hỏi ta ‘Có cái ‘ta’ nào không?’ mà ta trả lời ‘Có cái ‘ta’’, thì đó là tán đồng theo những tu sĩ và bà-la-môn theo thuyết bất-diệt (thường kiến). Và, nếu khi du sĩ Vacchagotta hỏi ta ‘Không có cái ‘ta’ phải không?’ mà ta trả lời ‘Không có

cái ‘ta’ thì đó là tán đồng theo các tu sĩ và bà-la-môn theo thuyết diệt-vong (chết là hết; đoạn kiến).

- “Này Ānanda, nếu khi du sĩ Vacchagotta hỏi ta ‘Có cái ‘ta’ phải không?’ mà ta trả lời ‘Có cái ‘ta’’, thì điều đó về phần ta có nhất quán với sự khởi sinh trí-biết ‘*Tất cả những hiện-tượng đều là vô-ngã*’ (chư pháp vô ngã), hay không?”³²²

“Không (nhất quán), thưa Thế Tôn.”

- “Và, này Ānanda, nếu khi du sĩ Vacchagotta hỏi ta ‘Không có cái ‘ta’ phải không?’ mà ta trả lời ‘Không có cái ‘ta’’, thì, du sĩ đó, vốn đã bồi rồi, sẽ càng bị bồi rồi sững sờ hơn nữa, rồi ông ta lại nghĩ ‘Đường như cái ‘ta’ ta từng có bấy lâu giờ cũng chẳng có.’”³²³

(SN 44:10)

11 *Sabhiya Kaccāna*

Trong một lần có Ngài Sabhiya Kaccāna đang sống ở Ñātika trong Ngôi Nhà Gạch. Lúc đó có du sĩ Vacchagotta đến gặp thầy Sabhiya Kaccāna, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với thầy ấy:

(1) “Là sao, Thầy Kaccāna, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”

[*Tiếp tục giống đoạn hỏi đáp này trong kinh 44:01 cho đến câu (10):*]

“Bây giờ, Thầy Kaccāna, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

- “Này Vaccha, để mô tả một người là ‘có thân-sắc’ hay ‘không có thân-sắc’ hay ‘có nhận-thức’ hay ‘không có nhận-thức’ hay ‘không có nhận thức cũng không phải không có nhận thức’ thì chắc phải có

nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) để làm điều đó: nhưng nếu nguyên-nhân và điều-kiện đó chấm dứt toàn bộ và hoàn toàn không còn còn tàn dư, thì lấy gì để mô tả người đó là ‘gồm có thân-sắc’ hay ‘không có thân-sắc’ hay ‘có nhận-thức’ hay ‘không có nhận-thức’ hay ‘không có nhận thức cũng không phải không có nhận thức’ như vậy?”

“Thầy Kaccāna, thầy xuất gia đi tu đã bao lâu rồi?”

“Không lâu, này thiện hữu. Ba năm.”

“Này thiện hữu, một người đạt được (trí-biết) như vậy trong chừng ấy năm thì quả thực là (đạt được) nhiều lắm, nói chi tới người còn vượt qua cả trình độ này!”³²⁴

(SN 44:11)

—HẾT QUYỂN 4—
(QUYỂN SÁU GIÁC-QUAN)

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH & CHÚ GIẢI CHÍNH:

Be: *phiên bản Miến Điện của SN*

Ee: *phiên bản tiếng Anh của SN (ấn bản PTS)*

Se: *phiên bản Sinhala (Tích Lan cổ) của SN*

* **SN**= Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ứng Kinh Bộ)

Spk (Be) = Sāratthappakāsinī: *Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)*

Spk (Se) = Sāratthappakāsinī: *Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala).*

Spk-pt = Sāratthappakāsinī-purāṇa-ṭīkā: *Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)*

SS = Sinhala-script: *Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala)*

CDB = Connected Discourses of Buddha: *bản dịch Pāli-Anh SN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề*

SC = trang SuttaCentral: *bản dịch Pāli-Anh của các bộ kinh Nikaya bởi nhà sư Ajahn Sujato.*

► Lưu Ý: trong bản dịch Việt này dựa theo bản dịch của TKBD, các chú giải **Spk** thì mặc nhiên là của phiên bản Miến Điện (**Be**). Chỗ nào ghi **Spk (Be)** và **Spk (Se)** chỉ khi có sự khác nhau về về câu chữ được ghi trong hai phiên bản.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

* **AN** = Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Theo Số Tăng* (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Dhs*

Dhp = Dhammapada: *tập Kinh Pháp Cú* (thuộc **KN**)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Dhp*

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: **Bộ Pháp Tụ** (thuộc **Abhi**)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tụ Thuyết* (thuộc **KN**)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

Ja = Jātaka: *tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Khp = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu Tụng* (thuộc **KN**)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

Nidd I = Mahā-niddesa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Nidd II = Cūḷa-niddesa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Patīs*

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc **KN**)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

Pp = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

Ps = Pāncasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

Pv = Petavatthu: *tập Chuyện Quý Đồi* (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ứng Kinh Bộ)

Sn = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

Sv = Sumaogalavilāsini (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

Sv-pt = Sumaogalavilāsini-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): *Tiểu Chú Giải bộ kinh DN* (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ* (thuộc **KN**)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

Thī = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

Vibh = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vibh* (phiên bản Miến Điện)

Vin = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

Vism = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL = Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả

Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *CẨM NANG VI DIỆU PHÁP* (của Tỳ Kheo BỒ-ĐỀ)

EV I = Elders' Verses I: *TRƯỜNG LÃO THI KỆ I* (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: *TRƯỜNG LÃO THI KỆ II* (của Norman)

GD = Group of Discourse: *TẬP KINH TẬP II* (của Norman)

Germ Tr = *Bản dịch SN tiếng Đức* (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của MN* (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

Ppn = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli Phê Bình* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

DPPN: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiền sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society: *Hội Kinh Điển Pali*

Skt = Sanskrit: *tiếng Phạn*

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng Lão Vanarata Ānanda*

► Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBD) là ghi *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**. Còn các số hiệu kinh **DN**, **MN**, và **Ja** kèm theo *số kinh* sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới **Vism** cũng được ghi kèm theo bằng *số chương* và *số đoạn* của **Ppn**. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các luận giảng cũng theo *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyên đổi từ **Be** hay **Ce** thông qua bảng chuyên đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (*Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables*)

CHÚ THÍCH

¹ [Chữ “*bên-trong*” (*ajjhattika* = *adhi* + *atta* + *ika*) là chỉ riêng *sáu cơ-sở cảm-nhận*, tức *sáu giác-quan* (*sáu nội xứ*, *sáu căn*) và ngược lại là “*bên-ngoài*” (*bāhira*) là chỉ riêng *sáu đối-tượng ở bên ngoài* (*sáu ngoại xứ*); [mặc dù theo như Vi Diệu Pháp Tạng, chữ *dhammāyatana* là chỉ những đối-tượng của *thức-tâm* (*mano-viññāṇa*) và những thứ phái sinh thuộc tâm của tất cả thức (*viññāṇa*). Mặc dù giống nhau, nhưng chữ kép *ajjhattika-bāhira* thì không phải là đồng nghĩa với chữ kép *ajjhatta-bahiddhā*; chữ sau đánh dấu sự khác-biệt giữa ‘thứ thuộc về mình’ và ‘thứ thuộc về người khác’. Các căn cảm-nhận ‘của chúng sinh khác’ là *ajjhattika* chứ không phải *bahiddhā*, còn sắc tố, giọng nói, mùi ... ‘của mình’ là *ajjhatta* chứ không phải *bāhira*.] (1)

► (*Sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong* (*sáu nội xứ*) còn được gọi một cách phổ thông là *sáu giác-quan* (theo nghĩa sáu cơ quan cảm-nhận, sáu cửa cảm-nhận). *Sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài* (*sáu ngoại xứ*) còn được hiểu là *những đối-tượng bên ngoài của những giác quan*. Từ đây, bản dịch Việt sẽ dùng chữ “*sáu giác-quan*” [*bên trong*] và “*sáu đối-tượng giác quan*” [*bên ngoài*] cho thuận đọc trong tiếng Việt!)

² [Các kinh SN 35:01–22 được biên tập dựa theo những khuôn-mẫu mà chúng ta đã gặp trước đây. Trong *Chương (liên-kết)* này, mỗi khuôn-mẫu được khởi tạo 02 lần: thứ nhất là *sáu cơ-sở bên trong* (*sáu nội xứ*, *sáu giác-quan*), rồi tới *sáu cơ-sở bên ngoài* (*sáu ngoại xứ*, *sáu đối-tượng giác-quan ở bên ngoài*).] (2)

³ [Spk phân biệt những loại “mắt” khác nhau được nói đến trong Tàng Kinh. Trước tiên “mắt” được phân thành hai dạng: (1) *mắt hiểu-biết* hay *trí nhãn* (*ñāṇacakkhu*) và (2) *mắt thường* hay *mắt thuộc thân* (*maṃsacakkhu*).

(1) Dạng *mắt hiểu-biết* có 05 loại: (i) *mắt Phật* hay *Phật nhãn* (*buddhacakkhu*), là trí-biết về những căn-cơ (tánh nét) và những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) của những chúng sinh, và trí-biết về trình-độ chính muồi của các căn tâm linh của họ; (ii) *Mắt Giáo Pháp* hay *Pháp nhãn* (*dhammacakkhu*), là trí-biết về ba thánh đạo và thánh quả thấp hơn (dưới A-la-hán); (iii) *mắt vũ trụ* hay *vũ trụ nhãn* (*samantacakkhu*), là trí-biết của Phật về vũ trụ; (iv) *mắt thiên thánh* hay *thiên nhãn* (*dibbacakkhu*), là trí-biết được khởi sinh bằng sự tràn

ngập của ánh sáng [có thể nhìn thấy sự qua-đời và tái-sinh của những chúng sinh]; và (v) *mắt trí-tuệ* hay *tuệ nhãn* (*paññācakkhu*), là sự nhận thấy thấu suốt về *Bốn Diệu Đế*.

(2) Dạng *mắt thường* có 02: (i) *mắt hợp-tố* (*sasambhāracakkhu*), là trũng mắt gồm nhiều yếu tố tạo thành; và (ii) *mắt cảm-nhận* (*pasādacakkhu*), giống như chất cảm-ứng trong những dụng cụ nhãn khoa, nhạy ứng với những hình-sắc [có lẽ đây là chỉ võng-mạc và dây thần kinh thị giác].

- Ở đây đức Thế Tôn đang nói *mắt cảm-nhận* là “*cơ-sở mắt*” (nhãn xú, nhãn quan). Tai, mũi, lưỡi... nên được hiểu một cách tương tự. *Tâm* (*mano*) là tâm thuộc ba cõi, đó là trú xứ của sự khám phá bằng trí-tuệ (*tebhūmakasammasanacāraccitta*).

- Về cách giảng giải thích về các loại “*mắt*” theo luận giảng, mời coi Thanh Tịnh Đạo, **Vism 444–46 (Ppn 14:36–53)**.] (3)

⁴ [Spk: *Những hiện-tượng thuộc tâm*: là những đối-tượng là những hiện-tượng thuộc tâm (*dhammā ti tebhūmakadhammārammaṇaṃ*). Tôi dịch chữ *dhammā* ở đây là “*những hiện-tượng thuộc tâm*” (các tâm pháp) hơn là “*những đối-tượng thuộc/của tâm*”—vốn là cách dịch chuẩn mực—đúng theo tư tưởng được nhấn mạnh trong *Vi Diệu Pháp Tạng* (Abhidhamma) và các luận giảng, rằng chữ *dhammāyatana* (pháp xú) không chỉ bao gồm những loại đối-tượng riêng của cơ-sở tâm (tâm xú, *manāyatana*), mà cũng gồm tất cả những hiện-tượng thuộc tâm đi kèm với (cùng có, câu hữu) thức thuộc bất cứ loại nào, đó là, như gồm cảm-giác đi kèm, nhận-thức đi kèm, và những sự tạo-tác cố-ý đi kèm. Coi thêm định nghĩa về pháp-xú (*dhammāyatana*) ở **Vibh 72**, và sự giảng giải trong *Thanh Tịnh Đạo*, **Vism 484 (Ppn 15:14)**.

- Ba cõi là dục-giới, sắc-giới, và vô-sắc giới.] (4)

⁵ [Spk diễn dịch rằng: Cái sự “*bên-trong*” của các căn cảm-nhận (các giác-quan) nên được hiểu là xuất phát từ sức mạnh của tham-muốn và nhục-dục đối với chúng. Đối với những người coi *sáu cơ-sở bên trong* như phần bên trong một ngôi nhà thì *sáu cơ-sở bên ngoài* cũng như phần xung quanh bên ngoài ngôi nhà đó. Giống như tham-muốn và nhục-dục của người ta là cực kỳ mạnh trong liên quan tới những thứ bên trong ngôi nhà thì họ không cho người lạ nào đi vào trong nhà; tương tự như vậy trong liên quan tới *sáu cơ-sở bên trong* (sáu giác quan). Nhưng tham-muốn và nhục-dục của người ta là không mạnh lắm trong liên quan tới những thứ bên ngoài nhà thì họ không cảm cản những

người khác đi qua đi lại bên ngoài ngôi nhà; tương tự như vậy trong liên quan tới *sáu cơ-sở bên ngoài* (những đối-tượng giác quan.) (5)

⁶ (Theo chú thích trong những kinh khác: *những rào-cản* ở đây chính là (i) những ô-nhiễm còn có, và (ii) cái vòng luân hồi sinh tử. Nghĩa là, tâm còn bị chướng ngại bởi những rào-cản này, và nghĩa là nó chưa được giải-thoát khỏi chúng. Do vậy, ‘*tâm không còn những rào-cản*’ là tâm đã được giải-thoát khỏi chúng.)

⁷ [**Spk**: *Tất-cả (sabba)* gồm có bốn: (i) *tất-cả bao gồm tất cả (sabbasabba)*, như: mọi thứ có thể biết, tất cả chúng đều đi vào tầm (phạm vi) của trí-biết của Phật về thế giới (vũ trụ); (ii) *tất cả các cơ-sở cảm-nhận (āyatanasabba)*, như: những hiện-tượng thuộc 04 cõi; (iii) *tất cả của danh-tính cá thể (sakkāyasabba)*, như: những hiện-tượng thuộc 03 cõi; và (iv) *tất cả từng phần (padesasabba)*, như: 05 đối-tượng cảm-nhận thuộc thân. Mỗi ‘tất-cả’ này, từ (i) đến (iv), lần lượt có có một tầm (phạm vi) hẹp hơn loại đứng trước. Bài kinh này là đang nói đến ‘*tất-cả các cơ-sở cảm nhận*’ (bên trong và bên ngoài). Bốn cảnh giới là gồm 03 cảnh thế-tục [coi thêm chú thích số **4** ở trên] và 01 cảnh siêu-thế [chỉ 04 thánh đạo, 04 thánh quả, và Niết-bàn.] (6)

⁸ [*Tassa vācāvattur ev’ assa*. **Spk** giải thích nghĩa là: Điều đó chỉ là lời hô mà thôi. Vì nếu một người bỏ qua 12 cơ-sở cảm-nhận thì người đó đâu thể chỉ ra hiện-tượng nào có thực.] (7)

⁹ [*Nguyên văn: Yathā taṃ bhikkhave avisayasmiṃ*. **Spk**: Người ta sẽ bị phiền bức khi họ ra khỏi lãnh-vực (trú xứ, lãnh địa, chuyên môn) của mình. Ra khỏi trú xứ của mình (sẽ gặp khó khổ) giống như người phải lội qua sông sâu khi đội trên đầu một tảng đá lớn, hay giống như ra sức kéo mặt trời và mặt trăng khỏi hướng đi của chúng vậy; làm vậy (là ngoài khả năng của mình, chỉ là bất khả thi và vô vọng) chỉ mang lại sự bức tức; cũng giống như người đi ra khỏi trú-xứ của mình vậy.] (8)

¹⁰ [*Nguyên văn: Sabbam abhiññā pariññā pahānāya*. **Spk** giải nghĩa câu này là: *sabbam abhijānitvā pari jānitvā pajahanatthāya*. (Chữ gốc là *abhiññā* và *pariññā*: *trực-tiếp biết* (liễu tri) và *hoàn-toàn hiểu* (thắng tri). Về sự phân biệt giữa chữ *abhiññā* và *pariññā*, mời coi lại chú thích ở kinh SN 22:24 (Quyển 3).] (10)

¹¹ [**Spk**: trong kinh này đang nói về 03 loại *sự hoàn-toàn hiểu* (thắng tri, liễu ngộ): *sự hoàn-toàn hiểu về những điều đã biết* (bởi nhiều người; hiển nhiên,

phổ quát), sự hoàn-toàn hiểu nhờ sự suy xét kỹ lưỡng, và sự hoàn-toàn hiểu là sự dẹp-bỏ. Mời coi lại thêm chú thích ở kinh SN 22:24 (Quyển 3) về chữ này.] (11)

12 [Nguyên văn cả câu này: *Cakkhuvīññānaviññātabbā dhammā*. Spk đưa ra những cách giải thích luân phiên nhau để chỉ ra cách những sự đó khác nhau từ những hình-sắc (*rūpā*) khác nhau, như (đại ý) những hình-sắc không đi vào tâm [của thức] và những hình-sắc thực sự đi vào tâm [của thức]. Đây là điều quyết định cho những ý chú giải trên: Tất cả [những hình-sắc] nói trên đều bao gồm, nhưng ở đây 03 uẩn liên kết với thức cũng bao gồm, bởi vì chúng sẽ được nhận biết cùng với thức-mắt. Cách giảng giải này cũng tương tự cho những (đối-tượng giác quan) khác.” (Nên nhớ đây chỉ là cách giảng giải của luận giảng mà thôi).] (12)

13 [Kinh này thường được gọi là “*Kinh Lửa*”, là bài thuyết giảng thứ ba của Đức Phật sau khi giác-ngộ như đã được ghi lại trong Luật Tạng, Vin I 34–35. Theo Luật Tạng, một ngàn Tỳ kheo này trước đó đã từng là những khổ sĩ để tóc búi (*jaṭila*) đi tu dưới sự dẫn dắt của 03 anh em nhà Ca-diếp (*Kassapa*). Phật đã chuyển hóa họ bằng một loạt những điều thần-diệu (bằng thần thông), sau đó giảng cho họ bài kinh này. Bài kinh này được gọi là kinh lửa vì trước đó những khổ sĩ này thờ thần lửa. Toàn bộ câu chuyện này cũng được ghi trong Luật Tạng, Vin I 24–34; đọc thêm quyển sách “*Cuộc Đời Của Đức Phật*” trang 54–60, 64–69, của nhà sư dịch giả Ñāṇamoli.

- Spk giải thích: Sau khi dẫn một ngàn Tỳ kheo đến (chỗ được gọi là *Đầu Của Gayā* (thủ phủ *Gayā*?), đức Thế Tôn đã suy xét: “Loại thuyết Pháp nào sẽ thích hợp với họ?” Rồi đức Thế Tôn nhận ra trước đó họ từng thờ cúng thần lửa buổi sáng và buổi tối. Vậy ta sẽ dạy họ 12 cơ-sở cảm-nhận đang bốc cháy và đốt cháy. Theo cách như vậy họ sẽ có thể chứng quả A-la-hán.” Trong kinh này sự đốt cháy là nói về đặc tính “khổ”.] (13)

14 [Nguyên văn câu này: *Sabbamaññītasamugghātasārappam paṭipadam*. (Chữ “*sự nhìn-nhận*” là tạm dịch chữ “*maññita*”). Chữ *maññita* là quá khứ phân từ của *maññanā*, là tiến trình ý-nghĩ (tu duy) sai lệch do bị chi phối bởi dục-vọng, sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), và những quan-điểm này nọ (tà kiến); những quan-niệm khởi sinh từ những cách (lối, khuôn, kiểu) nghĩ như vậy cũng được gọi là những sự nhìn-nhận. Trong đó bao gồm cả những ý tưởng ‘*Ta là*’, ‘*Ta là này*’ (cái ‘*ta*’, ‘*đây là ta*’; ngã kiến, ngã chấp) và tất cả những quan niệm khác xuất phát từ những sai lầm gốc rễ này; coi thêm kinh SN 35:248.

- Nhân tiện: một bài khảo sát sâu rộng nhất về những ‘sự nhìn-nhận’ là kinh *Mulapariyāya Sutta* [MN 01]; coi thêm tham luận “*Bài Kinh Về Góc Rẽ Của Sự Hiện Hữu*” [của TKBD], gồm bản dịch kinh này và những giảng giải về nó.] (15)

15 [Mẫu lời kinh ‘bốn cách nhìn nhận’ như vậy cũng có trong kinh *Mūlapariyāya Sutta*, mặc dù trong kinh *Mūlapariyāya Sutta* không dùng mẫu này cho mục đích nói về những cơ-sở cảm-nhận.

- Spk giải thích: (i) *Người đó không nhìn nhận mắt (cakkhum na maññati)*: nghĩa là người đó không nhìn nhận mắt là cái ‘ta’ (ngã) hay ‘của-ta’ hoặc là ‘ai’ hay ‘của-ai’. (ii) *Người đó không nhìn nhận trong mắt (cakkhusmiṃ na maññati)*: nghĩa là người đó không nhìn nhận ‘Ta ở trong mắt, những thứ liên quan của ta ở trong mắt’ hoặc ‘Ai đó ở trong mắt, những thứ liên quan tới ai đó ở trong mắt’. (iii) *Người đó không nhìn nhận từ mắt (cakkhuto na maññati)*: nghĩa là người đó không nhìn nhận “Ta đã thoát ra khỏi mắt, những thứ liên quan của ta đã thoát ra khỏi mắt” hoặc “Ai đó đã thoát ra khỏi mắt, những thứ liên quan của ai đó đã thoát ra khỏi mắt”. Người đó không phát khởi thậm chí một sự nhìn-nhận nào thuộc dục-vọng, ngã-mạn, hay tà-kiến.] (16)

16 [Spk: Trong bài kinh này, trí tuệ minh-sát đạt đỉnh là thánh quả A-la-hán đã được giảng giải với 44 trường hợp. Spk-pt: Trong cửa-mắt có bảy thứ: mắt, thức mắt, tiếp-xúc mắt, và cảm-giác sướng, khổ và trung tính. Năm cửa giác-quan còn lại cũng giống tương tự như vậy. Đoạn nói về sự “không nhìn nhận ‘tất-cả” đã thành 43 trường hợp, và riêng câu “người đó không dính chấp gì trong thế giới” là 1 nữa, nên tổng số là 44.] (17)

17 [Nguyên văn: *Sabbamaññitasamugghātasappāyapaṭipadā.*] (18)

18 [Nguyên văn cả câu này: *Tato tam hoti aññathā; aññathābhāvī bhavasatto loko bhavam ev’ābhinandati.* Ở đây hình như có sự chơi chữ xung quanh ý nghĩa “*chúng sinh/đang trở thành khác đi*”. Theo Spk, câu thứ nhất khẳng định rằng đối-tượng tồn tại theo một kiểu khác khác (*aññen’ ākārena hoti*) với kiểu mà nó được nhìn nhận [Spk-pt thì nói: đối-tượng được nhìn nhận theo kiểu cách vô-thường, khổ, vô ngã...]. Câu thứ hai, tôi coi chữ *aññathābhāvī* có nghĩa là “*đang chịu sự biến đổi, đang luôn biến đổi*”, ví dụ đang trở thành khác hơn trước đây, (*đang luôn khác trước*). Vì thro như Spk đã giải thích như vậy: “*Nó đang trở thành khác đi bằng cách đi tới sự biến-đổi, đi tới sự thay đổi*” (*aññathābhāvamaṃ vipariṇāmaṃ upagamanena aññathābhāvī hutvā*). Trong chữ *bhavasatto, satto* là quá khứ phân từ của *sajjati*, được giải nghĩa là *laggo*,

laggito, paḷibuddho. Cõi chỗ này có liên quan tới kinh **Ud 32,29–32** [trong đó lời kinh nên được sửa lại là *bhavasatto*], các kinh **Sn 756–57**, và kinh **MN III 42,28–29** (?). - Chữ “*thế giới*” (*loko*) ở đây rõ ràng hàm nghĩa là *thế giới của chúng sinh (sattaloka)*.”] (19)

19 [**Spk**: Trong bài kinh này *tuệ minh-sát* có đỉnh cao là thánh quả A-la-hán được giảng giải với 48 trường hợp. **Spk-pt**: Cụm chữ “*thì nó không phải vậy*” (tức là: *là khác, đang khác đi, đang biến đổi*) nên được đưa vào mọi phân đoạn của bài kinh, tạo nên 8 thứ trong mỗi phân đoạn đó. Do vậy thành 48 trường hợp. [**Spk-pt** không giải thích tại sao đoạn nói về các uẩn, các yếu-tố... được đưa vào và đoạn “*người đó không dính chấp gì trong thế gian*” không thể được đếm thêm thành 2 thứ để nâng tổng số lên thành 50 trường hợp, cho nó giống tương tự như cách đếm của kinh kể trên.] (20)

20 (Trong bản dịch Việt tất cả các kinh, chữ “*kính chào*” là chữ **dịch chung**, đồng nghĩa với các chữ: “*lễ chào, đánh lễ, kính lễ, kính lạy, lạy chào, xá chào*, hay *cúi chào*...” tùy theo mỗi tình huống khác nhau, thường là với hai tay chấp lại đặt lên trán, trên sống mũi, hay trên ngực. Còn nếu có tình huống là “*quỳ lạy*” thì chỗ đó sẽ dịch rõ tư thế “*quỳ lạy*”.)

21 [**Spk** nói: vô-minh cũng được dẹp bỏ đối với một người biết và thấy theo cách của sự khổ và vô ngã ...] (21)

22 [Về 10 gông-cùm (*saṃyojana*), mời đọc thêm các kinh **SN 45:179–80** (Quyển 5).] (22)

23 [Về 03 dạng *ô-nhiễm (āsava, lậu hoặc)* chính, coi kinh **SN 38:8, 45:163**; về 07 *khuyh-hướng tiềm-ẩn (anusaya, tùy miên)*, coi kinh **SN 45:175**.] (23)

24 [Về 04 loại *sự dính-chấp (upādāna, chấp thủ)*, coi kinh **SN 12:2, 45:173**; về 03 loại *sự hoàn-toàn hiểu (pariññā, thắng tri)*, coi lại chú thích ở kinh **SN 35:26** ở trên. **Spk** phân đoạn như vậy: “*Để hoàn-toàn hiểu được về tất cả 04 loại sự dính-chấp bằng ba loại hoàn-toàn hiểu*”.] (24)

25 [Chữ ‘*sự giải-thoát của nó*’ ngay chỗ này là chữ ‘*vimokkhā*’ – hiếm khi được dùng. Thường các kinh dùng chữ ‘*vimuttiyā*’ là danh từ trực tiếp liên hệ với động từ ‘*vimuccati*’.] (25)

26 [Tỳ kheo *Migajāla* chính là con trai của cô Visākhā, vị nữ thí chủ lớn nhất của Đức Phật và Tăng đoàn; coi thêm thi kệ **Th 417-22** nói về thầy ấy.] (26)

²⁷ [*Ekavihārī ekavihārī* (người sống một mình, người ở một mình). So sánh với kinh **SN 21:10** về vị Tỳ kheo có tên là “*Trưởng Lão*”.] (27)

²⁸ [*Chữ gốc là: sadutiyavihārī. Dutiya* nghĩa gốc là “*thứ hai*”, thường để chỉ người vợ hay chồng hay người cặp kê với người đó.] (28)

²⁹ [Coi thêm kinh thi kệ **SN 1:20, SN 4:22** (Quyển 1) về vị Tỳ kheo này.]

³⁰ [Nguyên văn câu này: *Māro vā assa mārapaññatti vā. Spk* giải nghĩa chữ *Māra*: (i) “*Ma Vương*” nghĩa là sự chết (*maraṇa*); (ii) “*sự mô tả của chữ Ma Vương*” là sự mô tả, tên gọi, biệt danh của “*Ma Vương*”. So sánh với các kinh có nói về danh tính từ “*Ma Vương*” là kinh **SN 23:11–12** (Quyển 3).] (30)

³¹ [Thầy *Upasena* là em ruột của thầy Xá-lợi-phát; coi thêm thi kệ **Th 577-86** nói về thầy ấy. **Spk** giải thích hang đó được gọi là “*Hang Dầu Rắn*” (*sap-pasonḍikapabbhāra*) vì nó (có miệng hang dạng vòm) giống hình đầu rắn nên được gọi như vậy.] (31)

³² [**Spk**: sau khi ăn trưa trưởng lão *Upasena* ngồi khâu vá lại áo cà sa lớn của mình. Nhằm lúc có hai con rắn độc đang đùa gờn trên mái hang, một con rớt xuống trúng thầy ấy, nó cắn và nọc độc lập tức lan tỏa khắp thân thể. Do vậy thầy ấy đã nói với các Tỳ kheo như vậy... thầy ấy vì không muốn để thân mình chết sinh thôi trong hang động.] (32)

³³ [Có sự chơi chữ trong đối thoại giữa thầy Xá-lợi-phát và thầy *Upasena*. Cách nói *indriyānaṃ aññathatta* (sự biến đổi của các căn) đôi lúc được dùng như một uyển ngữ có nghĩa bóng nhẹ là “*bị khổ đau sâu nặng*”, hoặc “*không ở trong tâm đúng của mình*” (không đúng tâm trạng của mình) [coi kinh **MN II 106,12**]. Ở đây lời kinh ghi là *kāyassa vā aññathattaṃ indriyānaṃ vā vipariṇāmaṃ*, nhưng tôi nghĩ hàm ý là rất giống nhau. Lúc đó thầy Xá-lợi-phát thì đang nói theo nghĩa đen trắng, còn thầy thì có ý nói nghĩa hơi bóng hình, để nói nghĩa rằng: đối với một người không còn những ý-niệm về cái ‘*ta*’ (ngã chấp) và cái ‘*của-ta*’ thì không có sự khổ đau sót não nào ngay cả khi đối diện với cái chết. Về sự không còn sự tạo-nên cái ‘*ta*’, ‘*của-ta*’ ... mời quý vị đọc thêm kinh **SN 21:02** (Quyển 2) và chú thích ở đoạn đầu của kinh **SN 18:21** (Quyển 2), chú thích số đuôi (340).] (33)

³⁴ [*Sandiṭṭhiko dhammo* (Giáo Pháp có thể nhìn thấy được một cách trực tiếp). Lời kinh tiếp theo là ‘*công thức tiêu chuẩn*’ để quán chiếu về Giáo Pháp. Coi thêm chú thích số đuôi (33) ở Quyển 1. *Upavāṇa* là người hầu cận của Phật khi

Phật đang bị bệnh do trúng gió; coi thêm kinh **SN 7:13** (Quyển 1).] (34)

35 [**Spk** nói phần (1) nói về sự quán-chiếu của những học-nhân, và phần (2) nói về sự quán-chiếu của những A-la-hán.] (35)

36 [Nguyên văn chữ này: **Be** ghi là: *anassasaṃ*; **Se** và **Ee** ghi: *anassāsiṃ*. Đây là thể ‘bất định thời (?)’ thứ nhất của chữ *nassati*. **Spk** giải nghĩa là: *naṭṭho nāma ahaṃ*.] (36)

37 [Nguyên văn cụm chữ cuối này là: *Āyatimapunabbhavāya*. **Spk**: Ở đây, “*sự không tái hiện-hữu trong tương lai*” là đồng nghĩa Niết-bàn. Ý nghĩa là: “*Nó sẽ được dẹp bỏ bởi thầy để có/vì mục đích Niết-bàn*”.] (37)

38 [Cử động, cựa mình, muốn ngồi dậy là để tỏ lòng kính trọng và chào đón khi có người (Phật) đến thăm mình; chú thích này và những câu tiếp theo cũng giống lời trong kinh Vakkali, **SN 22:87** (Quyển 3).] (38)

39 [*‘Sự phai biến của tham dục’* (*rāgavirāgatthaṃ*). Nghĩa của chữ này thường được lặp lại rất nhiều (trong các kinh), vì bản thân chữ ‘*virāga*’ có nghĩa là ‘*không-có rāga*’, tức ‘*không-có tham dục*’ hay ‘*vô-dục*’. Nhưng gốc chữ ‘*virāga*’ vốn có nghĩa đen là sự loại bỏ màu sắc, sự làm phai màu, và do vậy toàn bộ chữ ghép có thể dịch nghĩa như là “*sự phai biến*” của “*màu sắc*” bị nhuộm bởi ‘*tham dục*’.] (39)

40 [Sự khởi-sinh *tâm-nhìn của Giáo Pháp* (*dhammacakkhu*) có nghĩa là sự chứng-ngộ một trong 03 thánh quả thấp hơn A-la-hán (thường là Nhập-lưu).] (40)

41 [Nguyên văn cụm chữ cuối là: *anupādāparinibbānatthaṃ*. Ở đây có sự là một chữ được hiểu theo 02 cách: đối với tiếng Pāli chữ *upādā* (hay *upādāna*: *sự chấp thủ, dính chấp*) có hai nghĩa là *sự dính-chấp* và *nhiên-liệu*, do vậy mục tiêu của Giáo Pháp cũng có thể được hiểu là “*sự dập tắt [lửa] thông qua sự hết nhiên-liệu*” (như ngọn đèn tắt khi dầu cạn hay tìm hết). Dĩ nhiên lửa ở đây là tham, sân, si [coi “*Kinh Lửa*” **SN 35:28**]. **Ee** đã bỏ đi đoạn kế tiếp nói về sự giả định giống hệt với phần tương ứng của kinh kể trên, và học giả Woodward đã làm ý ở luận giảng **KS 4:25**. Tuy nhiên phiên bản **Be** và **Se** thì không làm giống vậy. Kinh kể trước chỉ đề cập *sáu cơ-sở bên trong* (sáu giác-quan, sáu nội xứ), nhưng kinh này thì liệt kê ra tất cả những hiện-tượng vốn khởi sinh thông qua mỗi *cơ-sở cảm-nhận* đó. Điều này có thể giải thích (ít nhất một phần nào) lý do tại sao vị Tỳ kheo trong kinh này chứng ngộ A-la-hán, còn Tỳ kheo

trong kinh kể trước chỉ chứng ngộ tâm-nhìn của Giáo Pháp.] (41)

⁴² [Chỗ này không phải Phật nói lấp hay nói kiêu ‘huê không’. Ý Phật muốn nhấn mạnh lại rằng, vô-minh chính là nguyên nhân gốc rễ nền móng của mọi sự trói-buộc, nên phải được loại bỏ để loại bỏ (một phát) tất cả những sự trói-buộc khác.] (42)

⁴³ [Phần đầu của lời chỉ dạy này, “*người đó hoàn-toàn hiểu mọi thứ*” là nằm trong lời khuyên dạy vắn tắt về ‘sự giải-thoát thông qua sự dập tắt dục-vọng’ được nói trong kinh **MN I 251,21–25** và and **AN IV 88,11–15** (?); thứ tự có khác nhau. **Spk** giải nghĩa: “*Người đó nhìn thấy tất cả mọi dấu-hiệu (hình tướng) một cách khác đi*” (*sabbanimittāni aññato passati*): là người đó nhìn thấy tất cả mọi dấu-hiệu của những sự tạo-tác (*sankhāranimittāni*) theo một cách khác với cách của những người chưa hoàn-toàn hiểu những sự cố-chấp. Vì những người như vậy nhìn tất cả mọi dấu-hiệu là cái ‘ta’ (ngã), còn người đã hoàn-toàn hiểu những sự cố-chấp thì nhìn chúng là vô-ngã, không phải là cái ‘ta’ nào. Như vậy trong kinh này đang thảo luận về đặc tính vô-ngã.] (43)

⁴⁴ [(Ở kinh **SN 12:24** (Quyển 2) có chú thích về đoạn (*) này như sau: [Cách diễn đạt của đoạn (*) này được coi như đoạn “mẫu” được dùng trong các bộ kinh *Nikāya*, thường có thể được lặp lại hơi khác nhau chút xíu tùy theo ngữ cảnh của mỗi bài kinh, ví dụ trong các kinh **SN 12:25, 12:26, 22:02, 22:86, 35:81, 42:13, 44:02**, và **45:05**, (và trong mấy kinh thuộc **AN**).] (72).)] (44)

⁴⁵ [Nguyên văn: *Lujjati ti kho bhikkhu tasmā loko ti vuccati*. Đây là một cách cố chơi chữ vì mục đích sư phạm lấy chữ *loka* từ chữ *lujjati*, mời coi thêm chú thích ở Quyển 3, kinh **SN 22:94**, đoạn (3). Còn về *sáu cơ-sở cảm-nhận* là ‘thế giới’, mời coi lại kinh **SN 35:116** ở trên. (Ý chỉ ‘thế giới’ được định nghĩa là gồm những tạo-tác, những thứ sinh diệt, những thứ hợp tan).] (45)

⁴⁶ [**Spk** giải thích chữ *chinnapapañca* (cắt đứt sự bội-tăng) là chỉ sự bội-tăng của dục-vọng, và chữ *chinnavaṭṭuma* (cắt đứt đường-lún) là chỉ đường-lún hay vết-xe của dục-vọng. Nghĩa câu hỏi ở đây dường như là: Có phải những vị Phật trong quá khứ, khi chứng yếu-tố niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y niết-bàn giới), thì họ có còn giữ nguyên sáu căn cảm-nhận hay không?] (46)

⁴⁷ [Nguyên văn: *Yaṃ kho finanda palokadhammaṃ ayaṃ vuccati ariyassa vi-naye loko*. Chữ *paloka* là từ chữ *palujjati* (tan rã, phân rã, tan hoại), một thể tăng cường của chữ *loka* (thế giới); coi kinh **35:82** ở trên.] (47)

48 [Kinh này giống như **MN 144** có tên “*Lời Khuyên Dạy Channa*” (*Channo-vāda*). Thêm nữa, Channa trong kinh này rõ ràng là khác với Channa (từng là người lái xe ngựa của Phật khi còn là thái tử) trong kinh **SN 22:90**.] (48)

49 [Bắt đầu từ chỗ này trở xuống là đoạn “mẫu” được dùng trong những bộ kinh để diễn tả sự đau đớn không thể chịu đựng nổi của bệnh nhân.] (49)

50 [Nguyên văn: *Sattham āharissāmi*. Đây là một cách để diễn tả sự muốn tự sát.] (50)

51 [Nguyên văn câu cuối: *Anupavajjam Channo bhikkhu sattham āharissati*. Bằng câu này thầy ấy dường như ám chỉ mình đã là một A-la-hán. **Spk** giải nghĩa chữ “*một cách không tội lỗi*” (*anupavajjam, một cách không đáng chê trách*) là “*không còn tiếp tục hiện-hữu, không còn tái sinh*” (*appavattikam ap-patisandhikam*).] (51)

52 [Tới chỗ **(a)** này, theo **Spk** thì: Thầy Channa đã trả lời những câu hỏi của thầy Xá-lợi-phất theo cách mình đã là một A-la-hán, *nhưng* thầy Xá-lợi-phất chỉ im lặng mặc dù thầy Xá-lợi-phất biết thầy Channa vẫn còn là người phàm. Tuy nhiên, tiếp theo, thầy Đại Cunda đã khởi xướng cho thầy Channa để thuyết phục thầy ấy cần phải nắm chắc về (sự chưa là A-la-hán) của mình.] (52)

53 [*“Giáo lý này của đức Thế Tôn”* là đã được ghi trong kinh **Ud 81,6–10**. **Spk** giải thích sự kết nối giữa giáo lý này và tình trạng hiện tại như vậy: *Đối với người còn phụ-thuộc (nissitassa)*: nghĩa là “còn phụ thuộc vào dục-vọng, sự tự-ta (ngã mạn), và những quan-điểm này nọ (tà kiến)”; *có sự dao-động (calitam)*: là sự động vọng, thất thường. Khi thầy Channa là không thể chịu đựng được sự đau đớn đã khởi sinh, thì lúc đó có sự dao-động của một người chưa hết khỏi sự còn-chấp với ý nghĩ là: ‘*Ta đang bị đau, sự đau đớn là của-ta*’. Với lời này là thầy Đại Cunda muốn nói với thầy Channa rằng: ‘Thầy vẫn còn là một phàm nhân’. *Không còn thiên-hướng (nati)*: là không còn thiên hướng của dục-vọng. *Không còn sự-đến và sự-đi: không sự-đến* bằng cách tái-sinh, *không sự-đi* bằng cách chết-đi. *Điều này chính là sự chấm-dứt khổ*: điều này chính là sự chấm dứt, sự kết thúc, giới hạn của sự khổ *do những ô-nhiễm* và sự khổ *do vòng luân-hồi* (đây cũng được gọi là hai ‘rào-cản’ của cái tâm).

- Ở đây, có những người nói rằng cụm chữ “*ở-giữa hai bên*” (*ubhaya-mantarena*) hàm nghĩa là trạng thái trung-gian như một dạng thân trung-âm (*antarābhava*) thì điều họ nói là vô nghĩa, bởi vì Vi Diệu Pháp Tạng (*Abhidhamma*) đã bác bỏ sự tồn tại của một trạng thái trung-gian (thân trung âm).

Bởi vậy, nghĩa ở đây thực sự là: “*Không ở này, cũng không ở kia—mà là một trường hợp khác*”.

- Mặc dù Vi Diệu Pháp Tạng của Trường Lão Bộ (*Theravāda Abhidhamma*) [coi thêm **Kvu 362–66**] và những luận giảng đã bác bỏ sự tồn tại của một *antarābhava* (thân trung-âm), nhưng vẫn có một số kinh dường như đã ủng hộ quan-niệm này. Mời coi thêm chú thích ở cuối kinh **SN 44:09** ở cuối quyển này, chú thích số đuôi (382), và coi thêm chú thích ở gần cuối kinh **SN 46:03** (Quyển 5), chú thích số đuôi (65)] (53)

54 [Tới chỗ **(b)** này, theo **Spk** thì: Thầy Channa ấy cắt tĩnh mạch cổ của mình và rồi sợ chết đã xâm nhập vào thầy ấy. Khi dấu-hiệu (hình tướng) của cảnh giới tái-sinh xuất hiện, thầy ấy mới nhận ra mình vẫn còn là một phạm nhân và tâm thầy ấy trở nên bị kích động. Thầy ấy thiết lập sự minh-sát, nhận rõ những sự tạo-tác, và chứng tới A-la-hán, thầy ấy đạt tới niết-bàn cuối cùng.] (54)

55 [Đến chỗ **(c)** này thì **Spk** giải thích: “Mặc dù sự tuyên bố về “sự không bị tội-lỗi” đã được nói ra khi thầy Channa vẫn còn là một người phạm, nhưng do sự chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) của thầy ấy xảy ra lập tức ngay sau đó, nên Phật đã trả lời bằng cách nhắc lại chính lời tuyên bố đó của thầy ấy.”

► Nên lưu ý rằng: sự diễn dịch như trên bởi luận giảng chỉ là sự gán ghép những thông tin từ ngoài đối với bài kinh, (không nhất thiết là luôn đúng với nghĩa của kinh); và đúng thực đó chỉ là những thông tin do diễn dịch từ bên ngoài chứ không dựa vào lời kinh. Nếu chúng ta chỉ cần bám kỹ vào lời bài kinh thì hình như thầy Channa đã là một A-la-hán khi thầy ấy nói lời tuyên bố như vậy, và đây thực sự là ‘cú sốc’ khi cả hai vị thánh sư huynh đã không nhận ra điều đó! Dĩ nhiên, hàm nghĩa bài kinh là: sự đau đớn hành hạ tột cùng đó cũng khiến ngay cả một A-la-hán muốn kết liễu mạng sống của chính mình—không phải do sân hận mà chỉ đơn giản là do một ý chí muốn được tự do sự đau đớn bất khả chịu đựng đó; [cũng giống kinh **SN 22:87** nói về sự kết liễu thân mình của A-la-hán Vakkali vậy]. (55)

56 [Tên của ngôi làng được ghi hơi khác nhau trong các phiên bản kinh; tôi ghi theo **Ee** ở đây. Tôi coi những chữ *mittakulāni suhajjakulāni upavajjakulāni*—được dùng để mô tả những gia đình tại gia đã giúp đỡ Ngài Channa—là những chữ đồng nghĩa. **Spk** giải nghĩa đó là *upasāṅkamitabbakulāni* (những gia đình được ghé đến) [để thầy ấy được cúng dường những thứ nhu yếu như y phục, thức ăn, thuốc men... để nuôi thân tu hành] (56)

57 [Khi Đức Phật nói về những điều kiện trong đó người tu là có tội lỗi (*sa-upavajja*), chữ *upavajja* ở đây là thay mặt chữ *upavadya*. Mặc dù lúc trước **Spk** đã giải thích đúng nghĩa của chữ *upavajjakulāni*, nhưng ở đây nhà luận giải dường như không hay biết gì về sự ‘chơi chữ’ nên đã luận giải thư thể thầy Channa đã thực sự dính tội lỗi vì đã giao lưu gần gũi với những người tại gia, nó ghi rằng: “Trưởng lão Xá-lợi-phất, sau khi chỉ ra tội lỗi vì sự thân mật với những gia đình (*kulasamsaggadosa*) trong giai đoạn tu tập ban đầu (của thầy Channa) và hỏi đức Thế Tôn: ‘Khi một Tỳ kheo có những người chăm lo giúp đỡ như vậy thì liệu Tỳ kheo đó có chứng được bát niết-bàn?’. Câu trả lời của Đức Thế Tôn cho thấy thầy ấy không thân thương mật thiết với những gia đình đó”. Về sự thân mật tình cảm với những gia đình được coi là một tội hay lỗi vi phạm của những Tỳ kheo, mời coi lại các kinh **SN 9:07** (Quyển 1), **16:03, 16:04, 20:09, 20:10** (Quyển 2).] (57)

58 [Kinh này cũng giống kinh **MN 145**, được đặt tên là kinh *Puṇṇovāda Sutta*; các đoạn mở đề và đoạn kết thúc có hơi khác. Bối cảnh bài kinh là, theo **Spk**: Ngài Puṇṇa trước kia đã từng là một thương nhân từ xứ/nước Sunāparanta được nói ra bên dưới, đã đến thành Sāvattihī (Xá-vệ) vì công việc làm ăn. Sau khi nghe Đức Phật thuyết giảng, thầy đã quyết định trở thành một Tỳ kheo. Sau khi thụ giới thầy ấy thấy vùng xung quanh thành Sāvattihī không hợp cho sự thiền tập của mình, nên thầy ấy muốn trở lại quê hương để tiếp tục tu tập. Thầy ấy đã đến gặp Phật để xin Phật hướng dẫn trước khi đi. Những chi tiết về tiểu sử của thầy ấy, mời quý vị đọc thêm **DPPN 2:220–21**. Xứ hay nước Sunāparanta ở bên bờ tây của Ấn Độ. Thủ đô của nó là Suppāraka, là Sopāra ngày nay nằm trong quận Thāna gần thành phố Mumbai ngày nay.] (58)

59 [Coi thêm kinh **SN 54:09**.] (59)

60 [Coi Quyển 1, chú thích số đuôi (650).]

61 [**Ee** đã bỏ câu *ten’ ev’ antaravassena pañcamattāni upāsikāsatāni paṭipādesi*; trong **Be** và **Se** thì thấy có [nhưng 2 phiên bản sau ghi động từ cuối là *paṭivedesi*]. Trong kinh **MN III 269,28–29** (?) thì nói rằng thầy ấy đã chứng Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) “vào một thời sau đó” (*aparena samayena*) chứ không thực sự xác định rõ là trong cùng mùa mưa năm đó.] (61)

62 [**Spk**: sự quấy động (*ejā*) là đục-vọng, do vậy mới nói (bị quấy động) theo nghĩa động chuyển (*calanattṭhena*) như vậy. Còn *anejā* (không bị quấy động) là cách mô tả chung về một A-la-hán.] (62)

⁶³ [Coi thêm chú thích thứ hai của kinh **SN 35:30** ở trên, chú thích số đuôi (16).] (63)

⁶⁴ [Coi kinh **SN 35:31**, và chú thích cuối đoạn thứ hai của nó, chú thích số đuôi (19).] (64)

⁶⁵ [(*) (Vì nếu một người bỏ qua 12 cơ-sở cảm-nhận thì người đó đâu thể chỉ ra hiện-tượng nào có thực). [Mời lại chú thích chỗ câu này trong kinh **SN 35:23**, chú thích số đuôi (8).]

(**) (Tức là, nếu ra ngoài trú xứ (lãnh vực, chuyên môn) của mình thì một người sẽ bị phiền bức, khổ não vì sẽ gặp phải khó khăn thử thách). [Mời coi lại chú thích chỗ câu cuối cùng này trong kinh **SN 35:23**, chú thích số đuôi (9).] (65)

⁶⁶ [Tôi đọc theo **Be** là: *calañ c’ eva byathañ ca*. **Se** và **Ee** ghi chữ *vyayañ* thay vì chữ *byathañ*, nhưng **Be** dường như cũng có sự ủng hộ của **Spk** và **Spk-pt**. **Spk** (của **Be**) thì ghi: *Calañ c’ eva byathañ cā ti attano sabhāvena asaṅgha-hanato calati c’ eva byathati ca*. “Đang chuyển động và đang lung lay”: nó chuyển động và lung lay vì nó không giữ ổn định trong bản chất của nó. [**Spk** (của **Se**) cũng nói giống vậy, nhưng ghi với chữ v.l. *asaṃvahanato* (?)] **Spk-pt** thì rằng: *Byathati ti jarāya maraṇena ca pavedhati*; “[Nó] lung lay: nó rung rẩy vì sự già và chết.” Coi thêm **MW**, s.v. *vyath*: rung rẩy, dao động, đi đến hư hỏng, thất bại.] (66)

⁶⁷ [Nguyên văn cả câu này: *Phuṭṭho bhikkhave vedeti phuṭṭho ceteti phuṭṭho sañjānāti*. Chỗ này chỉ ra 03 uẩn là *cảm-giác*, *những sự tạo-tác cố-ý*, và *nhận-thức*. (*) Như vậy đối với mỗi *cơ-sở cảm-nhận*, tất cả 05 uẩn đều được đưa vào: cơ-sở cảm-nhận (nội xứ) và đối-tượng của nó (ngoại xứ) thuộc sắc-uẩn; thức tương ứng với thức-uẩn; và 03 uẩn khác khởi sinh từ sự tiếp-xúc. Trong trường hợp cơ-sở tâm (tâm xứ), thì cơ-sở thuộc sắc của tâm (*vatthurūpa*) và đối-tượng (tùy lúc có) đều là là sắc-uẩn. (Ở đây, từ chỗ (*) này người dịch Việt dịch y văn nhưng không thực sự hiểu ý nghĩa của nó).] (67)

⁶⁸ [Tên kinh ghi theo **Be**. Trong **Se** kinh này được gọi là *Cha phassāyatana* (*Sáu Cơ Sở Để Tiếp Xúc*) và trong **Ee** kinh này và kinh kế tiếp được gọi là *Saṅgayha* (*Gồm Có*) nghĩa là gồm có phần thi kệ] (68)

⁶⁹ [Cụm chữ cuối là: *dukkhādhivāhā*. **Spk**: chúng là *những thứ mang đến* (*āva-hanakā*) *sự khổ đau cùng cực*, *sự thống khổ* (*adhidukkha*), chúng được xếp vào

loại “*nư địa ngục*”...] (69)

70 [Chữ cuối là: *sukhādhivāhā*. **Spk**: chúng là *những thứ mang đến* (*āvahanakā*) *sự hạnh phúc cực kỳ, cực lạc* (*adhisukkhā*), được xếp loại là những thứ như “*tăng thiền định, thánh đạo, và thánh quả*”.] (70)

71 Dòng kệ (*pāda*) ghi là: *papañcasaññā itarītarā narā*, dựa vào đó **Spk** đã luận giải: “Những chúng sinh phàm thường ‘trở thành như nhận-thức đã được tăng phóng’ đó bởi đó là nhận-thức bị ô-nhiễm (*kilesasaññāya*)”. Về cách mà “*những nhận-thức và những ý-niệm bị ảnh hưởng bởi sự tăng phóng*” khởi sinh và ám muội một người, mời coi kinh **MN I 111,35–112,13**. Chữ *papañca* được giải thích bởi các luận giảng là có từ 03 nguồn gốc: đục-vọng, sự tự-ta, và những quan-điểm này nọ (*taṇhā, māna, diṭṭhi; ái, ngã mạn, tà kiến*) trong năng lực của nó để gây ra sự sai lệch đảo điên và sự ám muội của tâm. “*Nhận-thức bị tăng phóng*” có thể được diễn dịch là sự nhận-thức sai lệch sai lạc (tà tướng) rằng có sự thường hằng, sừng, bản ngã, và đẹp đẽ (thường, lạc, ngã, tịnh) trong những thứ đích thực là vô thường, khổ, vô ngã, và ô uế (bất tịnh) [Coi thêm cách diễn đạt về chữ *saññāvipallāsa* ở đầu kinh **AN 4:29** và chú thích của nó (*sự đảo lộn, sự đảo điên của nhận thức*).] Người đó bị sai lệch đó bị gây ra bởi những ô-nhiễm bội tăng.

“*Trạng thái tâm*” hay “*tâm-trạng*” dịch là *manomaya*, đây một tính từ có nghĩa là “*được làm bằng tâm, do tâm tạo ra*” với danh từ được bỏ nghĩa được hiểu ngầm (chứ không ghi ra). **Spk** giải nghĩa như vậy: “Sau khi đã xua tan mọi ý-nghĩ (tâm) ‘*do tâm tạo ra*’ (*manomayaṃ vitakkaṃ*) kết nối tới ‘*đời sống tại gia của năm dây đục-lạc*’, một Tỳ kheo thiện giỏi sẽ đi trên [con đường] hướng tới sự từ-bỏ”. Sự tương phản giữa cái sừng phàm tục và cái sừng của sự xuất-gia đã được giảng giải kỹ trong kinh **MN III 217,13–218,6**.] (71)

72 [Ngài *Mālunkeyaputta* cũng xuất hiện trong kinh **MN 63** và **64**; và trong thi kệ **Th 794–817**. Vị này cũng có mặt trong kinh **AN II 248–49** (?), trong đó thầy đã thỉnh cầu giáo pháp khi tuổi đã già. **Spk** giải thích rằng thời trẻ thầy ấy đã lơ tâm chệnh mảng, say mê với những vui thú đục-lạc; giờ đến lúc già thầy ấy muốn sống trong rừng và thiền tập.] (72)

73 [**Spk** nói: Đức Thế Tôn nói như vậy như có ý quở trách thầy ấy đã không lo tu khi còn trẻ mà để tới già mới lo và đã không làm gương cho những Tỳ kheo trẻ.] (73)

74 [**Spk** giải thích chữ *adiṭṭhā* là “*đã không được nhìn thấy trong kiếp này*” và

chữ *adittḥapubbā* là “*chưa bao giờ được nhìn thấy trước giờ*”. Sự minh họa cho sự giải nghĩa này có thể đọc thấy ở kinh **42:11** (Quyển 4.) (74)

75 [Lời khuyên dạy giống vậy cũng được Phật nói cho du sĩ *Bāhiya Dārucīriya* ở kinh **Ud 8,5–12**. Nghĩa ở đây được nén lại một cách cực kỳ và ở những chỗ đoạn kinh dường như thách đố ngữ pháp tiêu chuẩn [ví dụ như ghi những chữ *na tena* và *na tattha* như những vị ngữ chỉ định (?)].

(i) **Spk** luận giải rất dài (và rất khó hiểu), thầy TKBD chỉ trích lược một phần như vậy: {Trong *co-sở hình-sắc*, đó là, trong thứ được nhìn thấy bởi thức-mắt, thì (đích thực) “*sẽ chỉ có thứ được nhìn thấy*” mà thôi. Vì thức-mắt chỉ nhìn thấy hình-sắc trong hình-sắc, chứ không thấy bản chất nào *thường hằng, swóng...* Cách giải thích tương tự cho những loại thức còn lại [**Spk-pt**: đó là, đối với những *javana*], ở đây sẽ chỉ có cái được nhìn thấy mà thôi. Hoặc nói cách khác: Cái được gọi là “*thứ được nhìn thấy trong thứ được nhìn thấy*” có nghĩa là sự nhận biết hình-sắc trong hình-sắc. “*Chỉ, chỉ là*” là chỉ cái giới hạn (*mattā ti pamāṇam*). Nó chỉ là thứ được nhìn thấy; do vậy nó “*chỉ là thứ được nhìn thấy*” [là một thuộc tính của] cái tâm. Nghĩa là: “*Tâm của tôi sẽ chỉ là một thức-mắt mà thôi*”. Nghĩa của điều này là như vậy: Một thức-mắt không bị ảnh hưởng bởi tham, sân, si trong liên hệ tới một hình-sắc đã đi vào tầm (mắt), do vậy cái *javana* sẽ giống như chỉ là một thức-mắt bởi do không có tham, sân, si ... Tôi sẽ thiết lập cái *javana* có thức-mắt là giới hạn. Tôi sẽ không đi quá giới hạn và cho phép tâm khởi sinh theo cách của tham, sân, si... Cách giải thích tương tự đối với *thứ được nghe thấy* và *thứ được cảm nhận*. Còn “*thứ được nhận biết*” là đối-tượng được nhận biết bởi cửa-tâm đang hướng (tâm) tới (*manodvārāvajjana*). Trong thứ được nhận biết đó, “*chỉ là thứ được nhận biết*” là thứ đang hướng tới [tức *thức*] là giới hạn. Khi người tu không trở thành có tham, có sân, hay có si... bởi sự hướng tâm tới, thì tôi sẽ thiết lập tâm tôi với hướng tâm là giới hạn, không cho phép nó khởi sinh theo cách của tham, sân, si ...} (??)

(ii) Câu “*thầy sẽ không là “bởi-đó” (na tena)*” nghĩa là: thầy sẽ không bị phát khởi bởi tham đó, hoặc bởi sân đó, hoặc bởi si. Câu “*thì thầy sẽ không ở “trong-đó” (na tattha)*” nghĩa là: khi thầy không bị phát khởi bởi tham, sân, si... thì “*thầy sẽ không ở trong (tham, sân, hay si)-đó*”— mà hướng theo, dính theo, được thiết lập trong cái được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận, và được nhận biết.] (75)

76 [Nên đọc câu này là: *cittam ass’ ūpahaññati.*] (76)

77 [*Khīyati no pacīyati*. Câu này không ghi chủ từ là cái gì được tiêu tán... nhưng **Spk** gợi ý đó là cả hai thứ “*sự khổ*” và “*những ô-nhiễm khác nhau*” được tiêu tán...] (77)

78 [Chữ gốc là: *parihānadhamma*.] (78)

79 [Nguyên văn: *Sarasaṅkappā saṃyojanīyā*. **Spk** coi chữ *sara* từ chữ *saranti* (giải nghĩa là *dhavanti*: chạy), nhưng tôi coi nó là từ chữ đồng âm có nghĩa là “*nhớ*” [đó cũng là căn bản của danh từ *sati*, vừa có nghĩa là *sự-nhớ* và *sự chánh-niệm*.] (79)

80 [Nguyên văn: *cha abhibhāyatanāni (sáu cơ-sở được chế ngự)*. **Spk** giải nghĩa là *abhibhavītāni āyatanāni*. Lưu ý: tất cả chỗ này khác với chỗ *aṭṭha abhibhāyatanāni (tám cơ-sở của sự chế-ngự (làm chủ))* [được nói trong kinh dài **DN II 110–111**, kinh **MN II 13–14** ... vân vân..] (80)

81 [“*Bị chôn lấp, bị lấp đất*”. **Spk**: chữ gốc: *byāsiṅcati* có nghĩa gốc là rải lấp, rải đầy; hàm nghĩa ở đây là: *bị nhuộm màu bởi những ô-nhiễm*.] (81)

82 [Chỗ này đọc theo **Se** và **Ee** là *dukkhaṃ viharati*, khác với **Be** ghi là *dukkhaṃ hoti*.] (82)

83 [*Những hiện-tượng (các pháp) không thể hiện (dhammā na pātubhavanti)*. **(i)** theo **Spk**: nói đây là những trạng thái của thiền-định và thiền-tuệ (*samatha-vipassanā dhammā*) không thể hiện; **(ii)** nhưng theo tôi nghĩa thì nghĩa ở đây là: *những cơ-sở bên trong (nội xứ)* và *những cơ-sở bên ngoài (ngoại xứ)* [được gọi chung ở đây là *các pháp (dhamma)*] không thể hiện đúng thực là ‘*vô thường, khổ, vô ngã*’; coi thêm kinh **SN 35:99** ngay bên dưới.] (83)

84 [Kinh này **35:99** và kinh kế **35:100** tiếp là các kinh song hành tương tự của các kinh **22:05** và **22:06** (Quyển 2). Mời coi lại chú thích ở kinh **SN 22:06** (Quyển 3) về *sự tách-ly về thân* (sự ắt dật, ắt tu).] (84)

85 [Kinh này **35:101** và kinh kế tiếp **35:102** là các kinh song hành tương tự của các kinh **22:33** và **22:34** (Quyển 3). Coi lại chú thích ở kinh **SN 22:33**.] (85)

86 [Ông *Uddaka Rāmaputta* là vị thầy thứ hai của Phật về thiền-định trong thời trước khi Phật giác-ngộ; thời đó Phật đã thấy cách tu đó không đưa đến sự giải-thoát rốt ráo, nên đã từ biệt ông ấy. Coi **MN I 165-66**.] (86)

87 [Đoạn mô tả về thân “*thân này gồm bốn yếu tố lớn ... phải bị chà xát và đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã*” là đoạn “mẫu” cũng có trong các kinh **SN 35:245** và **SN 41:05**. **Spk** giải thích sự *chà-xát* (*ucchādana*) là dùng hương thơm và dầu thơm để loại bỏ những mùi hôi, và sự *đè-bóp* (*parimaddana*) là thoa bóp bằng nước để loại bỏ sự đau nhức của tay chân. Toàn bộ lời đoạn “mẫu” này mô tả này chỉ ra những giai đoạn *khởi-sinh, tăng-trưởng, sa-sút, và hủy-hoại* của thân.] (87)

88 [*Yogakkhemīpariyāyam: sự an-toàn khỏi (mọi) sự trói-buộc*. Thông thường chữ *yogakkhema* là một chữ đồng nghĩa với thánh quả A-la-hán hay Niết-bàn, được giải thích bởi những nhà luận giảng là sự an-toàn hay sự thoát-khỏi *bốn sự trói-buộc* (*yoga*) của sự tham-dục, sự hiện-hữu, sự vô-minh, và những tà-kiến.] (88)

89 [Ở đây có sự chơi chữ, dựa trên 02 lần lặp lại chữ *yogakkhema* có nghĩa là người an-toàn khỏi sự trói-buộc. Bên cạnh nghĩa “*sự trói-buộc*” còn nghĩa khác liên quan tới câu trước là: *tesañ ca pahānāya akkhāsi yogam*. Về mặt ngữ âm học, chữ này dường như kết nối giữa động từ *akkhāsi* (thông qua gốc từ *khā*) với *khemī*, mặc dù chúng không có mối quan hệ về mặt từ nguyên nào cả. Như vậy chữ *yogakkhemī* có thể có nghĩa là “*người an-toàn khỏi sự trói-buộc*” (nghĩa thực) hoặc là “*người tuyên bố về sự phán-đầu*” (nghĩa gán, có được từ sự chơi chữ).

- **Spk** nói rằng một người được gọi là *yogakkhemī* không chỉ bởi vì người đó tuyên bố [sự phán-đầu] mà bởi vì người đó đã dẹp bỏ [tham-muốn và nhục-dục].] (89)

90 [So sánh với kinh **SN 22:150** (Quyển 3), và coi lại chú thích thứ hai ở kinh **SN 22:83** về chữ *upādāya* (do dính chấp, bằng sự dính-chấp).] (90)

91 [Đây là ba dạng thể hiện của sự ‘*tự ta*’ (ngã mạn, ta-đây); coi thêm kinh **SN 22:49**.] (91)

92 [Kinh này **35:109** và kinh kế tiếp **35:110** là song hành với các kinh **22:120** và **22:121** (Quyển 3).] (92)

93 [Kinh này **35:111** và kinh kế tiếp **35:112** là hầu như giống hệt kinh **35:26**.] (93)

94 [Chỗ này thì **Be** ghi đúng chánh tả hơn là: *paṭimukk’ assa mārapāso* [và ngay bên dưới ghi là: *ummukk’ assa mārapāso*]. **Spk** giải thích là: cạm bẫy của Ma Vương (*Māra*) được siết chặt, được quán quanh cổ của người đó. So sánh với kinh **It 56,15–21.**] (94)

95 [Lời trong ngoặc vuông [...] ở đây và bên dưới chỉ có trong phiên bản **Be.**] (95)

96 [Coi thêm kinh **SN 2:26 (Quyển 1)** [= **AN 4:45**] với vị tiên trẻ Rohitassa; kinh **35:116** này có thể được coi như một luận giảng đối với hai kinh đó vậy.] (96)

97 [Toàn bộ phần lời kinh còn lại bên dưới cũng được tìm thấy trong kinh **MN I 110–11, MN III 223–25. Spk** nói: Phật đã biết trước các Tỷ kheo sẽ đến gặp hỏi thầy Ānanda để thầy ấy sẽ giảng giải, và sự giảng giải của thầy ấy sẽ được khen ngợi. Rồi các Tỷ kheo đó sẽ kính trọng thầy Ānanda, và điều đó sẽ làm tăng thêm ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ.] (97)

98 [Nguyên văn cả câu này: *Yena kho āvuso lokasmim lokasaññi hoti lokamāni ayam vuccati ariyassa vinaye loko*. Về hàm nghĩa của câu này, mời coi lại kinh **SN 2:26 (Quyển 1)** và chú thích trong đó, chú thích ở cuối đoạn văn xuôi, chú thích số đuôi (182).] (98)

99 [Về nghĩa “*sáu cơ-sở cảm-nhận là ‘thế giới’ theo nghĩa đang tan rã*”: mời coi lại kinh **35:82** ở trên. Ở đây chúng được gọi là ‘thế giới’ vì chúng là những điều-kiện có thành *một người nhận-thức* và *người nhìn-nhận ‘thế giới’*. Chúng ta có thể phỏng đoán rằng năm cơ-sở cảm-nhận thuộc thân (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) là nổi trội trong sự tạo nên một “*người nhận-thức về thế giới*”, còn cơ-sở thứ sáu là tâm thì nổi trội trong sự làm nên một “*người nhìn-nhận về thế giới*”. Tuy nhiên không có sự phân biệt nào như vậy được thấy trong lời kinh. *Sáu cơ-sở cảm-nhận* đều lập tức là phần của thế giới (“*thứ trong thế giới*”) và là phương tiện cho sự thể hiện một của thế giới (“*thứ mà thông qua đó*”). “*Sự kết-thức của thế giới*” phải được đạt tới để làm nên *sự chấm-dứt đối với khổ*, đó là Niết-bàn, [trong số những thứ khác] nó được gọi là sự chấm-dứt của sáu cơ-sở cảm-nhận.] (99)

100 [Cụm chữ cuối là: *cetaso samphuṭṭhapubbā* được giải nghĩa bởi **Spk** là *cit-tena anubhūtapubbā* (được trải nghiệm trước đó bởi tâm).

- **Spk** lần lượt giải thích: (i) *Tâm của ta đã thường đi lạc (tatra me cittam*

bahulam gaccheyya): Phật chỉ rằng: “Trong nhiều lúc nó chuyển tới năm dây dục-lạc đã từng trải nghiệm trước đó khi ta đang thụ hưởng sự xa xỉ trong 03 cung điện với 03 loại vũ nữ ... (khi còn là thái tử)”. (ii) *Hoặc đi lạc tới năm dây dục-lạc có trong hiện-tại (paccuppannesu vā)*: Phật chỉ rằng: “Suốt những năm tháng phấn-đấu (tinh cần) thường có năm dây dục-lạc khởi sinh, như những đối-tượng giác quan đẹp, ví dụ như những vườn hoa, những đàn chim ...”. (iii) *Hoặc hơi chạy tới năm dây dục-lạc trong tương-lai (appam vā anāgatesu)*: Phật chỉ rằng: “*Tâm có thể đối chút khởi sinh tới tương lai, khi Phật nghĩ: ‘Metteyya (Di-lặc) sẽ là vị Phật (tương lai), Saṅkha sẽ là vị vua (chuyển luân vương tương lai), Ketumatī sẽ là thủ đô (tương lai)’*” Rõ ràng **Spk** không thể nhìn nhận đó là ‘những đối-tượng giác quan đẹp tương lai’ mà nhìn nhận đó là một vị Phật tương lai ... (Chỗ này người dịch Việt cũng không hiểu tại sao những ‘vị Phật, vua, thủ đô tương lai’ lại là tương đương với những đối-tượng dục-lạc đẹp của tương lai)] (100)

101 [Chữ cuối: *attarūpena*. **Spk** giải nghĩa là: *Attano hitakāmajātikena* (bởi người mong muốn được phúc lợi cho mình). Lời diễn đạt này cũng có trong các kinh **AN 4:95-99**. **Spk** giải thích sự chuyên-chú và sự chánh-niệm cần được thực hành vì mục đích để phòng-hộ cái tâm đối với năm dây khoái-lạc giác-quan.] (101)

102 [**Be** và **Se** ghi là *se āyatane veditabbe*—được ủng hộ bởi **Spk** (của **Be** và **Se**)—khác với **Ee** ghi là *ye āyatane veditabbe*. **Spk** nói: “*Vì sự chuyên-chú và sự chánh-niệm cần được thực hành vì mục đích để phòng-hộ cái tâm ... nên ‘cơ-sở đó cần được hiểu’; và điều đó có nghĩa là ‘nguyên-nhân đó vẫn được biết’ (tam kāraṇam jānitabbaṃ)*. Và ở kinh **Ud 80,10–16**, Niết-bàn được mô tả nhưng một *āyatana*.] (102)

103 [Tôi đọc theo **Se** và **Ee** là: *yattha cakkhuñ ca nirujjhati rūpasaññā ca viraj-jati*. **Be** cũng đồng nhất có động từ thứ hai là *nirujjhati*, nhưng chữ biến thể trong **Se** và **Ee** có vẻ là nguyên gốc hơn.] (103)

104 [Nguyên văn cả câu này là: *Salāyatananirodham ... sandhāya bhāsitaṃ*. **Spk**: “*Chính Niết-bàn được gọi là sự chấm-dứt của sáu cơ-sở cảm-nhận, vì trong (trạng thái) Niết-bàn mất, tai... chấm dứt và những nhận-thức về những hình-sắc, những âm-thanh... phai biến*”. Đề ý ở đây, câu trả lời của thầy Ānanda mặc dù được gọi là “*lời giảng giải chi tiết*” nhưng nó còn ngắn hơn cả câu Đức Phật đã nói.] (104)

105 [Câu cuối này là: *Sa-upādāno ... bhikkhu no parinibbāyati*. Nếu dịch theo

nghĩa ẩn dụ, câu này cũng có thể dịch nghĩa là “*Một Tỳ kheo với (còn) nhiên liệu thì không thể được hoàn toàn dập tắt được*”. (Coi thêm đoạn cuối kinh **36:07**.) (105)

106 [Đề ý: *Pañcasikha* cũng xuất hiện trong kinh dài **DN 21** là một nhạc sĩ và thi sĩ trên cõi trời.] (106)

107 [Coi phân tích chi tiết trong *Thanh Tịnh Đạo*, **Vism 20-22 (Ppn 1:53-59)**] (107)

108 [Coi trong *Thanh Tịnh Đạo*, **Vism 31-33, (Png 1:89-94)**] (108)

109 [Giống kinh **MN 147**.] (109)

110 [*Vimuttiparipācaniyā dhammā* (tạm dịch Việt): *những trạng thái (dần) chín muồi tới sự giải-thoát*. (1) **Spk** diễn dịch đây gồm 15 phẩm-chất (đề) thanh lọc 05 căn [căn niềm-tin, nỗ-lực, chánh-niệm, định-tâm, và trí-tuệ (tín, tấn, niệm, định, tuệ)], được cho là, đối với mỗi căn thì: tránh những người thiếu hụt căn đó, giao lưu với người được phú căn đó, và quán chiếu về các kinh truyền cảm hứng sự chín-muồi của nó. (2) **Spk** còn mở rộng thêm về chỗ này bằng 15 phẩm chất khác, bao gồm: (i) 05 căn nói trên; (ii) 05 nhận-thức góp phần vào sự thâm-nhập, có tên là: nhận-thức về sự vô-thường, khổ, vô-ngã, sự đẹp-bỏ, và sự chán-bỏ [về 02 sự nhận-thức cuối, coi các kinh **AN 10:56, 59, 60**]; và (iii) 05 phẩm-chất đã được dạy cho *Tỳ kheo Meghiya*, có tên là: sự có bạn-tốt (đồng đạo tốt), giới-hạnh của giới-bổn của Tỳ kheo (*Pātimokkha*), sự đàm-đạo thích hợp, sự nỗ-lực (tinh tấn), và trí-tuệ [coi thêm kinh *Meghiya AN 9:03*; kinh **Ud 36,3–28**].] (110)

111 [**Spk** chủ giải rằng: Những thiên thần đã từng tạo tâm-nguyện [được giác-ngộ] cùng với Ngài Rāhula khi Ngài đang tạo tâm-nguyện [được trở thành con trai của một vị Phật] dưới chân của Phật Padumuttara. Họ đã được tái sinh trong những cảnh giới khác nhau nhưng vào ngày này tất cả họ đều tụ họp ở đây trong Khu Vườn Người Mù.] (111)

112 [**Spk** nói: Trong bài kinh này, chữ “*tâm-nhìn của Giáo Pháp*” không phải chỉ dùng để chỉ (phẩm chất của) bậc Nhập-lưu không thôi, mà nó chỉ cả 04 thánh đạo và 04 thánh quả. Bởi vì có một số thiên thần đã chứng Nhập-lưu, một số Nhất-lai, một số Bất-lai, và một số chúng luôn A-la-hán. Số lượng thiên thần ở đây này là rất nhiều, không thể đếm được.] (112)

113 [Trong kinh **AN 1:253** ông được tuyên bố là đệ nhất đệ tử tại gia nam về việc cúng dường những thứ đáng thích nhất, đứng đắn nhất.] (113)

114 [Trong kinh **AN 1:254** ông được tuyên bố là đệ nhất đệ tử tại gia nam về về sự phụng sự chăm nom cho Tăng Đoàn.] (114)

115 [Về câu chuyện chuyển đạo của gia chủ tên Upāli, mời coi kinh **MN 56.**] (115)

116 [Trong kinh **AN 1:195** thầy Bhāradvāja được tuyên bố là đệ nhất đệ tử xuất gia trong số những người đã cất lên ‘tiếng gầm sư tử’ (tuyên bố đồng ý về điều gì); thầy ấy tuyên bố thánh quả A-la-hán của mình trong kinh **SN 48:49** (Quyển 5); coi thêm Luật Tạng, **Vin II, 111-12.**] (116)

117 [Udena là vua của xứ Kosambī; về câu chuyện của ông, mời đọc thêm các kinh **Dhp-a I 161–227; BL 1:247–93**] (117)

118 [Cụm chữ cuối: *addhānaṃ āpādentī. Spk* giải nghĩa là: glosses: *paveṇiṃ patipādentī; dīgharattaṃ anubandhāpentī* (*họ kéo dài nó một cách liên tục; họ theo đuổi nó trong thời gian dài lâu*).] (118)

119 [Chỗ này chính là ‘chủ-đề thiền’ được gọi là sự “*nhận-thức về không hấp-dẫn (asubhasaññā) của thân*” [như trong kinh **AN 7:49**, đoạn (1)], hoặc sự “*quán-niệm về thân*” (*kāyagatāsati*) được giảng giải chi tiết trong **Vism 239–66 (Ppn 8:42–144).**] (120)

120 [*Abhāvitakāyā: không tu thân. Spk:* là không tu tập tu dưỡng trong “thân” của năm cửa giác quan (*abhāvitapañcadvārikakāyā*), tức là thiếu kiểm chế giác quan.] (121)

121 (Gia chủ Ghosita là người cúng dường khu tịnh xá ở Kosambi, nên được gọi là Tịnh Xá Ghosita.)

122 [*Dhātunānatta.* Coi thêm các kinh **SN 14:01–10** (Quyển 2). Ứng với mỗi thể thức cảm-nhận có ba yếu-tố—căn cảm-nhận, đối-tượng, và thức—do vậy tổng cộng là 18 yếu-tố.] (122)

123 [**Spk:** *Tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng* (sự khởi-sinh tùy thuộc): đó là, một *tiếp-xúc* hội với *thức-mắt* có chức năng là một điều-kiện (duyên) [với chức năng là *sự hỗ-trợ quyết định (upanissaya)*] đối với (sinh ra)

một cảm-giác sướng trong chạng *javana* (tốc hành tâm) tùy thuộc vào chỉ một tiếp-xúc. Ứng dụng cách lý giải tương tự cho những đoạn kinh kế tiếp.] (123)

124 [Gia chủ này cũng xuất hiện trong các kinh **SN 22:03—04** (Quyển 3).] (124)

125 [Câu trích dẫn này cũng có trong kinh **SN 14:04** (Quyển 2).] (125)

126 [*Manāpaṃ itth’ etan ti pajānāti. Spk*: Tỳ kheo đó hiểu cái hình-sắc sướng (dễ chịu) được nhìn thấy bởi mình như vậy: “*Nó chỉ là vậy*”, nghĩa là: “*Đó chỉ là một thứ sướng*” (chỉ biết nó là vậy thôi! không có gì phải dính theo hay mê thích hay dính tâm theo nó).] (126)

127 [Tôi đọc theo **Be** và **Se** là: *Cakkhuvīññāṇaṃ sukhavedaniyañ ca phassaṃ paṭicca...* có vẻ đáng chọn hơn cách ghi của **Ee** là: *Cakkhu- viññāṇaṃ sukha-vedaniyaṃ. Sukhavedaniyaṃ phassaṃ paṭicca...* Không rõ ở đây chữ *cakkhu- viññāṇaṃ* đang được ghi ra như một yếu-tố thêm hay chỉ đơn thuần là một điều-kiện (duyên) cho cảm-giác. Tôi dịch theo giải thích của **Spk** (coi nó như một yếu-tố thêm) như vậy: “(Có) thức-mắt, và một tiếp-xúc là một điều-kiện (duyên) tạo ra cảm-giác sướng dưới cái danh nghĩa là sự hỗ trợ quyết định, sự gần gũi, sự tiếp giáp, sự liên kết [coi **Vism 532—41**; **Ppn 17:66—100**]. Tùy thuộc vào đó sự tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng, ở đó khởi sinh một cảm-giác sướng”.] (127)

128 [Ngay đầu kinh đầu tiên **SN 22:01** của Quyển 3 có chú thích về gia chủ Nakulapitā.] (128)

129 [**Be** ghi: *seleyyakāni karonti*; **Se**: *selissakāni karontā*; **Ee**: *selissakāni karonti*. Sự giải thích của **Spk** cho thấy trò chơi này giống như trò chơi “nhảy cóc” của trẻ con, tức một người nhảy qua lưng của người khác đang khom xuống.] (129)

130 [Bốn danh từ này thuộc những “mẫu câu” của những bà-la-môn dùng để sỉ nhục những sa-môn. (Họ cho rằng những sa-môn là những người thấp hèn được sinh ra từ bàn chân của trời Brahmā, còn những bà-la-môn thì được sinh ra từ miệng...) “*Những tín đồ hèn mọn*”: ở đây **Spk** giải nghĩa chữ *bharataka* là *kuṭumbikā* (những chủ đất), nhưng tôi nghĩ đây là từ dùng để chửi những đệ tử thí chủ tại gia. (Cụm chữ ‘*bởi những tín đồ hèn mọn của họ*’ theo bản dịch của nhà sư Sujato là: ‘*bởi những kẻ giả vờ để thừa hưởng văn minh Vệ-đà*’.) (130)

131 [**Spk**: Giáo Pháp ở đây chỉ là *mười đường nghiệp thiện* (chứ chưa có toàn bộ Giáo Pháp của Phật sau này), và thiền định (*jhana*) là sự tu tập 08 tầng thiền-định (chứ chưa có thiền-quán (minh-sát, tuệ)).] (131)

132 [Câu này: *Katā kiñcikkhabhāvanā*. Nghĩa chính xác của nó không rõ, nhưng tôi dịch theo sự giải nghĩa của **Spk** là: *āmisakiñcikkhassa vadḍhanatthāya katan ti attho* (được làm vì mục đích gia tăng những của-cái vật chất của họ).] (132)

133 [Có ý thích hay ham thích (*adhimuccati*) thứ gì theo cách của “*tham*”; từ chối hay ghét đẫy (*byāpajjati*) thứ gì theo cách của “*sân*” hay “*ác-y*”.] (133)

134 [*Chữ này là: amhākaṃ ācariyabhariyāya*. Đây có lẽ muốn nói đó là “*phu nhân của sư thầy của chúng tôi*” (tức nữ bà-la-môn này là người góa chồng), nhưng **s.v.** *ācariyabhariyā* thì nói cho rằng: theo như lời kinh đã diễn đạt thì đó là một nữ sư thầy, và thiếu niên đó là một học trò (*antevāsī*) của vị nữ bà-la-môn này. Waldschmidt có xuất bản phiên bản tiếng Phạn của kinh này (see Bibliography).] (134)

135 [Chữ ‘*dep bình bát*’: là không ăn nữa. Hành động đầy đủ của một Tỳ kheo lúc đó là mang bình bát ra và đổ nước vào, dùng tay phải rửa bình bát và rửa luôn bàn tay mình trong đó luôn (sau cùng có thể tráng nước bình bát và dội nước bàn tay lần cuối).] (135)

136 [Lý do chỗ này là: một Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho người nghe còn mang giày dép là phạm điều luật **Sekhiya 61**; cho người ngồi chỗ cao hơn là phạm điều luật **Sekhiya 69**; cho người trùm che đầu tóc là phạm điều luật **Sekhiya 67**. Ý nghĩa giới-luật: những trường hợp đó thể hiện sự không tôn trọng của người nghe]; (có lẽ do nữ bà-la-môn không phải người trong Tăng Đoàn nên không hề biết điều đó mà thôi).] (136)

137 [Do đọc nhầm phần ‘*thi kệ tóm lược*’ [ở IV 132 (?)] **Ee** đã gán đặt tên cho kinh này là “*Devadahakhaṇo*” và kinh kế tiếp là “*Saṅgayha*”. Đúng ra thì phải đặt tên theo cách của **Be** và **Se**, kinh này tên là “*Devadaha*” và kinh kế tiếp là “*Khaṇa*”, và kinh kế nữa là “*Saṅgayha*”] (137)

- (*Sakya* (Thích-ca) là một xứ, một vương quốc, của những người họ tộc Thích-ca; họ tộc Thích-ca có nhiều dòng họ khác nhau, như dòng họ Cồ-đàm (Gothama) của Phật...)

138 [Spk: không có địa ngục nào tên này, vì cách gọi như vậy là chỉ chung về **31 đại địa ngục**; nếu chỉ cái tệ hại kinh khủng nhất trong số đó thì đó là *đại địa ngục A-tỳ (Avīci)*, hoặc trong **SN 56:43** (Quyển 5) có tả về một đại địa ngục khác là *Đại Hỏa Ngục*.] (138)

139 [Spk cho rằng ‘thiên-đường’ ở đây là chỉ cung trời Tāvātimsa (Đao-lợi, cõi trời Ba Mươi Ba)?.] (139)

140 [Ee đã đặt tên sai cho kinh này là *Agayha*, và gộp luôn với kinh kế tiếp vào kinh này (bắt đầu chỗ IV 128,8 (?)). Như vậy, từ kinh **35:137** trở đi số kinh của tôi vượt quá Ee 1 số. Be thì đặt tên kinh **35:136** là *Paṭhama-rūpārāma* và tên kinh **35:137** là *Dutiya-rūpārāma*, trong khi Se thì đặt tên chúng là *Sagayha* và *Gayha*. Cái tên sau này, có lẽ, nên được sửa thành *Agayha*, để chỉ sự khác biệt giữ chúng là kinh trước có phần thi kệ và kinh sau thì không có.] (140)

141 [Phần thi kệ này là = Sn 759–65. Một số chỗ sau đây cần được sửa lại cho đúng, như trong Ee (ở IV 127–28 (?)), dòng kệ 5a nên đọc là: *Passa dhammaṃ durājānaṃ*; 6cd: *santike na vijānanti, magā dhammass’ akovidā*; 8b: *buddhuṃ*. Ở dòng kệ 3b, Be và Ee ghi là *sakkāyassa nirodhanam*, Se ghi là *sakkāyass’ uparodhanam*; nghĩa ở đây đều như nhau. Tôi đọc dòng 3d theo Be và Se là *passatam*, mặc dù Ee ghi *dassanam*.] (141)

142 [Spk: *Cách-nhìn* hay *chánh-kiến* này của *bậc trí-hiền rõ-thấy (idaṃ passantānaṃ paññitānaṃ dassanam)* là *ngược lại (paccanīkam)* với toàn bộ thế gian. Vì thế gian nhận lầm năm-uẩn là thường-hằng, là hạnh-hức, là bản ngã, và đẹp-đẽ (*thường, lạc, ngã, tịnh*), còn những bậc trí thì rõ thấy chúng đích thực là vô-thường, khổ, vô-ngã, và ô-úe.] (142)

143 [Spk: “*Trạng thái đờ*” = trạng thái Niết-bàn (*nibbānapadam*). “*Đã hoàn toàn tắt ngấm*”: bậc vô-nhiễm đã hoàn toàn tắt ngấm bởi sự dập tắt mọi ô-nhiễm (*kilesaparinihbānena parinibbanti*). Hoặc nói cách khác, sau khi trở nên không còn dính-nhiễm nhờ sự hiểu-biết đúng đắn (chánh trí), những bậc ấy hoàn toàn tắt ngấm (tịch diệt) bằng cách dập tắt năm-uẩn (*khandhaparinihbānena parinibbanti*). (Người dịch Việt nghĩ câu này có lẽ chỉ đơn thuần có nghĩa là những bậc A-la-hán đã tắt ngấm ‘lửa dục’, vì (i) chữ tắt ngấm hay dập tắt thường được nói nhanh trong các kinh với chữ ‘ngọn đèn, lửa, dục, dục-vọng’, và vì (ii) chiếu theo chữ *tham-dục* của đoạn thi kệ kế trên).] (143)

144 [Kinh này **35:138** và kinh kế tiếp **35:139** là các kinh song hành tương ứng với các kinh **22:33** và **22:34** (Quyển 3), và là những biến thể rút gọn dựa trên

các kinh **35:101** và **35:102**. Tên kinh ở đây tôi làm theo **Be; Se** đặt tên là *Palāsa*, **Ee** đặt tên là *Palāsinā*, cả hai đều có nghĩa là “cành lá”.] (144)

145 [Đề ý: các kinh **SN 35:140–45** là các kinh song hành với các kinh **SN 22:18–20**.] (145)

146 [So sánh kinh **12:37** (Quyển 2). Chỗ này **Spk** đưa ra lời chú giải giống như chú thích thứ hai trong kinh **12:37**, chú thích số đuôi (111), và nói thêm rằng kinh này thảo luận về ‘giai đoạn sơ khởi của minh-sát’ (*pubbabhāgavipassanā*)

(Nhân tiện: “được tạo ra”: *abhisakhata*; “được chế tác (tác thành, tạo mẫu) bởi sự cố-ý (tu): *abhisancetayita*; “thứ để được cảm nhận”: *vedaniya*.] (Còn ‘nghiệp cũ’ chỗ này là đang chỉ các giác-quan; kinh **SN 12:37** cũng có chú thích ‘nghiệp cũ’ y hết như vậy, nhưng nó chỉ về thân).] (146)

147 [*Nibbānasappāyaṃ paṭipadaṃ*. **Spk**: sự tu tập là hữu ích (*upakārapaṭipadā*), thích hợp, để được (chứng ngộ, đạt tới) Niết-bàn.] (147)

148 [*Nguyên văn cả câu: Anantevāsikam idaṃ bhikkhave brahmacariyaṃ vussati anācariyakaṃ*. Chỗ này rất khó dịch ra ngay!, vì lời kinh như câu đố chuyển thành 02 cách chơi chữ. Một “học trò” (*antevāsī*) có nghĩa gốc là “người trú ở bên trong”, do vậy [như lời kinh kế tiếp bên dưới cũng giải thích] một người có các ô-nhiễm không trú ở bên-trong (*na antovasanti*) thì được gọi là “không có các học trò” (vì chữ ‘học trò’ = ‘người sống ở bên trong’, như vậy ‘không có các học trò’ = ‘không có người trú ở bên trong’). Chữ “thầy” (*ācariya*) ở đây được kết nối một cách chơi chữ với động từ “tấn công, đánh” (*samudācarati*); do vậy người không bị tấn công bởi những ô-nhiễm được nói là “không có thầy” (= không có người không bị tấn công bởi những ô-nhiễm). **Spk** giải nghĩa *anantevāsikam* là *anto vasanakilesavirahitaṃ* (không có những ô-nhiễm trú ở bên trong), và chữ *anācariyakaṃ* là *ācaraṇakilesavirahitaṃ* (không có những ô-nhiễm ‘tấn công’).] (148)

149 [Về “sự-nhớ”, coi lại chú thích chỗ này ở đoạn (1), kinh **35:96** ở trên, chú thích số đuôi (79), là bao hàm hai nghĩa là sự-nhớ và chánh-niệm.] (149)

150 [Coi thêm kinh **SN 12:68** (Quyển 2) và chú thích của nó ở đầu phần (I), chú thích số đuôi (198).] (150)

151 [So sánh kinh **SN 35:70**. **Spk** nói bài kinh này nói về *sự quán-chiếu lại*

(*paccavekkhaṇā*) của một học-nhân (*sekha*) và về bậc A-la-hán.] (151)

152 [Được trang bị các căn: *indriyasampanno*. **Spk**: có nghĩa là: hoàn thiện trong các căn (*paripunṇindriyo*). Người đã chứng thánh quả A-la-hán bằng cách khám phá sáu căn cảm-nhận (sáu giác quan) bằng minh-sát tuệ thì được nói là “hoàn thiện trong các căn”, bởi vì người đó có-được các căn đã được thuần-phục, hoặc bởi do người đó có-được các căn tâm linh như *căn niềm-tin*, *căn trí-tuệ*... đã khởi sinh bằng cách khám phá sáu căn cảm-nhận bằng minh-sát tuệ, như *căn mắt* ... căn tâm. Để coi thêm về “được trang bị các căn”, mời coi lại kinh **SN 48:19** (Quyển 5).] (152)

153 [Kinh này là kinh song hành với kinh **SN 12:16** (Quyển 2) và kinh **SN 22:115** (Quyển 3)] (153)

154 [Kinh này **35:156** và kinh kế tiếp **35:157** là các kinh song hành của kinh **22:51** (Quyển 3), nhưng trong kinh **22:51** câu cuối đọc là *cittaṃ vimuttaṃ suvimuttan ti vuccati*, còn trong kinh này ghi là *cittaṃ suvimuttan ti vuccati*.] (154)

155 [Kinh này **35:158** và kinh kế tiếp **35:159** là các kinh song hành của kinh **22:52** (Quyển 3).] (155)

156 [Kinh này **35:160** và kinh kế tiếp **35:161** là các kinh song hành của các kinh **22:5** và **22: 6** (Quyển 3).] (156)

157 [Chữ *okkhāyati*: thể hiện (hiện thị, hiển lộ). **Spk** giải nghĩa *okkhāyati* là *paññāyati pākaṭaṃ hoti* (được nhận thấy, được thấy rõ, trở nên rõ ràng).

- (Và “thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là” có nghĩa là: người đó thấy được mọi thứ rõ ràng đúng như chúng thực là).] (157)

158 [Kinh này **35:162** và kinh kế tiếp **35:163** là các kinh song hành của các kinh **22:137**, **22:140**, và **22:143** (Quyển 3).] (158)

159 [Kinh này **35:165** và kinh kế tiếp **35:166** là các kinh song hành của các kinh **22:154** và **22:156** (Quyển 3).] (158)

160 [Ee nhóm mỗi ba kinh thành một kinh, nên số bài kinh cuối cùng của họ là 186; nhưng Be và Se, (và TKBĐ cũng làm theo), thì đánh số mỗi kinh bằng mỗi số riêng, nên số kinh cuối cùng là 227.

- **Spk:** 60 bài kinh này được nói cho những căn-cơ (thiên hướng, tính khí) của những người-nghe khác nhau để cho họ dễ giác ngộ; như vậy mỗi bài kinh được thuyết giảng riêng cho mỗi *căn-cơ của người-nghe* (*puggala-ajjhāsaya-vasena*). Cuối cùng 60 Tỳ kheo đều chứng ngộ A-la-hán.] (160)

161 [**Spk:** ‘đại dương đối với một người’: ngụ ý (i) mệnh mông khó lấp đầy, không thể làm thỏa mãn bằng mọi đối-tượng hình sắc ở cõi trần và cõi trời... và (ii) (người) bị chìm ngim trong đại dương của những đối-tượng hình sắc, đó là, khi nó không được phòng hộ kiểm chế, thì nó sẽ đi theo đường sai bằng cách trở thành một nguyên nhân làm khởi sinh những ô-nhiễm. Dòng chảy của nó gồm có những hình-sắc: Như đại dương có vô lượng con sóng, “đại dương của mắt” có vô lượng những đối-tượng nhìn thấy được hội tụ vào nó.] (161)

162 [Theo kinh **It 114, 15-18** thì giải thích những hiểm nguy đó như sau: “sóng dữ” (*ūmi*): sân giận và tuyệt vọng (*kodhūpāyāsa*); “lốc xoáy” (*āvatta*): năm dây dục-lạc; “cá mập và quỷ dữ” (*gāharakkhasa*): phụ nữ (sắc dục).] (162)

163 [*Samunna* (bị chìm ngim) được **Spk** giải nghĩa là *kilinna tinta nimugga* (bị ô nhiễm, bị dính nhiễm, bị chìm ngập). Trong tiếng Phạn chữ *samunna* là quá khứ phân từ của động từ *samunatti*, từ đó có danh từ là *samudra* (Pāli: *samudda*): đại dương; Coi thêm **MW, s.v. samud**. **Spk** nói: “hầu hết” (*yebhuyyena*) là hầu như tất cả trừ những bậc thánh. Dãy chữ mô tả cũng giống như trong kinh **SN 12:60** (Quyển 2), cuối đoạn thứ ba.] (163)

164 [**Ee** đã sai khi ghi đoạn thi kệ đầu bên dưới là văn xuôi và biến thành đoạn thứ nhất của kinh kế tiếp. Học giả Woodward, ở **KS 4:99**, đã bị lạc theo bởi các phân chia này. Phần thi kệ này cũng có trong kinh **It 57-58**.] (164)

165 [Ở đây dịch theo **Be** và **Se** là *pahāsi dukkham*, khác với **Ee** ghi là *pahāya dukkham*. **It 58** cũng có ghi chữ *pahāsi*.] (165)

166 [Ở đây dịch theo **Be** *vadhāya*, **Se** và **Ee** ghi *vyābādhāya*.] (166)

167 [Cả bốn cây đều thuộc họ cây fig, tức họ cây đa đề; coi thêm kinh **SN 46:39** (Quyển 5).] (167)

168 [Tức là: nếu không có tham-muốn và nhục-dục là gốc rễ của khổ đau thì sự tu hành để tiêu diệt tham-muốn và nhục-dục đâu có nghĩa lý gì. Bởi chừng nào người còn sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu giác quan) thì còn bị gông cùm bởi những đối-tượng giác quan, và do vậy sự giải-thoát là không thể được.] (168)

169 [Giống ví dụ trong kinh **SN 22:95** (Quyển 3).] (169)

170 [Lời đoạn này cũng được dẫn ra trong Thanh Tịnh Đạo, **Vism 36,24–27 (Ppn 1:100)**. **Spk**: Một người “*nắm giữ dấu-hiệu (trương) thông qua những đặc-điểm (nét)*” (*anubyañjanaso nimittaggāho*) nghĩ rằng: “Tay là đẹp, chân là đẹp...”. Sự nắm giữ dấu-hiệu (trương) là sự nắm giữ cái kết-hợp; sự nắm giữ những đặc-điểm diễn ra bằng sự phân-tách. Sự nắm giữ dấu-hiệu là nắm giữ mọi thứ một lần, như con cá sấu (nuốt nguyên thân); sự nắm giữ những đặc-điểm là nắm lấy những chi tiết riêng giống như tay riêng và chân riêng, như con đĩa (hút máu từng chỗ khác nhau). Hai sự nắm-giữ này còn được thấy có trong thậm chí một thời điểm của tiến trình *javana* (tốc hành tâm), hướng chi trong nhiều tiến trình *javana* khác nhau.] (170)

171 [Gây chia rẽ trong Tăng Đoàn là phạm vào một trong 05 đại trọng tội sẽ bị nghiệp báo lập tức, kiếp kế tiếp sẽ bị rớt ngay xuống địa ngục. Coi **It 10-11** và **Vin 198.**] (171)

172 [**Spk** nói: kinh này **35:236** và kinh kế tiếp **35:237** là nói về vòng *luân hồi hiện-hữu* và *sự chấm-dứt luân hồi* bằng cách chỉ ra: những sự sướng và khổ là kết quả của nghiệp.] (172)

173 [**Spk** nói: kinh này được nói cho những Tỳ kheo đã thiên tập sử dụng “*đặc-tính khổ*” làm chủ-đề thiên. Có bốn lại rấn độc (*āsīvisa*) cũng được nói trong kinh **AN 4:110.**] (173)

174 [Coi thêm ví dụ *cái bè nổi tiếng* trong kinh **MN I, 134-135**] (177)

175 [Chỗ này lời kinh giống trong kinh **35:228** ở trên.] (178)

176 [Về các yếu-tố được so sánh với bốn loại rấn, có chỗ giảng giải trong Thanh Tịnh Đạo, **Vism 367–68 (Ppn 11:102)**] (179)

177 [Coi lại ví dụ về mỗi uẩn giống như người hầu cận là kẻ sát nhân trong **SN 22:85**, đoạn (7).] (180)

178 [Câu chõ này là: *Yoni c’ assa āradhā hoti*. **Spk** giải nghĩa là: *Kāraṇaṇ c’ assa paripuṇṇam hoti* (và *cái nguyên nhân để có sự đó là tròn đầy*). So sánh với kinh **AN 3:16** cũng nói về ba sự tu-tập này là “*đã đặt xong nền-móng cho sự tiêu diệt ô-nhiễm*”. Nhân tiện, lời hai bài kinh giống nhau, chỉ khác câu mở đầu và kinh **SN** thì có thêm ví dụ.] (183)

179 (Coi thêm ví dụ người lái xe ngựa được biết đến nhiều trong kinh **MN III, 97.**)

180 (Về sự ăn uống tiết độ, mời coi thêm **Vism 31-33 (Png 1:89-94).**)

181 [Không như các kinh khác đều ghi rõ câu: “*Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy nói thêm như vậy: ...*” ngay trước phần thi kệ. Vì vậy phần thi kệ này có thể là do những người biên tập về sau gán thêm, dựa theo ví dụ con rùa.] (186)

182 [Giống lời kinh trong **SN 22:03**, đoạn (5), (6).] (187)

183 [Đoạn mô tả về ‘*một người thất-đức...*’ cũng có trong các kinh **AN 8:19**, phần (II), đoạn (3); **AN 8:20**, đoạn giữa; **AN 7:72**, đoạn (1), và các kinh **Ud 52,13–16**, **55,10–13.**] (188)

184 [Tội hiểu chữ *upagacchāmi* chỗ này thực sự là ở thể tương lai, phù hợp với những điều tương lai tiếp theo.] (189)

185 [Nguyên văn cả câu: *Aññataram saṅkiliṭṭham āpattiṃ āpanno hoti. Spk* giải thích hơi khác... Tuy nhiên, tôi coi lời kinh ở đây nói về một tội nặng, là tội thuộc về dạng tội *Pārājika* (ba-la-di, tội lớn nặng) hay tội *Saṅghādisesa* (Tăng tàng); tội *Pārājika* sẽ bị trục xuất khỏi Tăng Đoàn và tội *Saṅghādisesa* cần có một tiến trình đặc biệt để phục hồi. (Người dịch thấy lời kinh đã ghi rõ là một ‘tội ô nhiễm, không cho phép hay không có sự phục-hồi’ có nghĩa là tội lớn nặng thuộc loại *Pārājika* (ba-la-di).)] (190)

186 [Cồ-đàm (*Gotama*): Phật gọi như vậy vì nhóm người này cũng thuộc dòng họ *Gotama*, giống như Phật]. (*Gotama* (Cồ-đàm) là một dòng họ thuộc bộ tộc Thích-Ca (*Sakya*) ở nước Thích-ca.) (192)

187 [Nguyên văn cụm chữ này: *Avassutapariyāya, anavassutapariyāya*. Chữ *avassuta* có nghĩa gốc là “*đã chảy vào*” hoặc bị thấm rì, hàm nghĩa một cái tâm đã bị thấm nhiễm bởi những ô-nhiễm. Những danh từ *avassuta* và *āsava*, và những động từ *anvāssavati* và *anu(s)savati*, đều dựa trên một gốc từ *su* (chảy). Waldschmidt cũng có ấn hành phiên bản tiếng Phạn của ‘bài thuyết giảng của Mục-kiền-liên’ này (coi Bibliography).] (194)

188 [Lời kinh giống trong kinh **SN 35:132**, đoạn (1), (2).] (195)

189 [Toàn bộ câu dài này một dạng phức tạp bất thường thái quá trong tiếng Pāli, như theo cách dịch của tôi phải cần tách ra đến 03 chủ-đề. Cú pháp có vẻ rất bất thường, vì chữ liên hệ khởi đầu là *yato* không được hoàn thành bằng chữ minh họa tương ứng là *tato*. Ở đây tôi đọc chữ cuối cùng là *nānu(s)savanti* theo **Se** và **Ee**, khác với **Be** ghi là *nānusenti*. (Người dịch Việt đánh số để làm rõ từng vấn đề trong phần mở đề phức hợp; cú pháp lời kinh này là bất thường, không đơn giản như lời dạy trong các kinh của Phật...)] (196)

190 [**Spk**: *dukkhadhammā* (những pháp khổ) là *dukkhasambhavadhammā* (những trạng thái từ đó khổ phát sinh ra). Bởi vì do có năm-uẩn nên từ đó có thể phát sinh ra nhiều loại khổ như bị thương, bị giết, bị bắt tù... (trong kiếp luân hồi)] (197)

191 [Ví dụ hồ than giống trong kinh **SN 12:63** (Quyển 2), chỉ khác một chút về lời.] (198)

192 [Ví dụ này cũng có trong các kinh **MN I 453,26–29** và **MN III 300,19–23.**] (201)

193 [Sự ‘*thanh lọc tâm-nhìn*’ (*dasaana*) thường có nghĩa là chứng ngộ Nhập-lưu, đã đạt tới ‘*tâm-nhìn của Giáo Pháp*’ (*dhammacakkhu*); tuy nhiên ‘*tâm-nhìn được thanh lọc một cách khéo léo*’ (*suvisuddham*) ở đây có lẽ chỉ chặng thánh đạo để chứng thánh quả A-la-hán.] (202)

194 [Chữ *kiṃsuka* có nghĩa gốc là “*nó là gì?*” Tên này có thể bắt nguồn từ câu đố dân gian cổ Ấn Độ. Chữ *kiṃsuka* cũng được biết trong văn ngữ tiếng Phạn [coi MW, s.v. *kiṃ*]. (Cây này được suy dịch thành nhiều loại cây khác nhau, và dựa theo những giai thoại khác nhau).] (204)

195 [Chữ gốc: ‘*śirīsa*’, tức là Cây Bô-Đề của Đức Phật Kakusandha (Câu-lưu-tôn); coi kinh **DN II 4,12.**] (205)

196 [**Spk**: Vì sao ví dụ này được đưa vào? Bởi vì, nếu Tỳ kheo đó hiểu được (ý nghĩa được chuyển tải bằng ví dụ cây *kiṃsuka*) tốt. Nếu không hiểu thì ví dụ về kinh thành này được đưa vào để giải thích và làm rõ ý nghĩa cho người đó.] (207)

197 [‘*Bị chà xát và đè bóp*’: nghĩa bóng là bị tác động và tác hại, bị hư biến đủ kiểu; cả câu này chỉ các giai đoạn ‘*sinh, trưởng, hoại, diệt*’ của thân; **Spk** giải thích y hệt như chú thích ở kinh **SN 35:103** ở trên.] (208)

198 [Spk suy luận ‘người chủ thành’ là cái tâm minh-sát (*vipassanācitta*), đó là vị hoàng tử được đăng quang bằng ‘sự đăng quang’ là thánh quả A-la-hán bởi hai sứ giả–sự tĩnh-lặng (định) và minh-sát (tuệ). Sự diễn dịch này theo tôi là quá bó hẹp. Tôi nghĩ đơn giản ý chỗ này có nghĩa: “*thức*” là trung tâm của mọi trải nghiệm cá nhân.] (209)

199 [Spk: Niết-bàn được gọi là “*tin hiện-thực*” (*yathābhūtaṃ vacanaṃ*) bởi vì trong bản chất thực của nó nó không thể lay chuyển và bất biến (*yathābhūtasabhāvaṃ akuppaṃ avikāri*).] (210)

200 [Ngoài *Chương 5 (SN 5)* trong **Quyển I**, trong bộ kinh này hiếm khi thấy đề cập tới các Tỷ kheo ni; Tỷ kheo ni chỉ được đề cập thêm một lần nữa ở kinh **SN 35:231** ở trên. (Phật cũng có ít có hội nói trực tiếp cho các Tỷ kheo ni).] (211)

201 [‘*Cần cạn khan hiếm*’ là tạm dịch chữ gốc [*duhitika*]: nghĩa là ‘không có gì để ăn, uống, nghỉ ngơi... nên không thể đi qua được’; nghĩa bóng: là con đường ô-nhiễm phạm tục là như ‘*con đường duhitika*’, không thể đưa đến sự tu tiến hay thanh lọc...] (212)

202 [Spk: Giống như người chru ruộng không chịu thu hoạch lúa, rồi do người chăn bò lơ lãng, con bò vào ruộng ăn lúa; cũng giống như vậy, khi tâm bị xa lìa khỏi sự chánh-niệm là người canh gác sáu cửa cảm-nhận, thì tâm sẽ lo thụ hưởng năm dây dục-lạc; rồi, vì những phẩm chất thiện lành bị hủy diệt, Tỷ kheo đó không chứng đắc những kết quả của đời sống tu hành.] (213)

203 [Nguyên chữ Pāli các bộ phận của cây đòn tỳ bà (*vīṇā*) là: *camma, doṇi, daṇḍa, upaviṇā, tanti, koṇa*. Ví dụ này cũng có trong kinh **Mil 53**, inclusive of the list of terms (preceded by *patta*, sling). Cách dịch những bộ phận của đòn tỳ bà tôi làm theo bản dịch của tiến sĩ Horner, trong tập *Milinda Ván Đáp*, **1:74**, cô đã dịch dựa theo cách diễn dịch theo A.K. Coomaraswamy trong bài viết “*Những Bộ Phận Của Một Đòn Tỳ Bà (Vīṇā)*” trên tạp chí *Journal of the American Oriental Society*, **50:3**.] (215)

204 [Spk: *Năm-uẩn* được ví như đòn tỳ bà; *người thiền* là nhà vua. Khi nhà vua không thấy âm thanh nào bên trong cây đòn cho dù có đập nát nó ra để tìm, và do vậy ông không còn quan tâm tới cây đòn; cũng giống như người thiền, sau khi đã khám phá năm-uẩn không nhìn thấy có cái ‘ta’ hay cái ‘của-ta’ bên đó nên người thiền cũng không còn quan tâm hay dính chấp vào năm-uẩn như một thực thể nào cả. Ba cái này là chỉ 03 *sự dính-chấp* lớn của con người: cái ‘ta’:

thân kiến (như ngã kiến); cái ‘*của-ta*’: dục-vọng (như ngã chấp); cái ‘*ta-là*’ này nọ là những quan-điểm sai lạc (như tà kiến).] (217)

205 [Spk giải thích ý nghĩa là Tỳ kheo thiếu đức-hạnh thì như cái gai thúi làm thương tổn những người dân làng. Còn Spk-pt thì nói: những Tỳ kheo thiếu đức-hạnh thì giống như người ép uổng dân làng phải cúng dường, mặc dù những ‘đại đức thúi’ đó là không đáng được cúng dường hay kính trọng...] (219)

206 (Lời kinh về *sự không kiểm-chế* và *sự biết kiểm-chế* cũng giống như trong các kinh **SN 35:132** ở trên, phần (1), (2), và trong kinh **35:243**, phần (1), (2) ở trên được nói bởi Ngài Mục-kiền-liên, và một số kinh khác cũng có những đoạn giống tươngg tự.)

207 [Sự xích mích và đánh nhau giữa các thiên thần và những quỷ thần (a-tu-la) được nói nhiều lần trong các kinh; mời coi lại cái kinh **SN 11:1–6** (Quyển 1). Đoạn kinh mô tả tiếp dưới đây là song hành tương tự đoạn kinh trong kinh **SN 11:4** (Quyển 1).] (222)

208 [Ý câu này cũng được nói trong kinh **22:64** (Quyển 3). Spk nói: “Trong sự nhìn-nhận (suy tưởng) năm-uẩn theo cách của dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn) và những quan-điểm này nọ (tà kiến)”.] (223)

209 [Spk: “*ta-là*” (*asmi*) là một sự nhìn-nhận thông qua dục-vọng (ái); “*ta là này*” (*ayam aham asmi*) là là một sự nhìn-nhận thông qua những quan-điểm này nọ (tà kiến); “*ta sẽ là*” là một sự nhìn-nhận thông qua quan-điểm bất diệt, tức có một cái ‘ta’ hằng hữu (thường kiến); “*ta sẽ không là*” là một sự nhìn-nhận thông qua quan-điểm diệt-vong, tức sau khi chết là hết, sẽ không còn là gì (đoạn kiến). Những cái còn lại là những loại đặc trưng của quan-điểm bất diệt.

- Spk kết nối cái ‘*ta-là*’ với *dục-vọng* là bất thường, vì ý niệm về sự ‘*ta-là*’ (*asmi*) thường được gán cho sự ‘*tự-ta*’ (ngã mạn, ta-đây) trong các kinh và luận giảng; tuy nhiên, trong kinh **SN 22:89** (Quyển 3) có ghi *asmī ti chando* theo lời của Ngài Khemaka) và có thể nhà luận giải đã có ý này trong đầu. “*Ta là này*” dính líu với quan-điểm danh-tính (thân kiến), trong đó một người thiết lập một ‘danh-tính’ của mình bằng cách nhận một hay các uẩn là cái ‘*ta*’ (ngã). Những [09 (?)] *cách nhìn-nhận* được nói trong kinh **SN 22:47** (Quyển 3); coi thêm kinh **MN III 246, 11–17.**] (224)

210 [Các thuật ngữ trong các đoạn (2), (3), và (4) này lần lượt là *ññjita*, *phandita*, và *papañcita*. **Spk** giải thích: “Điều này giải thích cho thấy rằng, do có những ô-nhiễm [như dục-vọng...] nên chúng sinh bị *nhiều-loạn*, *chao-đảo*, và *phóng-tâm*”. Chữ *papañca* (*sự nhiều loạn*) thường được giải thích trong các luận giảng là những *pamādakarā dhammā* (những yếu tố chịu trách nhiệm cho sự lo-tâm phóng dật và sự phóng-tâm này nọ).] (225)

211 [Chữ cuối là: *mānagata*. **Spk**: bản thân sự ‘*tự-ta*’ (ta-đây, ngã mạn) là một sự dính-líu với sự ‘*tự-ta*’ rồi. Trong đoạn này, sự ‘*ta-là*’ (ngã chấp) được nói ra theo cách của sự ‘*tự-ta*’ kết nối với *dục-vọng*; “*Ta là này*” thì theo cách của những quan-điểm (tà-kiến) này nọ. Mặc dù sự ‘*tự-ta*’ (ngã mạn) không khởi sinh trong sự liên kết lập tức với những tà-kiến này nọ [theo như sự phân tích của Vi Diệu Pháp về những khoảng-khắc tâm (*sát-na tâm*) thì chúng nó là riêng nhau], những tà-kiến xảy ra là do sự ‘*tự-ta*’ (ngã mạn, ta-đây) chưa được dẹp bỏ. Vì vậy nên điều này được nói ra với sự đề cập tới những tà-kiến bắt rễ từ sự ‘*tự-ta*’.] (226)

212 [TKBD: Phần thi kệ [trong kinh này và các kinh sau] không được đề trong ngoặc kép “...”, vì chúng có vẻ không phải lời của Phật; có thể những người biên tập ngày xưa đã lấy từ chỗ nọ chỗ kia trong các kinh rồi gắn vào các bài kinh này. Trong kinh này, phần thi kệ được nói theo khuôn-mẫu ‘*Tứ Diệu Đế*’, với ‘*khổ*’ được thay bằng ‘*cảm-giác*’ với ý nghĩa rằng: *mọi cảm-giác đều nằm trong sự khổ*, bởi *cảm-giác cũng là một trong năm khổ uẩn*. **Spk** giải thích ‘*có đạt-định*’ và ‘*thấu-suốt rõ ràng*’ là định và tuệ minh-sát; [còn **Spk-pt** thì giải nghĩa hai chữ là: *samāhito* và *sampajāno* (*rõ biết, tinh giác*)]; phần còn lại là Bốn Diệu Đế. **Spt-pt** thì giải thích: ‘*hết đời khát*’ (*nicchāto*): là hết dục vọng; ‘*hoàn toàn tắt ngấm*’ (*parinibbuto*) hàm nghĩa là sự hoàn toàn tắt bật của những ô-nhiễm. Như vậy, bài kệ là bao gồm *tất-cả* những trạng-thái trong 04 cõi, [coi lại chú thích đầu tiên trong kinh **SN 35:23** ở trên].] (227)

213 (Tức: sướng không tham, khổ không sân, trơ không si (mà phải biết rõ về nó).) [03 *khuyñh-hướng tiềm-ẩn* (tùy miên) này trong tiếng Pāli là *rāgānusaya*, *paṭighānusaya*, *avijjānusaya*. Trong số 07 *khuyñh-hướng tiềm-ẩn* (*anusaya*) [coi lại kinh **SN 45:175**] thì riêng 03 loại này liên quan tới những cảm-giác; coi thêm kinh **MN I 303,6–11**.] (229)

214 [Cụm chữ cuối: *mānābhisamayā*. **Spk** nói: *sự phá tan sự tự-ta* là bằng cách nhìn thấy nó (*dassanābhisamayā*) và bằng cách dẹp bỏ nó (*pahānābhisamayā*). Mời đọc lại chú thích chi tiết ở kinh **SN 12:02** (Quyển 2), phần [I. Khởi sinh], đoạn (1), chú thích số đuôi (13).] (231)

215 [**Spk**: Sự thoát-khỏi ở đây là sự tu tập thiền-định, đạo và quả. Người phạm phu không biết sự tu tập là giải pháp; họ chỉ nghĩ sự thoát-khỏi khổ đau là khoái-lạc giác-quan mà thôi (cho nên khi bị khổ đau, họ tìm tới dục-lạc, như người nghiện bị đau đớn thì tìm tới ma túy vậy; chỉ là cách tạm bợ, phù du, và tái khổ liên tục).] (235)

(Ví dụ: nhân loại luôn tìm kiếm vui sướng trong đủ loại dục lạc như: phương tiện tiền của, tiện nghi, ái tình, tính dục, ăn uống, rượu chè, hút chích, trò chơi, trò giải trí, tiệc tùng, tụ tập ...)

216 (Nguyên văn dịch là: “*Một Tỳ kheo nên chờ tới lúc của mình một cách có chánh-niệm và thường rõ-biết*”. Câu này có thể được hiểu là: “Người tu nên sống có chánh-niệm và tỉnh-giác cho đến lúc chết”; hoặc: “Trong khi chờ đến lúc chết, người tu nên luôn thực hành sự chánh-niệm và sự tỉnh-giác”; hoặc: “Chừng nào còn sống, người tu phải luôn có chánh-niệm và rõ-biết”. Bối cảnh lúc này là Phật đang nói với những người bệnh ở khu người bệnh.)

217 [Đoạn từ chỗ này cho đến hết bài kinh cũng có trong kinh **SN 12:51** (Quyển 2) chỉ khác ví dụ, và cũng có trong kinh **SN 22:88** và **SN 54:8** (Quyển 3) với cùng ví dụ.] (239)

218 [Ví dụ này cũng có trong kinh **SN 12:62**.] (240)

219 [**Spk**: sự vô-thường của những sự tạo-tác (các hành) chính nó là sự vô-thường của những cảm-giác, và sự vô-thường này là sự chết. Không có cái khổ nào tệ hơn chết: với ý như vậy nên nói “*Tất cả cảm-giác là khổ*”.] (241)

220 [Trong **Be** và **Se**, 2 đoạn thi kệ cuối cùng này giống hệt như trong kinh **36:03**, nhưng **Ee** đọc là (câu thứ hai) *sampajāno nirūpadhi* (không lơ-tâm, luôn tỉnh-giác) thay vì là *sampajāññaṃ no riñcati*.] (243)

221 [**Spk**: *Cảm-giác dễ chịu thuộc thể-xác (sāmisā)* là cảm-giác kết nối với cảm nhận thể xác; *cảm-giác dễ chịu thuộc tinh-thần* [thuộc tâm thần, thuộc tâm] (*nirāmisā*) là cảm-giác khởi sinh trong tầng thiền định thứ nhất ... thứ hai ... hay bằng cách minh-sát, hay bằng cách tưởng-niệm Phật (hay Pháp, Tăng). *Cảm-giác khổ đau thuộc thể-xác* là cảm-giác thể xác khởi sinh thông qua cảm nhận thể-xác [**Spk**-pt định nghĩa: đó là cảm-giác khổ đau của những người đang chịu đựng đau khổ do cảm nhận giác quan]; *cảm-giác khổ đau thuộc tinh-thần* là cảm-giác ưu phiền (*domanassa*) khởi sinh do khao khát đạt tới sự giải-thoát vô thượng [**Spk**-pt: chính là thánh quả A-la-hán] (mà chưa đạt được).

Cảm-giác trung tính thuộc thể-xác khởi sinh thông qua cảm nhận thuộc thể-xác; *cảm-giác trung tính thuộc tinh-thần* là cảm-giác trung tính khởi sinh bằng cách (trong trạng thái) tầng thiền định thứ tư (trạng thái không còn sợ hãi).
Coi thêm kinh **36:31.**] (244)

222 [Kinh này cũng nằm trong kinh **MN 59**, kinh “*Bahavedaniya Sutta*”.] (245)

223 [108 loại cảm-giác này đã được giảng giải trong kinh **36:22** bên dưới.] (246)

224 [Kể từ tầng thiền định thứ tư trở lên, do không còn sự sợ hãi và sự khổ nên sự hạnh-phúc ở đây được coi là dạng “*khoái-lạc bình an và siêu phàm*”; thường được gọi là “*an trú*” hay “*lạc trú*”, theo nghĩa nó là “*bình an và siêu phàm*”.] (247)

225 [*Sự chấm-dứt* (tịch diệt) được gọi là hạnh-phúc theo nghĩa nó là ‘*niềm hạnh-phúc không được cảm nhận*’ (*avedayasukha*) (bằng giác quan).’ Còn ‘*niềm hạnh-phúc được cảm nhận*’ (*vedayasukha*) thì khởi sinh theo cách của năm dây khoái lạc-giác-quan và tám tầng thiền nói trên, trong khi đó *sự chấm-dứt* thì được gọi là ‘*niềm hạnh-phúc không được cảm nhận*’. Cho dù có được cảm nhận hay không, chúng vẫn đều là hạnh-phúc theo cái nghĩa là những ‘*sự an trú không-còn khổ đau*’ (*niddukkhabhāva*).] (248)

226 [Tôi đọc nguyên văn câu cuối là: *Yattha yattha āvuso sukhaṃ upalabbhati yamhi yamhi, taṃ taṃtathāgato sukhasimpaññāpeti*. **Spk** diễn dịch: Cho dù sự hạnh-phúc được cảm nhận hay sự hạnh-phúc không được cảm nhận, Như Lai chỉ mô tả rằng: thứ gì không còn khổ là hạnh-phúc.] (249)

227 [**Spk**: tên ông ta là Sīvaka, nhưng vì ông ta có búi tóc trên đỉnh đầu (*cūlā*) nên ông được gọi là Moliyasīvaka, nghĩa là ông Sīvaka búi tóc (*moli* hay *moli* là một chữ khác chỉ búi tóc).] (250)

228 [Quan-điểm này thường được nói giống như thuyết *pubbakatahetuvāda* (thuyết nghiệp tiền kiếp). Trong kinh **MN II 214–223**, trong đó thuyết này được gán cho những người đạo Jains (Ni-kiền-tử), Đức Phật đã chỉ trích thuyết đó từ một góc độ, và cũng chỉ trích theo một góc độ đó như trong kinh AN I 173,27–174,15 (?).] (251)

229 [Theo lý luận này, chữ *vedanā* (cảm-giác) đang được dùng theo nghĩa hẹp là *cảm-giác khổ đau* mà thôi. Mật (*pitta*), đờm (*semha*), và gió (*vāta*) là 03 khí chất của thân (*dosa*) theo Y học Ayurveda cổ ở Ấn Độ. Ở đây nên để ý Phật

đã nhắc tới *sự trải nghiệm cá nhân* (người tự mình cảm nhận cảm giác trong bụng...) và điều công nhận trong dân gian (điều được cho là đúng trong thế gian) là 02 góc độ để bác bỏ quan-điểm cho rằng ‘tất cả cảm-giác đều do nghiệp quá khứ’ theo nghĩa là nghiệp quá khứ là *nguyên nhân duy nhất và đầy đủ* tạo ra mọi cảm-giác trong hiện tại. Tuy nhiên, lời của Phật cũng hàm ý *không* từ chối những nghiệp (ác) quá khứ có thể kết quả thành bệnh tật... (dẫn tới những sự đau đớn, đau khổ... trong hiện tại); vì mức độ nhân-quả này không thể được nhận biết ngay bởi người thiếu các căn nhận biết siêu thường. Như vậy nghiệp vẫn có thể là một nhân gián tiếp gây ra những cảm-giác đau khổ được trực tiếp gây ra bởi 07 nguyên nhân đầu tiên. [Nhân chỉ đủ trong trường hợp thứ tám, mặc dù muốn đủ cũng cần sự liên kết với những điều-kiện (duyên) khác nhau khác].] (252)

230 [Tôi đã dịch các chữ *sannipātikāni*, *visamaparihārajāni*, và *opakkamikāni* đúng theo cách giải thích của **Spk**. Về cụm chữ *kammavipākajāni vedayitāni*, **Spk** nói những cảm-giác này được tạo ra bởi *duy nhất* (*kevalam*) nghiệp quả. Nhưng những cảm-giác đã khởi sinh trực tiếp từ 04 nguyên nhân đầu đầu không phải là “những cảm-giác được tạo ra bởi nghiệp”, cho dù nghiệp có thể có chức năng là nguyên nhân nằm bên dưới sự bệnh tật... vốn là những tình trạng trực tiếp gây ra những cảm-giác đau đớn. Theo Vi Diệu Pháp (*Abhidhamma*), tất cả mọi cảm-giác đau khổ thuộc thân đều là quả của nghiệp (*kamma-vipāka*), nhưng điều đó không nhất thiết chỉ được tạo bởi (duy nhất) nghiệp; nghiệp thường hoạt động thông qua những mạng lưới nhân-quả hữu hình hơn để tạo ra quả của nó.

- **Spk** nói bài kinh này được nói từ góc nhìn của quy ước thế gian (*lokavohāra*), dựa vào đó **Spk-pt** đã luận giải rằng: “Bởi nó được chung quy chấp nhận trong thế gian rằng những cảm-giác khởi sinh từ túi mật, đờm ... Cứ cho rằng, những cảm-giác thuộc thân thực sự được tạo ra bởi nghiệp, nhưng quy ước thế gian này thì được rút kết theo cách của tình trạng hiện tại (*paccuppannapaccaya-vasena*). Khi chấp nhận điều như vậy thì thuyết “duy nghiệp” của họ bị bác bỏ.” (?)].] (253)

231 [Các *căn* này được nói rõ trong các kinh **SN 48:31–40**, (nguyên NHÓM 4 của *Chương 48*).] (254)

232 [Coi kinh **MN III, 216-217**: mỗi loại nhân *sáu đối-tượng giác quan* bên ngoài (hình sắc, âm thanh...) thành mười tám loại khác.] (255)

233 [Coi kinh **MN III, 217-219**: mỗi loại nhân *sáu đối-tượng giác quan* bên

ngoài.] (256)

234 [Trong phiên bản **Ee**, kinh này được coi là phần tiếp tục của kinh kể trên. Tôi làm theo **Be** và **Se**, coi đây là một kinh riêng.] (257)

235 [Trong **Ee** thì bài kinh ngắn của này được tính như đoạn mở đầu cho kinh sau, nhưng trong **Be** và **Se** nó được tính là một kinh riêng, và tôi làm theo như vậy.] (259)

236 [*Nirāmisā nirāmisatarā pīti*. **Spk** giải nghĩa: còn tâm linh hơn niềm hoan-hỷ tâm linh của các tầng thiên định. (tức là, niềm hoan-hỷ từ sự giải-thoát là siêu tâm linh hơn cả niềm hoan hỷ trong các tầng thiên định).] (260)

237 [Sau khi đã gọi sự hoan-hỷ ... của những tầng thiên định là sự hoan-hỷ thuộc về tâm-linh (nghĩa gốc *phi thể-xác*) ... có vẻ mâu thuẫn khi lời kinh nói sự giải-thoát sắc-giới là thuộc thể xác. **Spk** giải thích rằng sự giải-thoát sắc-giới được gọi là thuộc thể-xác bởi vì đối-tượng của nó là sắc thuộc thân xác (*rūpāmisavasen’ eva sāmiso nāma*).] (261)

238 [(i) Đoạn mở đầu này (*Lúc đó ... như vậy?*), **Be** đã đưa vào bài kinh **37:05** này và coi như các kinh **37:05–24** chỉ được nói cho *Anuruddha*. Tôi cũng làm theo **Be**. (ii) Còn **Ee** thì để đoạn này trước cả hai kinh đầu tiên của hai loạt kinh [Mảng Tối] và [Mảng Sáng]. (iii) Nhưng trong **Se** lại khác hơn: chỉ hai kinh đầu tiên của hai loạt kinh đó là được nói cho *Anuruddha*, và các kinh còn lại đều nói cho “các Tỳ kheo”; trong đó **Se** cũng lặp lại hai kinh đầu tiên đó và đổi thành được nói cho “các Tỳ kheo”, vì lý do này nên **Se** tăng thêm 2 số kinh trong **NHÓM 1** này. Và trong **Se** các kinh trong hai loạt kinh này cũng thiếu chữ “*yebhuyyena*” (*hầu như, hầu hết, phần nhiều*) vốn có trong bốn bài kinh trước (*hầu như bị tái sinh*).]

- Ngài Anuruddha (A-nậu-lâu-đà) là đệ nhất về ‘thiên nhãn thông’ có thể nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của những chúng sinh; và dường như thầy ấy cũng hay gặp phải những phụ nữ, cả trong cõi trần và cõi trời; coi kinh **SN 9:06**.] (263)

239 [‘*Người đối nghịch*’ (*asapattī*) ở đây là chỉ những vợ thứ, vợ lẽ, thê thiếp mà chồng có thể cưới thêm.] (269)

240 [**Spk**: người này thực ra là cháu ruột của Ngài Xá-lợi-phất, tên ông có nghĩa: ‘người ăn táo hồng’] (270)

241 [Chữ “*sugata*” (bậc khéo đi, thiện thế, [TKBĐ] bậc phúc lành) thường là chữ biểu tượng cho Đức Phật, nhưng ở đây, ở dạng số nhiều, thì nó dùng để chỉ tất cả những bậc A-la-hán.] (272)

242 [*Người đạt tới sự yên-ủi (assāsapatta)*. Câu trả lời kinh này là công thức tiêu chuẩn đối với bậc học-nhân (*sekha*). Kinh kế tiếp, *người đạt tới sự yên-ủi tối thượng (paramassāsapatta)* là chỉ bậc vô-học nhân (*asekha*), tức A-la-hán.] (273)

243 [Ba loại khổ được giải thích trong **Vism 499,14–21 (Ppn 16:34-35)**.] (274)

244 [**Spk** dẫn lời nguyên lời một câu trong kinh **MN II, 96** để giải thích câu cuối: (nếu tu tập đúng theo Giáo Pháp thì khi) “*được chỉ dạy buổi tối, sáng mai sẽ chứng ngộ sự khác-biệt [tức giác ngộ]*; *được chỉ dạy buổi sáng, buổi tối sẽ chứng ngộ sự khác-biệt.*” (*Sự khác-biệt* được dùng trong các bộ kinh có nghĩa là *sự tiến-bộ so với trước đó, sự tu-tiến, sự chứng-ngộ cao hơn trước đó, cấp-bậc chứng ngộ*).] (275)

245 [Chín bài kinh đầu tiên của Chương này kể lại những trải-nghiệm của thầy Mục-kiền-liên trong sự phấn-đầu thiền tập trong suốt tuần đầu tiên ngay sau khi thầy được thụ giáo thành Tỷ kheo. Những những câu chuyện khác về sự tu hành của vị thánh tăng này, mời đọc thêm quyển “*Mục-kiền-liên: Bậc Thầy Thần Thông*” của học giả Hecker, và quyển “*Những Vị Đại Đệ Tử của Đức Phật*” được biên soạn bởi của nhà sư trưởng lão Nyanaponika và Hecker.] (276)

246 [Nguyên văn câu cuối này: *Kāmasahagatā saññā manasikārā samudācaranti*. **Spk** giải nghĩa là: còn bị dính bởi năm chướng-ngại.] (277)

247 [*Mahābhiññatam patto*: đạt tới sự lớn lao của trí-biết trực tiếp (đại diệu trí), nghĩa là Mục-kiền-liên là siêu xuất về những năng-lực siêu thường (thần thông, *iddhividha*); mời coi thêm các kinh **SN 51:14, 51:31**.] (278)

248 [So sánh kinh **SN 21:01**, trong đó trải nghiệm tầng thiền định thứ hai cũng được diễn tả bằng chữ “*sự im-lặng thánh-thiện*” (*ariya tuṇhibhāva*), một thuật ngữ tiêu chuẩn để diễn tả tầng thiền định thứ hai này.] (279)

249 [*Animitta cetosamādhi*: *sự/trạng thái định-tâm vô dấu hiệu* hay *định vô tướng*. **Spk**: là chỉ sự *định-tâm minh-sát (vipassanā-samādhi)*, xảy ra khi người thiền đã dẹp bỏ dấu-hiệu vô thường (vô thường tướng) ... vv.

- ‘*Sự định-tâm vô dấu hiệu của tâm*’ đã không được định nghĩa thêm trong các bộ kinh *Nikāya*, nhưng sự đặt vị trí của nó sau tầng chứng đắc vô-sắc thứ tám cho thấy nó là một trạng thái định-tâm (*samādhī*) về mặt định tính là khác với những trạng thái định đạt được trong thiền-định (*samatha*, thiền vắng lặng). Trong các kinh bên dưới có nói về ‘*sự giải-thoát vô dấu hiệu của tâm*’ (*animittā cetovimutti*; ở kinh **41:7**). Trong kinh **43:4** thì ‘*sự định-tâm vô dấu hiệu*’ (*animitta samādhī*) được gọi là *con đường dẫn tới trạng thái vô-vi* (không còn điều-kiện, không còn hữu vi). Để có thêm cách nhìn bao quát về sự thiền vô dấu hiệu (vô tướng), mời coi thêm quyển “*Thiền Định Vô Dấu Hiệu trong Phật giáo Pāli*” của học giả Harvey. Mời đọc thêm các chú thích ở đoạn thứ tám của kinh SN **41:07**, số đầu (312) về ‘*sự giải-thoát vô dấu hiệu của tâm*’, và chú thích trong kinh SN **43:04**, số đầu (368) về ‘*sự định-tâm vô dấu hiệu*’.] (280)

250 [Câu cuối: *Thức của tôi vẫn còn đi kèm bởi những dấu-hiệu (nimittānusāri viññāṇaṃ hoti)*. **Spk**: Điều này xảy ra trong khi trí minh-sát của người tu (Mục-kiền-liên) đang trôi chảy một cách sắc xảo và mạnh mẽ thì người đó lại an trú trong sự định-tâm minh-sát. Giống như, khi một người đang chặt một cái cây bằng rìu bén, nếu người đó đó liên tục kiểm tra lưỡi rìu thì người đó không hoàn thành cái vai trò chặt cây của nó; cũng giống như vậy, vị trưởng lão đã phát triển một sự dính-mắc (*nikanti*: *sự dính, sự dính theo trạng thái vui thích*) đối với minh-sát (thiền quán) và do vậy thầy ấy đã không hoàn thành vai trò (nhập định) của nó. (?)] (281)

251 [Dịch theo **Be** và **Se** ghi là: *asitiyā devatāsahashehi saddhiṃ*. Riêng **Ee** ghi: *asitiyā devatāsatehi saddhiṃ (tám mươi trăm)*.] (282)

252 [Đây là loại ‘*niềm-tin*’ của một thánh đệ tử, tối thiểu là bậc Nhập-lưu, vì đây là một trong bốn yếu-tố phẩm chất của một bậc thánh Nhập-lưu; coi kinh SN **12:41**. Vua trời Đế-thích được thấy là một bậc thánh Nhập-lưu trong kinh DN II, **288**.] (283)

253 (Để dễ nhớ bài kinh dài này, tóm lược đơn giản như vậy:

[I] quy y (Tam Bảo): được tái sinh cõi trời.

[II] có được niềm-tin vào Tam Bảo và có được đức-hạnh mà bậc thánh quý trọng: được tái sinh cõi trời.

[III] quy y (Tam Bảo): được tái sinh cõi trời + hơn những thiên thần khác về 10 mặt.

[III] có được niềm-tin xác thực vào Tam Bảo và có được đức-hạnh mà bậc thánh quý trọng: được tái sinh cõi trời + hơn những thiên thần khác về 10 mặt.)

254 [Về thiên thần *Candana*: coi kinh thi **SN 2:05**; còn bốn thiên thần kia là đang trị vì các thiên thần của bốn cõi dục-giới nằm trên cõi trời Ba Mươi Ba] (284)

255 [Gia chủ Citta được Phật coi là đệ nhất thuyết pháp trong số những đệ tử tại gia nam, coi kinh **AN 1:250**, kinh **SN 17:23**. Về vị gia chủ nổi tiếng và đoán mệnh này, mời coi thêm Chương 10 trong quyển “*Những Vị Đại Đệ tử của Đức Phật*” của nhà sư trưởng lão, trang 365-372. *Mīgāpathaka*, theo chú giải của **Spk**, là ngôi làng hương quả của chính ông (*bhogagāma*), nằm ngay phía sau vùng Rẫy Xoài nói trên.] (285)

256 [Giống ví dụ ở kinh **SN 35:232** ở trên.] (286)

257 [**Spk** nói vị trưởng lão đó biết câu trả lời những vị ấy không phải là bậc thuyết pháp một cách tự tin. Sự giải thích này không mấy thuyết phục, khi chúng ta đọc lời thú nhận của vị trưởng lão ở cuối kinh rằng ‘Câu trả lời không khởi sinh trong tâm thầy ấy lúc đó’.] (288)

258 [Phần kinh thi **Th 120** (*Trưởng Lão Kệ*) được cho là của Ngài Isidatta. Isidatta khi còn tại gia đã nhận được lá thư từ người bạn “chưa biết mặt” là cư sĩ Citta [coi kinh kế tiếp] đề cao về Phật, Pháp, Tăng. Nhờ đó Isidatta đã có niềm-tin vào Tam Bảo và đã xuất gia theo Ngài Đại Ca-chiên-diên, và đã nhanh chóng chứng ngộ A-la-hán với sáu trí-biết trực tiếp.] (289)

259 [Về sự “*đẹp bình bát*” của Tỳ kheo, coi lại chú thích trong kinh **35:133** ở trên, chú thích (135).] (290)

260 [Câu cuối này tôi dịch thành ngữ lùm cụm này một cách tự do theo nghĩa tự nhiên của nó.] (291)

261 [*Brahmajāla Sutta*, (kinh Phạm Võng), tức kinh **DN 1**.] (292)

262 [Các luận giảng **Spk** và **Spk-pt** không giải thích gì về sự bỏ đi ngay của thầy ấy. Có thể thầy ấy nhìn thấy *sự nguy-hại* trong sự ‘lợi, vinh, danh’ (vì được kính phục và chăm sóc gia bởi gia chủ Citta) nên muốn rời đi để sống một cách ẩn danh hoàn toàn. Thầy Mahaka trong kinh kế tiếp cũng bỏ đi như vậy.] (293)

263 [Se và Ee ghi là *kuttītaṃ*, Spk (của Se) giải nghĩa là *kuthitaṃ*; Be ghi là *kuthitaṃ*, được giải nghĩa là *kudhitaṃ*. SS ghi là *kikitaṃ* hoặc *kikiṭaṃ* được ưu tiên bởi học giả Woodward. Spk gọi chữ này là chữ *chỉ xảy ra 1 lần duy nhất* trong toàn bộ kinh Phật được bảo tồn trong *Tam Tạng (Tipiṭaka) (tepiṭike buddhavacane asambhinnapadaṃ)*, giải nghĩa nó là “*cực kỳ sắc bén*” (*atitikhinaṃ*), bởi do cát nóng dưới chân và nắng nóng trên đầu.] (294)

264 [Đoạn này cũng có ghi trong **Vism 393–394 (Ppn 12:85).**] (295)

265 (Như chú thích ở cuối kinh kể trên).

266 [Coi kinh **Ud 76,26–27**, được nói ra khi đề cập tới A-la-hán *Lakuṇṭaka Bhaddiya*, (coi kinh **SN 21:6**, Quyển 1)). Mọi chữ nghĩa gốc chỉ những bộ phận của một chiếc xa và nghĩa bóng là chỉ một A-la-hán...] (296)

267 [Các đoạn kinh thảo luận giáo lý của kinh này là tương ứng với các đoạn kinh trong **MN** (tương ứng với tên bộ kinh và bản dịch Pali-Anh của TKBD) **MN I 301,17–302,5; MN I 296,11–23; MN I 302,6–27**. Tuy nhiên *câu hỏi và trả lời cuối cùng* không thấy có trong các kinh **MN 43** và **MN 44**. ► (Vì lúc này **MN** đó chưa được dịch Việt nên chưa có số trang bên bản dịch Việt để chỉ ra tương ứng). **Spk** giải thích rằng gia chủ Citta thường an trú trong *sự chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức* (diệt thọ tưởng) [**Spk-pt**: đó là ự an trú của bậc thánh Bất-lai (gia chủ Citta là một bậc Bất-lai)] và do vậy ông mới đặt câu hỏi về *những sự tạo-tác* (các hành) vốn là cơ sở cho sự chấm-dứt. Coi thêm chú thích số đuôi (299) ngay bên dưới.] (297)

268 [03 chữ trong tiếng Pāli—*kāyasaṅkhāra, vacīsaṅkhāra, cittasaṅkhāra*—là giống hệt những chữ tạo nên yếu-tố *sự-tạo-tác (saṅkhāra)* trong chuỗi *khởi-sinh tùy thuộc* (như trong kinh **12:02 (Quyển 2)**, coi chú thích số (7) trong đó), nhưng trong ngữ cảnh kinh này thì ý nghĩa của chúng là khác, như sự giảng giải dưới đây sẽ cho thấy. Ở đây, trong chữ ghép *kāya-saṅkhāra*: cái được tạo thành hay tạo ra (*saṅkharīyati*) tùy thuộc vào thân hoặc tâm. Trong trường hợp *vacīsaṅkhāra* thì nghĩa là chủ động: cái tạo ra (*saṅkharoti*) lời-nói.] (298)

- (Nói cách khác: Ba loại hành này không nên bị nhầm lẫn với ba loại hành được nói đến trong kinh **SN 12:03**. Bộ 03-hành trong kinh đó được nói ra khi giảng giải về ‘*sự khởi sinh tùy thuộc*’ (trong đó *những sự tạo-tác* hay *hành* là một yếu tố nhân duyên); còn bộ 03-hành trong kinh này được nói liên quan tới trạng thái *chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác* (diệt thọ tưởng). Mời quý vị đọc lại lời kinh đoạn (11) của kinh **SN 12:03** và chú thích của nó, chú thích số đuôi

(7.)

269 [Câu hỏi này nói về trạng thái định *chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức*, hay *diệt thọ tướng định* (*saññāvedayitanirodha*), cũng thường được gọi là trạng thái *diệt-định* (*nirodhasamāpatti*): chứng đắc sự chấm-dứt, là một trạng thái trong đó tâm và mọi chức năng thuộc tâm đều ngừng diệt. Trạng thái này được nói là chỉ có thể đạt tới bởi những bậc A-la-hán và Bất-lai, những bậc đã làm chủ được tầng thiền định. Để đọc thêm chi tiết, mời coi **Vism 702–9 (Ppn 23:16–52)**. **Spk** cho rằng gia chủ Citta hỏi như vậy để coi vị Tỷ kheo đó đã quen thuộc với sự chứng đắc đó chưa.] (299)

270 [**Spk**: điều này có nghĩa là trước khi chứng đắc sự chấm-dứt (diệt) người tu đã phân định thời gian chứng-đắc là bao lâu, quyết định trước rằng: “*Ta sẽ không-còn tâm (acittaka) trong khoảng thời gian như vậy.* (*acittaka*: không còn khỏi tâm, trạng thái không có tâm này tâm nọ nữa).] (300)

271 [*Sự tạo-tác lời-nói* (ý-nghĩ và sự soi-xét) chấm dứt trong tầng thiền định thứ hai; *sự tạo-tác của thân* (sự thở vô thở ra) chấm dứt trong tầng thiền định thứ tư; *sự tạo-tác của tâm* (nhận-thức và cảm-giác) chấm dứt khi chứng nhập và trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tướng, diệt định).] (301)

272 [**Spk**: trước khi chứng nhập trạng thái diệt thọ tướng, vào lúc ấn định thời gian nhập định, người tu nhất quyết rằng: “*Ta sẽ vô tâm trong khoảng thời gian (nhập định) đó và sau đó ta sẽ trở lại có chú-tâm (niệm).*”] (303)

273 [**Spk**: Sau khi người thiền thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt (diệt định) đó, tâm chứng quả khởi sinh trước. Do chiếu theo sự nhận-thức và cảm-giác liên quan với tâm đó nên mới nói “*sự tạo-tác của tâm khởi sinh trước*”. Sau đó, vào lúc *bhavaṅga* (phần cơ-sở để hiện-hữu (hữu phần) = vô thức, tiềm thức), sự tạo-tác của thân [sự thở] khởi sinh, và rồi sau đó, vào lúc hoạt động (của thân) bình thường trở lại, sự tạo-tác lời-nói khởi sinh trở lại, được gọi là ý-nghĩ (tâm) và sự suy-xét (tứ) có thể làm phát sinh lời-nói trở lại.] (304)

274 [Ba sự tiếp-xúc đó lần lượt là: *suññataphassa, animittaphassa, appanīhitaphassa*. **Spk**: These can be explained by way of their own quality (*saguna*) or by way of their object (*ārammaṇa*). (a) *Theo cách tính-chất của nó*: sự chứng quả (*phalāsamāpatti*) được gọi là trống không, và sự tiếp-xúc đi kèm được gọi là sự tiếp-xúc trống không; tương tự cách giải thích cho hai chữ còn lại. (b) *Theo cách đối-tượng*: Niết-bàn được gọi là trống không bởi nó trống

vắng tham, sân, si; được gọi là vô dấu-hiệu (vô tướng) bởi không có những dấu-hiệu của tham, sân, si; và vô định-hướng bởi nó không còn bị định hướng tới tham, sân, si. Sự tiếp-xúc của sự chứng quả đã khởi sinh, (sự chứng quả) lấy sự trống không-Niết-bàn làm đối-tượng, thì được gọi là sự tiếp-xúc trống không; phương pháp tương tự đối với hai chữ còn lại.

Sự chứng quả là sự chứng đắc thiên định đặc biệt trong đó tâm trực-tiếp trải nghiệm niềm chân phúc của Niết-bàn. Nó được nói là có 04 mức độ, tương ứng với 04 mức độ giác-ngộ = (sự chứng quả Nhập-lưu ... vv). Coi **Vism 698–702 (Ppn 23:3–15)]** (305)

275 [Spk: chính Niết-bàn được gọi là sự tách-ly (*viveka*). Tâm người đó nghiêng về, đổ về, ngã về Niết-bàn.] (306)

276 [Sự chám-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tướng) được chứng đắc bằng tiến trình chứng đắc các tầng thiền sắc-giới (jhana) trước, rồi tới các tầng chứng đắc vô-sắc giới, rồi sau đó thiền quán để minh-sát ba đặc tính ‘vô thường, khô, vô ngã.’ Các bước tu đã được giải thích trong **Vism 705-707.**] (307)

277 [Kinh thi **Th 659-672** là của/nói về thầy Godatta; lời kinh đàm đạo tiếp theo cũng có trong **MN I, 297-298** trong đó thầy Xá-lợi-phất và Đại Ca-chiên-diên là hai người đối thoại.] (308)

278 [Spk nói: có 12 sự giải-thoát loại này, đó gồm: bốn cảnh giới cõi trời (bốn phạm trú), và bốn thánh đạo và bốn thánh quả.] (309)

279 [Spk nói: có 09 sự giải-thoát loại này, đó gồm: cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ), và bốn thánh đạo và bốn thánh quả.] (310)

280 [Spk không chú giải gì chỗ này; nhưng dường như cách diễn tả “*sự giải-thoát nhờ sự trống-không hay tính-không*” (*suññatā cetovimutti*) thường được dùng để chỉ sự định-tâm dựa trên minh-sát (thiền quán) nhìn thấu bản chất vô-ngã của những hiện-tượng và cũng chỉ các thánh đạo và thánh quả siêu thế.] (311)

281 [Spk nói: có 13 sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm (*animitta cetovimutti*), gồm: *tuệ minh-sát* (bởi nó loại bỏ những ‘dấu hiệu’ của thường-hằng, sừng, và cái ‘ta’ (thường, lạc, ngã); *bốn tầng định vô-sắc giới* (bởi trong đó không còn dấu-hiệu của sắc-giới); và *bốn thánh đạo và bốn thánh quả* (bởi những ô-nhiễm, là những ‘cái tạo-nên’ những dấu-hiệu, không còn có trong đó).] (312)

282 [Theo cách diễn dịch này, *sự giải-thoát vô lượng của tâm* là bốn cõi trời (bốn phạm trú, tứ vô lượng tâm); *sự giải-thoát của tâm nhờ sự không-có-gì* là tầng chứng đắc vô sắc giới thứ ba (vô sở hữu xứ); và *sự giải-thoát của tâm nhờ sự trống-không* (tính không) là sự định-tâm dựa trên sự minh-sát vào cái bản chất vô-ngã của mọi hiện-tượng. *Sự giải-thoát vô dấu hiệu của tâm* thì khó chỉ ra hoặc quy theo những tiêu chuẩn giáo lý. **Spk** thì chỉ xếp nó thuộc (thánh quả) siêu thế với Niết-bàn là đối tượng của nó.] (313)

283 [**Spk**: ‘bậc nhất, tốt nhất’ ở đây là do có luôn thánh quả A-la-hán] (314)

284 [**Spk** nói: bởi những ô-nhiễm đó đánh dấu một người là tham, hay sân, hay si. Có lẽ câu này có nghĩa: tham là nhân của ‘dấu hiệu đẹp’ (tướng đẹp), sân là nhân của ‘dấu hiệu xấu’ (tướng xấu), còn si là nhân của những ‘dấu-hiệu’ của thường, lạc, ngã.] (316)

285 [Mặc dù trong phương-pháp thứ hai này gia chủ Citta đã không nói về ‘*sự giải-thoát trống-không của tâm*’ như một trạng thái riêng (thứ 3-), nhưng trạng thái đã hàm ý được nói ra trong tất cả nhưng sự giải-thoát kia là: “*trống không tham, trống không sân, trống không si*”, (vì bản thân ‘*sự giải-thoát trống-không của tâm*’ đã cho thấy sự trống-không của nó rồi).] (317)

286 [Nīgaṇṭha Nātaputta chính là ông Mahāvīra (Đại Thiên), ông tổ sáng lập của đạo Jain (nên còn được gọi là giáo phái Ni-kiền-tử). Mặc dù ông có xuất hiện vài lần trong Tam Tạng Pāli (đặc biệt coi kinh **MN 56**, nhưng không thấy chỗ nào có ghi là ông ta có gặp Phật lần nào. Những đệ tử của ông được gọi là những *nigaṇṭha* (ni-kiền-tử), nghĩa là: những “*người không búi tóc*”.)] (318)

287 [**Spk**: vì sao gia chủ Citta phải tới gặp ông khổ sĩ trần truồng đó? Vì muốn xóa bỏ ý nghĩ của những người Ni-kiền-tử cho rằng những người theo đạo Phật không thân thiện với mọi người. Ngoài ra ông cũng muốn đến để chỉ ra những điều không đúng trong giáo lý của ông Ni-kiền-tử.] (319)

288 [Câu này có thể có nghĩa là: (a) ‘Hãy trả lời lại cho tôi trước mặt các môn đệ của ngài’, hoặc ‘Ngài cùng các môn đệ của ngài có thể trả lời hoặc bác bỏ tôi’.] (323)

289 [Chỗ này tôi dịch theo **Ee** ghi là *pañhe apucchitvā*. Cả **Be** và **Se** đều ghi là *pañhe āpucchitvā*, trông có vẻ trực trặc, vì động từ sau thường có nghĩa là “*rời đi, đi khỏi*” và nó khó thể được dùng với nghĩa liên quan tới sự “*đặt những câu hỏi*”. Ở đây có lẽ ông Ni-kiền-tử đã làm ngơ không chấp nhận lời thách hỏi của

gia chủ Citta, nên gia chủ Citta đã đứng dậy ra về chứ không thật sự đặt ra mười câu hỏi đó.] (324)

290 [Ở đây đọc theo **Be** và **Se** là: *koci uttari manussadhammā alamariyaññadassanaviseso*. **Ee** nên sửa lại như vậy cho đúng. Lời diễn đạt này thường có trong các kinh như một thuật ngữ tiêu chuẩn để chỉ tất cả những tầng chứng đắc thiên-định và những giai đoạn chứng ngộ ... **Spk** giải thích chữ *manussadhamma* là “điều bình thường của con người” chính là 10 đường nghiệp thiện. Và những điều vượt cao hơn đó (*tato manussadhammato uttari*) là những điều “siêu nhân”. *Alamariyaññadassanavisesa* được giải thích là “sự khác-biệt của trí-biết và tầm-nhìn có khả năng tạo nên trạng thái của một thánh nhân.”] (325)

291 [TKBĐ: không hiểu chỗ này gia chủ Citta nói lời đề cao Giáo Pháp hay chỉ mượn câu này để pha một ý nghĩa ngậm ngùi đối với người bạn cũ khác đạo?] (327)

292 [TKBĐ: như vậy có nghĩa là gia chủ Citta đã là một bậc thánh Bất-lai, người đã xóa bỏ năm gông-cùm đầu tiên trói buộc chúng sinh trong cảnh dục-giới.] (329)

293 [**Spk**: chữ ‘*Caṇḍa*’: nghĩa là hung dữ, bạo tàn; tên này do những người kết tập kinh đặt ra.] (332)

294 [Tên ông có nghĩa là: ‘cái hộp cây bó da’ bởi da mặt ông có màu trái của cây này khi nó chín rụng xuống đất. Ông là kịch sĩ nổi tiếng khắp Ấn Độ. Lời kinh thi **Th 1091-1145** về sự đề cao lương tâm là của ông.] (334)

295 [**Spk**: thực ra không có riêng một địa ngục nào tên đó; đó là một chỗ trong đại địa ngục A-tỳ ở đó các cư dân bị tra tấn trong các trang phục hóa trang của những diễn viên, kịch sĩ...] (337)

296 [Coi kinh **MN I** trang **387–89**, một phần trong đó là song hành với đoạn kinh này, mặc dù trong đó nói về một loại quan điểm khác nhau về sự tái sinh.] (338)

297 [**Spk**: tên của ông có nghĩa ‘người kiếm sống bằng nghề chiến tranh’; tên này do những người kết tập kinh đặt ra; TKBĐ chọn dịch là ‘người giết thuê’ hay ‘lính đánh thuê chuyên nghiệp’ cho hợp với nghĩa phổ thông.] (339)

298 [Spk: thực ra không có riêng một địa ngục nào tên đó; đó là một chỗ trong đại địa ngục A-tỳ ở đó các cư dân trong hình dạng lính chiến bị giết chết.] (341)

299 [Spk: chữ “tâm-từ” [nghĩa đơn giản] ở đây có thể được diễn dịch là trạng thái cận-định hay tầng thiền định, nhưng khi nó được phẩm định như “*sự giải-thoát của tâm*” (*cetovimutti*) thì nhất định có nghĩa là tầng thiền định.

- “*Nghiệp giới hạn*” (*pamāṇakatam kammaṃ*) nghĩa là nghiệp dục-giới; còn nghiệp sắc-giới là *NGHIỆP KHÔNG GIỚI HẠN* [vô lượng, *appamāṇakatam kammaṃ*]; nó được gọi là nghiệp không giới hạn hay vô lượng bởi nó vượt trên giới hạn (dục giới), bởi nó được tu tập bằng một sự bao trùm thắm đẫm... [coi thêm **Vism 309–11**; **Ppn 9:49–58**].

- “*không còn nữa, không còn có nữa*” (*na tam tatrāvasissati, na tam ta-trāvatitṭhati*). Spk: tức nghiệp dục-giới không còn dính, không còn có mặt trong cõi sắc-giới và vô-sắc giới. Nghiệp dục-giới thì không thể lấn át nghiệp sắc-giới và nghiệp vô-sắc giới; ngược lại, như dòng lũ lớn áp đảo một dòng suối nhỏ, nghiệp sắc-giới và nghiệp vô-sắc giới áp đảo nghiệp dục-giới. Nghiệp siêu xuất hơn, sau khi đã ngăn chặn nghiệp dục-giới tạo nghiệp quả của nó, thì hướng tới tái sinh vào cảnh giới cõi trời (phạm trú).] (346)

300 [Giới luật cấm các Tỷ kheo nhận vàng bạc cúng dường; đó là điều luật *Nissaggiya-pācittiya 18*; coi thêm **Vin III 236–39** và **Vin I 245,2–7**. Bài kinh này được ghi trong **Vin II 296–97** là tuyên ngôn cấm các Tỷ kheo nhận vàng bạc. Theo như Luật Tạng **Vin III 238**, “bạc” (hay tiền bạc) ở đây theo nghĩa rộng gồm những đồng tiền được làm từ bạc, đồng, gỗ, hay hồ phách, hay bất cứ thứ gì có chức năng như tiền, được làm phương tiện trao đổi mua bán.] (350)

301 [Đoạn này có những câu Đức Phật đã nói trong bài thuyết giảng đầu tiên, tức kinh *Chuyển Pháp Luân*, **SN 56:11**.] (354)

302 (Trong kinh này (và kinh kế tiếp), người dịch Việt đã đổi cách đánh số (i)-(x) giữa trang của TKBĐ thành những số (1)-(10) để người đọc dễ nhìn ra bố cục của bài kinh, và dễ dàng đọc kinh này đối chiếu với kinh tương đương là **AN 10:91**.)

303 (Các chi (a), (b), (c), (d) do người dịch Việt đặt ra và ghi tóm lược lại để người đọc dễ nhìn và khỏi lặp lại nhiều lần những ‘căn cứ’, nhưng vẫn giữ đúng ý nghĩa của lời kinh.)

304 [*‘Một trạng thái thiện lành’*: chỉ thành tựu về đức-hạnh hay trạng thái thiện lành thông thường của tâm; *‘sự khác-biệt siêu nhân về của trí-biết và tâm-nhìn’*: là chỉ những sự chứng-đắc các tầng thiên định sắc giới, các tầng thiên vô sắc giới, những trí-biết trực tiếp, thánh đạo và thánh quả. Coi thêm chú thích thứ nhất trong kinh **SN 41:09** ở trên, chú thích số đuôi (325).] (356)

305 [*“Ba loại phai mòn”*: *Tisso sandiṭṭhikā nijjarā*. Chữ “*nijjarā*” (nghĩa: mòn đi, phai mòn đi, voi đi) là một thuật ngữ của giáo phái Jain (Ni-kiền-tử) đã được Đức Phật ứng dụng để nói với ông trưởng thôn này. Những người theo phái Jain cho rằng những tu sĩ tu tập có nghĩa là làm “phai mòn đi” tất cả sự khổ (*sabbam dukkham nijjinam bhavissati*); coi thêm quan điểm của họ trong kinh **MN I 93,2–11** và **MN II 214,7–13**, và Đức Phật cũng đã ứng dụng nói về sự “*phai mòn*” theo một cách khác trong kinh **MN II 223–25**. Ba loại “*sự phai mòn*” này (*sandiṭṭhikā nijjarā*) cũng được tả trong kinh **AN 3:74** (như: giới hạnh, các tầng thiên định, sự tiêu diệt các ô-nhiễm), và 20 “*sự phai mòn*” (*nijjarā*) cũng được nói trong kinh **MN III 76,12–77,23**.

- **Spk**: một con đường đạo được miêu tả như *ba sự phai-mòn* vì do có sự phai mòn đi của ba loại ô-nhiễm (tham, sân, si).] (357)

306 [Coi kinh **SN 24:5** (Quyển 3); chú thích ở câu đầu của nó.] (361)

307 [Coi kinh **SN 24:5** (Quyển 3); chú thích ở câu đầu của nó.] (362)

308 [**Spk** đưa ra 03 cách diễn dịch luân phiên cho chữ *dhamma-samādhī* (sự định-tâm của Giáo Pháp) và chữ *citta-samādhī* (sự định-tâm của tâm) như vậy: (i) *dhamma-samādhī* là *dhamma* (giáo pháp) của 10 đường nghiệp thiện; còn *citta-samādhī* là 04 thánh đạo đi kèm minh-sát; (ii) 05 *dhammā* [năm pháp, năm trạng thái]—đó là: sự hoan-hỷ, sự khoan-khoái, sự tĩnh-lặng, sự hạnh-phúc, và sự định-tâm—được gọi là *dhamma-samādhī*; còn *citta-samādhī* vẫn là 04 thánh đạo đi kèm với minh-sát; (iii) *dhamma-samādhī* là/gồm 10 đường nghiệp thiện và 04 sự an trú cõi trời (4 phạm trú); còn trạng thái nhất-điểm của tâm (sự hội tụ nhất-điểm, tâm nhất-điểm, sự hợp-nhất của tâm) khởi sinh (đạt được) đối với người đã hoàn thiện *dhamma-samādhī* nói trên thì được gọi là *citta-samādhī* (sự định-tâm của tâm). (?)] (263)

309 [*Kāyagatā sati*: ‘*sự chánh niệm hướng vào thân*’ hay ‘*chánh niệm về thân*’. Nghĩa kinh này là tương đồng với tất cả phương pháp tu tập được ghi trong PHẦN “*Quán niệm về Thân*” (*Kāyānupassanā*) của bài kinh *Các Nền Tảng Chánh Niệm* (*Satipaṭṭhāna Sutta*, kinh *Niệm Xứ*) [tức kinh **DN 22**, **MN 10**]. Và

tất cả phần ‘quán niệm về thân’ này cũng được tách ra thành một bài kinh riêng, đó là kinh “*Chánh Niệm về Thân*” (*Kāyagatāsati Sutta*) [tức kinh **MN 119**]. Các giảng luận thường gọi tóm gọn là ‘*Thiền quán về 32 bộ phận của thân*’, như trong **Vism 240 [Ppn 8:44]**.] (366)

310 [*Sự/trạng thái định trống không (suññata samādhi); sự định-tâm vô dấu hiệu (animitta samādhi); sự định không định hướng (appaṇihita samādhi)*. **Spk** không giải thích về các chữ này. Ba chữ này có ghi trong kinh **DN III 219,21–22**, nhưng cũng không có chú giải gì; nhưng **Sv III 1003–4** thì luận giảng chúng như vậy: “Người tu, ở giai đoạn thiền quán thâm cao, quán xét mọi thứ là vô-ngã, thì đạt ‘*định trống-không*’ (tính không) khi đạt tới thánh đạo và thánh quả [bởi người đó đã nhìn thấy mọi thứ đều không có ngã nào]; người tu quán xét mọi thứ là vô thường thì đạt ‘*định không vô dấu-hiệu*’ [bởi người đó đã nhìn thấy thông qua ‘*dấu hiệu của vô thường*’]; còn người tu quán xét mọi thứ đều là khổ thì đạt ‘*định vô định-hướng*’ [bởi người đó không còn hướng tới hay dựa vào những thứ đã được nhìn thấy là khổ đau]. Coi thêm phần thảo luận về “*ba cửa đi tới giải thoát*” trong **Vism 657–59 (Ppn 21:66–73)**. Về ‘*sự định-tâm không dấu-hiệu*’ (*animitta cetosamādhi*), coi thêm kinh **SN 40:09** ở trên.] (368)

311 [Kinh này và 06 kinh tiếp theo [từ **SN 43:05-11**] lần lượt nói ra “*37 phần trợ giúp giác ngộ*” (37 bồ-đề phần). Và tất cả *37 phần trợ đạo* này cũng được lặp lại trong kinh **SN 43:12** (từ đoạn [9] cho đến hết [39-45] luôn). Nhiều sự giải thích chi tiết được nói trong phần Giới Thiệu Quyển 5 (của TKBD) và trong những chú thích của các kinh **SN 45:51**.] (369)

312 [Ngay chỗ này tôi làm theo cách đánh số kinh của phiên bản **Ee**. Mặc dù học giả Woodward đã nói “các phần đã bị đánh số sai trong lời kinh” (**KS 4:261**, chú thích số 1), nhưng thực ra cách đánh số như vậy là đúng, và cách của ông là bị sai.

- (►) Đối với kinh này tôi ưu tiên chọn theo cách ghi của **Be** là chữ *anataṃ* và nó được **Spk** (của **Be**) giải nghĩa là: *taṇhānatiyā abhāvena anataṃ (không còn ngã hướng (tùy hướng) do trống vắng khuynh-hướng thông qua dục-vọng)*. Chữ này có vẻ nguyên gốc hơn cách ghi của **Se** và **Ee** là *antaṃ (sự chấm dứt, kết thúc)* mà **Spk** (của **Se**) giải nghĩa là: *taṇhāratiyā abhāvena antaṃ (sự chấm-dứt do trống vắng sự khoái-lạc thông qua dục-vọng)*.] (370)

313 [*Sự không còn tăng-phóng: nippapañcaṃ*. **Spk** giải thích: nhờ sự trống vắng sự tăngphóng (phóng tâm) bởi dục-vọng, sự tự-ta (ngã mạn), và những quan-

điểm này nọ (tà kiến).] (371)

314 [Trong kinh **AN 1:236** ni được tuyên bố là Tỳ kheo ni đệ nhất về đại-trí (*etadaggaṃ mahā-paññānaṃ*), và trong kinh **SN 17:24** ni được mô tả là một mẫu-mực cho các Tỳ kheo ni noi theo. Về chi tiết tiểu sử, coi thêm quyển “*Những Nữ Đại Đệ Tử của Đức Phật*” của Hecker; quyển “*Những Đại Đệ Tử của Đức Phật*” của Nyanaponika và Hecker, trang 266-276. Coi thêm quyển “*Luận giảng về Trưởng Lão Ni Kệ*” của Pruitt, trang 164-174.] (373)

315 [Lời kinh về những câu hỏi này giống trong các kinh **SN 16:12, 24:15–18, 33:1–55.**] (374)

316 [Câu trả lời ở đây cũng giống y những câu trả lời của Phật nói cho du sĩ Vacchagotta trong kinh **MN I 487–488**, tức kinh **MN 72.**] (375)

317 (Trong các kinh **44:03–06**, các tên (Câu-hy-la) và (Xá-lợi-phát) trong ngoặc là do người dịch Việt đưa vô trong các câu đối thoại để người đọc khỏi lẫn lộn người hỏi và người trả lời. Kinh gốc thì chỉ dùng chữ ‘*đạo hữu*’ qua lại nên người đọc rất dễ bị nhầm lẫn về ai hỏi và ai trả lời).

318 [*Rūpagatam etaṃ. Spk* giải nghĩa: (thì) đây chỉ thuần là thân-sắc. Thầy ấy muốn chỉ ra rằng: “Không có chúng sinh nào được tìm thấy ở đây ngoài thân-sắc, nhưng khi có thân-sắc là chỉ có cái tên như vậy thôi”. **Spk-pt** nói: Cái gì đang bị từ chối ở đây? Đó là cái ‘ta’ (ngã) mà những nhà tư duy ngoài đạo đã đưa vào và gán ở đây là “Nhu Lai” (nhưng Như Lai không phải là thân-sắc hay uẩn nào hay năm-uẩn).] (378)

319 [Về cách diễn đạt về bậc A-la-hán là “*không còn vòng luân-hồi nào để mô tả về họ nữa*”: mời coi lại chú thích trong đoạn (1), (b) của kinh **SN 22:56** (Quyển 3).] (379)

320 [**Spk** explains *kutūhalasālā* (nghĩa gốc là “hội trường huyền não, hỗn loạn”). Nó được gọi tên là huyền não vì ở đó xảy ra tình trạng như vậy khi những tu sĩ và bà-la-môn thuộc những giáo phái khác tranh cãi về những đề tài khác nhau.

Những vị thầy (đạo sư) được nói ra bên dưới là 06 vị thầy dị giáo rất nổi tiếng, họ là những người chống đối của Phật Cồ-đàm (coi chú thích số đuôi (200) trong *SN Quyển 1*). Ở đây có một điều lạ là sự phán-đoán về nơi tái sinh cũng được gán cho đạo sư Ajita (A-tư-đà), vì trong những kinh khác chúng ta thấy

ông này dạy về thuyết duy-vật và từ chối có kiếp-sau. Ngay cả đạo sư Sañjaya cũng được cho là rất ngờ vực về những vấn đề này.] (380)

321 [*“Vi trong lúc đó dục-vọng là nhiên liệu của nó” (tamahaṃ tañhūpādānaṃ vadāmi)*. Lời tuyên bố này của Phật trông có vẻ như có ‘một thời-đoạn tạm thời’ nằm giữa lúc-chết và lúc tái/thụ sinh (như kiểu giai đoạn trung-chuyển hay ‘trung-âm’ như được nói trong các truyền thống Phật giáo khác). Nhưng chính do điều này thì mâu thuẫn với triết lý chính thống của Phật giáo Nguyên thủy [Trưởng Lão Bộ, *Theravāda*], nên **Spk** cho rằng: chính ngay ‘lúc-chết’ chúng sinh được cho là ‘chưa được tái sinh’, đơn giản bởi vì thức tái sinh vẫn chưa khởi sinh vào lúc đó.] (382)

322 [Tôi đọc theo **Be** và **Se** là *ñāṇassa uppādāya*; khác với **Ee** ghi là *ñāṇassa upādāya*. **Spk** giải nghĩa: “Theo như trí-biết của minh-sát khởi sinh như vậy ‘Tất cả mọi hiện-tượng đều là vô ngã’ thì nếu nói vậy phần ta làm sao nhất quán với (trí-biết đó?)”.] (384)

323 [Trước giờ Phật đã tuyên bố “Tất cả mọi pháp đều vô ngã” (*sabbe dhammā anattā*), có nghĩa là nếu ai cố tìm kiếm một cái ‘ngã’ ở đâu thì người đó sẽ không tìm thấy gì.

- Vị du sĩ đã gặp Phật và các đệ tử để chất vấn nhiều lần về cái ‘ta’ (ngã) và sự hiện-hữu, vì ông ta luôn nghĩ mọi người đều có cái ‘ta’ (như một ‘bản ngã’ hay ‘linh hồn’ thường hằng). Nếu Phật trả lời thẳng là “Không có cái ‘ta’ hay ‘linh hồn’ nào của ta cả” thì ông ta sẽ càng bối rối và buồn sầu. Và trong kinh khác chúng ta sẽ thấy sau này ông Vaccha quay lại gặp Phật, và Phật đã thuyết giảng cho ông ta giác ngộ, và sau đó ông cũng trở thành một A-la-hán).] (385)

324 [Nguyên văn cả câu: *Yassa p’ assa āvuso etam ettakena ettakam eva, tam p’ assa bahuṃ*. Tôi dịch câu cảm thán khó hiểu này với sự trợ giúp chú giải của **Spk**.] 386)

(a) Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, sửa lỗi, hiệu đính, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch; email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: 0909503993, hoặc thư viện chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0918735176 (sư cô Quang Kiến); 0908475521 (chú Bính).

(b) Hoặc về kỹ thuật, liên hệ anh Huỳnh Văn Thịnh, email: huynhvanthinh@gmail.com, hoặc điện thoại: 0363316764.